

VƯƠNG - HỒNG - SẼN

HỒI - KÝ
50 NĂM MÊ HÁT

TỦ-SÁCH NAM CHI
CƠ-SỞ XUẤT-BẢN PHẠM-QUANG-KHAI



HỒI-KÝ 50 NĂM MÊ HÁT

hồi-ký của VƯƠNG HỒNG SẼN, do
Cơ-sở PHẠM QUANG KHAI xuất-bản
lần thứ nhất. In tại nhà in riêng của
Cơ-sở PHẠM QUANG KHAI, xong
ngày 19 tháng 8 năm 1968. Ngoài
ấn-bản thường có in 50 cuốn đặc-
biệt trên giấy bạch- vân dành riêng
tác - giả và cơ - sở xuất - bản.

VƯƠNG - HỒNG - SÈN

CẢI-LƯƠNG ĐÃ 50 TUỔI

HỒI - KÝ 50 NĂM MÊ HÁT

Tựa của Chuần-Phong

TỦ SÁCH NAM-CHI

CƠ-SỞ XUẤT-BẢN
PHẠM QUANG KHAI
29 Yên Đổ, Sài-gòn
1968

Bài Tựa của Anh Thuần-Phong

Viết đã xong và đóng đã thành tập thiên Hồi-ký 50 năm mê hát, anh Vương-Hồng-Sên trao đến tôi bộ tác-phẩm đặc-biệt nhứt của anh: đặc-biệt, chẳng phải vì tác-phẩm đã viết kỹ, đã đóng tốt, mà đặc-biệt là vì đó là tất cả gan ruột của anh trải qua nửa thế-kỷ say mê thích thú. Tôi vừa rớt qua hai pho sách, tôi vừa trầm trồ khen qui, khen hay, nhưng tôi đột nhiên cất tiếng kêu trời, khi chợt thấy ở đầu tác-phẩm hàng chữ viết sẵn: « Bài tựa của anh Thuần-Phong ».

Anh Vương-Hồng-Sên đã từng gởi tiếng tri-âm của anh trong gió sáng điện khuya từ Mũi Cà-Mau chỉ ít lắm là đến sông Bến-Hải; đã mấy lớp sinh viên văn-khoa, từ Bến-Nghé đến Sông Hương, đã từng hợp lấy say sưa những hứng thú của thi-văn Miền Nam và rất nhiều tạp chí đã dọn đãi cho hàng vạn độc-giả không biết bao nhiêu văn-phẩm của anh. Anh cần gì phải nhờ Thuần-Phong này đề tựa: Thuần-Phong này sức được bao lăm hơi? Uy-tin của anh, ai cũng biết, chắc không chỉ nằm bó rọ trong giới-hạn chữ S của nước Việt-Nam ta. Vậy mà anh muốn có ít chữ của Thuần-Phong trước thiên hồi-ký của anh. Anh muốn gắn thêm hoa, muốn hương thêm sắc, muốn Bá-Nha có Tử-Kỳ? Hoa hương đã có thừa trong sự-nghiệp văn-chương của anh, không khéo ngọn gió gọi là Thuần-Phong, sẽ thổi cho hoa bay hương hả? Hoa chẳng muốn có mặt bạn, thứ bạn đồng bình tương liên?

Tuy không từng cần muối chia hai, nhưng đã cùng khóc cười với dân tộc trải bao cơn đau biển, anh với tôi là hai bạn bị lăm chung một bệnh khác thường : bệnh văn-nghe và bệnh đồ cồ. Bệnh tôi nhẹ, mà bệnh anh nặng. Vì vậy, sau Cách-mạng Mùa Thu, tôi được mạnh lành, còn anh càng thêm trầm trọng. Bao nhiêu sách vở và đồ xira của tôi đều ra tro bụi dưới ngọn lửa « bạo Tần », chia sẻ với số phận của tài-sản toàn dân, trong lúc anh còn nguyên vẹn mấy tủ đồ xira mấy rương sách qui.

Bệnh văn nghe của anh vì vậy mà càng lăm thêm, nên, khi nghe tin cải-lương sắp được làm lễ « kỷ-niệm ngũ tuần », bệnh anh phát xung lên, hành anh khai những bệnh-trạng của anh trải qua năm mươi năm trời : rồi bệnh anh lại khiến một bạn đồng bệnh được nghe trước :

« Đờn Bá-Nha lên dây luống đờn.

« Hỏi bạn Tử-Kỳ ! Tri-âm hỏi có hay ? »

Vậy người bạn đồng bệnh phải hòa đờn phụ âm, mới khỏi phụ lòng hoài-vọng. Gọi là phụ họa, chứ kỳ thiệt « Gió » này chỉ có vên màn sân khấu, đưa hơi đờn và vuốt giọng ca, thồi một cho đứng dậy những « hội ca-cầm », những Năm Phỉ, Tư Sạn, mà Hồi-ký 50 năm mê hát đã chấp-chộ hồi-sanh rồi.

Chúng tôi đã sống được quá nửa trăm năm !

Cải-lương đã chào đời được nửa thế-kỷ ! Cúi đầu dưới búa thâu của những chế-độ đã qua, đến nay tôi còn giậm chơn trong vũng bùn văn-nghe của tôi, trong lúc bạn Vương đã vươn lên, rần vươn lên, cứ vươn lên, trên đường ngược đời của đồ cồ và trên sân-khấu loè-loẹt của cầm ca. Rồi từ chỗ anh vươn lên, anh day mình lại, vệt tấm màn nhung cho bạn đồng bệnh và bạn đồng điệu nhìn lại Năm mươi năm sân-khấu ; chắc ai cũng nóng coi ; chắc ai cũng đòi thưởng thức tức-thì cái duyên thuật chuyện của Vương-Hồng-Sên. Vậy tôi xin trân trọng nép mình.

THUẦN-PHONG

Sài-Gòn, 9-12-1966

Bài tựa của tôi

Năm 1966, tôi đã xin anh Thuần-Phong đề tựa, thì nay tôi còn viết bài tựa nữa làm chi ? Nhưng xin cho tôi mình oan đôi điều :

Tập sách nhỏ này, khi viết bởi không lựa ngày, nên xấu háy tẻ : viết xong từ hôm 4-XII-1966, đến khi muốn xuất bản thì lục đục mãi... Cho đến ngày nay vẫn chưa thành hình. Sách soạn rồi, tôi có việc phải ra Huế. Chớ chi khi ấy, tôi đề nó lại, giao cho một bạn chuyên môn đánh máy giùm thì hay biết mấy. Đáng này tôi không làm như vậy. Tôi làm biếng không muốn tự mình dò xem lại, nên mới ra cớ đổi. Tôi cố nán ở lại Sài-Gòn, để đến ngày 18-12-1966 được nghe nhà học-giả Hồ-Hữu-Tường diễn-thuyết về đề tài « Kỷ niệm 50 năm cải-lương ». Chớ chi tôi đừng đi nghe, chẳng là may cho tôi và may cho cuốn sách. Đến nghe diễn-thuyết nơi trường Quốc-gia Âm-nhạc, tôi gặp y : một cựu sinh-viên trường Đại-học Sư-phạm, nay đã đỗ đạt làm giáo-sư kiêm nghề xuất bản sách. Tự y, y xưng là có học với tôi. Gặp y, cái mới xúi quẩy. Sau buổi diễn-thuyết, y theo tôi về nhà trong Gia-Định, nài lấy cho được tập bản thảo, hứa sẽ cho đánh máy kỹ càng, lãnh bao gồm kiểm duyệt và sẽ rán in cho kịp để bán sớm dể trước xuân Đinh-mùi. « Thầy đề người ta thủ lợi, — lời y nói với tôi, sao cho bằng thầy giao sách cho tôi xuất bản, như vậy tình thầy trò thêm mặn mòi, thầy có cơm, tôi cũng có cháo ». Nghe bùi tai, tôi trao bản thảo cho y. Ngày 19-12-1966, tôi lên đường ra Huế, lại có khoe trước với các bạn sinh viên Đại-học Văn-khoa ngoài ấy rằng hãy chờ ít

ngày sách rao bán, nhớ mua giùm, đó cũng là mớ tài-liệu thuộc môn đang học : văn-chương Miền Nam. Đi Huế về, vẫn không tin tức cuốn sách... Pháo Đỉnh-mìn nổ giòn. Tết qua đã lâu hoắc, nóng lòng tôi đi tìm y. « Thầy về đi, — y nói tỉnh khô, — rán chờ đến ngày 2-3-1967, tôi sẽ đem vô nhà thầy mớ nhăm, độ một phần ba tiền nhuận bút. Sách in đã gần xong, chỉ còn độ hai xấp nữa là rồi. Kẹt vì bị nghỉ Tết và thợ bị bắt đi lính bộn ». Cần thận, y đưa tôi ra cửa, lại có trả cho tôi tập bản thảo kèm thêm một bản đánh máy. Tôi đem về, đêm ấy đem ra đọc, khiến trọn đêm không ngủ được. Độ từng chữ thì, trời ôi, sách đánh máy sai bét hết, trật ráo hết. Văn tôi vốn là văn Miền Nam, nay đổi thành văn giọng Bắc. Mỗi trang mỗi có bốn năm lỗi. Từ cái « chụp chũa » (tôi viết) đổi ra « cái chũm chọe » (bản đánh máy) : Nguyễn Ánh (viết tay) ra Nguyễn Oánh (đánh máy) : Trần-Ngọc-Viện (viết tay) trở nên Trần-nữ-viên,...v.v. và v.v... Nếu cứ theo bản đánh máy này mà in sách, sắp chữ và lên khuôn, thì cuốn sách in ra sẽ làm cho độc giả cười tôi thúi đầu. Trông đến sáng, 13-2-67, tôi lật đặt vô nhà y, đòi lại tập bản thảo số II (phụ lục bài ca), đem hết về nhà, và từ ấy hai tập sách nằm chinh inh trong tủ, hời duyên như gái ế chồng, như bánh mắc mưa...Sau đó tôi có gởi cho y hai bức thư đảm bảo, một bức đề ngày 4-3-67, một bức đề 20-3-67, xin y hãy bỏ công đánh máy, bỏ công in mấy xấp dở dang nữa chừng, đừng cho tôi in sách lại, nhưng y không trả lời...Tôi tưởng cuốn sách đã hết xui, ngờ đâu vẫn còn. Sau đó, có người giới thiệu đảng hoàng, tôi giao sách cho một cơ quan xuất bản khác. Sách giao ngày 1-7-1967. Cho đến ngày 13-4-1968, tôi đi mấy lần mới lấy được sách về...Sau khi in mấy hàng khơi màu rao sẽ xuất bản, rồi công việc đâu lại hoàn đó, vẫn nằm ỳ không cựa cựa. Đó là lần nhì cuốn sách sa lầy.

Nay tôi cặm cui tự đánh máy lấy mà trong thâm tâm lòng tin đã mất. Tôi tưởng hay là số mạng ? Nhớ lại ngày 16-11-1918, có một nhóm ký-giả già tổ chức tại rạp hát Tây đường Catinat (Tự-Do ngày nay) một buổi hát. Theo tôi, đó là buổi hát khởi

đầu khiến người thuở ấy nảy ra ý nghĩ tiếp tục mãi, trình diễn và sửa đổi mãi và mở màn cho lối hát cải-lương ngày nay. Nếu sách tôi chào đời kịp bán lối tháng mười-một năm 1968, thì đúng lúc làm kỷ-niệm 50 năm Cải-lương và tập hồi-ký 50 năm mè hát này cũng chưa là quá mùa. Cho nên tôi nói : « hay là số mạng và tiền định » ?

Nay lời tựa, viết tại ĐẠT-CỒ-TRAI,
Mái Tây VÂN-ĐƯỜNG Phủ,
số 5 đường Nguyễn-Thiện-Thuật (Gia-Định)
VƯƠNG-HỒNG-SẼN

Ngày 6-5-1968

CHƯƠNG THỨ NHẤT

MÌNH NÓI, MÌNH NGHE

Độ chừng năm sanh và nguồn gốc cải-lương

MÌNH NÓI, MÌNH NGHE

(Hồi-ký)

Tôi muốn đề lại sau này, những gì tôi biết về hát : *hát bội* và *cải-lương*. Nhưn cải-lương đã được 50 tuổi đầu, nên tôi viết về cải-lương trước. Rồi nếu thuận tiện và còn mạnh giỏi, tôi sẽ mô và soạn về hát bội sau. Nhưng ý tôi đã chán cái giọng chuyên môn khảo cứu. Ngẫm trước xem sau, làm sao dám nói biết rõ và thấu đáo triệt để hai ngành nghệ thuật sâu sắc, làm rằm hiềm nhứt, khó nhứt trên đời : từ *hát bội*, tuy kịch-cớm nhưng tinh ba rất giọng Việt-Nam, đến *cải-lương* ngọt lịm, sắc bén dướm mùi tân tiến ? Như vậy, những trang sau đây, nói đúng hơn, chỉ tóm tắt những hiểu biết gọi là, những nghe thấy qua loa của một tên lão-sanh trợn đời chỉ ham học hỏi và ghi chép mãi không thôi, nay muốn dọn lại, thu xếp lại những gì một máy suốt năm chục năm dư, từ năm 1915 cho đến hiện giờ, muốn thu thập những gì lượm lặt khi sát cánh gà, khi đứng từ đằng xa nghe ngóng, nhưng luôn luôn suốt một đời, vẫn mè đeo đuổi theo nghề ca hát, nay muốn tụ tập những tài-liệu sẵn có ấy làm một thiên *hồi-ký tâm-sự* nhan là :

« *Mình nói, mình nghe* » (Pour moi seul).

Đã gọi là đến tuổi « bất tri thiên mạng », tưởng cũng nên ôn chép lại chơi những gì làm xao động từ năm tuổi 16, bỗng bột tuổi 20, qua hồi đắm thắm nhưng chưa chán nản như hiện nay. Gẫm lại, dường có đi mới có biết. Tiếng oanh sắc bướm, nếu có chạm mạnh vào tim, là vào thời buổi nào

kia ? Chớ nay, chỉ cần một chút tình thương chơn thật đậm đà là đủ, hay nói văn-hoa, cần những gì như gừng như quế, « *dũ lão dữ tân* ».

Lăn thần chút chơi.— Uông cho mình trót không sanh con gái ? Nếu có con gái lớn, lúc này không thiếu chi rề Đổng-sàng để lựa ? Nội cái tiếng đồn tử sách họ Vương, nay lọc ra một mớ cũng đủ làm của hồi-món cầu rề củ-nhơn, tấn-sĩ ? Mà cớ sao dám học trò cũ đến nhà lòng này quạ đồng vậy cả ? Hay là sao Văn-khúc chiếu cửa, muốn phát tướng rồi đây ? Đại-học Văn-khoa có, Đại-học Sư-phạm có. Tới lui không ngớt, mà nhà Văn Đường đâu có kếp mới đào mới nào đâu ! Cạn-thị có, tại ham học quá mà ! Mập lù có, vì ra trường bây giờ phải lo tìm bồ lấy lại sức chớ ! Có một anh lý lắc, « *lưng-giắt-cấp-bằng-hăm-hở* », tập hút thuốc phun nước miếng phèo phèo ; khiến nhớ lại ai kia thuở bốn chục năm về trước ! chớ chi có con gái, ắt chấm thẳng này !

Học trò cũ đến chơi vì nhớ thầy, ăn mắm thắm về lâu. Mà biết đâu chừng, nay ra trường thành danh, đến viếng thầy, trước thăm lấy thảo, sau xem nhà xem cửa, nghe nói lão có sách và đồ xưa nhiều lắm ! Một người đến cậy viết bài cho tạp san của y quản lý. Lẽm à ! cái nghề viết mướn như qua, ai cậy thì làm ! Đã nhớ tình sư-đệ năm xưa, xin em cứ lại. Duy nhớ cho, tiền nhuận bút răn rất và sông phẳng nhé ! Khỏi mếch lòng chẳng cũng có bấy nhiêu ! Có một anh đi bằng xe Honda mới toanh, nói chuyện lễ phép, con mắt ư nháy nháy ! Anh không nói nhiều, cung kính và gãy gọn :

—« Xin thầy diễn-thuyết giùm cho một chuyến. Đề tài :

« *Năm chục năm kỷ-niệm hát cải-lương* ».

Tôi đã thối thác và đưa anh ra cửa. Đồ thừa đất Sài-Gòn còn nhiều người chuyên môn sành sỏi hơn mình và nhiều tài tử còn mạnh khỏe hiện tại. Gài thông hồng cần thận, trở

vào nhà bụng vẫn cười thầm : mới thấy khờ lần thứ nhất ! Nếu hão thằng khi này chịu miệng lỗ, chẳng là tổn oan mạng một bộ đồ lớn mướn ủi giặt thẳng thơm, thêm tổn tiền taxi, — đi ô-tô-buýt thì còn gì thể thống ? Rồi đến nơi nào đó, cười duyên chào thỉnh giả, ngồi nói đồ bọt oáp cho họ nghe cho đã con ráy, mà cơ khổ : khen đâu không thấy, còn tiếng chê có nước lấy thùng mà hốt ! Đã về hưu, thân tàn ma dại, còn sinh tài làm chi cho mệt xác. Tục-ngữ vi không sai :
« Ở đời có bốn cái ngu : làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu ».

1) *Làm mai*, kiếm vợ đẹp cho nó ư ? Nó chả cảm ơn mà chớ. Thấy mình từ đằng xa hai đứa nó kéo tay nhau lánh mặt, đề khỏi tổn diện thuốc thơm. Rủi con đâu bị một ăn trước, nó nhờ ông mai đến ông bà ông vải !

2) *Lãnh nợ giùm*, xa-nhe (signer) cho nó có tiền xài, mà ăn cóc khô gì ? Bạc bẽo lắm mà ! Lãnh nợ cho nó lấy tiền mua xe mới, cho mình ăn bụi, xuýt cán mình là khác. Bằng như con nợ cừ khôi, hẹn mãi, nó lời cả đám ra tòa, người lãnh nợ bị trưởng tòa xách mé tên tộc ra, kêu lên, nghe phát ghét. Lãnh nợ mà ăn củ chuối thú phải không ?

3) *Gác cu* đây, vừa nói tới hai chữ này là có người cười, nhờ qua trò mắt dầy : tiếp xúc với người trưởng thượng mà gác chơn tréo cẳng ngỗng lên bàn, ngồi vịch đốc phơ « cũi cẳng » (là cẳng cũi, cẳng thú). Gác cu đây, tức là thú tiêu-khiên lớp xưa : làm cái nghề đi bẫy cu trong rừng. Tôi không nói « đi bắt cu hay bắt cự » đâu nhé ! Nghề gác cu phiền phức lắm : phải sắm chim mồi cho tinh khôn, sắm bẫy cho bén nhạy, thi bỏ một hai ngày công toi, ròng rã phơ nắng ngoài trời, lựa được chỗ nào thuận tiện bèn phò trưng đồ trạn, lấy bẫy ra giải, kiếm chỗ tốt ần núp, chọc cho cu nhà nó bo nó gáy, ghẹo cho cu rừng phát tức xuống thi tài dấm đá cắn xé với cu nhà, chờ cho hai con say trạn, sẽ giật lệ dây thần thông cho bẫy sụp, bắt được con nào, đem

về lựa chọn kỹ càng, lớp nường nhậu tốn sả ớt rượu đế, lớp o bế đem ra chợ, con nào mập giá cũng độ hai, ba cắc bạc là cùng, còn con nào tốt mã giọng hay, gáy đôi gáy ba, sẽ dưỡng nuôi càng thêm tốn lúa tốn lông son lục thiếp ! Không chi cũng bỏ phí mấy ngày công toi, bảo hại ở nhà vợ chờ cơm, con đợi xin tiền hớt tóc ! Gác cu, cồ-nhơn chăm ngu số ba là thậm phải. Như vậy mà mới đây, trong tạp san Constellation số 219 tháng juillet 1966 có bài nói về nghề đi săn ảnh săn hình lạ. Bài ấy nhan là « la passion merveilleuse des chasseurs-photographes » (thú vui kỳ lạ của những bác thợ săn phỏ nhòm), tôi khuyên các bạn sành Pháp-văn nên kiếm mua mà đọc. Trong bài kể chuyện mấy anh thợ săn giải nghệ, thời nghề sát sinh giết thú vô cớ, các bà vợ mừng chưa kịp no, các anh đổi nghề mua máy chụp hình tối tân vào rừng làm tum làm hầm núp chờ chụp những cảnh lạ, rình hai con chim hú-hi, hai con ác thú « mần ăn », phí bốn năm ngày trời để thâu vào máy ảnh bóng con hổ đực âu yếm con hổ cái, ảnh con chim gì đó bắt rắn về nuôi con, công phu còn khó bằng mười nghề đi săn và tội nghiệp các bà mừng hụt, vì các ông chồng còn bỏ vắng nhà hơn đi cắt bùm săn bắn. Ô hay ! gác cu kiểu mới là làm vậy à ?

4) Đến như nghệ thuật *cầm châu* thì khỏi nói : cầm châu đây là đánh trống châu cho hát bội diễn. Lại mấy ai kien ? Châu it ư ? Kép hát trong buồng nó xỏ nhỏ cho nghe mà ngộp. « Già mắc dịch ! da trâu dàu phải ông cha gì nó mà nó không dám đánh. Hát khô cồ rất họng mà nó không châu cho ẩm dăm mình nhờ ! » — Châu rời rọng ư ? Đánh lung tung, không khéo con mẹ háng ghế đầu chưa chi chửi đồng : « Thứ đồ dè xồm không nên nết ! Đánh lu bù để nịnh con Lư-Kim-Đinh ! Bảo hại mình mua ghế mất ngồi đây không nghe được câu nào cho đáng đồng tiền ! ».

Nhưng theo tôi, anh học trò cũ đi xe Honda ơ, trong bốn cái ngu cồ-nhơn để lại, sao cho bằng cái ngu tân thời mà tôi

cho là *ngu bực nhứt*, duy thời xưa chưa có nên không liệt kê vào câu cổ-ngữ bắt hủ kia thời. Và đó là nghề « *cơm nhà áo vợ, diễn-thuyết không công* ! » Nếu cho phép, tôi đề nghị đổi câu kia lại là :

« *Trong đời có bốn cái ngu : diễn-thuyết, làm mai-gác cu, cầm châu !* »

Những ai sẵn tánh hiếu cổ, không muốn bỏ cái ngu « *đi lãnh nợ giùm* », xin cứ thêm nó vào đoạn chót, cho số ngu thêm nhiều. Nhưng còn một ngu tay trời nữa đó là *nghề viết sách khảo cứu*. Tôi cười người diễn thuyết không công, tôi lại chọn nghề viết sách loại khảo cứu ! Ôm đến nhà xuất bản, họ xua hai tay như mình ôm bình dịch vào nhà. Thương tình, họ chịu in và xuất bản được rồi, bán ba năm chưa được một vài trăm cuốn. Có phải là phá sản cả đôi đảng không ? Duy lấy sách khảo cứu ấy mà tặng biếu thì ối thời anh em giành giựt như tôm tươi. Mà tặng không cũng chưa đủ. Phải đề câu « *xin thỉnh giáo* », và phải ký đủ họ tên, họ mới bằng lòng. Chưa hết, rồi họ làm mất cuốn sách, chớ chi họ chịu ra quán mua giùm cho mình thâu hồi đòi chút vốn liếng ; không dẫu, số tiền ấy thà họ mua xăng nhớt, đồ đường tìm cho được nhà, để lấy chữ ký cẩn thận. Tôi nói đây là nhấn với anh Honda ! Tôi từ chối sợ ngu diễn thuyết. Nhưng nhờ anh mà tôi có quyền này. Diễn thuyết sẽ vụn nát câu đề. In nhón vào tạp san là làm mất màu tân và cho ai kia hưởng nước nhứt ! Nên thà ngu cho đủ bộ, tôi viết cho xong tập khảo cứu này. Nghĩ cho công trình cấp ca cấp cùm, sưu tập cốp nhóp — chạy giặc không mất, — ngọt và hơn năm chục năm trời, không lẽ sau này lấy đó làm giấy cuốn kèn liệm theo ? Và mặc dầu tài liệu còn chưa đủ như ý muốn, tôi cũng xin vọc vạch bồi lọ trăm trưng hiến bạn đọc.

Tôi biết gì về gốc tích hát cải-lương.— Tôi đã cố truy nguyên gốc tích điệu hát cải-lương nhưng rốt cuộc tôi xin chịu

thua, việc làm quá sức, duy rân đem hết ra đây những tài-liệu thâu thập được để qui vị mặc tình muốn đặt năm sanh của cải-lương vào năm nào tùy ý mỗi người, chờ riêng tôi, khi cải-lương ra đời, tôi còn học trường tỉnh Sóc-Trăng, chưa đủ sức hiểu biết và phê bình. Lúc ấy (lối 1916-1920) việc đi đó đi đây trong các tỉnh Miền Nam chỉ đi bằng tàu thủy và tin tức từ tỉnh này qua tỉnh nọ không mau lẹ, dễ dàng như hiện nay. Còn như bây giờ ? Vả chẳng thời cuộc hiện nay chưa thuận tiện đi điều tra tại chỗ. Nếu chờ hết chiến tranh sẽ đi từ nơi tra cứu lại e quá trễ. Ở đây tôi không lên mặt khảo cứu và chỉ xin tóm gộp các tài-liệu tôi gìn giữ được, trình bày ra đây cho các học-giả chuyên viên sau này bổ túc những chỗ tôi còn thiếu sót, họa may sẽ tìm ra đúng ngày sanh của hát cải-lương. Duy khi đi nghe một học-giả diễn thuyết tại trường Quốc-gia Âm-nhạc ngày 18-12-1966, gần như quả quyết cải-lương sanh vào 50 năm trước, tức năm 1916, để có dịp đặt lễ kỷ-niệm 50 năm cải-lương vào năm 1966 là vừa, tôi thấy tức. Cho đến nay tôi không dám cãi với ai cả, — mà dầu cãi cũng không lại, một khi bộ Thông-tin năm ấy đã làm lễ kỷ niệm 50 năm cải-lương rồi. Tôi không qui tỵ công cán cho ai đã dễ ra điệu cải-lương. Nay hát cải-lương đang trong thời kỳ đặc dụng và chuyển biến mỗi ngày như mây nổi gió bay... Ai ai cũng mê thích, ai ai cũng vỗ ngực khoe công rằng mình nói trước. Cãi làm chi cho mệt lòng. Căn cứ theo sách vở thâu thập và những lời của người lớn hơn tôi nói lại, và nếu tôi không lầm thì buổi sơ khởi của cải-lương, là do sự ngẫu nhiên, sự tình cờ, là do lòng ái quốc mà nên. *Lòng ái quốc của một số người bị mất nước, cố tìm lối trời đầu lên để cho tinh thần quốc gia còn tồn tại.* Người miền Nam có cái hay là khi biết dùng bạo lực chỉ hại thân vào tù, thì họ không dùng bạo lực. Họ cố đè nén lòng thương nước, chôn giấu trong một bề ngoài lêu lổng chơi bời... Thuở ấy ta phải biết, bọn lính kình chó săn cũng không vừa, vẫn rình mò chờ dịp lập công cho Tây... Những người có đầu óc thì kẻ bị lưu đày bắt bớ, còn sót lại người dư dả, của có thừa, lại giả

kể ăn chơi cờ bạc để đánh lạc đường quân thám-tử. Cũng may thay đồn ca bài bạc thét cũng chán, do đó họ tìm được một mục đích cho cuộc đời. Và cũng do đó, trong giới đồn ca, thấy nghề của mình bớt bị khinh bạc lại thêm được trọng vọng là khác, nên thường tụ họp trong phòng các nhà khá giả, hoặc chỗ dò hội như tiệm hút tót, tiệm hay lò thợ bạc, vừa trau dồi nghệ thuật vừa tập ca cho vui, bắt chước người Pháp gọi đó là « nhạc thính-phòng », dịch chữ « musique de chambre » của Tây chớ ta làm gì có phòng đặc biệt để chơi đàn ? Trước đó nữa, tại các tỉnh Nam-kỳ không có giàn đồn ca nhạc Việt, chỉ có giàn nhạc lễ (tỷ dụ ở Bạc-Liêu có Nhạc Khi), thường dùng vào các cuộc đám ma nhà héo. Mỗi khi có đám tang, vào lúc canh khuya, sau buổi tế buổi tụng kinh, thường các thầy nhạc và thầy chùa bày ra đôi chủ nhà nấu cháo trắng để thức sáng đêm, và hơn dịp ấy, họ cũng hòa đồn, tập dượt ca cho đúng nhịp, để đánh con buồn ngủ. Sau thành thói tục, mỗi dịp quan-hôn-tang-tế, thậm chí lễ mừng tân quan, tân gia, khai báng, khánh hạ, đám giỗ, đám cưới đều có mời họ luôn cho rôm rả. Người Việt tánh dễ dãi không hay kiêng cử, sau buổi tụng kinh khóc kể thì hòa đồn mà đồn bản vui cũng bắt chập, đồ thừa « sự vong như sự tồn », đồn cho người nằm đó nghe chơi như thể sanh tiền ! Trước năm 1915, chưa có tỉnh nào dám đưa giàn đồn ca lên diễn trên sân khấu công khai. Tỉnh khởi đầu việc này có lẽ là tỉnh Mỹ-tho, vì danh tiếng không thua Sài-Gòn (1). Và giàn

1.— Đề khen phong cảnh Mỹ-Tho, ông Học-Lạc có đề lại bài thơ này :

Trên Sài-Gòn, dưới Mỹ-Tho,
Đầu đầu phong cảnh cũng nhường cho :
Lớn rộng chung rạch chia đôi ngã,
Cũ mới phân nhau cũng một đò.
Phố cát vẽ vờn xanh tợ lục,
Buồm dong lên xuống trắng như cò.
Đắc tình trạo tử quên mưa nắng,
Dẫn dỗi đua nhau tiếng hát hò.

(Học-Lạc.— Việt-Âm Văn uyển, Lê Sum, 1919).

đờn tài-tử ra đờn cho công chúng đi xem hát bóng thường thức chờ quay phim, y như giáo-đầu tuồng bên hát bội là giàn đờn của ông Tư Triều ở Mỹ-Tho. Nghiền cứu đến đây cũng đủ ngã lòng, vì đổ ai dám chắc ông Triều thứ mấy ? Trong quyển luận-án Pháp-văn « La musique vietnamienne traditionnelle » soạn rất công phu, tác giả là Trần-Văn-Khê viết rằng : ông nội mình là Trần-Quang-Điệm (1853-1925) (tr. 98) : ≠ đờn giỏi rồi ; cô ruột là Trần-Ngọc-Viện (trang 109) ; bà này thiện-nghệ đàn tranh ; 10 tuổi đã ≠ và cha mình là Trần-Văn-Chiều, tự *Bảy Triều* (tr. 109).

Trái lại, theo ông Trần-Văn-Khải, trong tập khảo cứu in ronéo « Nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam » đề Thanh-Trung Sài-Gòn xuất bản nhưng không ghi năm, 58 tr., thì ở Mỹ-Tho lối năm 1910 có giàn cổ-nhạc của *Tư Triều* là Nguyễn-Tổng-Triều người xứ Cái-thia (tr. 19).

Nhờ thầy cũ tôi là ông Trần-Văn-Chiều, trước làm trên văn-phòng và gác lớp tại Chasseloup, thì :

1) *Tư Triều* là cha của cô Hai Nhiều. Ông thiện nghệ cây kim, nhưng thiên tài lỗi lạc thì kém *Bảy Triều*, trùng tên và cũng ở Mỹ-Tho như nhau. Cô Hai Nhiều, từng ca thính-phòng tại nhà hàng Cửu-Long-Giang và đã làm say đắm khách ăn chơi thuở ấy bằng bài « Giang Nam » mở đầu bằng câu : « đêm đêm xuân là đêm đêm xuân », nguyên của ông Phạm-Đặng-Đàng đặt ra.

2) *Bảy Triều*, năm 1912 vô học trường Chasseloup, nhưng chỉ học hai năm và thôi học kỳ bãi trường năm 1913. Lúc vào trường, Triều đã được ông Diệm dạy đờn kim rồi nhưng chưa giỏi. Sau nhờ ông Đội Hồ làm nghề gác cửa trường, ông có chơi đờn, nên Triều thường lên nhà concierge đờn chơi và nhờ năng luyện tập thêm sẵn thiên tư trời phú nên Triều đờn càng ngày càng phát. Và đây Tổ-lan, theo ông Chiêu, thì Triều tìm ra tại trường vậy. Ông Diệm có dạy ông Chiêu đờn bản « bài hạ ». Còn Cô Ba Viện, có dạy đờn ở

trường ảo tim nữ-học Gia-Long, do ông Diệp-Văn-Cương đem vô (lối 1915-1916). Sau Cò bị tình nghi làm quốc sự cùng với em rể là giáo-sư Bá, nên thôi dạy và trường ảo tim cũng dẹp môn dạy đờn luôn. Việc Tư Triều đờn rạp Thầy Hộ năm 1910 ở Mỹ-Tho có thể đúng. (Thuật theo lời ông Trần-Văn-Chiều và nghe ngày 13-5-1968 tại phòng phát hưu-bồng Ngân-khố Sài-Gòn).

Rạp hát bóng thầy Hộ ở sau chợ Mỹ-Tho. Nguyên đời ấy có lão Léopold lập ra rạp Casino ở Sài-Gòn (rạp ấy ngày nay vẫn còn ở vị-tri cũ là rạp Casino đường Pasteur). Léopold bày hát bóng thầu tiền, và chính anh ta ra làm ảo-thuật vài lớp trước khi chớp bóng. Thầy Hộ bắt chước theo, mời giàn đờn Tư Triều đến đờn và ca vài bản trước tấm màn ảnh trên sạp cao mỗi tối thứ tư và thứ bảy. Đây là lối đờn ca trước công chúng và trên sân khấu. Đồng thời trên Sài-Gòn, nhà hàng Cửu-Long-Giang trước chợ Mới, đường Lê-Thánh-Tôn ngày nay, mỗi chiều thứ tư và thứ bảy cũng có đờn ca cổ nhạc cho quan khách nghe và uống khai vị. Nhưng như vậy cũng cải-lương còn phôi thai chờ chưa sanh. Then chốt câu chuyện, theo tôi, gồm và do bốn cơ-hội :

1) hát bội hoải, hát bội mãi, cũng chán tai thét hóa nhàm ;

2) năm 1918, giặc trời Tây gọi Đệ-Nhứt Thế-Chiến (1914-1918), đã về khuya, bỗng Tây thắng trận ngang, cho nên mừng quá, toàn-quyền Albert Sarraut nới tay nhắm mắt cho phép bọn tri-thức bày ra một cuộc hát trước lấy tiền dâng mẫu-quốc hàng vết thương chiến-tranh, sau nhứt cử lưỡng tiện, bọn này bày chỉnh đốn biến hát bội ra một nghệ thuật « *canh tân, cải lương* » khác.

3) ban đầu, hát cà rớn chơi, pha tiếng Tây vào tiếng ta, giễu đời, kiêu ngạo : Văn-Tiên dui, Bùi-Kiểm dè, kể đó ca bài Hành-vân tâm-sự của Từ Hải : « *mặt yêng hùng, giống Triệu-*

Thường-Sơn » (1), xen giọng ái quốc vào diễn cũ, sau đó càng biến hóa nữa, biến hóa mãi, dè dàu *Cải-lương* này sanh một cách bất ngờ, và bắt từ năm nào, nay cũng không một ai dám chắc.

4) Cơ-hội hiếm có và một bất ngờ khác rất may cho tiền đồ và văn-hóa nước nhà là người Miền Nam lớp đó đã có sáng trí, như dịp toàn-quyền Albert Sarraut nới tay cho phép lập hội lập gánh hát, vì năm 1918, bên Pháp giặc đã dốt, ông Sarraut muốn để cho dân bản xứ lãnh quyền việc nước và không làm quốc sự bên cho dân tha hồ hát xướng, thừa dịp đó dân trong Nam bên trau giồi nghề dờn ca và đưa tài tử salon lên sân khấu...

Nay thử hỏi người đứng đầu công buổi tiên khởi là ai ?

Khó nói cho đúng. Hay là muốn nói ít sai thì phải dài dòng. Sơ khởi nên kể công cho ông *Tổng-Hữu-Định*. Kế đó người có gan đưa lên sân khấu thiết thọ, gây dựng thành hình hát *cải-lương* như ngày nay lại là thầy *André Lê-Văn-Thần*, quê ở *Sa-Đéc*.

Tổng-Hữu-Định.— Ăn chơi bực nhứt đất *Vĩnh-Long* vào năm 1915-1920, thì có thầy *Phó Mười-Hai*, mỹ danh *Tổng-Hữu-*

(1) *Mặt yêng hùng. Mặt yêng hùng, Giống Triệu-Thường-Sơn, Đường cung kiếm, Cái chi nam nhi, Núi sông là phận. Từ đây quyết, Vẫy vùng cho sống dậy trần ai. Rền một trời, Đùng đùng xao động ! Tài oanh liệt. Mấy ngọn gươm vàng.*

Rạch một sơn hà, Mấy đầu ngang dọc, Giữa trời đây sợ ai ?

Công hầu vương bá, Thả giữa giang hồ, Cây núi tàng bằng,

Mặc sức tung hoành, chơi hoành chơi !

Ngang triều-đình, đứng riêng một nơi.

Công hầu khanh tướng, Lâm chi cho nhọc tấm thân !

Manh-Tự, Trương Duy Toàn (lối 1918-1922) Gánh hát Thầy Năm Tú (Mộ-Tho), (theo tập tôi chép tay y bản của một bạn trước học trường Mộ-Tho).

Định, gọi thầy Phó, vì từng làm phó-tổng đất Văng (Vĩnh-Long) và gọi Mười-Hai là theo thứ hạng trong gia-dinh. Lúc sanh tiền, thầy hay tổ chức dờn ca tiệc tùng, đá gà, bài bạc, làm thi, đủ thứ. Kịp năm cò giặc 1914-1918, thầy tổ chức hát đạo quyền tiền giúp quốc-trái, nhưng chưa bao giờ lên hát tại Sài-Gòn. Họa chăng thầy là người ham dạo chơi khắp đó đây, nên thầy từng ghé Mỹ-Tho ngủ đêm tại đây để chờ sáng đáp tàu hỏa lên Sài-Gòn, như dịp đó có lẽ thầy đã từng xem hát bóng có dờn tài-tử tại Mỹ, cũng như thầy từng lên ngồi uống rượu nhà hàng như nhà Cửu-Long-Giang góc d'Espagne-Aviateur Garros, nay là góc Lê-Thánh-Tôn — Thủ-Khoa Huân, và như tại nhà hàng Thầy Bảy Phương gọi Lường-Hữu khách-sạn đường Carabelli, nay là đường Nguyễn Thiếp, thầy thấy giàn dờn tài-tử, thầy chip đề bụng bạn về nhà bày dờn ca ngồi trên ván ngựa v.v...

Kinh-lich Quờn hay Huờn.— Cũng một lúc tại Vĩnh-Long, thuở ấy có ông kinh-lich Quờn hay Huờn. Ông biết chữ Hán nhiều, làm việc tại Tòa-Án, thuở ấy chức gọi kinh-lich hay gọi tắt là «ông kinh». Sở trường đặt bài ca, thịnh hành nhưt là bản Tứ-Dại Oán, thanh âm đúng điệu, lựa chữ ăn dờn. Ông kinh-lich (tên đúng phải chăng là Trần-Quan-Quờn ?) từng có sáng kiến vào thời ấy, nghĩ chế ra một cây đàn kim thể cho cây nguyệt cầm cổ điển. Ý ông muốn cho cây dờn của ông *kêu hơn*, có âm thanh nhiều hơn cây nguyệt sần cò. Tiếc thay dờn của ông chế ra, kèn càng không quen mắt nên lâu ngày bị bỏ quên vì không đúng như quan điểm công chúng quen nhìn và quen xai. Cũng tiếc thay nay cây dờn ông kinh-lich Quờn sáng chế đã thất lạc và kiểu vẽ cũng không còn để lại. Chớ chỉ còn thì cây dờn ấy đáng nhập vào viện bảo-tàng âm-nhạc. Đến đây mới thấy nước ta còn thiếu một *âm-nhạc quốc-gia học-hiệu* (conservatoire national de musique) vậy. Và đến bao giờ mới có ?

Phạm-Đặng-Đàng.— Cũng tại Vĩnh-Long, thuở ấy, còn có ông Phạm-Đặng-Đàng, một thầy dờn kỳ cựu đất Văng, có thực

danh cũng như có thực tài, thiện nghệ cây dờn bầu (độc huyền). Ông gốc gác ở Miền Trung vào, sanh được hai trai, lấy tên xứ đặt tên, một người tên *Cần*, một người nữa tên *Long*, vì ông ngụ tại quận Cần-Long. Một bài ca tứ đại điển hình, trong bài có câu : « Nền tôi danh sĩ Đấng-Đàng... » đủ chứng minh và đánh dấu bước đầu nghề dờn ca tài tử. Bài Tứ-Đại này có in trong bộ « Thập tài-tử » xuất bản ngày 15-6-1915 tại nhà in de L'Union, Sài-Gòn, và như vậy, đây là một tài liệu qui chỉ cho ta biết có lẽ nguồn gốc nghệ thuật cải-lương bắt đầu từ những bài ca sản xuất tại đất Vĩnh-Long này. Năm 1932, tôi có đem bài này lên ca trên đài Phát-thanh Sài-Gòn. Sáng bữa sau, chúng tôi nhận được của một vị phu-nhơn « gởi tặng 1.000 đồng đề uống trà ». Sau rõ lại phu-nhơn là ái-nữ ông Tống-Hữu-Định. Nguyên văn bài Tứ-Đại ấy như sau :

65.— Tặng thầy Phó-tổng TỐNG-HỮU-ĐỊNH (Vĩnh-Long)
sùng tu văn miếu (Tứ-Đại)

Vĩnh-Long tỉnh xưa Thánh-miếu quan thờ,
Từ khi thất thủ đến giờ
Hư tề mà không người sửa sang.
Tỷ-niên xui có một chàng,
Tổng đương bàn chánh hành Bình-Long
Quán làng Long-Châu
Tống-gia-lương ba đời.—
Hiệu Tinh-Trai
Quyết danh là Hữu-Định,
Thi ân ra tài,
Tu cổ miếu hơn xưa
Thêm song đường ư.—
Tống-gia cảm thánh xưa
Lo hết lòng sớm trưa
Bốn dân mừng cầu như-nghĩa
Thánh-minh đã hay đã vững
Hương huê rực rỡ
Tứ linh tam tòa

Bởi cảm nghĩ trước nhà
Đạo Nho chẳng hòa
Miếu mòn tàn bởi tại ai
Đâu không ngờ ngày nay
Cò Tổng-gia ra sức mạnh
Trưởng chữ ngũ thường
Bảo hổ nghĩa tam cương
Tu miếu vẫn an
Bà quan hỏi ai ai
Xin thương người đứng làm trai
Cho sum vầy trong bốn bề
Chờ buống lời cầu thẳng kỷ
Năm kinh dầu mắt lễ nay tục còn
Nay Thánh-miếu đã rồi
Xuân tế còn noi dấu hồng theo người trên
Sĩ, nông, công, thương,
Khuyến bốn dân nay rõ mặt
Hiệu Tịnh-Trai này
Cảm nghĩa trước đình dương
Mạch nước quân vương.—
Bốn bên mắt mắt xem
Cung viện tường không thua xưa
Anh hùng, Tam hao
Rộng thương lang hoàng thiên cao
Nữ nào phụ sao
Cũng giúp phước như sau
Tổng táng có công phu
Hỏi ai ai,
Bắt chước người hơn là tu
Đam vàng, vó chùa
Trời Phật dẫu hầu ton lon
Chẳng bằng khuyên con
Bảo nghĩa thẳng vì tiên.—

Nay Tổng-gia lập chọi văn màn
Nên tôi danh sĩ Dăng-Dàng
Mời phổ ca truyền thiên hạ
Đặng tung người đại danh
Nghĩa ấy lưu sau người Nho-dạo
Nói theo chước này
Sau suy đo nền văn
Cám ngũ thường rang.—
Phẩm quan chi lệ dân
Cá nước vui hội một nhà
Vĩnh-Long Tổng-gia Thái-Thúc tàn trào
Tịnh-Trai hiệu, danh thành ngàn năm.

Nhưng theo ý riêng tôi, ba ông Định, Quờn, Đàng cũng chưa phải là hậu-tổ ngành cải lương. Tuy tuổi tác lớn, kinh nghiệm nhiều, nhưng ba ông chưa có công chánh thức *đem nghề đờn ca lên sân-khấu Sài-Gòn*. Đồng thời lúc ấy, trong Nam đang có một luồng gió huyền bí : « lòng ái quốc chỗi dậy ». Không chống đối nữa, vì đánh vẫn không lại, không làm nhà kháng chiến được nữa, thì ngấm ngấm nấu nung lòng sôi thương nước. Ba ông Định, Quờn, Đàng có công người đặt soạn bài ca ý nghĩa, người lại đưa các buổi đờn ca như vậy đi khắp miệt sông Tiền sông Hậu, từ đất Mỹ-Tho qua Sa-Đéc, Vĩnh-Long. Và hơn đây là bài sưu tầm về nguyên thủy ngành cải-lương, lời xin dẹp một bên cái chuyện bề ngoài giả giúp Tây quyền tiền đánh giặc Đức, và chỉ mượn vài gương kin kể như sau làm cái mốc chỉ rõ sự biến chuyển của ngành *hát bội qua cải-lương*.

Hồ-Văn-Trung.— 1) Gương thứ nhất là gương ông Hồ-Văn-Trung tự Biều-Chánh cùng các bạn đồng liêu làm việc các ty soái-phủ và tư sở Sài-Gòn cầm đầu là ông Lê-Quang-Liêm, gọi Đốc-phủ Bảy, lập ra gánh hát hát dạo từ rạp nhà Hát Tây Sài-Gòn xuống các chợ Lục-Tĩnh, hát tuồng « *Gia-Long tàu quốc* ».

Pháp-Việt nhứt gia (thuở ấy phải vậy mới được vì không nói chuyện nhứt gia, thì Tây không cho hát). Gánh này diễn nửa hát bội nửa kịch, xiêm y áo giáp thì mượn theo xưa, nhưng diễn tả đã theo tân thời, nói lối suông rõ ràng cho dễ nghe chứ không hát Nam hát khách. Cũng trong gánh này có các kỹ giả gia nhập, tôi còn nhớ lên, như Nguyễn-Viên-Kiều, Đặng-Thúc-Liêng, Nguyễn-Chánh-Sắt, Nguyễn-Thành-Phương, thầy Hoài, v.v... (Ông Tống-Hữu-Định có lẽ cũng có theo trong gánh). Và đây là một bằng cớ khác :

Đặng-Thúc-Liêng.— 2) « Đêm 16 tháng 11 năm 1919, ông « Đặng-Thúc-Liêng, nhơn di ngang nhà Hát Tây đường Catinat, « nhớ đến năm ngoái, vung ý toàn-quyền A. Sarraut, anh em « văn hữu lập hội hát khuyến cung quốc trái lần thứ tư, khởi « thủ hát tại rạp này trong đêm 16 novembre 1918, mà năm « nay đêm này lại vắng tanh, nên cảm xúc cũ mà làm bài thi « như sau :

« QUÁ SÀI-GÒN HỖ VIỆN CẢM TÁC »

« Năm ngoái đêm này hát rạp Tây,
« Năm nay hiu quạnh nghĩ buồn thay,
« Bồn tuồng Pháp-Việt còn roi dẫu,
« Bạn kếp cầm ca đã lạc bầy.
« Dịp tốt khiến nên nhiều sự lạ,
« Lòng thành vẫn có mấy ai hay.
« Xin đừng bỡn trợn chào Nhưng cũ,
« Mở mắt ngàn thu cuộc hát này. »

Đặng-Thúc-Liêng

(Trích quyển « Việt-Trung tiểu lục » của Nguyễn-Thành-Phương soạn, nhà in Nguyễn-Văn-Cửa, Sài-Gòn xuất bản năm 1920, tr. 53)

Tác-giả có ý xem dịp hát này quan trọng nhiều trong việc chấn hưng nghệ-thuật nước nhà, nên đã viết câu kết bài thi :
« Mở mắt ngàn thu cuộc hát này ».

Tôi lại lập nữa : căn cứ theo bài thơ trên đây, vậy thì nhờ giúp quốc-trái, nên toàn-quyền A. Sarraut cho phép lập gánh hát, và thừa dịp từ đó ta bèn hành trường «nghề cầm ca».

3.— Nguyễn-Thành-Phương.— Một cộng-sự-viên khác nữa của gánh ấy là ông Nguyễn-Thành-Phương, thi-gia, ky-giả, nghiệp-chủ lớn ở Nguyệt-Lăng (Trà-Vinh), còn đề lại bài thi như sau, cũng đánh dấu buổi phát huy nghệ-thuật cầm-ca buổi ấy :

1) TÙNG KHUYẾN QUYỀN KỊCH XÃ,
QUI-LAI-THUẬT :

« Trót thảng trời đeo cửa hý-trường,
« Nước non lặn lội khắp quê hương.
« Bày trò bán dạng người thiên cổ,
« Góp của mua vui khách tứ phương.
« Tấm mẫn chung đèn ơn Đại-Pháp
« Bùn than riêng chạnh buổi Tiên-Vương.
« Ai ôi có biết cho chăng ẽ ?
« Trầu lợn cùng tiêu chịu tiếng thương.»

(Nguyễn-Thành-Phương.

— Việt-Trung tiểu lục, 1920, tr.54)

2) VINH HÁT BỘI

« Gương dời trộm thấy cửa ca công,
« Nghĩ kiếp hư-du ngán ngẫm lòng.
« Sơn phấn lả lơi đào kếp cũ,
« Nước non trà trộn Tống-Phiên chung ;
« Nồng hơi đua thừa tài cao thấp
« Bối mặt ghình nhau phía nịnh trung.
« Oai thế lấy lưng cơ nghiệp tạm,
« Bá-vương rồi cũng phui tay không.»

(Nguyễn-Thành-Phương.

— Việt-Trung tiểu lục, 1920, tr.48)

4) *Thầy Hoài.*— Cũng trong gánh hát « quốc trái » hát tuồng Pháp-Việt nhưt gia này, có một công chức tên Nguyễn Văn-Hoài làm sở tạo tác Sài-Gòn, lúc đi hát đóng vai chúa Nguyễn Ánh, đang hát kể người nội trợ từ trần, hội báo-chương Nam-kỳ cây Nguyễn-Thành-Phương soạn câu điệu văn, câu ấy như vậy :

« Nhẹ cái bước trần, rạng tiết từng phu.

Thình mạng :

« Lỡ vai tuồng chánh, vị quốc vong gia.

(Việt-Trung tiểu lục, 1920, tr.55)

Tiền đây tôi xin mách về tài-liệu cũ, trong tập Nam-Phong số 19 tháng Giêng 1919 có hai ảnh :

a) 1 ảnh Phạm Quỳnh chụp chung với Lê-Quang-Liêm, chủ hội Khuyến-học Long-Xuyên và chung với Nguyễn-Văn-Cur, quản-lý Đại-Việt tạp-chi Long-Xuyên ;

b) 1 ảnh nữa chụp chung các người có chơn trong gánh hát nhắc trên đây, dưới ảnh đề : « Phường tuồng của hội các nhà báo Nam-kỳ đi diễn các nơi đề cổ-động về việc quốc trái năm 1918. Gánh này khi xuống diễn tại chợ Sốc-Trắng, tôi có được Ba tôi dắt đi xem. Có người đã khuyên tôi nên lược bỏ đoạn này, vì có ý tán dương một buổi « nịnh Tây » ; nhưng đứng về mặt nghiên cứu, tìm hiểu buổi đầu của hát cải-lương, tôi lại cho tài-liệu này là quan trọng nhưt, vì đây là then chốt cho ta thấy *nghệ thuật nhờ che giấu dưới « quốc trái, lạc quyền » : nhờ làm thế đó Tây không nói gì, nên sau bành trướng mạnh, càng ngày càng mạnh thêm nữa mà trở nên nghề hát cải-lương ngày nay vậy.*

Hát bội hay hát bộ ? Trước là hát bội, sau biến thể ra hát cải-lương, và này mồm rất mạnh. Các ký-giả buổi ấy, như Lê-Hoàng-Mưu chẳng hạn, để cho thấy có canh tân cải cách, bèn chối bỏ danh-từ « hát bội », vừa viết trên báo vừa

hồ hào xin thay vào đó và dùng hai chữ « hát bội » thế cho « hát bội », như vậy có vẻ mới hơn và tưởng đâu là đúng nghĩa hơn. Cái tệ-doan mỗi mỗi đều thay đổi và dùng chữ không nhằm lỗi nhằm chỗ này cho đến nay vẫn chưa tẩy sạch, và dấu danh-từ « hát bội » là đúng, thỉnh thoảng vẫn còn thấy hai chữ « hát bội » xuất hiện dưới nhiều ngòi bút đứng đắn. Ở đây tôi xin miễn bàn, vì hát nào lại không ra bội ? Và câu thơ của Phan-Văn-Trị vịnh hát-bội.

« Hèn chi chúng tôi nói *bội* là *bạc* » (1)

đủ chứng minh và tránh cho tôi khỏi nói nhiều.

Sở dĩ tôi nhấn mạnh và lặp đi lặp lại nhiều lần về buổi trình diễn « *hát bội tân tiến có tính cách nịnh Chánh-phủ Thực-dân năm 1918 (16 novembre)* » là vì tôi thấy đây là cái « móc » rõ rệt và vững chãi cho « về rác cầm ca » dựa bám nơi đó mà nở lớn lần ra, lần hồi trở nên ngành hát cải lương thiết thọ. Nay nhơn xem bộ sách khảo cứu Pháp-văn của ông Trần-Văn Khê « *La musique vietnamienne traditionnelle,— Les Presses Universitaires de France, 1962* », tôi tra nội trang 90 về nguồn gốc cải lương, tôi xin tóm tắt đại khái, trong trang, tác giả viết « *có Ba Định ca bài Tứ Đại Oán « Bùi Kiệm thi rớt » tại nhà thầy Phó Mười-Hai ở Vũng-Liêm vào năm 1918* » và tài-liệu này tác-giả trích lục báo Pháp « *La Dépêche d'Indochine* » số 2739 ngày 21-9-1937 bài của ông Nguyễn-Văn-Hanh viết. Theo ông Hanh, lần thứ nhất diễn tuồng hát cải-lương tại nhà thầy Phó Mười-Hai (Vũng-Liêm) là ngày 15-11-1918 kể đó đi diễn nơi Sa-Đéc và Vũng-Liêm.

Ông Nguyễn-Văn-Hanh gần đây đã từ trần. Tôi không biết ông dựa theo tài-liệu nào mà viết rằng tuồng « *Pháp-Việt nhứt gia* » do thầy Phó Mười-Hai viết, và ông nói diễn lần đầu tại Vũng-Liêm đêm 15-11-1918. Căn cứ theo tập « *Việt-Trung tiều*

(1) Tập thơ Phan-Văn-Trị, nhà in Tân-Việt, Nhất-Tám sao lục, tr. 16.

lục » tôi còn giữ được và bài thơ đăng tr.20 tập Hồi-ký này (thơ Đăng-Thức-Liêng) thì tuồng «Pháp-Việt nhứt gia» diễn lần thứ nhất tại Rạp Hát Tây đêm 16-11-1918. Còn về tài liệu về việc cô Ba Định ca bài Tứ-Đại-Oán tại nhà Thầy Phò Mười-Hai đêm 15-11-1918 và khai sanh cho hát cải-lương từ đây...— việc ấy tôi không chối cãi, và vốn ở ngoài sự hiểu biết của tôi, vì năm 1918 tôi còn học trường tỉnh ở Sóc-Trăng như đã nói nơi đoạn trước. Duy tôi xin mạn phép trích lục đoạn sau đây do một ông bạn lão thành, Cụ Trần-Văn-Khải viết.

« I.— *Lịch-sử cải-lương.*— Trước kia ở rải rác trong các « tỉnh Nam-Phần có những ban tài-tử đờn ca trong các cuộc « lễ tại tư-gia như tân hôn, thăng quan, giỗ quải, v.v... Nhưng « không bao giờ có đờn ca trên sân khấu hay trước công chúng.

« Qua lối năm 1910, ở Mỹ-Tho có ban tài-tử của Nguyễn-
« Tống-Triều, người Cái-Thia (1) tục gọi Tư Triều (đờn kìm),
« chín Quán (đờn độc huyền), Mười Lý (thổi tiêu), Bảy Vô
« (đờn cô), cô Hai Nhiều (đờn tranh), cô Ba Đắc (ca). Phần
« nhiều tài-tử này được chọn đi trình bày cổ nhạc Việt-Nam
« tại cuộc triển-lãm ở Pháp. Khi về, họ cho biết rằng Ban tổ-
« chức có cho họ đờn ca trên sân-khấu được công chúng đến
« nghe đông đảo.

« Cái ý-kiến đờn ca trên sân-khấu đã phát sinh từ đó. Thầy
« Hộ, chủ rạp hát bóng Casino, ở sau chợ Mỹ-Tho, muốn cho
« rạp hát mình được đông khách, bèn mời ban tài-tử Tư Triều
« đến trình diễn mỗi tối thứ bảy và thứ tư trên sân khấu, trước
« khi hát bóng. Lối đờn ca trên sân khấu được công chúng
« hoan-nginh nhiệt-liệt.

« Lúc bấy giờ, lối năm 1912, chúng tôi tòng học tại
« tỉnh-ly Mỹ-Tho, có đến xem. Cách chưng dọn sân khấu còn
« đơn sơ. Cái màn bạc dùng làm tấm phong (fond), kể đó có

1) Ông Diệp-Văn-Cương lúc sanh tiền, thường nói : « Khi tôi nghe Tư Triều đờn kìm và Cậu Nam Diệm đờn tỷ rồi, tôi không muốn nghe ai đờn nữa cả. » Tr. Văn-Khải.

« lót một bộ ván, trước bộ ván để một cái bàn chũn cheo.
« Hai bên sân khấu có để cây kiềng xem râm đám và khăn giả
« có cảm giác đứng trước một cái phòng khách hạng trung lưu.
« Các tài-tử đều ngồi trên bộ ván và mặc quốc-phục xem
« nghiêm-trang. Cô Ba Đắc ca rất hay và biết đủ các bài
« cổ-diễn. Nhất là cô ca bản Tứ-Đại oán « Bùi-Kiểm
« Nguyệt-Nga » rất duyên-dáng.

Bản Tứ-Đại lớp đầu :

« Kiểm từ khi thi rớt trở về,
« Bùi ông mắng nhiếc nhún trề :
« Cũng tại mầy ham bề vui chơi.
« Kiểm thưa : Tài bất thắng thời.
« Con dễ nào không lo bề công danh.
« Tuổi con còn xuân xanh.
« Cái ơn mẹ cha, con chưa đáp đền, đó cha ời !

« Đây là một bài ca đối-thoại giữa Bùi-Ông, Bùi-Kiểm và
« Nguyệt-Nga. Nó khơi nguồn cho các soạn-giả đặt những
« bài ca có đối đáp cho điệu Cải-lương sau này.

« Trong thời kỳ ấy, Mỹ-Tho là đầu mối xe lửa đi Sài-Gòn.
« Các du khách ở Miền Tây Nam-Phần như Vĩnh-Long,
« Sa-Đéc, Cần-Thơ, Bạc-Liêu, Rạch-Giá, v.v... muốn đi Sài-Gòn,
« đều phải ghé trạm Mỹ-Tho nghỉ một đêm rồi sáng đáp
« xe lửa.

« Trong số du khách có ông Phó Mười-Hai ở Vĩnh-Long
« là người ham mộ cầm ca. Khi ghé Mỹ ông nghe cô Ba Đắc
« ca bài tứ đại với một giọng gần như có đối đáp, nhưng cô
« không ra bộ. Sau về nhà ông nảy ra ý kiến cho người ca
« đứng trên ván có ra bộ. Điệu ca ra bộ phát sinh từ đó, lối
« năm 1915-1916.

« Qua năm 1917, ông André Thận ở Sa-Đéc lập gánh
« hát xiệc, có thêm ít màn ca có ra bộ. Kép có Bảy Thông,
« Tám Cang, đào có cô Hai Cúc.

« Kể năm 1918, ông Năm Tú ở Mỹ-Tho thuộc ban ca-kịch
« của ông Thân và sắm thêm tranh cảnh, y phục, có ông
« Trương-Duy-Toản soạn tuồng. Điệu hát cải-lương chánh thức
« thành hình từ đó. Mỗi tuần gánh ông Năm Tú hát tại Mỹ-Tho
« ba đêm rồi lên rạp Eden Chợ-Lớn ba đêm. Trong ít lâu gánh
« Đồng-bào-Nam của cô Tư Sự và gánh Nam-dồng-Ban của
« ông Hai Cu ở Mỹ-Tho ra đời. Trong đó có nhiều đào kép trứ
« danh xuất hiện như cô Năm Phi, cô Bảy Phụng-Há, cô Tư
« Sặng, kép Hai Giỏi và Năm Châu, v.v...

Từ đó điệu cải-lương càng phát triển mạnh và nhiều
ban được thành lập :

Văn-Hi Ban ở Chợ-Lớn, Tân-phước-Nam ở Sóc-Trăng và
« Sĩ-dồng-Ban ở Long-Xuyên v.v. Lần lần điệu cải-lương đem
« trình diễn ở Trung-Phần và Bắc-Phần và được đồng bào
« các nơi ái-mộ.

(Trích Nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam : Hát-bội, Cải-lương,
Thoại-kịch của ông Trần-Văn-Khải, bản ronéo của Thanh-Trung
thư xã Sài-Gòn, không đề năm in trang 19 và 20.)

Bài của ông Trần-Văn-Khải rành rẽ, đầy đủ, không ai chối
cãi được. Nhưng đây là thiên hồi-ký nên xin cho tôi tiếp tục.
Tôi có ý sưu tầm bài Tứ-Đại-oán « Bùì Kiệm thi rớt ». Thuở
còn đi học, đứa nào cũng thuộc năm ba câu, nay gặp hỏi lại,
ai cũng xưng thuộc, nhưng khi ca thử thì quên đầu quên đuôi.
Người trong điệu, hoặc bịa hoặc chế những chỗ quên, nên
không toàn bích. Tiện đây tôi xin chép một lớp đầu, một lớp
xang dài I, một lớp xang dài II, và chừa trống đủ chỗ lớp xang
vắn và lớp hồi thủ, anh em nào còn nhớ xin bổ túc và gởi cho
tôi xin một bản với.

Bài ca BÙÌ-KIỆM THI RỚT, điệu Tứ-Đại-Oán

Lớp đầu.—

KIỆM từ khi thi rớt trở về,
BÙÌ-ÔNG mắng nhiếc nhún trề
Trách KIỆM rằng ham bề ăn chơi
(bản khác : Trách sao chàng ham bề vui chơi).

KIỆM thừa : Tài bất thắng thời
Con dám nào không lo bề công-danh
Tuổi con còn xuân xanh
Ơn mẹ cha chưa đền.
BÙI-ÔNG nghe
Tiếng nỉ non vượt ve khuyển KIỆM,
Thôi con ở nhà, đừng khuya sớm với cha.

Lớp xang dài I.— Nửa đêm vừa lúc canh ba
Nghe trên lầu kia ai than thở
KIỆM muốn tường trong duyên cớ
Bước lên bèn thấy
Một trang má đào,... xụ mày.
Tóc bỏ rối chẳng cài,
KIỆM khen nhan sắc ai tày (...ai hoài) ?
KIỆM giả màu cất tiếng ho
NGUYỆT-NGA đương bàn luận so đo
Nghe tiếng ho, giả vui đứng dậy
Chấp tay chào thầy (cất tiếng chào thầy)
Chẳng hay đến chi đây ?

Lớp xang dài II.— KIỆM phân lữ bước thang mây
Về ở nhà nghe cha nói lại
Rằng sẵn lòng có nuôi một gái
Sắc khuynh thành lại thêm biết phải
Lòng đây sở mộ
Hôm nay mới tường.

(trương chưa trống để chép lớp xang văn và lớp hồi thủ :)

Lớp xang văn.—

Lớp hồi thủ.—

Ngày nay việc cũ trên 50 năm cố nhớ lại, riêng về tỉnh Sóc-Trăng là tỉnh lúa gạo nhiều và có nhiều tay khi khải, chính năm 1918 có thầy Cai-tổng Hậu ở Kế-Sách, một mình xuất 40.000 đồng bạc quyền quốc-trái kỳ thứ tư (1918) giết giải nhứt, làm cho tỉnh Sóc-Trăng có tên đứng đầu sổ các tỉnh Nam-kỳ mua quốc-trái năm ấy. Tôi lại nhớ các năm 1915 (kỳ nhứt), 1916 (kỳ nhì) và 1917 (kỳ ba) đề tổ chức và khuyến khích lạc quyền, tại chợ Sóc-Trăng vẫn bày các đêm đặc biệt hát bội hát tại nhà lồng, duy năm 1918 (kỳ tư) mới có mấy ông mấy thầy Sài-Gòn xuống hát tuồng Pháp-Việt nhứt gia, Gia-Long tàu quốc. Năm trước, tôi nhớ rõ, có gánh hát bội Cô Ba Ngoạn ở Chợ-Lớn xuống hát tại chợ Sóc-Trăng, và năm ấy ông Phó Tham-biện Nguyễn-Phủ-Quy có đòi một gánh hát khác, có cô Sáu Sền làm đào chánh, đến hát chung phụ lực và hai cô đào, cô Sáu Sền và cô Năm Nhỏ làm vợ kếp khó Trần-Nhứt-Chánh, đối đáp nhau trên sân khấu thi diễn tài nghệ : đào vườn (Sáu Sền) làm mẹ chồng nhiếc cay nhiếc đáng nàng dâu là Cô Năm Nhỏ, cô Năm tài non hơn hát không lại, chỉ còn nước khóc thật tình, « mẹ ời ! mẹ ! mẹ ời ! » Khán giả đều mũi lòng, tôi cũng cảm lòng không đậu và trách thầm người trùng tên với tôi sao quá ác. Đầu gối manh nha mẹ hát cũng từ đây !

Ông Hai Khi (Bạc-Liên).— Nếu phải kể công đầu, đáng làm hậu-tổ cải-lương nữa thì sao lại không kể ông Hai Khi ở Bạc-Liên ? Nghe đầu ông sống lối năm 1915, đến vài chục năm sau, ông bạn Thuần-Phong từng biết mặt. Ông Hai Khi đầu cồ xà, ngón tay co rút và nguơ-ngoe rất khó. Thế mà ông có tài riêng, không ai bắt chước được. Ai muốn thử tài cứ đến nhà, ban đầu ông đỡ mừng cho xem, chỉ thấy trống, kèn, chập chĩa trơ trơ ở trong ấy, thế rồi khách ra ngồi salon, ông Khi chun vô mừng, một « minh ền » rồi bỗng nghe trọn bộ cỗ nhạc khuê động có tiết tấu nhịp nhàng y như có cả bốn năm người hòa-tấu : trống xô, kèn thổi, đờn kéo ò-e, chập chĩa lũng-tùng-xòa, các việc đều do một mình ông Nhạc Khi (Nhạc-sanh Khi)

điều khiển. Không ai biết ông làm cách nào mà được như vậy, có người làm tàng nói rằng ông Khi đánh trống bằng ngón chơn kẹp lại, nhưng còn tay nào đờn, miệng nào thổi kèn, rồi phèng la, chup chĩa không phải tự nhiên nó khua một lượt được ? Quả là diệu thuật, và dốt biết ngồi nghe lại ít ai cười hơn.

Trở lại Trần-Văn-Triều ở Rạch-Gầm (Mỹ-Tho).— Tánh tôi không chịu nói cái gì nói một lần và tra trở đi trở lại. Có người trách như vậy là lắm cảm, nhưng trách thì tôi chịu, duy tôi thấy nói làm vậy mà nhiều người nhớ, nên tặc lớn tôi vẫn không chừa. Tôi đã được đến viếng tại chỗ, mộ ông Bảy Triều, trên mộ chỉ đề rõ ràng « Trần-Văn-Chiêu, sanh năm 1897, mất ngày 10-7-1931, tuổi vừa 34. Sao ông Trời sớm cướp thiên tài ? Con ông là Trần-Văn-Khê, nếu không có chiến tranh, ắt ở bên này, mai một danh tài. Nay ông ở Pháp, đồ tiến-sĩ văn-chương với luận án khảo về âm nhạc cổ điển Việt-Nam (la musique vietnamienne traditionnelle, les Presses Universitaires de France) và từng lưu diễn và làm thơm danh Việt-Nam ở khắp trời Âu. Chỗ xứng đáng của ông là quản thủ trường Quốc-Gia Âm-Nhạc Sài-Gòn. Ông có người em là Trần-Văn-Trạch lại chịu chôn vùi tài hay trong xứ và nếu chịu xuất dương ca hát, tôi dám chắc, cũng như ai, ít nữa khỏi nghèo.

Trần-Ngọc-Viện.— Tôi xin góp chút tài liệu về gia đình nhà tài-tử văn số Bảy Triều. Bà Trần-Ngọc-Viện là chị, nay mộ chôn ở giữa hai mộ vợ chồng em trai Bảy Triều tại làng Vĩnh-Kim. Bà tạ thế ngày 25-8-1944, thọ 60 tuổi. Bà từng lập gánh Nữ-Đồng-Ban ở Mỹ-Tho. Bà biết ca và xử dụng cây thập-lục tươi mượt. Bà từng làm cách mạng, không sợ vào khám, và đã có nếm cơm tù nhiều lần. Đứng về giới mỹ-thuật và văn-hóa, bà có công đào tạo một mớ đào cải-lương và người lợi lạc đề tiếng nhắc đời không ai khác hơn là Cò Năm Phi.

Nguyễn-Tri-Khương.— Cậu của Khê và Trạch, người này cách nay trên bốn mươi năm vẫn dãi tôi và kẻ tôi như em út, ấy là ông xã-trưởng cự, Năm Khương, Nguyễn-Tri-Khương.

từ trần ngày 6-10-1962. thọ 78 tuổi. Các tài-liệu về chữ đề trên mộ chí, tôi đã đọc và chép buổi đi Rạch-Gầm ngày 4-4-1965. Ông Khương đờn cây cò tuyệt diệu và thổi tiêu rất hay. Lúc sanh tiền, ông có đặt bài ca « Tây-chay chi-noa », tôi có chép bèn phần tập II, nhưng tập này chưa ắt in ra sách. Ông cũng thường xung phong vào những buổi hòa tấu nghĩa hiệp. Tại Rạch-Gầm tôi còn biết và từng nghe cô Năm Chung là đào hát bội xuất sắc đồng thời với ông Diệp-Văn-Cương và vua Thành-Thái. Cùng với bà Tư Bồn, cô Năm Chung là hai cô đào tiền bối ngành hát bội, cũng như Cô Năm Nhỏ gánh bà Ba Ngoạn, cho đến nay chưa có ai thay thế và sánh tài bằng.

Năm Chung, Tư Bồn, Sáu Sền, Năm Nhỏ, Ba Quyên là những đào hát bội sanh ra có một lớp đó rồi khi tàn, không ai thay thế. Để chứng minh lớp sau muốn nối đuôi lớp trước, tôi xin cử vài tỷ dụ : như cô Kim-Cúc gánh Năm Châu là để nhớ cô Cúc, vợ Bảy Thông gánh thầy Thận ; và tề-nội, Năm Sa-Đéc, tọc danh Kim-Chung, là để nhắc cô Năm Chung xứ Rạch-Gầm.

Phan-Hiền-Đạo. — Tôn-Thọ-Tường.— Nhắc lại. Tư Triều, cô Ba Trần-Ngọc-Viện, ông Nguyễn-Tri-Khương đều có công lớn trong bước đầu ngành cải lương xứ Mỹ-tho. Nói chi đáng, Rạch-Gầm giỏi về nghiệp cầm ca, cũng dễ hiểu, vì xét ra đây là quê hương nhau rùn ông Phan-Hiền-Đạo. Trong bộ « Điều cò hạ kim thi tập » của Nguyễn-Liên-Phong (nhà in de l'Union Sài-Gòn xuất bản năm 1915), tr. 39-40 có viết : « Ông Phan-Hiền-Đạo, người tỉnh Mỹ-Tho, thi đậu tấn-sĩ, hình trạng thanh lịch, tánh nết thiệp liệp thông minh, lúc ngài ra Huế học cử-nghiệp, thì có học đặng điệu đờn Huế cũng nhiều, đến khi thi đậu rồi, vua ban cờ, biễn, áo mào cho về vinh qui, đặng ít lâu, quyền ngôi Đốc-học-chánh tại tỉnh Mỹ, tác thành môn đệ đông người, lúc nhà nước lại thâu thủ Nam-kỳ, ngài với ông Tôn-Thọ-Tường toan bề ra giúp việc nước với langsa, hai ông cùng nhau trò chuyện lấy làm

tương đắc, rồi thì ngài riêng nghĩ phận mình làm sao không biết, ngài trở về làng Vĩnh-kim-đông tục danh là Chợ-Giữa, ngài bèn tự tử, còn một mình ông Tường giúp việc nhà nước làm tới đốc-phủ-sứ (1). Lớp sau ông Phan-Thanh-Giản, duy ngài với ông Tường là văn học phẩm hạnh có tiếng, thân hào trong sáu tỉnh có đặt bốn câu hát rằng :

« Lớp sau Thanh-Giản tiếng đồn,
« Là Phan-Hiền-Đạo với Tôn-Thọ-Tường.
« Ông thời nho nhã văn chương,
« Ông thời thi phú tốt đường diệu công.
« Ông về thác tại Kim-Đông,
« Ông ra giúp nước bụng đồng tương tri,
« Một còn một mất trọn nghi,
« Ngàn thu gương tạc Nam-kỳ danh nho.

Thi rằng :

Nổi dấu văn-tinh rạng vẽ son
Rủi ro thời thế tiếng không tròn;
Cõi bờ chủ mới lăm vun quén
Cờ biển ơn xưa nghĩ héo đon
Tri kỷ mấy lời ghi bụng nhớ
Dạ đài một giấc nin hơi ngon.
Khúc đờn Lưu-thủy trôi dòng bích,
Mà giọng kim tranh diệu Huế còn.

(tr. 39-40 Điều Cỗ Hạ Kim Thi Tập,
Nguyễn-Liên-Phong)

(1).— Tôi có nghe thuật lại nhưng không nhờ tài-liệu do ai thuật, rằng ông Phan-Hiền-Đạo vì mất cỡ bởi một câu nói của ông Phan-Thanh-Giản. Nguyên Tường và Đạo lúc ấy có lòng ra giúp Tây và có vẻ đắc ý lắm. Trước đó Đạo ngồi ghe đi dự lễ của Pháp tổ chức, trước mũi thuyền có treo cờ tam-tài. Ông Phan-Thanh-Giản nghe được, trách : « Tường muốn làm gì thì làm vì chưa ăn lộc triều-đình. Đạo không nên làm theo vì Đạo là tẩn-sĩ, có từng hưởng lộc của vua. » Đạo về suy nghĩ lại, hổ thẹn nên tự tử.

Nay tôi cũng không ngờ như nói chuyện đờn địch xứ Vĩnh Kim lại kéo ra chuyện ông Tôn-Thọ-Tường và ông Phan-Hiền-Đạo. Ý tôi muốn nhấn mạnh rằng người Chợ-Giữa, Rạch-Giầm học đờn có căn bản, có gốc gác, vì hai ông Tường và Đạo có ra học nghiệp tại Huế và có thợ nghiệp đờn ngoài ấy. Chuyện theo Tây bỏ ra ngoài, phải nhìn nhận hai người có công đem nghệ-thuật đờn vào truyền bá trong Nam. Nhứt là Cậu Ba Tường, ai ai thuở ấy cũng biết tiếng, ăn chơi hút xách, đờn địch, bạc bài, tứ đồ tường ông ném đủ, vì binh sanh là người bất đắc chí, tuy dầu Tây mà ghe phen giúp bạn, cứu nguy nhiều người, và trọn đời chịu nghèo không tham của hối, chưa chắc người khác được như ông. Còn tài đờn và làm thi-phủ thi khỏi nói.

Lúc nhỏ tôi được nghe khẩu truyền câu dân-diệu này :

« Nước Nam có bốn mỹ-miêu : NGẠN cờ, THIỀU võ, TAM tiêu, DỪNG đờn. »

Theo sách khảo cứu Trần-Văn-Khê dẫn trên, tr.107, Dừng và Tam đều là thầy đờn nhạc-sĩ hữu danh thời trước của đất Huế.

Lộc, Lễ, San, Nghĩa.— Trong tập « Ca dao giảng luận » của ông bạn Thuần-Phong, (Á-Châu xuất bản, tr.77) có câu :

« Đồng-Nai có bốn rồng vàng : Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi. »

Trong bốn người, Th.P. ghi Nghĩa là Bùi-Hữu-Nghĩa, đã soạn tuồng « Kim-Thạch kỳ-duyên » (1) Theo ông bạn, câu ấy

(1).— Xin mách, ông Trần-Văn-Hương, sau khi thôi làm Thủ-tướng, đã bỏ công bỏ của cho ra quyển Tuồng hát bội Kim-Thạch kỳ-duyên, có ông bạn Lê-Ngọc-Trụ hiệu-định, do nhà Khai-Trí xuất bản — 1966. Sách dày 304 trang, chữ măt con măt, rõ ràng và trình bày sáng sủa, đáng một kỳ công về ấn-loát và chánh-tả, chú thích phân minh, không dư thiếu chữ nào, đúng hệt như ông bạn cố-nhàn, mập và không ưa nói nhiều. Ấn cần giới thiệu. VHS

xưa và lên đến ông Bùi-Hữu-Nghĩa lận sao ? Cho tôi hỏi : « Lộc, Lễ là hai ông nào ? Đến như Sang, có phải chăng đây là Phụng-Hoàng-San, tác-giả tập « Bản đờn tranh » xuất bản xưa nhất, từ năm 1909 (nhà in Phát-Toán, Sài-Gòn) và họa may duy có tôi còn giữ được một bản tại nhà. Theo lý Sang đây phải viết không « G », nhưng dặt Nam-ký vào đời ấy cho đến nay cũng vậy, San và Sang viết lộn xộn lắm, xin hiểu cho.

Và cho phép tôi bàn rộng ra một chút : nếu nhìn nhận Phụng-Hoàng-San đàn giỏi, thì câu này nên hiểu mới có gần đây, lối năm 1915 thôi và lối năm đó tôi biết có ông Nghĩa khác, rất giỏi về thi phú, nguyên là giáo-thọ dạy chữ Nho trường trung-học Mỹ-Tho, có để lại một vẽ đối, chưa ai đối được :

« Hạng-Võ khóc Ngu Cơ, ngọc cu Hạng-Võ ! » Tên thật của ông là Trịnh-Hoài-Nghĩa, dòng dõi Trịnh-Hoài-Dức. Ông có dịch bộ truyện Tàu « Quân-Anh-Kiệt » ra quốc-ngữ bản, nhất in năm 1907 (cũng chỉ nhà tôi còn một bộ !) Như vậy trong câu thơ ta biết được hai ông, còn hai ông Lộc, Lễ nữa chưa biết, thì câu trả lời cũng chưa dứt khoát.

André Lê-Văn-Thận.— Trở lại tìm hiểu hậu-tổ cải-lương là ai, xin cho tôi nhấn mạnh và ghi công cho ông André Lê-Văn-Thận, và ông.

Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản.— Ông trước là bầu gánh, ông sau là thầy tuồng bất hủ. Lê-Văn-Thận là một công-tử quê ở Sa-Đéc, ăn chơi khét tiếng, dám xài hơn thầy Phó Mười-Hai, thêm được tuổi trẻ hơn và thuộc nhóm tân tiến có học nhiều năm nơi trường trung-học Chasseloup Sài-Gòn. Ra trường, André Thận có đi làm « cò tàu » coi sóc một chiếc tàu thủy của hãng Tây chạy đường từ Hậu-Giang lên Mỹ-Tho gọi Messageries Fluviales. Sau đó thôi làm và quanh năm lêu lổng chơi bời, thường cùng các thầy đờn và các danh-ca đi

từ nhà các địa-diễn-chủ quen từ tỉnh này qua chợ nọ, tổ chức ca ngâm dân dịch. Sau đó kinh nghiệm và dạn lần bèn lập gánh và đưa lên diễn trên sân-khấu Sài-Gòn, rạp Modern, đường d'Espagne (sau tôi sẽ nói rõ hơn).

Đỗ-Văn-Y.— Công đặt tuồng có ần ý, viết câu ca khi khai, ần nói ngang tàng điệu

Cường-Đề bài Hành-Văn «Tứ Hải» nơi đoạn trước, lại là công của ông Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản, một nhà cách mạng từng với ông Đỗ-Văn-Y (còn sanh tiền) theo phò Hoàng-thân Cường-Đề, lưu-lạc qua tới Đức-quốc, dốc lòng xin viện trợ tinh việc chống Pháp, nhưng việc bất thành...Đến đây tôi không vội kết luận và xin nhượng công trình tìm người khai sanh cho điệu cải-lương cho học giả có tài liệu đầy đủ hơn.

Nay tôi xin tóm tắt những gì tôi biết :

a) ở Rạch-Gầm (Sầm-Giang, Mỹ-Tho, cũng gọi Vĩnh-Kim, Chợ Giữa), nghề đờn đã biết từ ông Phan-Hiến-Đạo, Tôn-Thọ-Tường du học đất Huế và du nhập nghề đờn vào Nam ;

b) ở Bạc-Liêu, có ông nhạc-sanh Hai Khi, thiện nghệ nhiều cây đờn và ông là người Minh-hương, từng thọ giáo đờn Tiều (Triều-Châu) tươi mượt đẹp như cò gái « đầu gà dít vịt ». Nhờ pha điệu Tiều nên chế ra điệu Vọng-cổ Bạc-Liêu sau này.

c) ở Vĩnh-Long, trước có ba ông : Tống-Hữu-Định, Kinh-lich Quờn, và Phạm-Đặng-Đàng, trau giồi nghiệp cầm ca không cho mất gốc ;

d) ở Sài-Gòn, cổ nhiên nhiều người biết đờn, nhưng chỉ đờn salon hay đờn nhà hàng cho khách uống khai-vị, trong số có Nguyễn-Liên-Phong và con là Nguyễn-Tùng-Bá, gọi Tư Bá, là người đi dạy đờn khắp lục-tỉnh nhiều người quen biết ;

e) ở Sa-Đéc, thầy André Lê-Văn-Thận lập gánh xiệc pha cải-lương, có ông Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản là thầy tuồng, đặt nhiều bài ca ái quốc.

f) cách vài năm sau, gánh thầy Thận rã (rã năm nào tôi không biết) duy nhớ!

Thầy Năm Tú, Châu-Văn-Tú (Mỹ-Tho).— ngày 19-3-1922 tôi còn được xem ở Sài-Gòn rạp Modern, đường d'Espagne, thầy Thận đem gánh hát lên diễn tại đây, hiệu đề « Cirque Jeune Annam ». Khi gánh thầy Thận rã, thì ở Mỹ-tho có thầy Châu-Văn-Tú gọi Thầy Năm Tú, vớt xác gánh này, rũ hết các tài-tử và chuộc luôn tuồng tập của thầy Thận rồi lập gánh của mình. *Thầy Năm Tú đem gánh hát lên diễn tại Sài-Gòn ngày đầu, kỳ 1922, là 12-11-1922 chiếu theo tờ chương trình buổi hát tôi còn cất giữ trong hồ sơ (tài-liệu số 203 trong phần phụ-lục, tập II).*— Gánh thầy Năm Tú vào năm 1922 có lên diễn tại Sài-Gòn và cũng diễn trong Chợ-Lớn, tôi có đi dự xem, và lúc ấy tôi rõ kệp đào gánh thầy Năm Tú là do gánh André Lê-Văn-Thận sang qua, khi rã gánh. Như vậy, theo tôi, ngày ra đời của Cải-lương, nên tra tầm khoảng giữa năm 1918-1919 chỉ đến năm 1922 là chót. Theo ý riêng tôi, có lẽ trước năm 1920, vì năm ấy (1920) bọn anh em học ở trường Mỹ-Tho đổi lên trường Chasseloup-Laubat đều có trong tập bài ca những bài bất hủ của Trương-Duy-Toản đặt : Búi-Kiểm thi rớt, lão quán ca « bánh tôm khô chiên, dầu-cha-quẩy chiên » v.v... Nhưng nay hỏi lại anh em đều ù ở phần văn bất hủ. Vậy cần tra cứu nơi xuất xứ, hỏi lại những người còn sống sót ở Sa-Đéc, ở Mỹ-Tho hỏi lại cho chắc. Tôi không muốn nói nhiều vì không muốn lên mặt « học giả ». Và cũng vì thế tôi đã lựa nhan sách này là tập « hồi ký của một người mê hát » vậy thôi. Nay tôi nhớ gì thì viết nấy, không cần trật tự cũng không cần gò bó luyện câu văn, đây là tôi nói sao thì viết vậy kiểu mạn đàm buổi trà dư tửu hậu. Về gánh thầy Thận, khi diễn ở Sa-Đéc hay ở Vĩnh-Long (?) tôi còn nhỏ và còn học trường tỉnh ở Sóc-Trăng chưa được đi xem. Duy khi tôi lên học ở Sài-Gòn vào giữa năm 1919, và nhớ khoảng năm 1920-1921

gi đó, tôi có hân hạnh được xem gánh xiếc André Thận diễn tại rạp Modern-Théâtre ở đường d'Espagne cũ (nay là đường Lê-Thánh-Tôn) rạp này sau dỡ ra cất phố lâu, xóm cũ-là Mac-Phsu, nay là chỗ nhà báo « Chánh Đạo » và nhà xuất bản « Gió Việt » (thuật theo lời ông Thuần-Phong). Thầy André Thận như đã nói là con nhà giàu xứ Sa-Đéc, biết ăn chơi xài phá như phần đông các cậu công-lữ « lục tỉnh » còn kinh doanh làm ăn lớn có sổ sách thì zéro. Thầy học ở Chasseloup Sài-Gòn, nhưn lúc ấy thấy gánh xiếc Huê-kỳ Harmstrong-circus (có xuống Sóc-Trăng và tôi có đi xem diễn với Ba tôi), thấy bọn xiếc Huê-kỳ hốt bạc, thì thầy nảy ý bắt chước, về Sa-Đéc quê nhà tụ hội anh em bày ra lập gánh hát xiếc.

Hào-Tông-Thông-Cang, cô Cúc, cô Thoàn, cô Mảo, cô Marguerite Tấn,— v.v...— Trong gánh đại khái có *thầy Hào* chuyên luyện bắp thịt và biểu diễn võ (nhảy dây, nhào lộn trên đu), *thầy Tông* (Lương-Văn-Tông) làm trò ảo-thuật và *thầy Thông, thầy Cang*, lúc ấy đều là công-chức kẻ làm bèn trường tiền sở địa-hạt, kẻ là em ông kỹ-sư (Lương-Văn-Mỹ), đều bỏ sở để lang bạt kỳ hồ, đi đây đi đó, ở phòng ngủ sang, ăn cơm nhà hàng Tây (bungalow) và hành nghề mời lạ, đi dây, đánh đu, nhảy vòng lửa, ca hát đờn địch, khỏe ru sương quá!! Tôi không dám chắc việc xảy ra năm nào, duy tôi nhớ có từng tận mắt xem gánh thầy Thận diễn tại rạp Modern.

Cô Hai Mảo.— Nhưn dịp lễ được nghỉ học, tôi ra trường, mượn phòng tại khách-sạn của ông Trần-Quang-Nghiêm năm xưa lối 1919-1920 ở đường d'Espagne, một dãy với rạp Modern.

Lần đầu tiên tôi đụng độ gặp một tiên-nữ trần-gian.— Trưa hôm ấy, tôi đi ăn cơm tiệm rồi về phòng nằm nghỉ. Bỗng có ai đẩy mạnh cánh cửa phòng, cửa lại không khóa. Thấy tôi linh quỳnh vì ăn mặc quá sơ sài, một giọng cười trong-trẻo

chấm dứt bóng hiện của tiên-nga : cô Hai Mảo, đào đánh đu và đi dây gánh thầy Thận, nhơn chạy kiếm con chồn đèn nuôi sứt dây, cô qua phòng tôi...Đêm lại tôi đi xem hát thấy lại người tiên buổi ban trưa, nhưng nay bận đồ thun hường sát da, cô đang nhào lộn trên đu, khiến hồn vía tôi bay theo bóng cô và hình dáng cô, mãi mấy tháng sau, khi vô trường vẫn chưa nhập xác, đêm nào như đêm nầy tôi chiêm bao và khỏi cần lật sách cũng thấy hiện hình một mỹ-nữ nhan như ngọc. Chính đêm nầy, tôi được xem thầy Tông hát thuật, trong bụng tôi nói có thua gì lão Léopold, và cô Mảo nhào đu thì khỏi nói ! Đến lớp giễu Bùi-Kiệm thi rớt, (tôi đã chép bài Từ Đại, tưởng cũng nên chép ra đây luôn bài Bình-bán vắn, để làm tài-liệu ; bài ấy như vậy :

Tức tôi thay, con thi rớt tức thay
Phải thi tài thi trí con nói chi
Nào hay đâu cứ lo thi tiền :
Ai nhiều tiền hơn thì tên đứng cao !
Con không thềm lo nên mới rớt ngay,
Tấn-sĩ-xu con thà không đậu !
Mua danh vọng, con màng chi trọng
Xin cha mưa bơn cũng đừng giận chi con !
Công danh ví không công bằng,
Thà con cam vác cái cày cho xong,
Tiếc bấy lâu hương hỏa đấng công,
Tưởng chiếm nổi khoa đầu khóa nì,
Tài con có thua mặt nào ?
Rủi xuống thi khóa thi lo tiền,
Con thấy vậy đem dạ thâm ghét
Không thềm lo một xu nữa cha !
Rán khoa sau, thà muợn danh,
Chớ đem tiền đem tiền mãi danh

Thà con cam chẳng chịu dó cha.

Năm nay vi thi không đậu,

Chờ hội sau hầu đoạt thủ-khoa.

(bài số 137 trong tập mè hát số II).

Bài ca này, sĩ-tử và sinh-viên trường Sài-Gòn lớp 1922-1923 không ai là không thuộc. Thậm chí tại quartier européen, tại Tây lai cũng bập bẹ học ca. Có một ông hoàng-tử Cao-miễn cũng lơ lơ ca bài binh-bán văn Bùi-Kiểm thi rớt. Không biết đặt năm nào và ai đặt, nhưng hấp dẫn ghê, đến nay ca lại còn giựt gân như bốn năm chục năm về trước : vẫn mới và vui, thêm rất bình dân và rất giọng Miền Nam.

Trở lại đêm hát, sau lớp xiệc, lại bày một lớp tuồng « ca ra bộ » : dọn một bộ ván tư, bốn tấm, có chưng kiềng xanh bốn góc, ba thầy đờn khăn đen áo dài, ngồi kẻ đờn tranh kẻ đờn kim, kẻ khác thổi tiêu, để cho một cô đào hay một anh kép, đứng hay ngồi « ca ra bộ », khi nhắc tay lên khi hạ tay xuống.

Đêm tôi xem diễn tuồng « Tùỵ-Kiều gặp Từ Hải » (xem bài Hành-Vân « Mặt yêng hùng... » đã chép) chưa phải là dịp đầu tiên tôi được dự khán điệu hát mới có « ca ra bộ » này. Lúc tôi còn học tại trường tỉnh Sóc-Trăng, tôi đã có dự xem đủ bốn kỳ hát quyền tiền giúp quốc-trái chống giặc Đức, những năm 1915, 1916, 1917 và 1918. Ba năm đầu tôi nhớ tỉnh nhà cây gánh hát bội Cô Ba Ngoạn trên Sài-Gòn xuống diễn, có cô Năm Nho xuất sắc trong nhiều vai tuồng đặc biệt vừa thiện nghệ làm Trương-Phi oai võ, vừa làm đào Lưu-Kim-Đinh mỹ miều, duy năm 1918 mới có gánh hát của mấy ông mấy thầy diễn tuồng Gia-Long tàu quốc. Nay tôi rõ lại có ba giai đoạn đánh dấu buổi phôi thai của cải-lương :

1) từ 1915, bắt đầu chế và đặt bài ca mới, thay những bài đã có từ năm 1909 (tập bài ca in chữ quốc ngữ xưa hơn hết là tập « Bản đờn tranh và bài ca — Chủ bút PHỤNG-HOÀNG-

SANG, édité par ĐÌNH-THÁI-SƠN dit PHÁT-TOÁN, vente et réparation de bicyclettes et vente de livres en quốc-ngữ, in lần thứ tư, SAIGON, Phát-Toán, Libraire-Imprimeur, 55-57 rue d'Ormay. Ngoài bìa đề ngày xuất bản là Janvier 1910, nhưng trang trong lại đề décembre 1909. Trong tập có nhiều bản đờn và bài ca. Nếu tập « 50 năm mẹ hát » bán chạy, tôi sẽ in tập nhì gồm các bài ca những năm xưa nay không còn tồn tại nữa ; từ 1909 đến 1916.

2) cũng lối năm ấy, có lẽ là đến năm 1917, ra đời gánh hầy Phở Mười-Hai ở Vĩnh-Long và gánh André Thận ở Sa-Đéc. Lúc ấy có phong trào bắt chước theo Tây, cho rằng như vậy mới sang, con cái đặt tên có tên Thánh đứng đầu « André, Philippe ». Tại Sa-Đéc có hội lương hữu lựa tên là « Sadec-Ami » và đọc lơ lớ theo giọng Tây là Sa-dơ-ka-mi. Thậm chí điệu « ca ra bộ » lại bỏ mất dấu và đọc nghe như « carabeau ».

Vừa rồi, tôi gặp một thầy cũ gốc gác ở Sa-Đéc có đọc cho tôi nghe câu liên do ông kinh-lịch Hối tặng cho gánh hát thầy Thận khi làm lễ khai trương, trong câu có đủ các tên những kép chánh Tông, Thông, Hào, nhưng không nhớ soạn năm nào :

Câu ấy như vậy : « LƯƠNG cao TÔNG mau khai hỷ-viện,
« THÔNG đạt anh HÀO thế sự vô ». »

Câu này của ông Nguyễn-Văn-Cứng, giáo-sư dạy vẽ trường Chasseloup-Laubat đọc cho chép như đi lãnh lương hưu trí.

3) đến năm 1918 có gánh của Đốc-phủ Bảy và Đặng-Thúc-Liêng làm bầu. Gánh này do mấy ông mấy thầy đóng tuồng và đề tỏ rằng không phải chánh thức hát bội, nên lựa danh-từ « hát bộ » để gọi, khiến về sau dấu điệu hát này đã chết nhưng danh từ « hát bộ » còn tồn tại rất lâu và khiến nhiều người đã lầm lộn và dùng thay cho danh từ hát bội chính cống.

Các điệu ca ra bộ, hát bộ và cải-lương sau này đều chịu ảnh-hưởng các buổi hát những kỳ bãi trường do các trường trung-học Taberd, Mỹ-Tho, trường tỉnh Sóc-Trăng dưới thời ông đốc Tây François Gros dạy và tập hát theo kiểu hát Tây-phương, sau người mình áp dụng qua điệu hát mới, trước khi đặt tên đó là hát cải-lương. (Ông François Gros bị bệnh bại hai chân, nhưng dạy rất giỏi. Tôi còn nhớ một năm bãi trường lỗi 1913-1914, ông dạy hát bằng tiếng Pháp, có một cậu học trò lớp nhứt hát y hệt Tây, rất được hoan nghinh, và cậu ấy là Trần-Quang-Cảnh, không ai khác hơn là cha của kếp Hữu Phước ngày nay đó. Chúng ta không nên vong bản và quên ơn các nhà tiền bối, phần đông là các giáo-sư trường Pháp, đã có sáng kiến diu dắt và dạy cho ta biết một nghệ-thuật hát ca khác với điệu hát bội thời ấy. Tỉnh Sóc-Trăng tuy bé nhỏ nhưng đào tạo rất nhiều đào kếp cải-lương danh tiếng. Vì việc xảy ra lâu quá tôi không nhớ rõ lắm, nhưng nhớ mại mại vào những kỳ bãi trường năm 1920-1921-1922, từ trường Sài-Gòn (tôi lên học từ tháng 9 năm 1919), từ trường Sài-Gòn trở về xứ, mỗi kỳ tôi đều có xem tập tuồng hát cải-lương trong xóm nhà lá phía sau trại lính Mã-là. Đây là bước sơ khởi của gánh ông thầy thuốc Trần-Văn-Minh, lương y sở tại. Ông Minh học thuốc ở Hà-nội về. Ông gốc gác ở Mỹ-Tho, cho nên tôi định nhưn một dịp nào đó ông về xứ thăm quê hương, ông gặp cơ hội xem diễn cải-lương. Bận về Sóc-Trăng, sẵn tiền sẵn thế lực lại sẵn thấy nghề mới dễ hốt bạc, ông bèn lập gánh. Gánh này lấy hiệu là gì tôi không nhớ, nhưng thấy trong tập «Nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam» của ông Trần-Văn-Khải trang 20, thấy viết Sóc-Trăng có gánh Tân-Phước-Nam, tôi định ắt là gánh này.

Cò Ba Nhân, Hai Nhỏ, Ba Theo, Bảy Cừ, kếp Tư Út (Phạm-Thế-Dầu).— Gánh thầy thuốc Minh diễn được đời ba năm kể làm không lại các gánh khác nên dẹp, trong gánh tôi còn nhớ

các cô đào nhớ cả đến tên : Nhỏ, Thẹo, Cừ, nhưng trội nhất là cô Ba Nhân, sau đi gánh Trần-Đắc và thác sớm vì bệnh ho lao. Bên phe kép có anh Được, học trò lớp nhất trường tỉnh, anh giàu tính khô và duyên dáng, tưởng có tương lai nhiều, ngờ đâu số không được thọ. Một kép chưa phát và còn mai một là Tư Út Phạm-Thế-Đầu, về sau là kép nhất của gánh Phụng-Hảo. Tư Út có người anh là giáo-viên dạy ở Bang-Long (Giếng-Nước) quận Long-Phủ (Sóc-Trăng). Nhờ anh nuôi dưỡng và cho ăn học, nhưng Út có nghiệp Tổ nên thời học sớm đề nhảy qua nghề ca-xướng. Cho đến nay tưởng kép Thành-Được chưa hơn tài và người ca hay nhất vẫn xưng Út Trà-Ôn đề nhắc danh một thiên tài sớm khuất, một ngôi sao rực rỡ nay đã tắt và chưa có thay thế.

Về thầy tuồng của gánh thầy thuốc Minh, có đến ba người : người lãnh vai đạo-diễn là thầy Tư Quốc, làm y-tá trên đường đường tỉnh lỵ ; ngoài ra có ông giáo Quyền và ông giáo Trần-Tấn-Chức trông nom đặt đề các vở tuồng, cả hai cùng dạy trường tỉnh Sóc-Trăng, ông Quyền dạy lớp tư, ông Chức dạy lớp nhì, cả hai đều học văn uyên thâm. Ông Chức, thầy của tôi, là một người học rộng, giỏi cả Pháp-văn và Việt-ngữ. Tỷ dụ khi ông soạn tuồng Châu-Mãi-Thần ly thê, khi ông đặt tờ đề vớ, ông viết nhiều câu ngộ nghĩnh. Tôi nhớ bản Văn-Thiên-Tường, câu nhất vớ là « *Châu-Mãi-Thần ký tờ thơ vu...* » và trong một bản Hành-Vân khác, ông lại viết : « *Hạ ly tờ, v.v...* » « Rõ ràng là ông đã lộn ý và chuyển từ văn-cú Pháp câu « *Je soussigné, etc...* », ngộ chưa ? Cố nhiên những bài ca của ông Chức và ông Quyền đặt, đượm nhuần văn-chương, tiếc thay tôi khi ấy đã đi học xa nên không giữ được bài nào để làm kỷ-niệm. Anh em đồng học với tôi, như ai có, xin làm ơn cho tôi xin một bản vớ.

Cô Kiều, Bảy Cảnh.— Cũng trong gánh thầy thuốc Minh ở Sóc-Trăng có cô Kiều ca khá nhất. Đây là thân mẫu của kép

Hữu-Phước của gánh Thanh-Minh Thanh-Nga. Trong gánh về giàn dờn có trưởng-tòa Cảnh (Trần-Quang-Cảnh) là cổ thần sinh kép tài danh Hữu-Phước. Cậu Bảy thiện nghệ cây vĩ-cầm, đờn bản Vọng-cổ điệu cũ không chỗ chê và cùng với thầy Bảy Thông dạy trường Bỗ-Thảo (Thuận-Hòa, Sóc-Trăng) chuyên môn cây mandoline, là hai người đầu tiên phổ nhạc Việt qua đờn Tây chợ Sóc-trăng thuở ấy.

Trong khi ở Sóc-Trăng có ông thầy thuốc Minh lập gánh thì đồng thời có nhiều gánh khác được lập ra, như tại châu-thành Mỹ-Tho, có :

Toàn-nữ-ban Trần-Ngọc-Viện, trong gánh đào tạo được một ngôi sao rạng rỡ là cô Năm Phi.

Gánh Ông Hai Cu.— Tương đương với gánh Cô Ba Viện, có ông chủ lò thợ bạc là ông Hai Cu lập trước gánh Đồng-Bào-Nam, đề rồi sau cho rã và lập lại gánh « Tái-Đồng-Ban », vì việc này xảy ra ở Mỹ-Tho, nên tôi không biết rành lắm. Trong gánh có kép Giỏi là phát mau, dây hứa hẹn rủi lại mất sớm. Trong tập « Những mảnh tình Nghệ-sĩ » của Sĩ-Tiến, Chân-Lý, Hà-nội xuất bản, 1952, trang 135 có đoạn viết cảm động, tôi xin chép y nguyên văn :

« Nói đến đây, Tư Út vào mở rương lấy ra một tấm hình « cho tôi (Sĩ-Tiến) coi, rồi nói : — « Đây là hình anh Hai-Giỏi, « một kép hát độc nhất vô nhị của sân khấu cải-lương Nam-kỳ. « Người đã chiếm được trái tim cô Năm Phi lần đầu tiên và « diu dắt ngôi sao rực rỡ này trở nên một cô đào có tiếng tăm « lừng lẫy.

« Ở trong tôi một hóm diễn « Tham phú phụ bần » anh Hai « Giỏi vì đau nặng không thể ra trình bày tài nghệ được ; khán « giả la ó, bắt chủ gánh phải khiêng cái thân hình khẳng kheo, « với bộ mặt nhăn nhó của anh ra sân khấu cho xem rồi mới « chịu ngồi cho đến tan, nếu không họ sẽ đòi tiền lại.

« Anh đã làm tròn sứ mạng một kịch sĩ tiên phong, cho
« tôi noi theo tấm gương xán lạn.

« Khi anh nhắm mắt xuôi tay trút hơi thở cuối cùng, sân-
« khấu Miền Nam mất một kịch-sĩ hy sinh tận lực với nghề.
« Cả bạn đồng nghiệp bùi ngùi cảm động. Nhứt là Cô Năm
« Phỉ là người đau đớn vô cùng, vì trên đường đời, không
« những hai người dờ dạng sát cánh nhau ngấm hoa thơm cỏ
« lạ, mà còn thiếu một đôi tri-kỷ có tâm hồn yêu nghệ thuật
« hơn tình ái. Cô kêu trời giậm đất lẫn sả vào chiếc quan-tài
« đã phủ che một kiếp tài hoa bạc số mà tương lai còn hứa
« hẹn nhiều với Hỷ-trường.

« Than khóc chán rồi, ý giả muốn ghi lại một kỷ-niệm
« chưa xót những ngày chung sống với người kịch-sĩ đại tài,
« cô vỗ trên mặt quan tài rút tờ lòng ca hết bài « Văn-thiên-
« tường Bá-Lý-Hề » mà lúc sống anh Hai Giỏi đã tập luyện
« cho Cô.

« Nói xong với cây đòn kim, Tư Út vừa đòn vừa ca Văn-
« Thiên-Tường lớp I cho tôi nghe như sau :

« Vì tình kia, cái thân sanh sao đắng cay ?

« Thương thay ! đương khi gian truân, bâng khuâng trong
« lúc chia tay, yếm lụy nhỏ cùng chàng,

« Vì tình nhà hàn vi, nên mới sanh ly ;

« Đưa nhau bắt tay dặn dò, đến lúc đặc lộ người có nghĩ
« tới chút tình Tào-Khang ?

« Tay dựng chén này hôm nay, khuyên lương nhân, vững
« lòng ruồi dung vào đến nước Tần,

« Cách núi ải, bước như vực thăm rán dò,

« Lo trong khi, qua đèo ải ngang gành đá chập chồng,

« Qua đến chốn, sớm thư nhận tả mấy hàng. cho hản, cái
« điều ấm lạnh đường nào,

« Thiệt thảm thiết thương kẻ nhà ngồi trông

« Thiệt rất bận tấm lòng,

« Xa xôi luống thắm cho chồng, lướt bụi hồng dày thân... »

« Ca dứt, Tư Út nói : — Cò ca xong bài tôi vừa ca, mới
« cho phép đưa quan-tài người yêu ra để chiếc xe tang lên
« đường vĩnh biệt. »

(Sĩ-Tiền. — Những mảnh tình nghệ sĩ, tr 135-137).

Nay trở lại thuật tiếp kể các kếp hữu danh trước có ở trong
gánh ông Hai Cu, còn quí anh Nguyễn-Thành-Châu, Tám Mèo
(nay ở Mỹ-Tho) và Ba Du. Anh Du này, chính tôi có nghe anh
hát. Người ta đồn lúc ở Mỹ-Tho, đêm nào không có Du, khán
giả đòi trả giấy, lấy tiền lại vì cách ca đặc biệt của anh : anh
ca lẹ như lật rau, chạy đua với dờn, nhưng khi tiếng dờn dứt
là câu ca của anh ă dờn phong phúc. Nhứt là vai Mạnh-Lương
ăn nhận, anh làm coi rôm râm (sau Năm Châu có thủ vai này
nhưng không bằng). Nay Du đã ra Bắc, nói nhiều về anh không
tiện... Tôi xin nhường cho các vị cổ cựu xứ Mỹ-Tho bổ túc
đoạn này, mà tôi cho là quan trọng nhứt, vì sẽ đánh dấu buổi
phôi thai của ngành cải-lương mà nhau rún xuất phát vẫn từ
đây, cũng như các tay rường cột, Năm Châu, Cò Năm phỉ, Cò
Bảy Phùng-Há đều có ở đây. Một điều cho đến nay tôi vẫn
còn tiếc là tuy tôi được học trường lớn Chasseloup-Laubat ở
Sài-Gòn, nhưng tôi còn tham, ao ước muốn được học Việt-ngữ
với các thầy dạy quốc-văn ở trường trung-học Mỹ-Tho độ đó,
quí ông Nguyễn-Khắc-Huê, Nguyễn-Duy-Tâm, v.v... Thầy dạy
tôi ở Sài-Gòn là ông Nguyễn-Văn-Mai, tuy dạy tất tình, thương
tôi như con đẻ, nhưng lòng tôi cứ mong muốn được học với
ông Yên-sa Diệp-Văn-Cương, khi ấy thời làm quan ở Huế, lui
về làm giáo-sư. Ông có bằng tú-tài đời Pháp, lại lầu thông Hán-
tự, ông dạy trường trung-học Chasseloup-Laubat đến khóa
1919-1920 thì về hưu không dạy nữa, thiệt là đáng tiếc. Mấy
lần bãi trường tôi đi ngang Mỹ-Tho để đón tàu thủy về Sóc-
Trăng vì thời gian eo hẹp và tiền tài khiếm khuyết, tôi không
được trú lại đây để học hỏi về nguồn gốc cải-lương, sau này
khôn lớn thì đã quá muộn.

Năm 1919 lên học trường Sài-Gòn, một vì không có người bảo lãnh ở đô-thành (correspondant), hai là nhờ Ba tôi cung con cho tiền bỏ túi khá rới rới nên mỗi chúa nhật hay ngày nghỉ lễ tôi đều xin ra, mượn phòng tạm ngụ để nằm « thú ăn cơm nhà máy uống nước phong-tên » Sài-Gòn.

Trần Ích. — Tôi có một bạn học cũ, trước cùng học tỉnh Sóc-Trăng và cô gia thế hơn tôi nhiều nhưng sau sa sút, cha mẹ mất, anh Trần-Ích bỏ còi, bèn bỏ học và nhảy qua tập hát. Trần-Ích có tặng cho tôi nhiều bộ truyện Tàu đến nay tôi còn giữ làm của quý, và nhớ ơn xưa, lối 1919, mỗi lần ra trường tôi đều kiếm anh để liên lạc, tô hủ tiếu, tách cà-phê, rất là tương đắc. Dè đâu anh xuất lây tánh lang-bạt và xuất chút nữa tôi đã nhảy trường không biết để trở nên kép hát hay khiêng rương và dọn dề-co !

Gánh hát Tân-Thịnh. — Anh Chin Ích theo gánh Tân-Thịnh, trước khi gánh này khá và tàu sự-nghiệp ở chợ Sa-Đéc thì đóng đô ở chợ Cầu-Ông-Lãnh tôi nhớ mại mại như là mượn phố tập tuồng ở đường Kitchner (nay là đường Nguyễn Thái-Học) việc này tôi không dám chắc (1) vì anh Ích thường hẹn với tôi gặp nhau khi tại quán nước khi tại trường Bá-Nghệ Đỗ-Hữu-Vị (nay đường Huỳnh-Thúc-Kháng) vì có anh bạn chung, Tảng-Thiên-Lãng, học ở đây, hoặc ở trường dạy thêu đường Mac-Mahon (Còng-Lý) mà bạn chúng tôi, anh Chơn, học với ông Georges Bois, về công nghệ và mỹ-thuật.

Tư Long, Năm Phôi, Hai Thiên. — Tôi nhớ ba anh kép Long, Phôi, Thiên này đều là bạn đồng gánh với anh Chin Ích. Anh Chin cặp với một cô đào hát sau này nổi danh tài sắc một thời và khi có danh tiếng rồi thì bỏ rơi anh Chin của tôi vì Chin Ích lục lục thường tài, tập hoài mà không phát, chỉ đóng

(1) Chỗ này tôi nói sai, sau rõ lại là Tân-Thịnh tập tuồng đường Bồ Rệt nay Yersin.

vai phụ làm đầu dang lục lâm chịu cho vợ làm nữ soái chém đầu, chém mãi chị Chín chán, sau đó bắt bèn theo công-tử bột đi an nem trên Thủ-Đức và bỏ anh Chín tôi không chút ân tình.

Cò Hai Dàng.— Cò Hai Dàng, có bộ tóc hoe hoe, các bạn gọi « tóc đồ », đóng tuồng Tàu rất ăn dền, có cái giọng khàn khàn, khao khao giọng thổ, (nhiều người mê cò vì giọng đó). Bù lại cò có nét mặt lai lai, mũi cao mắt sáng, và cái mốt Le Mur (Cát-Tường), áo quần một màu, khi hột gà lợt, khi cà-phê-sữa, thêm lại ống quần cò thêu ren dài các, đã làm cho cò tăng vẻ đẹp không ít. Sau cò lấy chồng giàu có ở Sốc-Trăng, rồi thời người đó trở lại sân-khấu một thời gian rồi lu mờ chết năm nào tôi không nhớ.

Văn-Hi-Ban, Võ-Hi-Ban. -- Đồng thời với gánh Tân-Thịnh trong Chợ-Lớn có gánh Thầy Mười Vui, làm việc Sở Cảnh-sát, trước lập ra gánh Văn-Hi-Ban, sau tách ra gánh thứ đặt tên là Võ-Hi-Ban chuyên về tuồng Tàu.

Gánh-Phước-Cương.— Về sau gánh Cò Ba Ngoạn là gánh hát bội, giao lại cho con trai là ông Nguyễn-Ngọc-Cương (mất cuối năm 1945) cũng gọi Cậu Tư Cương làm chủ. Cậu Tư bèn lập thêm một gánh cải-lương đặt tên là gánh Phước-Cương. Một mình hai vợ : bên hát bội là chồng Cò Năm Nhỏ, một thiên tài bạc mạng truân chuyên, bên cải-lương là chồng Cò Năm Phỉ, đa tình. Gánh Phước-Cương lúc ấy sở trường diễn tuồng Tàu, đặc biệt nhất là tuồng « Xử án Bàng-Quí-Phi », trước kia do gánh Văn-Hi-Ban sáng tác.

Bảy Nhiều, Cò Năm Phỉ, Cò Ba Lựu.— Trong tuồng Cò Năm Phỉ thủ vai Bàng Quí-Phi nỉ non màu mè tình tứ bao nhiêu, thì Cò Ba Lựu xuất sắc trong vai bà Địch Thiên-Kim bấy nhiêu, thêm kép Bảy Nhiều đương thời xuân trẻ, thủ vai Tống Chơn-Tồn muối mặn, làm vua mà như vầy đàn bà không ai ghét.

Bộ ba này quả có máu nghệ-sĩ, cho đến nay hát lại tuồng ấy chưa ai bì kịp.

Tôi quên, viết đã nửa tập mà chưa xưng tên ! Tôi khi còn nhỏ, là con chủ lò thợ bạc, đã được mấy chủ thợ Ba tôi nuôi trong nhà, như chủ Hai Yên, dạy tôi rí rả mấy câu Tứ-Đại-Oán « Gia, Hôn-gia xã-tắc đời, Khiến nên Đồng-Trác hưng thời... », sau đó anh Tỷ, anh Hui, anh Siêu dạy tôi quết lọ đòn độc-huyền và thổi ống tiêu. Nhưng trời khiến tôi học không nên thân nào, đòn thì ngón chai ngắt, ống tiêu thì chỉ thuộc mấy câu đầu bản Bình-bán vắn « Liu tồn liu xáng u, muốn chơi mèo mà sợ đau c...u ». Sau lên học Chasseloup tôi vẫn mang theo cây tiêu và cứ tối tối, cơm nước xong từ trong nhà ăn ra, hễ nghe thổi câu « liu tồn liu » hương nào thì biết liền có tôi ở đó. Sau đó tôi đổi qua học nhạc Tây, mỗi chiều thứ năm thay y phục tiêm tất, trình giấy phép ra cửa, ôm cây vĩ-cầm (sau bị Thổ cướp ở Thanh-Mỹ-An, Sóc-Trăng) leo lên lầu khách sạn Hôtel de France, đường Catinat, học trọn bốn năm với giáo-sư nhạc kiêm thầy gác lớp Sersot, khi ra trường chuyên môn kéo vĩ-cầm với câu « bò kéo xe, xe kéo bò » ! Đến chừng tôi thôi học đi làm việc cũng còn đòn, (nhờ vậy mà tôi quen với ông Nguyễn-Tri-Khương, anh Ba Hậu và anh Tư Thành...) nhưng khi đi tá túc ăn cơm tháng nơi tiệm thợ bạc lớn ở đường Bonard (Lê-Lợi) bà chủ nhà là bác Năm Hy nhạo tôi « Bộ mày có số ăn mày hay sao mà tập nói thơ Văn-Tiên, nói về Bùi-Kiểm, thổi ống tiêu như thẳng mù, đòn độc huyền như thẳng đui ? Muốn ở nhà tao lâu dài, tốt hơn hãy bán những thứ đồ đó đi, S. à ? » Tôi vâng lời Bác Năm tôi và từ ấy tôi thôi học đòn, cũng rất may cho tỉnh giấc cô bác anh em ở chung nhà chung xóm. Tuy vậy tôi còn giữ mãi một tánh quen từ nhỏ là tôi ưa thích và cố tìm để sưu tập những gì tôi mua được, dính liu với hát bội và bài ca. Tôi để riêng các tài-liệu về hát bội một khi khác sẽ lấy ra nghiên cứu, nay tôi xin kể ra đây những sách hiếm có tôi đã sưu lượm về bài ca từ trước. Nhờ những tập nhỏ này mà tôi được biết theo năm theo thứ tự,

những bài ca cổ đã được thông-hành và lưu dụng trong giới tài-tử Miền Nam, eir thứ kê khai trong tập « hồi ký II » có lẽ tôi sẽ in sau nếu biết có người cần dùng và mua, chớ nay in bất tử e đồ nợ mà khốn.

Sau đây là những bản dờn và bài ca từ năm 1909 đến năm 1915, ở Sài-Gòn và lục-tỉnh, những ai đọc được chữ quốc-ngữ vẫn mua về và thưởng dờn và ca trong nhà những bản này. Tôi sao y nhan sách để làm tài liệu :

Bản dờn tranh và bài ca
Chủ bút : Phụng-Hoàng-Sang
Edité par Đình-Thái-Sơn, dit Phát-Toán
Vente et réparation de bicyclettes
et vente de livres en quốc-ngữ
In lần thứ tư
Sài-Gòn
Phát-Toán, libraire-imprimeur
55-57 rue d'Ormay
Janvier 1910 (tr. nhì lại viết Décembre 1909)

(Từ năm 1909 đến 1915, Sài-Gòn và lục-tỉnh ra đờn và ca những bản này :)

Số thứ tự	Tên bản đờn	Tựa của bài ca	Câu đầu như vậy :
2	Lưu-thủy-trường	Tài-sắc tương-tư	Ả tình mới tình nửa mừng thêm lo
4	Phủ-lục	Kim-Kiều luận	Thương thay tài sắc Túy-Kiều
6	Bình-bán-chấn	Minh-lương hội-ngộ	Ả tiêu xuân tiêu chí kỳ
8	Xuân-tỉnh	Xuân-tỉnh diễn-ca	Đêm khuya nghe trống trở Nam-lầu,
10	Bình-bán-vấn	Thái-bình thanh-hội	Tạ cửu trùng khấu dầu bài mạng
12	Bắc-man tấn-cống	Ngự-chế	Đồng tương bửu cống... hiển lai tán
14	Tứ Đại	Chiêu-Quán cống Hồ	Ả xui ai xui Hờn-Liêu gây loạn
15	—	Kiều oán	Ả Dương, Liêu-Dương xa cách dăm ngàn
16	—	Tần cung oán	Ả vang về vang năm thục mây rồng
17	—	Tửu-sắc-tài-khi	Khuyên phu-quán xét thiệp đòi lời
18	—	Khóc thê	Ả khuya đêm khuya trăng gọi bèn màn
19	—	Đố phụ-	Ả ba canh ba trống điểm trên lầu
20	—	Đàn bà ghen	Thời thời chờ nói thêm rầy
22	Phụng-hoàng	Khúc oán từ	Ả ôm gối loan trăm thăm ngàn sầu
24	Nam-xuân	Tò-Huê chức cầm	Đây đó dành kết nguyên bạn loan

26	Nam-ai	Tò-Huệ chức cầm	Khi vưng chiếu chỉ ra đề cờ
28	Từ-Đại-Cảnh	Than Túy-Kiều	Than Túy-Kiều, tài sắc nọ...
29	—	Xưa kia mà	Xưa kia mà, tình thương nhớ
30	—	Ca khúc cầm	Ca khúc cầm, ngấm câu lý
31	—	Xa xuôi đường	Xa xuôi đường, xa xuôi ngõ
27	Nam-ai	Kim-Kiều (I)	Thanh-minh trong tiết, Kim, Kiều, Kim, Kiều tảo mộ...
32	Từ-dại-cảnh	Nhớ ai ngơ ngần	Nhớ ai ngơ ngần, ra vào, ra vào chờ đợi
33	—	Đêm nghe tiếng dế	Đêm đêm nghe tiếng dế kêu sâu
34	—	Ai ời chờ ngủ riêng	Ai ời chờ ngủ riêng mình, riêng mình mà lạnh

I.— Bài Nam-Ai số 27, tác giả sắp lộn sau Từ-Đại-Cảnh nên sửa lại theo thứ tự Trích tập Bản đờn tranh và bài ca Phụng-Hoàng-San (Phát-Toán 1910) Những số 1,3,5,7 v.v. là số các bản đờn nên tới không kể.

Qua năm 1915 rộ lên in ra một loạt đến bốn tập bài ca, mà theo tôi, tác giả những bài ấy không biên danh tánh để lại, ngoại trừ bài nhờ kỹ thức nên độ ra tên được, như bài có câu « *Tôi nay danh-sĩ Đặng-Đặng* » đã có nơi đoạn trước (tr. 16) hoặc bài Tứ-Đại « *Lục-Vân-Tiên* » có câu :

Tây-Minh xem truyện đã tàng, Thanh Phong đặt phổ rõ ràng (tác giả là Thanh-Phong) ; hoặc bài Tứ-Đại khác : Nay « ta người huyện Tân-Hòa, Huấn-Trai tự đặt tánh Hoàng (tác giả là Hoàng Huấn-Trai) v.v... kỳ dư tuy đề tập « *Từ tài tử* », hay là « *Thập hay Lục tài-tử* » v.v... là để phân biệt cuốn này cuốn nọ, chớ các tên họ đề ngoài bia thay soạn giả đều không đúng sự thật và có khi bia đặt cũng chưa biết chừng, tỷ như ông Đặng-Tiên-Nhiều, ông Đặng-Đắc-Lợi, ông Đặng-Nhiều-Hơn, v.v và v.v. chung qui, theo tôi, đó là trích-lục-gia hoặc xuất-bản-gia không đề tên thiệt. Trong phần phụ lục, « *Hồi-Ký tập II* », tôi cần thận cho phép lại đủ các bài ca tôi có, vì đây là những tài liệu có giá trị đánh dấu một thời-dại, các nhà sưu tầm, viết tuồng có thể căn cứ vào đó mà xét biết được đường tiến triển, nét bước lần hồi nhưng rất vững chãi của ý-tưởng và cách thức của người lớp trước đặt đề bài ca từ những năm xưa, mà bản in chữ quốc ngữ xưa nhứt, theo tôi là bản in lần thứ tư năm 1909-1910 của Phụng-Hoàng-San, trước đó tôi tìm chưa thấy bản nào.

Dưới đây tôi xin ghi lại theo các tập đã in, những bài ca cũ đã có. Tôi chỉ biên chép những tựa, những câu đầu mỗi bài cho biết. Khi nào các độc-giả cho tôi biết có đủ số người yêu cầu, tôi sẽ in đủ làm tập « *Hồi-ký II* ».

12 Juin 1915.— Tập bài ca « Lục tài-tử » đề ngày xuất bản như vậy, trên bìa đề do Đặng-Tiền-Nhiều và Đinh-Thái-Sơn cho in tại nhà in Imprimerie de l'Union, Sài-Gòn gồm các bài sau đây :

Số thứ tự	Tên bản đơn	Tựa bài ca	Vô câu đầu mỗi bài
35	Tứ-Đại	Nguyệt-Nga cống Hồ	Năm, trăm năm quyết giữ ơn chàng
36	—	Tong-Tur-Vưu	Á khi dương khi trong lúc thừa nhân,
37	—	Khóc thê	Á khi từ khi em thác tuổi vàng
38	—	Tiên-Bửu đưa dò	Á Giang, Lương-Giang què quản bấy chầy,
39	—	Lâm-sanh, Xuân-nương	Á khi dương khi...Phận cơ hàng thương nàng Xuân-Nương
40	—	Vọng phu	Á buồn bán buồn đất ế lỗ lời
41	—	Bạch-Viên	Tiên hai tiên bay xuống dương trần,
42	—	Khen Cô Năm	Trải xem xưa nay trị loạn mấy đời

43	Phụng-hoàng	Kiều	Kim-lang vi tân qui hương cổ
44	Từ-Đại	Tặng mỹ-nữ	Nghe vắng nghe rục rờ vườn đào
45	—	Chiêm bao	Chiêm bao linh ngộ thấy một nàng
46	—	Bạch-Viên	Á xanh non xanh núi thẳm trăm đàng
47	—	Chọc mèo	Xanh non xanh ắn đá ngọc lành
48	Nam ai	Tò-Huệ chức cầm	Khi vưng chiếu chỉ ra đề cờ
49	Ph. Hoàng	Lục-Vân-Tiên	Á Tiên, tiếc thương mẫu-thân khử thế
50	Nam-xuân	Tò-Huệ chức cầm	Đáy đó dành kết nguyên bản loạn
51	Từ-Đại	Từ-Thứ qui Tào	Khuâng bàng khuâng ngũ nội tan tành
52	—	Duyên kỳ ngộ	Nhân nhân duyên thiên lý tương phùng

Xem số
26

xem số
24

toàn
chữ

15 Juin 1915.—Tập bài ca « Tháp tài-tử » do Đặng Đắc Lợi, Đình-Thái-Sơn xuất bản kỷ nhứt nhà in de l'Union.

Số thứ tự	Tên bản đờn	Tựa bài ca	Vô câu đầu
53	Tứ-Đại	Văn-minh	Á nay ta nay người huyện Tân-Hòa
54	—	Hạnh-Nguồn cống Hồ	Năm trăm năm quyết giữ đá vàng
55	—	Than phận	Khó sao khó lắm bờ trời ?
56	—	Khóc thê	Á khuya đêm khuya trăng giới bên màn
57	—	Hoài tình nhơn	Á đêm năm canh riêng tưởng chuyện mình
58	—	—	Á xa đường xa cách trở dăm ngàn
59	—	Kỷ ngộ	Nhau xa nhau xa cách dăm ngàn
60	—	Ngọc-Dung cống Hồ	Á đình linh đình phận gái Hờn- Hồ
61	—	Văn-Tiên dui	Á đau bỗng đau căn bệnh thình linh
62	—	Phụng-Nghi-Đình	Á gia Hờn-gia xã-tắc đời đời

xem 18
tr. 115

quan
trọng

xem 35 tr. 146	63	—	Nguyệt-Nga cống Hồ	Á năm trăm năm giữ vưu ơn chàng
	64	Phụng-hoàng	Vân-Tiên (tiếp theo)	Vân-sinh bi thương chi nan tổ
quan trọng	65	Từ-Đại	Tặng Tống-hữu-Định	Vĩnh-Long tỉnh xưa Thánh- miếu quan thờ
quan trọng	66	—	Tây-Nam-Du	Thương ý thương không ngớt cơn sầu
	67	—	Bài ca đi Tây	Xưa, trước xưa sang trọng bạc ngân
	68	—	Tửu-sắc-tài-khi	Á xưa sách xưa chép đề rõ ràng
	69 70	Phủ-lục Tứ-Đại	Chúc thánh-thọ Từ rõ bạn	Thiên, dương thiên di hoàng Dặm xa xuôi Đông-Hơn, Tây nhân
	71	Lý 6 bài bắc	Khớp ngựa ó	Ngựa ó anh thắng kiểu vàng
	72	—	Á đi xăm xăm	Bước tới cây chanh
	73	—	Á đi xăm xăm	Trong phủ bước ra
	74	—	Á đi thời thời	Buồng áo em ra
	75	—	Á đi thương trò	Cho quả bánh bò
	76	—	Á đi thương trò	May áo cho trò

Trong tập này có nhiều bài quan trọng lắm, như bài :

«gia Hón gia xã tác dôi dôi», là trụ cột mỗi dịp mỗi đem ra ca, ý than xã-tắc
dôi thay

«Vĩnh-Long tỉnh xưa thánh-miếu quan thờ», trong bài than vì vận nước...

«Thương ý thương không ngớt cơn sầu», có pha nhiều tiếng langsa, bài cổ-
diễn đã biến chuyển.

16 Juin 1915.— Xuất bản tập « Từ tài-tử ».— Đặng-Nhiều-Hơn, Đình-Thái-Sơn.—
de l'Union

Số thứ tự	Tên bản đơn	Tựa bài ca	Vô câu đầu
77	Tứ-Đại	Bá Nha (kỳ I)	Mượn bút nghiên vội tả vài hàng
78	Nam-xuân	Tích Tô-Huệ	Á chàng. chàng ỏi, chiều vua chàng lãnh
79	—	Ẩn-tĩnh	Đòi ta từ sơ giao
80	Lưu-thủy	Ẩn-tĩnh	Á ỏi, chàng ỏi, sao có bạc tình
81	Tứ-Đại	Bá-Nha (kỳ II)	Á thu trung thu nay đã đến ngày
82	Lưu-thủy	Cờ bạc	Á ỏi chàng ỏi, sao chàng cứ thua vậy hoài ?
83	Bình-bán-vấn	Vui-mừng	Vui mừng vui quá vui
84	Tứ-đại	Thoại-Khanh, Châu- Tuấn	Trên lĩnh trên mở hội cầu hiền
85	—	Trương-Phi	Á Phi, Trương-Phi cứ thủ cổ thiềng
86	—	Ẩn-tĩnh	Du ký du đòi chữ ân tình

87	—	Từ rã bạn tự trảng	Dặm quan san thiên lý dề vời
88	—	Đánh đề	Khi dương khí trong lúc thái bình
89	—	Ăn tỉnh khuyên giải	Gần trăm năm dòi gỏi chung cùng
90	—	Ăn tỉnh	Khi dương khí trong lúc thừa nhân
91	—	Đố phụ	Thời thời chớ nói thêm rầy
92	—	Vân-Tiên	Tây, Tây-Minh xem truyện đã tàng, Thanh-Phong đặt phở rõ ràng
93	—	Vân-Tiên (tiếp)	Vân-Tiên xin lui bãi lĩnh song đường
94	—	Ghen	Ả tưởng trăm năm dầy vợ đó chồng
95	—	Đào-viên kết nghĩa	Ả xui ai xui ly loạn cuộc đời
96	—	Túy-Kiều (1)	Triều Minh chánh ngôi Gia-Tĩnh truyền bày
97	—	Khuyên mỹ-nữ	Xuân đêm xuân gió giục dầu nhanh

29 août 1915.— Xuất bản tập « Bát tài-tử ».— Nguyễn-Tùng-Bá, Đình-Thái-Sơn,
nhà in de l'Union

Số thứ tự	Tên bản đồn	Tựa bài ca	Vỏ câu đầu
98	Tứ-dại	Ngộ trăm Trịnh-Ăn	Năm bấy năm biên Sở non Tần...
99	—	(tiếp theo)	Nghe hoảng kinh gia-tướng trở về...
100	—	Vợ Ngũ-Thiệu bị tên	Bình, thiên binh vạn mã phát cờ
101	—	Hoàng-Phi-Hồ đầu Châu	Khuáng báng khuáng ngồi dựa trên lầu.
102	—	Xử Bàng-Quy-Phi	Rao hoạn quan cung nữ hầu gần
103	—	Tiết-Cương tế tảo Thiệt-Khư-phần	Thương mẹ cha ăn thảm uống hờn
104	—	Trần-Ngọc-Dung trá hôn	Tơ vắn vương con gái họ Trần
105	—	(tiếp theo)	Lăn ngã lăn núi áo Phụ-hoàng
106	—	Khổ sai Côn-Nôn	Núi Côn-Nôn hải đảo giữa vời

quan
trọng

107	—	Phi-Long trả thù	Khen phiên-bang Cửu-Nhĩ có lòng
108	—	(tiếp theo)	Thương Phi-Long có hiếu thờ chồng
109	—	Nguyệt-Nga cống Hồ	Ông Kiều-công ra trấn Đông-thành
110	—	(tiếp theo)	Mấy trăm năm giữ nghĩa đá vàng
111	—	Coi lễ chánh-chung gặp mèo	Chơi dạo chơi cho biết đủ dằng
112	—	Đàn bà ghen	Lâu bấy lâu ăn ở đương nồng
113	—	Tò-Huệ chức cầm hồi-văn	Voi thăm thay cách trở dăm ngàn
114	—	Hồn Triệu-kinh- Nương đưa Khuông- Dẫn	Triệu nhơn-huynh mưa chờ ưu phiền
115	—	Phản - Lê - Huệ cứu Hồng-thủy-trận	Oan dầy oan buộc trời lấy minh
116	—	Ngưu-Cao tế mộ	Thương ý thương Cao-đệ anh hùng

Trở lại bản phiếm. — Trong năm tản cư 1946 tại Sóc-Trăng, tôi chạy và dọn gia-tài vô ruộng ở Bàng-xa-mo (Bann-Thmo) làng Hòa-Tú (Sóc-Trăng) bận về không hao mất vật gì ; rồi tháng 3 năm 1947 tôi bỏ sự nghiệp chạy mình không lên Sài-Gòn và ở luôn trên này cho đến nay, gia-tư tế-nhuyên đều để lại ở nhà của Ba tôi và cũng là nhà của các em tôi nay ở chợ Sóc-Trăng. Trong khi vắng mặt, chỉ lạc mất ba tập bài ca nhỏ, sau tôi tìm-kiếm mãi cho đến nay vẫn chưa gặp lại và theo tôi ba tập ấy khá quan trọng vì viết vào lúc biến chuyển, vào giai-đoạn gay cấn của nghề cầm ca trong Nam đang chuyển mình :

1) *Bản đồn kim của Nguyễn-Tùng-Bá.* — Tập thứ nhất, mất, là tập bản đồn kim của ông Nguyễn-Tùng-Bá, gồm lối hai-mươi bài ca dạy đồn kim xuất bản trước năm 1923. Lúc nhỏ, tôi từng biết mặt ông Nguyễn-Tùng-Bá khi ông « thả cầm thi » xuống chợ Sóc-Trăng ngồi dạy đồn. Ông trắng người, đồng dầy mảnh khảnh đẹp trai, đầu tóc đen huyền, nhưng tóc bới theo xưa hay cắt ngắn nay tôi không nhớ chắc, tánh phong lưu luôn luôn thích ngậm xi-gà, khi khác hút thuốc bao xanh « Bastos » thứ không cắt đầu để y nguyên tra điều thuốc trong ống đót bọt nước và thỉnh thoảng gật gù vừa dạy đồn vừa nhấp ly cồ-nhac « sec ». Ông dạy cho biết và hòa ăn nhịp được một bản Tứ-đại, ông nhận công năm đồng bạc, trong khi ấy cơm nước ăn ở tại nhà người học đồn, và phải nhớ cung phụng sang trọng có rượu Tây có đồ nhấp vĩ vèo nhé ! Năm đồng bạc lúc ấy không phải nhỏ, thêm cơm nước hầu hạ nên người ta ngán... học không bao nhiêu.

Nguyễn-Liên-Phong. — Nguyễn-Tùng-Bá là một phong-lưu tài-tử, dân Sài-Gòn, con ông Nguyễn-Liên-Phong, tác-giả bộ « Điều-cổ hạ-kim » thi-tập, in năm 1915. Ông Nguyễn-Liên-Phong cũng là tay đồn danh tiếng như Nguyễn-Tùng-Bá. Năm ông Bá xuống Sóc-Trăng có truyền nghề đồn tranh cho Cậu

Hai Nguyễn-Văn-Vinh, cựu xã-trưởng, đại diện-chủ ở làng Hòa Tú. Trước khi về Sài-Gòn ông Bá để lại cho Cậu Hai Vinh với giá bảy chục đồng bạc lớn, một cây tỳ-bà thùng trác nguyên cây móc ruột, mặt gỗ đồng cổ lên nước thâm đen, phim toàn ngà, đầu đòn chạm dơi ngậm tui tuyết khéo, tiếc thay về sau cây tỳ-bà quý này không biết về tay ai, ngày nay một trăm ngàn bạc có thể kiếm được chớ cây đòn tỳ Nguyễn-Tùng-Bà kiếm đồ mất không ra. Ông Nguyễn-Văn-Vinh học được nghề đòn của Nguyễn-Tùng-Bà về sau đó có truyền lại như anh Bình là bạn học của tôi lúc nhỏ. Bình chết năm nào tôi không nhớ. Còn Cậu Hai Vinh, về sau làm ruộng thất bại, gia-đình suy vi, Cậu Vinh mất, vợ con ly tán, sự-nghiệp tiêu điều, cây đòn mất tích, thật là rất uổng.

2) *Tập bài ca của Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản.*— Tập thứ nhì mất là tập bài ca của ông Mạnh-Tự, một nhà văn và nhà cách mạng có đầu óc. Giá tập sách là ba cắc bạc, nay đáng ngàn vàng. Đã mất và không ai có cuốn khác lại càng tiếc nhiều. Tôi nhớ lời lẽ câu ca, viết rất hay, rất hùng. Nhiều bài rút điển trong nhị-thập-tứ hiếu, toàn gương hiếu-tử, thanh quan, và có ẩn ý, như bài « há úy bất như hồ » tả người đàn bà chồng chết vì hồ ăn, con cũng chết vì cạp xé, thế mà vẫn ở mãi ở xó hóc ấy. Đức Khổng đi ngang hỏi sao không dời đi xứ khác khỏi nạn cạp, bà trả lời : « Ở đây có quan thanh. Sợ hồ không bằng sợ quan tham nhũng ». Mạnh-Tự tiên-sinh từng sinh sống ở Vĩnh-Long, đồng thời với các ông Phạm-Đắc-Đàng, Trần-Quang-Quờn, đã từng viết và làm chủ-bút báo Trung-Lập là cơ-quan Việt-ngữ của tờ Pháp-văn l'Impartial.

3) *Tập bài ca của Nguyễn-Trung-Hậu.*— Tập thứ ba đã mất là tập của ông Thuần-Đức Nguyễn-Trung-Hậu. Ông là bạn tiền bối. Sau tôi có gặp lại tại thị-xã Diêu-Trì của ông Diên-Hương và bà Song-Thanh, ở góc đường Thủ-Khoa Huân và Nguyễn-Du Sài-Gòn. Tôi gặp lại Thuần-Đức một lần nữa trên Thánh-thất Cao-Đài Tây-Ninh. Tôi chưa hỏi về tập bài

ca, có biết đâu bữa gặp ở Tây-Ninh cũng là ngày vĩnh quyết. Tôi nay càng tiếc tập nhỏ này, nhớ trong ấy, văn chương chọn lọc khác hơn nhiều tập khác. Thuần-Đức là một thi-sĩ có tiếng Miền Nam, một cư-sĩ có đạo hạnh, một người ái-quốc chơn chính từng làm thi và chia năm cơm tù với nhiều bạn như Trần-Văn-Hương...

Nay nếu cho phép tôi lăm cặm tóm tắt chương rất dài này, gọi giúp ích chút nào trong việc mai sau muốn tìm manh mối năm sinh của điệu hát cải-lương.

Tôi sẽ kể lại đây và xin các bạn tra cứu kỹ lại giữa những năm 1917 - 1921, vì như đã thấy từ 1909 (xuất bản tập đàn tranh Phụng-Hoàng-San) chỉ đến năm 1915 là năm rộ ra một lúc liên tiếp bốn tập dạy ca đề ngày :

12 juin 1915.— 18 bài ca đề « Lục tài-tử », ngoài bìa vẽ một độc huyền, một kếp ôm cây kim, một đờn cây cò và ba cò ca.

15 juin 1915.— 19 bài ca đề « thập tài-tử », bìa vẽ một kếp thời tiêu, một cò, một gõ sanh, một gáo, một cò đờn tranh, một cò kim, một cò đờn tỳ-bà, một cò đờn độc-huyền, hai cò ca. Trong tập này có bài tặng ông Tống-Hữu-Định, một bài đi Tây với câu « Min-nớp-xăng, quan tham-biện... » v.v... ấy là những bài thông dụng hơn hết trong điệu ca ra bộ về sau.

16 juin 1915.— 21 bài ca, đề tập « Tứ tài-tử » : hai cò, ca, và đờn tranh ; hai đàn ông : kim và cò. Hai-mươi-mốt bài gồm Trương-Phi thủ cổ thành ; tích Thoại-Khanh, Châu-Tuấn ; — Tô-Huệ chức cặm hồi-văn ; Bá-Nha Tử-kỳ ; Đào-viên kết nghĩa ; và chuyện Túy-Kiều ; như vậy đã là linh động lắm, vừa biết tích cũ vừa biết chuyện nay, có bài tả cái ghen của đàn bà, bài khác kể gọn lỏn chuyện đổ-phụ.

29 août 1915.— 19 bài ca toàn bản tứ-dại, nhan đề « Bát-tài-tử », bìa vẽ một kếp đờn cò, một kếp đờn gáo, một cò đờn kim, một cò đờn tranh, một cò tỳ-bà, một cò độc

huyền và hai cô ca. Tập này tôi cho là quan trọng hơn cả vì do nhạc sĩ hữu danh Nguyễn-Tùng-Bá soạn và có đề tên hẳn hoi. Trong tập có đủ : truyện Tàu tích Phi-Long trả thù cho chồng, chuyện vợ Ngũ-Vân-Thiện bị tên, tích Tống Thái-Tổ tùy tửu sát lương (trăm Trịnh-Án), Ngư-Cao tảo mộ khóc Cao-Lũng, toàn là tuồng tích bèn hát bội có diễn, nay phổ vào bài ca, ần ý khuyên noi gương xưa, lòng nghĩa khí, lòng ưu ái quân vương... Một đoạn mới, viết ra bài ca ý nghĩa bình dân : coi lễ chánh-chung gặp mèo, đàn bà ghen...

Năm 1915, có ca chập, có ca thỉnh phòng ; chưa có ca trên sân-khấu.

Một điều chót xin dặn : muốn biết rõ năm nào sanh ra hát cải-lương, tưởng nên điều-tra lại kỹ những chi tiết này :

— Thầy Phó Mười-Hai, Tống-Hữu-Định có lập gánh hát không và lập năm nào, ở đâu ?

— André Lê-Văn-Thận lập gánh năm nào ? Rã năm nào ? Gánh tên gì ? (1) (2)

— Bà Trần-Ngọc-Viện lập gánh Nữ-Đồng-Ban năm nào ? Đẹp gánh năm nào ?

— Ông Hai Cu, chủ lò thợ bạc, lập Nam-Đồng-Ban năm nào ?

— Năm nào, ông lập lại gánh Tái-Đồng-Ban ?

— Gánh Đồng-Bào-Nam và Nam-Đồng-Ban là một hay hai gánh khác ? Gánh nào có trước ?

(1) Theo bản ronéo Nghệ-thuật sân-khấu Việt-Nam c/Trần-Văn-Khải (Thanh-Trung Sài-Gòn xuất bản) thì : 1917 André Thận lập gánh xiệc ; 1918 Năm Tú chuộc gánh A. Thận sắm thêm tranh cảnh, có Trương-Duy Toàn viết tuồng ; gánh Đồng-Bào-Nam của cô Tư Sự...

(2) Ông Duy-Lân nói trên đài phát thanh và bài có đăng báo, tháng chạp năm 1966 quả quyết năm ra đời của cải-lương là năm 1916.

Theo tôi, lập luận của ai, người đó giữ. VHS

- Gánh Thầy Năm Tú có từ năm nào ?
- Gánh Tập-Ích-Ban ở Thốt-Nốt (Long-Xuyên) kếp chánh là Bảy Nhiều lập năm nào ?
- Gánh Tân-Thịnh-Ban ?
- Gánh Văn-Hỷ-Ban ?
- Gánh Võ-Hỷ-Ban ?
- Gánh Phước-Cương ?
- Gánh Trần-Đắc, Cần-Thơ ?
- Gánh Huỳnh-Kỳ ?
- Gánh Phụng-Hảo ?
- Gánh Thầy thuốc Minh, Sốc-Trăng ?

Các tài-tử hữu danh còn sanh tiền như cô : Phụng-Há, Bảy Nam (Sài-Gòn), Sáu Ngọc-Sương (Vũng-Tàu), Thanh-Loan (ngoài Bắc), Thanh-Tùng (?), Marguerite Tấn dào gánh André Thận (Vĩnh-Long)...

Và các anh : Ba Vân (còn đi hát), Duy-Lân (dài phát thanh), Năm Châu (Sài-Gòn), Bảy Nhiều bán quán đình Phú-Hòa đường Trần-Quang-Khải, Năm Nở (?), Tám Mẹo (Mỹ-Tho) ; Tư Trang, đã mất, Tám Danh, Tám Mẹo, còn ngoài Bắc, ngoài ra không nhớ hết và không kể xiết...

CHƯƠNG THỨ HAI

BIẾT BAO NHIÊU, NÓI BẤY NHIÊU

BIẾT BAO NHIÊU, NÓI BẤY NHIÊU (Hồi-ký)

11-11-1922, nhằm thứ bảy, lễ đình chiến Pháp, học trò nghỉ học. Tôi xin ra trường và tối lại tôi đi xem hát gánh thầy Năm Tú từ Mỹ-Tho lên diễn tại rạp Modern, 212 đường d'Espagne cũ. Diễn tuồng *Kiều*, lớp Thanh-Minh tảo mộ gặp Kim-Trọng (xin xem chương trình tôi còn giữ, chép nơi phần phụ-lục, Hồi-ký tập II, trang 410, số 203).

Qua tối thứ bảy 25 tháng 11 cũng năm này, gánh thầy Năm Tú lên Sài-Gòn nữa, diễn tiếp lớp « Tuy-Kiều kết duyên cùng Bạc-Hạnh » (xem Phụ-lục, tờ chương-trình số 204). Cách ít lâu, gánh thầy Năm Tú lên Sài-Gòn diễn nữa, cũng tại rạp Modern là rạp thuận tiện nhất ở Đô-thành thuở ấy. Khỏi nói là tôi cũng tìm thể ra xem cho được. Và tôi đã xem khía hai đêm tối thứ bảy và chúa nhật một thứ tuồng « *Trang-Châu mộng hồ-diệp* » (chương-trình số 205).

31-3/1er-4-1923. — Có một đêm không biết 31-3 hay 1-4 năm 1923, có quan khách đến xem chạt rạp, và trong số tôi nhìn biết có mặt Cô Ba Trà là hoa-khôi số Một đời đỏ và một người đàn ông sồn sồn, hỏi ra đó là Sáu Ngọ, vua cờ bạc đương thời. Tôi chỉ là một bạch-diện thơ sanh, đến tháng bảy 1923 mới ra trường, tháng chín mới làm nghề cạo giấy tập sự, nhưng với mười-chín cái xuân, sẵn tiền trong túi, vả lại cha mẹ thì xa, tôi trọn quyền ở xa dòm ngó và thèm thường: « *Hơn nửa đời HU* » bắt đầu từ đó. Sở dĩ nay tôi nhắc tên hai người Ba

Trà, Sáu Ngọ, là vì, tôi xin nhấn mạnh, cái-lương buổi ấy rất liên quan với nhóm cờ bạc và nhóm chơi bội. Chỉ có nhóm đồ bạc có tiền nhiều, ăn chơi như nước chảy và thường cung cấp gián tiếp cho ca-sĩ hai phái. Điểm cờ bạc cho tiền cho gái, cầm như chịu tiền xâu mà lợi hơn vì tuy cũng thua mà vẫn chụp giựt bóc lột chút nào cũng đã tay, họ ít dám rở tới cái ấy sợ xúi quẩy. Điểm cái không giấy lại dành tiền nuôi « đực », trước mê hát bội, mê thằng Lữ Bố đẹp trai, nay mê kếp cái-lương Tiết Giao, trong tấn tuồng đoạt ngọc tàn thời, cô Me Tây, cô A tứ thời lên lút thằng Tây thằng chồng bất lực mua vui thắm với trai tân, kếp có sắc. Thậm chí, cái với cái, cũng húc nhau được và một đêm nọ trên quán nem Thủ-Đức tôi vẫn gặp « nữ công-tử Sáu Hương » chở đào H. đi ăn nem để lát nữa ca riêng và diễn lại riêng tuồng Nguyên Thành-Tôn giều với nữ thừa tướng Lịch-Quân-Ngọc (tuồng Mạnh-Lệ-Quân giả trai).

Tư Lung, Chín Tưng, Năm Hy, Tư Màu, Tư Nhơn, Huyện Đước, Sáu Nhiều, Sáu Ngọ, tôi đều biết mặt, kể thì tổ chức xuống ghe lớn đi ăn tôm nghe đờn ngoài sông gió mát, kể mời riêng cô X. về nhà, kếp trai thì sẵn cô Tư Nhị, cô Sáu Hương, đưa xe đi dạo muối, tự mình cầm lái, Delage, Hotchkiss... Riêng tôi vì đề bụng bị cô ba Tri khi dễ một câu : « bọn thầy thông thầy ký ăn lương bao nhiêu, ai thêm... » sau tôi gặp lại, có dịp cũng không thêm lại, trả nửa !!

Muốn biết rõ cách ăn chơi thuở ấy, không ai biết rành hơn anh Bảy Nhiều, vì lúc đó anh cũng bị mời, cũng có được mời và tôi xin phép anh Bảy cho tôi trích ra đây bài anh viết trong báo « Buổi Sáng » ngày 1-2-1960 như sau :

« Cách đây 48 năm (1922), lúc tôi còn là kếp vườn đi hát « cho gánh Táp-Ích-Ban ở Thốt-Nốt (Long-Xuyên) ; nhờ « cóp » « được giọng ca Tứ-Đại oán pha xuân của kịch-sĩ tiền-phong « Hai Nhiều, đã quá cố vì bệnh lao hồi 1924, kếp chánh gánh « Tân-Thịnh đóng vai quan ba trong vở ca kịch

« « Bạch-Tuyết kiên trinh » của hai cố soạn-giả Lâm-Hoài-Nghĩa
« và Nguyễn-Quốc-Biều, giọng ca đó của anh Ba Lễ dạy cho
« nhiều kịch-sĩ thuở ấy...

« Hồi thuở ấy, ở đâu cũng thích nghe Tứ-dại oán giọng
« xuân nên kếp Hai Giỏi (Mỹ-Tho) được cái tên vang lừng khắp
« xứ.

« Tôi bỏ túi được mở nhắm nên cũng được nêu cao tên
« tuổi trong vai Châu-Bá-Hòa trong vở « Châu-Trần phải nghĩa »
« của cố soạn giả Mộc Quán Nguyễn-Trọng-Quyền (xin lỗi
« không phải khoe) ca Tứ-dại xuân trong lớp ôm mộ khóc
« cha nên người ta nêu tên tôi là « Giỏi đờ », « Giỏi troa »
« gì gì đó...

« Gánh T.T.B. mon men lên Sài-Gòn diễn tại rạp Modern-
« cinéma ở đường d'Espagne (Lê-Thánh-Tôn bây giờ). Sau
« rồi đêm diễn vở C. T. P. N. tại rạp « Modern » tôi được Cậu
« Tư Lung, cậu Hai Mẫn và vài cậu có vẽ phong-lưu,
« những tay đồ bác khét tiếng, vỗ tận hậu-trường rước tôi
« xuống chiếc đò Sài-Gòn thả lều bều xuống lền ăn nhậu. Đêm
« đó không nhớ đêm nào, có trăng sáng phản chiếu trên mặt
« sông Sài-Gòn, thấy nước tung tăng nhiều đợt sóng đưa con
« đò nhấp nhò lặn hụp... thấy nhức đầu. Rồi tiếng đàn nhị
« tiếng thập-lục tiếng tiêu rao lên nghe rả rít véo von buồn đảo
« đề ! A ! Thì ra đây cuộc đi chơi thuyền họ đã tổ chức hẳn
« hoi đề cho tôi thưởng thức giọng ca của anh Ba Lễ.

« Đây anh Ba Lễ.

« Nếu bạn không biết anh Ba Lễ, mà bạn còn nhớ kịch-sĩ
« Hai Nhiều (Tân-Thịnh) ca giọng xuân Tứ-dại oán một sáu
« một mười với Ba Lễ thì lời nhắc này không ngoa và cũng
« không làm sao tôi tả cho đúng những giọng trầm bổng du
« dương, pha xuân, ai, đảo, oán, lợ, lợ ngắn, lợ vòng cầu, lợ
« trầm ngân dài có hột một cách tài tình, mà anh đã sáng chế
« trong các bài oán thuần-túy cổ điển.

« Anh không biết đờn một cây nào hết, anh tự cầm song
« lang và nhịp thật chắc không trật một lá. Tài cái là anh
« đương ca, anh biết cây đờn nào chỉnh dây hay ống tiêu sai
« bực, anh kêu tài tử nói ngay, mà không bỏ qua một chữ ca
« một nhịp nào cả. Đề nhắc vài câu ca « *Từ-dại-oán* » bài « *chết*
« *chồng* »... tôi nổi óc !

« *Than thở than đất rộng trời dày !* — giọng *thở* (uốn ngọt)
« *đến rộng* (giọng uốn trầm) *đến chữ trời dày* (xuống phù
« và trầm).

« 2. — « *Ra vô lụy ừ châu mây* », hai chữ *lụy ừ* và *châu*
« *mây* bổng rồi trầm, cái điệu ca có « bình trắc » thật tài.

« 3. — « *Cảnh diêm đài chàng đã an thân* », câu thứ ba quả
« tài trong cái giọng nửa xuân nửa đảo thêm hai cái ơ ở...
« ví dụ : *Cảnh diêm đài* (lợ) *ơ ở chàng đã an thân*. Câu thứ ba
« làm tôi nổi óc, có vài giọng thật là lạ và hay không chỗ nói.
« Như tôi đã nghe Hai Nhiều ca giọng này câu thứ ba kém Ba
« Lễ xa quá, mặc dầu của Ba Lễ truyền lại cho Hai Nhiều.
« Đến lớp xang dài, anh ca một câu dựng, nghĩa là dứt ba câu
« xang dài, một câu anh chuyển hai giọng, thật xuất sắc, thật
« là một thiên tài. Tư Thạch, Tư Út và Tám Thừa cũng có
« giọng này mà kém rất xa. Đây câu dựng *Từ đại* : « *Sống sao*
« *thác vậy dẫu rách một manh em cũng còn thờ* » (chuyển luôn)
« *sống sao* (thêm) *ừ ừ thác vậy, dẫu rách một manh anh cũng*
« *còn thờ* ».

« Không thể viết được nhiều giọng trong hai câu này. Rồi
« lúc anh hứng, muốn kiêu chơi, cũng câu dựng đó anh lại
« thêm *sống sao ý-a thác vậy, dẫu rách một manh em cũng*
« *còn thờ* « *hờ hơ hơ hơ hờ hờ hơ* ». Trong bảy chữ *hờ hơ*,
« anh cho bảy giọng chuyển theo cây đờn « khít nút ». Tôi chỉ
« lắc đầu. Anh đã truyền những giọng ca oán pha xuân, ai, đảo,
« lợ v.v... trong các dấu sắc, nặng, hỏi, mỗi dấu anh uốn nhiều

« giọng quá hay, truyền lại cho người thứ nhất là kịch-sĩ Hai
« Nhiều, Ba Nam, Chín Phót, sau, Tư Hương, Ba Kỳ, Tám Cang
« và Hai Giỏi. Đến sau, Tư Thạch, Tư Út, cho tới Tám Thừa
« đều lại lần không đúng giọng của Ba Lễ. Như Tư Thạch ca
« Văn-Thiên-Tường câu : « *Nơi ai quan lướt xóng tên đạn* »...
« chữ *lướt* và chữ *đạn*... lợ của Tư Thạch giống có một phần
« mười; người kịch-sĩ ca 4 phần 10 theo giọng của Ba Lễ chỉ
« có Hai Nhiều và Ba Nam.

« Đến một bài nhỏ như Lý con sáo, Ba Lễ dạy Tám Cang
« mà hồi đó Tám Cang lý con sáo không ai lý được giọng đó
« nhưng anh Ba Lễ bảo rằng : « Tám Cang ca thì đúng giọng
« mà âm thanh sai hẳn. Anh nói : « *Ái đem con sáo sang sông* »,
« Tám Cang lại phát âm ra : « *Ái ái đem (cái mà) con sáo sang*
« *sang sông sang sang sang sông ai đem con sáo sang*
« *sông !* »... không ai ca cho đúng âm thanh của nó vì mỗi
« người ca đều theo đồn, thành ra trật âm mà sai nghĩa. Anh
« giải thích : « Từ từ tài-tử cho tới thập-nhị tài-tử về cổ-diễn,
« nó đã có một căn bản thuần túy vững chắc, không phải muốn
« ca sao thì ca, như vậy là mất điệu nghệ tài-tử ».

« Anh chế ra giọng xuân là anh lấy trong ba bài
« lên Nam-xuân, Ai và Đảo-ngũ-cung đem vào trong bài Từ-
« đại-oán là vì anh tùy theo trường hợp, tùy theo những người
« nghe ca. Vì trong nhạc điệu bài từ-đại-oán khó ca nhất, và
« cái giọng oán của nó, nếu người sành điệu thì thích ca đúng
« điệu, chớ nó là bài « buồn ngủ » nhất.

« Anh nói tùy trường hợp là tùy theo người nghe. Cho
« nên trong bài « Từ-đại-oán » anh pha các giọng xuân-ai-đảo,
« trong một vài câu lạ như uốn giọng, giọng lợ, v.v... cho lạ
« tai cho đỡ ngủ gục, chớ oán là oán, ai là ai, xuân là xuân,
« v.v... bài nào theo điệu đó không được « pha ché », làm mất
« tánh chất thuần túy của cổ-diễn thì chưa phải là tài-tử.

« Hồi thuở đó mà anh đã có óc nhận thức sân khấu ca
« kịch rất tế nhị.

« Anh nói : « người đào kép nào dám ca hết bài
« « Tứ-đại-oán » trên sân khấu, thì người đó là « thánh ». Vì
« thể anh mới truyền cho các kịch-sĩ nói trên những giọng oán
« pha xuân là kéo khán giả theo dõi với mình lúc đóng trò.
« đừng làm cho khán giả chán.

« Như tôi, đã nghe anh ca nhiều lần nhiều bài về oán,
« như Tứ-đại, Phụng-hoàng, Phụng-cầu, Văn-Thiên-Tường, v.v.
« mỗi lần ca mỗi lần khác, có nhiều giọng lạ lùng hay không
« tả xiết. Lúc nào, nếu anh có tâm sự nào nề sầu muộn thì
« anh ca oán thật oán, một giọng thống thiết bi ai có thể rơi
« lệ khi nhìn cái nét mặt thiêu não của anh, thật là hồn ca
« lai láng. Anh có đại tật. Tật ấy như thi-sĩ Lý-Bạch (có rượu
« thánh mới có thi thần) ? Còn anh, có cổ-nhạc, anh ca mới
« trầm hùng. Càng nhậu nhiều càng ca hay, uống như hũ chim,
« lạ cái là uống rượu không biết say.

(trích báo Buổi Sáng, 1-2-1960.— Bảy Nhiều)

II.— « Từ cái đêm đi chơi thuyền, tôi đã mê anh Ba Lễ,
« và hát ở đầu hai cậu Lung - Mẫn cũng cho xe rước tôi về ở
« đó, Ba Lễ xem tôi như đứa em yêu mến, anh thích xem tôi
« hát, tôi mê anh ca, dần dần trở thành đôi bạn tâm đồng.

« Đêm nọ anh đi chơi khuya, trở về với bộ mặt như sương,
« nhưng không chuyển-choáng, anh vui cười vồn vã và bảo
« rằng : « Em nhỏ ơi (gọi tôi), để anh ca ngược và hát Quảng
« cho em nghe nhé !

« Tam tài-tử (thường trực) rao lên và hòa tấu, thì anh
« cho vô hai ly cối cổ-nhạc ; tay cầm song-lang... Nè vô :
« tam tài-tử khảy lên bài lưu-thủy-trường. Người ta đồn từ
« câu đầu lưu-thủy, còn anh lại bắt đàn đuổi ca tới ! Tôi
« tưởng bữa nay anh thấm rượu nhiều say lừ lừ nên
« ca trật ! Tôi chừng nghe đồn câu dứt lưu-thủy :
« kim? « *liu liu phàn xẽ phàn liu ho* » song lang cũng vừa xuống

« cái CỐC, thì anh cũng vừa ca dứt câu đầu lưu-thủy !! » *Tình*
« mỗi tình nửa mừng thêm lo », rất ăn nhập với câu đờn dứt
« lưu-thủy !

« Cả nhà cười rộ lên. Anh nống thêm hai ly cối nữa và vui
« cười la lên : Hát Quảng nè ! Đờn vừa vò, anh cũng chup
« ngay : (bài hạ)

« *Hồi triều Minh, xưa vốn có người Vương ông,*

« *Sanh động có ba con rày út trai họ Văn, Kiều*

« *Chị Hai,*

« *Tiết về vang...*

« Nếu ở cách xa vừa đủ nghe thì đó là hát Quảng-Đông chứ
« không phải là bài hạ. Khi dứt bài hạ, anh nói : « Muốn kiêu
« cợt chơi để giải khuây chứ thuở nào bài ngũ-đối-hạ lại ca
« giọng Quảng ? Trong điệu ca tài-tử phải phân biệt Bắc và
« Oán đặc biệt ba bài Hạ, Thượng, Xàng-xé hay Long-dăng,
« Vạn giá, nó có hai giọng : theo tài-tử và lễ nhạc, không đem
« giọng lưu-thủy, tây-thí qua bên bài hạ được, cũng như Tứ-
« đại-oán, Phụng-hoàng không đem giọng qua ba bài Nam-
« xuân, Ai và Đảo-ngũ-cung được.

« Anh Lê nói tiếp : « Khi nào đi ca đám, nếu có nhạc sĩ
« khác, thì người tài-tử (ca-sĩ) phải có đủ căn bản vững chắc
« thuần túy cổ điển, nhịp nhàng chắc chắn mới tranh thủ. Bởi
« nghề đờn, người nhạc-sĩ hay thử những tay ca, ai cũng có
« «miếng nghề», miếng nghề đó là hay phá nhau để cho rớt,
« cho trật dặng ra mặt khinh khỉnh kiêu ngạo mĩa mai, nhiều
« khi quạu đến...đổ máu. Cho nên người ta hay nói nghe đờn
« của mình « mắc » lắm !

« Hễ dụng độ với tay lạ là lo phá, lo chõi rồi chê khen
« nhau ầu tả, không thể dung hòa do đó mà âm thanh sai lạc
« phải mất chất điệu nghệ về âm nhạc cổ điển.

« Có nhiều nhạc-sĩ cũng như ca-sĩ thường hay « sanh
« chừng » và hay chế thêm, ví dụ một câu đờn 7 chữ, họ lại
« chêm vô có thể 10 chữ, như ca cũng vậy, riết rồi sai điệu hết.

(trích báo Buổi Sáng 3-2-1960.— Bảy Nhiều)

« Ca hát trên sân khấu dễ dàng hơn ca tài-tử. Bởi sân
« khấu luôn luôn người đờn và người ca phải ăn rập nhau,
« lỡ ca trật và đờn theo thì không ai rầy rà gì cả. Còn ca
« tài-tử, cả hai đờn và ca đều rình rập, có thể thủ, xem chừng
« nhau, nếu bên đờn yếu, thì bên ca phá, bên ca yếu thì bên
« đờn phá, nhận chìm nhau giữa thập mục sở thị, do đó mà
« nghề chơi của ta ít ai tôn trọng.

« Đêm nào tôi cũng nghe anh Ba Lễ kể chuyện đờn ca,
« tôi say mê hằng đêm thức suốt sáng.

« Anh Ba Lễ, trung người, da ngăm, đôi mắt sáng, miệng
« có duyên khi anh cất giọng, tánh vui vẻ, nhanh nhẹn, rất
« bình dân. Thích chơi với bạn nghèo, không kiêu cách, không
« khoe khoang, không lấy nghề ca để hãnh diện, ít nói mà
« đến lúc hứng, nói, nói quên cơm nước. Người của anh khiêm
« tốn, nề bạn hay kể những chuyện vui trêu bạn, dễ mến lắm.

« Ai hiểu anh, anh chơi hết mình, ai ỷ tiền khinh anh
« (tụi ca đạo), anh tìm cách lánh xa, không bao giờ lòn cúi
« những người quăng tiền ra để đòi lấy tiếng ca. Vì vậy
« người ta đâm ra ghét anh.

(trích báo Buổi Sáng, 3-2-1960.— Bảy Nhiều).

III.— Có lần, ở tỉnh S., nhân đám tân hôn của một
« giáo viên nào đó (quên tên) người ta lên Sài-Gòn tìm hai
« cậu Lung và Mẫn, cho rước anh Ba Lễ và tam tài-tử
« (nhạc-sĩ thường trực) xuống đó để ca giúp vui.

« Đêm tân hôn đủ mặt quan khách sang trọng, phần nghe
« có đờn ca do các tay chiếng Sài-Gòn xuống, thiên hạ chen
« chân giành chỗ đứng như đám hát cúng đình ? Anh Ba thấy
« cách sắp đặt không đáng hoàng, nên cứ ngồi lăm lý uống cạn

« ly này tới ly kia, rông là cò-nhác do anh đem theo. Các quan
« chức thuở đó trong bản thân đã sẵn chất thực phong, họ
« xem cái nghề xướng ca là « vô loại » cho rằng bọn ca dạo
« là phường hạ tiện kiếm cơm !

« Nhưng người ca-sĩ Ba Lễ không bao giờ hạ thấp nhân
« cách. Khi họ hàng đông đảo, chễm chệ trên gối dựa chiếu
« bông, oai nghi trong bộ Âu-phục, hách dịch với điệu xì-gà,
« với ly rượu Tây, thì cái đám tài-tử này phải đờn ca giúp vui
« cho họ hàng ăn nhậu !

« Chủ hôn và vài ông có máu mặt bảo anh Ba Lễ : — Ê !
« Ba ! Ca lên đi em ! Người khác ra lĩnh : — Mấy người tài-
« tử hãy lựa bài nào cho xuất sắc nhé !

« Lớp trong vừa nhậu vừa ăn vừa Thuyết-Đường, Tam-
« Quốc, tuồng ra ồ ạt, lớp ngoài thiên hạ chen lấn giành chỗ
« đứng gáy om sòm, anh Ba Lễ cứ thản nhiên nhậu đề nghe
« họ cãi nhau...

«— Ủa ! Nãy giờ chưa có câu nào ? Ca lên đi chớ !

«— Ca cho ai nghe ? Anh Ba Lễ nói. Đờn thì có Bá-Nha
« sẵn đây, mà Tử-Kỳ là ai đâu chớ ?

«— Tại sao thầy nói câu đó ?

«— Vì chưa phải giờ ca !

«— Tới chừng nào ?

«— Chừng nào không còn nghe tiếng người làm ồn ào,
« mới có thể ca lên đề thưởng thức !

«— Ở đây không cần, dám cười mà !!! Ca cho vui cho
« rậm đám mà !!!

« Anh Ba Lễ đáp : « Vâng ! Nếu ông bảo ở đây không cần
« thì quý ông rước chúng tôi tới đây cũng vô ích. Tôi xin phép
« nói rằng người ca là để cho người biết thưởng thức lắng
« nghe, do đó tôi mới nói Bá-Nha đờn phải có Tử-Kỳ nghe, nhờ
« vậy mà tiếng đờn mới xuất thần, giọng ca mới xuất hồn..

« Qui ông lại bảo rằng : dám cười cần ca, mà tài-tử không thể
« làm cho rậm đám được. Vả lại hồi nào tới giờ, chúng tôi
« chưa từng đi ca đề cho rậm đám ! Nếu qui ông muốn cho
« rậm đám đề hòa với những sự nhộn nhịp ồn ào thì chỉ có
« hát Sơn-Đông, có trống, có phèng la, có khi múa mới là rậm
« đám ! Qui ông không cần, chúng tôi cũng xin từ biệt...

« Nói dứt lời, Ba Lễ và ba nhạc-sĩ mang đờn ra xe nhà
« chạy thẳng về Sài-Gòn.

Vang bóng một thời rồi chìm trong quên lãng.

« Cách hai năm sau (1924), tôi đi khắp Sài-Gòn/Chợ-Lớn
« tìm anh Ba Lễ, nhưng không ai rõ biết anh phiêu bạt phương
« trời nào !

« Tôi cố gắng tìm những bạn tri-kỹ của anh mới hay anh
« Ba Lễ lâm chứng bệnh đau gan đã từ già cỗi đời tại Chợ-Lớn.

« Lúc anh chết, các anh em mạnh ai nấy lo cái sống trong
« lúc thất thời đến không ai biết rõ mộ của người ca-sĩ tài
« danh đó ở vùng đất nào ?

« Mãi cho đến bây giờ cái tên Ba Lễ đã chìm theo quên
« lãng.



« Giọng ca của anh Ba Lễ chỉ còn lưu lại một phần mười
« cho Tư Thạch, Tư Út, Ba Nam và Tám Thừa thôi. Bốn danh
« ca này, tuy không được giống như kịch-sĩ Hai Nhiều, Ba Lễ,
« nhưng dư âm và điệu nghệ hãy còn man mác trong tâm hồn.
« Đến nay họ đã nắm tay nhau đi về cõi hư vô cực lạc.

« Nhắc anh Ba Lễ, lòng tôi cảm xúc mến thương. Nhớ đến
« năm bạn danh ca tài sắc lòng tôi se lại não nùng.

« Năm nay, nhân ngày tân niên, tôi chạnh lòng hoài cảm,
« nhớ anh Ba Lễ, nhớ giọng ca độc nhất vô nhị của thời xuân
« tuổi trẻ !

« Than ôi ! một danh ca tài tuấn vang bóng một thời không
« còn ai nhắc nhở, không lưu lại hương vị trầm hùng, không
« còn giọng oanh vàng cho người ca-sĩ nào kế nghiệp.

« Năm năm mộ của các bạn nghệ-sĩ hãy còn phôi sương
« ắp nắng. Còn năm mồ của anh Ba Lễ ai có biết ở vùng cỏ
« tích nào...nếu còn, chắc cũng đã phăng lù hà lãng !

« Nhớ đến bạn xưa, một phút mặc niệm, một nén hương
« lòng ! Người tri-kỷ ơi ! hãy chứng cho !

Kịch-sĩ Bảy Nhiều

(trích báo Buổi Sáng 5-2-1960.— Bảy Nhiều)

(Cả ba bài kể trên, đề nhan là « Năm mới nhắc người bạn cũ : Anh BA LỄ, một danh ca độc nhất vô nhị.— Ký ức của kịch-sĩ Bảy Nhiều, viết để kính viếng hương hồn anh Ba Lễ và để tặng các bạn nghệ-sĩ danh ca đương thời và tương lai. Nay tôi xin phép ông bạn Bảy Nhiều đăng vào tập này, trường cửu hơn trên báo.)

Anh Bảy Nhiều, ông bầu Nguyễn-Ngọc-Cương và tôi.

Con người duyên dáng, tác giả bài « Nhớ Ba Lễ » di dóm trên đây, quen với tôi từ buổi thanh xuân, và nay tôi càng thêm mến vì có cái giọng văn rất nòi Miền Nam như tôi. Anh đã tự khai trong một bài báo khác đề ngày 31-5-1961 đăng trong LỄ SỐNG, rằng :

— năm 1918, anh đã leo trường trốn học, thả lang bang theo gánh Đ... vì mẹ một cô đào gọi « Cò Ba lưu lạc », kế gia đình hay tin, lên bắt anh đem vô trường cho học lại (với tài-liệu này, chúng ta biết thêm năm 1918 đã có hát cải-lương của gánh Đ... nào đây rồi. Như vậy cải-lương ra đời trước 1918 ?)

— năm 1919, nặng nợ với đòn hơn với chữ, anh lại bỏ học một phen nữa để bỏ chữ nghĩa thánh-hiền theo nghiệp Tò.

— năm 1920, anh lập gia đình, nhưng bụng vẫn còn mẹ đờn, mẹ « Cô Ba lưu lạc ». Anh nói : đó là tuồng xã-hội của gánh Đ. (gánh Đ. nào tôi chưa bàn ra).

— năm 1921 anh lại bỏ gia đình, gọi vợ con lại nhà, để đầu quân gánh T. (Tôi định T... đây là Tập-lịch-Ban, Thốt-Nốt, Long-Xuyên phải vậy không ?)

Từ 1921 (ngày 18-10-1921) (ông bạn nhớ rất giỏi), anh ra sân khấu vì say mê nghiệp Tổ chớ chưa biết hát, chỉ ham hát cho to tiếng, giọng có hột, đề... « o mèo » (anh rất thật tình, vì tôi biết lúc nhỏ, đi đến tỉnh nào anh cũng có đề thương đề nhớ nơi tỉnh đó, trong khi anh vẫn còn là con chim giỏi hót giỏi bay và bay chưa mỗi cảnh...)

Bốn năm liên tiếp anh theo nghề hát, nhưng chưa nắm được bi-quyết của nghề, tự anh nhìn nhận hát hay, hay dở không biết (anh nói khiêm chẳng ?). « chỉ biết thuở ấy rân ca lòi bẳng hòng mà không một ai biết vỗ tay khen giùm. » Trong bốn năm ấy anh vì sống chung với anh em đoàn hát, anh vướng nhiều tật xấu và đã biết làm nhờn tình với chị ả Phù Dung. Anh được tấn phong « kếp nhứt » và vì đẹp trai, đã « làm em nuôi », anh viết « làm con » rất nhiều « má ». (Tôi khen anh rất thành thật và dùng chữ rất sát nghĩa. Như tôi nói « em nuôi », anh nói thẳng « làm con » của « má » và thêm câu : Trong đó (chuyện má, con) có nhiều chuyện xấu xa bỉ ổi kể sao cho xiết).

Bốn năm vui say mà không tiến. Nghề đứng một chỗ, trác táng phí sức khỏe thì nhiều. Cuối năm 1924, anh hồi tiền cho chủ gánh T... Anh thổi lại 2.000 đồng một số bạc rất lớn (1) (Câu này cho ta thấy một khía cạnh của cải-lương lớp trước không

(1) — Bạc 1924, tính theo giá gần đây, một đồng ăn một trăm thì là 200.000 đồng. Nhưng đối với giá sanh hoạt năm 1968, thì còn nhiều hơn số đó gấp mấy lần nữa — VHS.

có cho lãnh tiền trước, không có tiền ký contrat, v.v. vì theo lời anh thuật, 2.000 đồng đây anh lấy, anh mượn thêm để xài hàng tháng...)

Trả tiền cho chủ gánh, tuy chưa đủ thêm nhưng đã thấy chán, anh quay về gia đình và người nghệ-sĩ lang bạt « qui thuận » vợ con gia đình để được nuôi và ăn bám. (sic)

Hai tháng sau, đầu năm 1925, anh gia nhập gánh P. (tôi định là Phước-Cương ?) và nơi đây anh ký giao kèo được 5.000 đồng (lãnh trước để trừ lần hồi chờ cũng chưa phải lãnh dứt như hiện tại). Lương mỗi tháng 150 đồng, cao hơn ở gánh T. bội nhị và làm « xếp » các anh em (chef de troupe). (sic) Để tiện so sánh, tôi xin nói, nếu anh đi đường thẳng học đến bằng thành-chung, anh ra làm giáo viên, bắt quá 80 đồng, (có bằng brevet élémentaire) anh ra làm thư ký, giỏi lắm 65 đồng mỗi tháng (có bằng diplôme) mà hai hạng này đâu có đắt mềo như kếp cải-lương đẹp trai như anh thuở ấy !! Tôi đã mạn phép anh, lượt thuật thay anh bước đường trời nổi của anh qua những bài anh viết cho báo Lẽ Sống trong tuần tháng 6 năm 1961. Tôi lượt bỏ những đoạn anh bị hàm chém hàm cho ăn theo như sau buổi diễn tuồng « Gõ ách Tô-Châu » nơi xứ sở của anh là chợ Long-Xuyên. Tôi muốn đề qua tập Hồi-ký về hát bội sẽ nói đến ông Nguyễn-Ngọc-Cương, bầu gánh Đại-Phước-Cương, nhưng biết cuốn này có ra đời chăng ? Tiện đây nói phứt : Cương mất cuối năm 1945 và gánh hát Phước-Cương, theo lời anh bạn Sáu Xường (em của Cương), ra đời năm 1925 và khi đó tập tuồng ở đường Lefebvre cũ, (nay Nguyễn-Công-Trứ). Xường thi làm chủ gánh cải-lương Phước-Tường, khai trương đầu tiên tại rạp Thành-Xương năm 1928 do các đào kếp bên Tân-Thịnh qua (Chín Phót, Ba Ngưu, Sáu Châu, v.v...)

Theo anh Sáu Xường, tôi rõ lại, gánh Tân-Thịnh lúc trước tập tuồng ở đường Boresse, tức danh đường Bồ-Rệt là đường có nhà đèn đỏ, gái ăn sương nhiều nhứt, Ba Tàu cỡ sáu giờ chiều đi ngang là bị kéo cờ vô ngay, chỉ ba các bậc thôi ! Boresse nay là đường bác-sĩ Yersin.

Nhắc Cô Năm Phỉ, Bảy Nhiêu và Bầu Cường, là nhắc đoạn đường của cải-lương mà ba người này có công hoạch định buổi đầu. Ba nhơn vật này có công với ngành cải-lương rất lớn. Trong ba người, duy anh Bảy là còn, và hiện bán quán cà-phe dưới mái đình Phú-Hòa đường Trần-Quang-Khải, sau khi ăn cơm Lục-tỉnh, dạo khắp Bắc-Trung-Nam qua đến Pháp-quốc. Người nghệ-sĩ lão thành này như con chim mỗi cánh về nghỉ nơi mái đình này. Chúc anh mạnh giỏi lâu dài.

Hai buổi hát quan trọng : 3 và 4 tháng 11 năm 1923.

Có thể nói đây là hai đêm hát đặc sắc và quan trọng nhất, vì phần tổ chức, có ông Cao-Quỳnh-Cư trông nom về giàn đờn, và ông Cao-Hoài-Sang trông nom về tuồng viết, đưa Lục-Vân-Tiên lên sân khấu nhà Hát Tây đường Catinat cũ, dưới danh hiệu « đêm dạ hội long trọng » (soirée de gala), lấy vé tiền đến năm đồng (5\$) một chỗ ngồi hàng giữa (fauteuil d'orchestre) giúp các hội : Khuyến-học Nam-kỳ, hội Patronage laïque cochinchinois, hội túc cầu « Ngôi Sao » Gia-Định. Theo chương trình tôi còn cất giữ (chép qua phần phụ-lục, Hồi-Ký II số 207) thì các diễn viên nay tôi xin chép y lại để kiểm điểm người còn kẻ mất :

Sở-Vương.	Lê-Quang-Lời
Thái-sur.	Nguyễn-Văn-Chà
Thượng-thơ.	Nguyễn-Thái-Sang
Lục-Ông.	Nguyễn-Văn-Thủ
Kiều-Công.	Võ-Bửu-Nguyên
Vân-Tiên.	Phạm-Trung-Ngo
Tử-Trực.	Nguyễn-Đạt-Khanh
Hơn-Minh.	Nguyễn-Tấn-Phát
Bùi-Kiểm.	Lê-Quang-Nhuận

Tiểu-dồng.	Dương-Văn-Long
Trịnh-Hâm.	Nguyễn-Văn-Toại
Ngự-làm-quân.	Nguyễn-Văn-Lợi
Lão-bà.	Cô Bảy Huệ
Nguyệt-Nga.	Cô Sáu Tô-Ngọc-Diêu
Huỳnh-Trang.	Cô Tư Quyền
Phi-Loan.	Cô Hai Ngọc

Giàn dờn : qui ông Hậu, Lãng, Thành, Phú.

Trên tờ chương trình tôi giữ kỹ, nay tôi còn thấy thủ bút của tôi 45 năm về trước, nhưn thích thú nghe hát trên sân khấu, tôi nguệch-ngạc bằng viết máy chép được bài thơ như sau, không dám chắc đúng cả nguyên văn, cũng không đủ tài cân xét niêm luật, duy giữ lại làm kỷ-niệm những nét lãng mạng buổi thiếu thời :

Kép ngâm bốn câu đầu :

Thương nhau rồi biết gặp nhau không ?
Trưởng buổi chia phôi lụy nhỏ ròn.
Vàng đá mắng khan đây gió bụi,
Sắt cầm bao thuở hẹn non sông.

Đào tiếp bốn câu sau :

(?) (?) khó nhận vừng trăng bạc, (sót 2 chữ đầu)

Đang-các riêng đau phận má hồng.
Vô vô một phương trời vắng bật,
Nợ tình nào hết lúc trông mong !

(Nay đọc lại, thấy thiệt là không có gì tôi chịu bỏ sót !
Và cái nghiệp nhà sưu tập gần có khác các bạn tân tiến là vậy !)
Cô Sáu Tô-Ngọc-Diêu (tên đẹp quá) nhờ đóng vai Nguyệt-Nga tình tứ mà sau đó có chồng danh giá và cùng nhau nối tóc mãi đời.

Như đã nói nơi đoạn trước, tôi xuất bộ trường đề đi kiểm tam hồn thất phách của tôi, vì khi xem hát thầy Thận nơi rạp Modern, tôi bị Cô Hai Mảo hút hồn trong bộ đồ thun màu hường bó sát da. Buổi trưa ở phòng trọ nơi Lục-tỉnh khách lầu, cô làm trò đi bắt chồn chạy qua phòng tên thơ sanh, báo hại tôi mơ màng suốt tháng. Đây là người đàn bà con gái tôi thấy lần thứ nhất khác với những người từng thấy qua, qua lớp áo dài lễ-giáo hay quần lãnh đen rộng huych. Con mắt tôi ngày nay lẽ mãi cũng vì. Trong gánh thầy Thận còn vài cô đào hoa-khỏi nữa là cô Joséphine, nay còn mạnh giỏi ở tại Vĩnh-Long và cô Marguerite Tấn, kể về thính danh tài sắc, có lẽ còn trội hơn cô Hai Mảo nữa, vì tôi nhớ trong rạp thầy Thận vẫn treo vài căng của các khách yêu hoa ngời khen ngợp mắt.

Lối ca ra bộ được đưa lên sân khấu.

Cô đào đứng cứng đờ một chỗ, khi ca, đưa hết tay này kể tay kia lên ngang ngực như có lò-xo thúc đẩy, bộ tịch thì cứng còng, hoặc cô ngồi không cựa kích nhúc nhích trên bộ ván tư, bốn tấm. Giá thử diễn lại bây giờ cho thanh niên xem họ sẽ cười cho mà ẻ mặt. Nhưng vào thuở ấy, đã là văn minh tốt bụng, làm mê mết xiết bao người, và lần hồi bị các công-tử bột bắt cóc về làm thê thiếp, duy các cô đào chánh có đôi bạn hân hoi thì ở lại, nhưng không đủ kéo cho gánh khỏi rời rã giải tán. Cô Cúc, xuất sắc vai Túy Kiều và vai vợ Trang-Tử lấy võ đập sàng thường đứng cặp với chồng là kép Bảy Thông, án dứt vai Kim-Trọng, vai Trang-Tử cổ bồn, ông Thông cao ráo người, mặc áo rộng xanh chích khăn be xem tuyệt thế. Cô Thoàn, kép Cang là bạn đá vàng, thiện nghệ vai Thủy-Vân và Cang thường thủ vai kép võ. Như đã nói thầy tuồng gánh thầy Thận là ông Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản, thường mượn câu ca tiếng hát đề gợi tấm lòng ái quốc, kích

thích lòng nguội lạnh của công chúng ham mê vật chất quên lãng việc nước nhà. Khi Từ Hải ra ca : « Mặt yền hùng, giống Triệu-Thường-Sơn » (có chép nơi đoạn trước), mỗi lần đều làm phấn khởi hăm nóng ý chí bất khuất của các người đã bị mấy chục năm dốt họ nên đè. Nhưng gánh thầy Thận có lẽ vì ăn xài huy hoát quá, thêm thói cạnh tranh kẻ khác thấy nghề mới cải-lương dễ kiếm tiền nên ở Mỹ-Tho đã mọc ra nhiều gánh và thầy Năm Tú thực hành hơn ai, sẵn ồ của quạ làm, bèn đóng vai chim tu hú. Gánh thầy Thận vừa rã, gánh thầy Năm Tú dựng lên với bao nhiêu đào kép danh tiếng bên kia sang qua, có lẽ đem theo luôn và tuồng tập. Và thầy Năm Tú, như đã nói, là người hết sức thực hành, nên đã biết thuê vô đĩa nhựa, và nếu nhà hiếu cổ nào còn tàng trữ, mỗi lần đem ra quây hát, câu khởi đầu bắt hú là : *Đầy là ban hát cải lương của Thầy Năm Tú ở tại Mỹ-Tho. Hát cho đĩa Pathé-Phono nghe chơi ... »*

Những việc thuộc về thầy Thận và thầy Năm-Tú đều xảy ra ở Mỹ-Tho, tôi khi ấy ở xa, hoặc Sóc-Trăng hoặc Sài-Gòn, chỉ nghe khẩu truyền nên không bảo đảm phần thực sự. Nhờ các bức kỳ cựu cao minh dạy cho.

Một năm quan trọng đánh dấu tiền đồ cải-lương : 1921-1922.

Theo ý riêng tôi, tôi cho năm 1921-1922 mới là quan trọng nhất cho nghệ-thuật cải-lương. Ở Hà-Nội, các sinh viên Cao-dẳng gốc Miền Nam như Nguyễn-văn-Tuệ, Trần-quang-Hiền, Lê-quang-Hộ, Ngô-văn-Nghị, Phạm-công-Bình, Đoàn-quan-Tấn, Châu-hồng-Đào, v.v... (kể không hết, xin miễn thứ), mấy lần bãi trường trở về Nam-kỳ khi trở ra Hà-Nội, đều đem nghiệp cầm ca, bắt chước « thả cầm thơ » như đàn anh trong Nam và truyền bá điệu hát cải lương ra xứ « ngàn năm văn vật » lần đầu vào kỳ nhập trường năm 1921. Ông Phạm-công-Bình, sau đó làm giáo-sư dạy trường Chasseloup-laubat và trường

Nột-manh Sở-thú (Ecole Normale d'Instituteurs) lúc ra Hà-Nội học có việc buồn tâm sự riêng, bèn lấy đó viết ra tuồng « Tối-độc phụ-nhơn-tâm » rồi khi bãi trường thì đem bản tuồng ấy về Sài-Gòn. Tháng Chín năm 1922, anh Triệu-văn-Yên, lúc ấy còn làm thơ-kỳ tòa Nhì dinh Thượng-thơ, phình bụng, xuất tiền cho in bốn tuồng, nay tôi còn cất giữ được một bản, ngoài bìa có chua cần-thận : « cấm in lại và dùng bốn tuồng này mà hát ». Năm 1923 (Qui-hợi), trường tư-thục Huỳnh-công Phát, 35 đường Kitchner (nay Nguyễn-thái-Học), lấy tuồng này đem ra tập cho các học sinh diễn dịp bãi trường. Hát làm ba đêm, có ghi rõ trong chương trình :

— thứ bảy 20-1-23 : diễn cho qui quan và thân bằng của bốn trường xem ;

— thứ tư 24-1-23 : diễn cho học sinh bốn trường xem ;

— thứ bảy 27-1-23 : diễn cho phụ huynh và thân bằng của học sinh nơi bốn trường xem.

Trên chương trình (Phụ-lục số 208), tôi chép lại không sai một chữ.

Personnages.—

Phan-Hữu-Chí	Đặng-Tấn-Sửu
Lý-Ngọc-Thơ	Lê-Văn-Thiện
Lý-Công	P. Ng. Hiệp-Nghị
Lý-Nương	Hồ-Văn-Chữ
Đoàn-Thế-Trung	Lê-Văn-Mừng
Cậu Hai-Vận	E. Nhường
Thằng Quýt	Lê-Hữu-Diễn (hề-đồng của Phan-Hữu-Chí)
Tửu-Bảo	P. Ng. Hiệp-Nghị
Tiểu-công	Ng. Văn-Khuê
Thằng Bưởi	Ng. Văn-Khuê (hề-đồng của cậu Hai-Vận)

Tỷ-lê tâm sự.

Tuy trong chương-trình viết làm vậy, nhưng người đóng vai Lý-Ngọc-Thơ, về sau đổi lại do phụ-nữ đóng và ấy là một nữ sinh tài tình nhưng bạc mạng như là tiền định. Nàng trở nên lãng mạn sau những buổi đóng tuồng. Nàng được nhiều người đề ý, và trở nên một nạn nhân của xã hội hư đốn xa hoa. Nàng là cái bông vừa quá búp; bọn đàn ông là bao nhiêu con ong chỉ toan nết nhụy, ong già có, ong non có, và ong đã nhiễm nọc rồi cũng có. Buồn tình, nàng thả cầm-thơ, có một lúc, trước cửa xôn xao không thiếu gì người đưa kẻ đón. Nàng có tên, nhưng nhiều người chỉ biết nàng dưới danh hiệu Lý-Ngọc-Thơ trong tuồng bất hủ « Tối độc phụ nhơn tâm » mà nàng đã đóng năm ấy một cách xuất sắc.

Cô nữ-sinh này, tự tay cô chép trong tập thơ của tôi, bài bát cú như sau, do cô làm « minh ên », và nay tôi còn cất trong tủ quý.

TỰ THÁN

Một bóng đèn khuya khắc lụn vơi,
Tàn canh say tỉnh giận thay đời
Bụi hồng lấm lúc cơn mưa nắng,
Má phấn nhiều phen chịu lấp vùi.
Cầm sắt những ngờ xui lá thắm
Tang thương âu hấn phận bèo trôi.
Nào người chung đội trong trời đất,
Gang tấc này xin nhắn một lời.
Trần-Quế-Anh, tự Chin Ênh
(Lý-Ngọc-Thơ) (10-8-1927)

Bài thơ ngày nay tôi còn cất kỹ, chữ viết của cô Chin, mỗi lần thấy, mỗi ngậm ngùi. Rõ là một bài thơ khẩu khí « ngàn năm bạc mạng », và đáng kể nhất là bài tự thán ấy, cô say cô khóc, cô làm tại căn phố trệt số 65 đường Bonard cũ, nay phố vẫn còn nhưng lọt trong hẻm hẹp gần nhà thương

thị Chợ Sài-Gòn. Cô Chin ca hay, có chút nhan sắc. Khi gặp tôi đêm 10-8-1927, thì cô đã trải qua biết bao tay cô-mi, bác-sĩ, thơ-ký, và bọn công-tử không làm gì hết và chỉ biết phá đời con gái... ; chính cô can đảm, tiếc mình không còn đủ trong sạch nên khước từ không nói chuyện kết tóc trăm năm với tên « thơ-sanh-ở-trợ, ngũ-ghế-bố, gân-gân » này. Lối 1931, tôi trở lên Sài-Gòn, còn gặp lại cô Chin : cô cười tha thứ, hai đứa mừng mừng tủi tủi, cô thì nhan sắc đã xuống, trở nên người thất tình, bất đắc chí, khủng ba trợn, khi khóc khi reo cười, không bạn cũ nào dám nhìn... ; còn tôi, trong túi không tiền, không đủ can đảm gánh thêm cái khổ của cô, tôi cũng là một thằng đều khác...

Luôn đây tôi chép một bài thơ chữ của một khách si tình, mến nhớ cô Chin, làm vào một đêm khuya mưa gió năm 1927 :

Nhứt điểm tàn đăng nhứt phiến tinh,
Cô phòng đối ảnh bạn thâm canh.
Phù trầm lân tự chung kinh hưởng,
Ai oán dòng tường độc điều thính.
Nguyệt chiếu mãn song vân tán loạn,
Nhơn sầu bán chầm lệ lưu thanh.
Tâm tư vô hạng tùy nhơn thức,
Dạ ... (1) bồi hồi ức Quế-Anh.

Bài thơ chữ ấy, cũng chính tác-giả dịch ra nôm như sau :

Một bóng đèn khuya một tấm tinh,
Ngồi than với bóng suốt năm canh.
Bên chùa vắng tiếng chuông kinh động,
Ngoài cửa kêu sầu giọng điệu oanh.
Trăng gioi đầy sân mây kéo gượng,
Người buồn nửa gối lụy trông doanh.
Nỗi niềm biết kể cùng ai nhỉ ?
Ngơ ngẩn canh dài vắng Quế-Anh.

(1) Một chữ tên, cũng là tác giả, xin giấu.

Hai chữ « ngơ ngẩn » ở đây thế cho tên của tác-giả, muốn giấu, và từ thơ chưa cạn, ông còn làm thêm được hai bài nữa, cũng đề nhớ Cò Chín Lềnh.

Đề.— Kia lau ngọn gió thổi hiu,

Biết đâu mưa sớm nắng chiều là đâu ?

Hẹn gió thề trăng bẻ chữ đồng,
Một ngờ, hai giận, bốn ba trông.
Mấy năm tình-tự đồn dài-dặc,
Nửa gánh tương-tư quây nặng gồng.
Thương cũng ơn lòng, thôi cũng dỗi,
Oan thì chịu tiếng, miếng thì không.
Mưa du giọt lệ tràn lai láng,
Biển lấp sâu un núi chập chồng.

Nhứt da tri tình hỡi Quế-Anh,
Bỗng lòng ái truất lảng không đành.
Xót phần bồ liễu phần nèn bạc,
Tủi kiếp phù hoa kiếp rất mảnh.
Tài sắc mà chi trời ghét bỏ,
Gió trăng cho phải nhụy tan tành.
Trần oan sạch ắt là xương trắng.
E nổi không người phát cỏ xanh.

Trong tập thơ của tôi, Chín đã sửa một bài, nay đọc lại y như lời khóc trước cho thân phận của mình sau này :

Đen bạc xưa nay cái thế tình,
Nghĩ càng ngán ngẫm một đời mình.
Tài hoa chưa có người vun bón,
Bạc mạng đành không kẻ giữ gìn.
Chín tuổi đã cam phai tuyết già,
Trên mồ còn lạnh đám rêu xanh.
Trăm năm đau rõ tình ngang trái,
Rõ đấng hồng nhan vắng lẽ khanh.

Cũng trong tập, tôi có một bài bốn câu, làm trước lúc còn học trong trường ; bốn chữ đầu « Nguyệt-Giang Vương-Hồng », Nguyệt-Giang là tên chữ do đức Minh-Mạng dịch hai chữ « Sông Trăng » tức « Sốc-Trăng » quê cũ :

Nguyệt khuyết rồi ra có thuở tròn,
Giang-hồ cốt cách phận con con.
Vương-hầu mặc kẻ say mùi tục,
Hồng tia trăm hoa chuộng sắc son.
V.H.S.

Đó là một bài nhỏ, tôi làm ý như tự thuật, Cô viết nối theo, họa luôn trong tập, và chép luôn cho tôi :

Nguyệt áng mây che ẩn bóng hình.
Giang-hồ đau đớn lúc linh đình.
Vương sầu xiết kẻ lòng ta thảm
Hồng phấn phiêu lưu ngán nỗi tình.
T.Q.A.

Chờ chi cò bớt giọng đoạn trường họa may còn sống đến nay cũng chưa biết được. Người nào đã biết Cô Chín, đọc mấy trang này, sẽ nghĩ sao ? Tôi không muốn khóc tỷ tẻ và không có quyền đem tâm sự phơi bày trong một tập hồi ký sẽ in thành sách. Duy phải nói kéo nặng bên lòng : Sở dĩ hai tôi không thành bạn trăm năm là tại Cô Chín cao thượng, « đã hư rồi » cô không muốn làm « hư » một người thứ nhì. Nay TÔI VẪN HƯ, còn cô đã thác, thân thể chôn vùi đất tạm, ngày nay e đã bị hốt cốt hay nằm mộ sang bằng. Tôi có mấy hàng khóc muộn. Xin cô biết cho.

(Có người nói Cô Chín chết và chôn ở Miền Trung ?)

•

Qua được trường trước còn trường sau.— Cũng lối những năm đó, tôi thường vô trong Chợ-Lớn, xem nơi rạp Ciné Eden, đường Tổng-dốc Phuong, quen gọi rạp Tư Dái, nay đã phá cất lại mới đẹp hơn, tức rạp Lê Ngọc, 102 đường Tổng-dốc Phuong ngày nay. Thuở ấy, thường có gánh hát Thầy Năm Tú hoặc gánh Văn-Hỷ-Ban của Thầy Mười Vui diễn tại đây. Một đêm, tình cờ hay ba sanh hữu hạnh, tôi mua giấy hạng nhứt, hàng ghế thứ ba thứ tư gì đó, khiến tôi được ngồi gần một cô nữ sinh rất đẹp, mặc áo tím than y như màu đồng phục lớp đó của trường nữ Gia-Long. Sau rồi lại, Trới-Phật-Thánh-Thần ời, đó là Cô Năm PH., Lúc ấy cô nghỉ hát ở Mỹ-Tho vì rã gánh, vì vậy cô lên Chợ-Lớn, — theo lời cô nói, — « xem người ta diễn mà học thêm. » Bữa ấy, trong túi tôi chỉ còn không tới NĂM ĐỒNG BẠC, và bình mè Cò Hai Mào trở lại với tôi, kỳ này còn dữ gấp bội và bông bột hơn trước nhiều. Tôi có chiếc áo mưa xấu xí, (đầu có dè gấp như vậy mà mượn đồ vía), thoát có một mu già chen vô ngồi ghế bên cạnh, tôi bối rối với chiếc áo kền càng, cô áo tím cười đồng lõa và tự tay kéo chiếc áo đặt lên đùi hai đứa, tôi mừng không biết lấy gì mà so sánh, rồi hai đứa có cảm tình với nhau từ phút ấy. Mỗi lần hạ màn, chúng tôi ngó nhau thông cảm. Cô hỏi tôi về lớp màn rồi, tôi vừa khộp vừa run nhưng xem chừng những câu tôi trả lời được cô tán đồng. Văn hát, tôi không dám mở hơi ướm một lời nào vì tôi nhớ chỉ còn NĂM ĐỒNG trong túi. Ra rạp, cô bao tôi một chén hột gà chưng, tôi ngồi húp mà rán cầm nước mắt, giận mình không có tiền nhiều để mời người đẹp và HƯ cho đến đổi để cho đàn bà « bao một chén hột gà chưng » ! Tôi khốn nạn đến không dám lấy ví ra trả tiền sợ thẳng chệc bán lục-tàu-chức và cô ngó thấy. Cô còn muốn gì thêm nữa mà tôi vì có tánh nhút nhát đã dễ mất cơ hội tốt. Hai tôi thả bách bộ không biết độ bao lâu, tôi muốn đưa cô một đôi đường, nhưng cô từ chối không cho biết nhà,...

kế chia tay. Từ ấy ngày nhớ đêm trông, ban ngày tôi đi làm, lẻ thân xác vào sở mà hồn gửi đầu đầu. Bỗng được tin cô hát trong Chợ-Lớn. Tôi mượn anh em được năm đồng bạc, đi xe điện vô Chợ-Lớn tiền xe tốn một cắc bạc, mua vé thượng hạng vô cửa một đồng hai bạc, rồi vãn hát tôi lợi bộ từ đường Tổng-dốc Phương Chợ-Lớn về phố trọ 65 đường Bonard Sài-Gòn, sung sướng như lên mây, vì thấy mặt nàng tiên mơ tưởng. Gánh hát cô dời vô diễn trong Gia-Định, tôi lại nhin ăn sáng, nhin tiền để tối tối thả bộ dọc theo đường xe điện vô chợ Bà-Chiều xem cô diễn. Một hôm được gặp nhau. Tôi bậm môi dứt đơn xin ký tờ công-tra trăm năm thiết thọ. Cô cười : *« Anh ăn lương TÁM CHỤC, không đủ tôi mua phần ! Rồi vì nghèo ở đời mãi với nhau sao được ? Chỉ làm đau lòng nhau, làm khổ cho nhau. Thà làm tình như vậy, được ngày nào hay ngày nấy. »*

Trước năm đảo chánh (1945) tôi được gặp một lần nữa tại tỉnh nhà Sóc-Trăng, thì cô đang đi cho gánh quốc-gia kịch đoàn, có Biều-Chánh Hồ-Văn-Trung làm bầu và một cô-mi theo làm kỳ-đà. Cô bắt chấp. Nhứt-Bồn địa-phương mời cô xem chớp bóng lộ thiên diễn lớp thời sự toàn-quyền Decoux đầu hàng. Cô ngồi ghế danh dự, tôi được sắp ngồi kế bên cô : cô đã thay mấy đời chồng, tôi trải qua hai đời vợ.... Trên màn ảnh Decoux quì gối, cô day mặt qua tôi để nhắc mối tình hai-mươi-hai năm trước. Đêm ấy tôi về không nhắm mắt, thăm tiếc mãi người đẹp và mối duyên sứt sè. Rồi sau đó, cô càng nổi danh... tôi thì gia đình tan rã một lần nữa, thân trở lại « đi làm công » như xưa ! Tôi vì tự cao không bước đến nhà đường d'Ayot, mà cũng vì ghen không nhắm chỗ... Bỗng hay tin đột ngột người đẹp vì bạo bệnh, ra đi vĩnh viễn dương độ xuân thời. Tôi không đưa được nửa tắc đường cũng không niệm được nửa nén nhang. Mỗi lần có việc đi ngang nghĩa-địa đô-thành, tôi đều liếc chừng nơi góc phía có cô nằm mà cô mấy biết ? Lời cô cười và thốt năm nào : « ĐỒNG LƯƠNG ANH TÁM CHỤC... » tôi ghi mãi tâm can. Gái đẹp đa tình như cô,

coi vậy mà thấy xa. Tôi có tánh chần chờ do dự mà đã bỏ qua cơ hội duy nhất. Tôi lại không đủ gan để nắm tay gái hữu ý. Cô tưởng cô tha cho tôi để tôi hưởng toàn hạnh-phúc. Cô nào dè cái số của tôi « hạnh-phúc chỉ thấy tự dưng xa. » Nay cô nằm yên nơi đó mà tôi còn phải vật lộn với đời đến bao lâu nữa ? Cô để thương để tiếc cho tôi, mà thà vậy, còn hơn gần nhau chỉ dưng rồi thấy chiếc bội-tình, bề trái !!!

Tôi viết tới mấy chữ « bội tình bề trái » thấy khuya xếp tập đi nghỉ, và định sáng ngày sẽ viết qua chuyện gánh hát khác, nhưng kẻ mơ màng thấy như thiếu thiếu chút nợ gì đối với người tài-nữ « từng bao tôi ăn hột gà chung », và suốt đời chỉ biết thương nhau suông qua cái tình « hột gà còn trong vỏ ». Sáng ngày tôi có mấy hàng lẻ-thẻ như sau và xin phép đọc giả cho tôi dùng tiếng Tây : « Pour moi Seul ».

Sáng sớm chưa kịp ăn sáng, tôi lục các tài-liệu thuộc về tiền-sử Cò Năm, cắt trong các báo để dành bấy nay, tôi đọc :

« Năm Phi, người gầy trong bộ y phục Trung-Hoa lộng lẫy, đang qui lét đầu gối lại gần... vua, Bảy Nhiều sắm vai vua và Năm Phi sắm vai Bàng Qui-Phi... mấy chục năm đã qua, tôi còn trông thấy rõ rệt từng điệu bộ của Năm Phi mắt đầy lệ và cái giọng vô cùng ảo não khàn khàn đang ca « Tứ-đại-oán : « *ối thôi ! mau liêu cái thân này... nhắm mắt cho qua... !* » Năm Phi, Bảy Nhiều đã sang Paris và các báo « chi Pháp hồi đó hết sức ca ngợi. Thật là một thiên tài, có lẽ « còn lâu ta mới thấy xuất hiện một người dễ so sánh.

(Bác-sĩ Anh-Tuấn, báo Ngón-Luận, số 2324, 18-9-1962)

Tôi xếp tập hồ sơ, lật qua tập khác, thấy có người « nịnh » hơn, tồn một cò đào nhỏ có huy chương vàng gánh Thanh-Minh Thanh-Nga cho rằng tương đương cò Năm Phi ? Tôi dẹp, dẹp một bên, và xò tập này ra góc bàn. Tra cứu đến tám giờ sáng,

gặp bài cũ trong báo Tiếng Dội ngày 28-10-1948 của ông Kiều-Quốc-Sĩ, ông này viết :

« Cô đào hát có thân hình đúng hai chữ « bồ liễu » nhứt,
« ngoài cô Năm Phi, tưởng chẳng còn ai (Đến đây tôi chịu.—S).
« Cô Năm Phi, thật ra *không phải là một người đẹp* (1) nhưng
« vẻ tha thướt eo lả duyên dáng của cô là một quyến rũ say
« đắm nửa tiên nửa tục cho ai là người đã xem cô hát, đã
« được gần gũi quen biết với cô.

Đọc vừa đến đây tôi tức quá, xếp tập hồ sơ này lại, lật
đặt viết lẹ kéo ý bay mất. Ai đòi cái người mình đang tôn
thờ trong trí mê khoái và trong mắt si tình rằng đó là thần
tượng sống năm 1923-1944 của ái-tình thơ-mộng, đẹp như vậy
thời chờ muốn đẹp làm sao nữa, đẹp chưa thấy ai hơn, với
mình là như vậy, thế mà có người nay dám nói : « *Không phải
là một người đẹp...* ». Tôi biết đây là một lối hành văn xảo
«vừa hạ xuống nơi đoạn trên kể tôn lên nổi phòng nơi đoạn
kể», vừa nổi cho Cô Năm vừa nổi cho ông tác-giả, nhưng tôi
vẫn không chịu, vì thử xem kỹ lại các em của cô, nào Bảy,
nào Chín, nào Mười, có ai đẹp hơn nhứt là cô duyên hơn cô
Năm ? Hề cái gì không phải của mình là thua, là không bằng
cái của mình có, đâu có trong một lúc ? Phải vậy không, ông
Kiều-Quốc-Sĩ ?

Tôi thú thật, đàn bà V.N. đẹp như cô Năm là nhứt hạng
rồi, nhứt là theo tôi, cô có cái giọng đặc biệt tinh tú, chẳng
những mỗi lần rơi nước mắt đủ trời Tây, Chệc về xứ, mà đối với
người Việt ta, nếu cô khóc đủ có người thực kết và « ủ thờ » (tôi
nói cho tôi, cựu thơ-ký phát ngàn tỉnh Sa-Đéc). Sau cơn
nguoi ngoại, tôi đọc tiếp bài của K.Q.S. thấy mình giận bậy,
nhìn nhận có nhiều đoạn đúng với sự thật nên xin mạn phép
K.Q.S. chép ra đây luôn làm pho tài-liệu về Cô Năm :

(1) Hàng chữ in nghiêng, không có trong nguyên văn, và chính tôi nhấn
mạnh.

« *Cò Năm Phở, một thiên tài.* — Từ « Cò dào quen « biết với cò » (xem đoạn trước, đã trình rồi) « một « tấm thân mảnh khảnh, nhỏ người nhưng không ốm yếu, với « một dài trán chứa đựng một thông minh không bờ bến, với « đôi mắt sáng ấp ủ cả một trời thanh thú, cò là hiện thân « của tình tứ, của mơ say, của một tâm hồn nghệ-sĩ. Còn một « đặc điểm khiến người ta phải để ý đến cò là trái với các cò « dào khác nổi tiếng, cò có một giọng khàn khàn, có phải « giọng đồng chăng ? — như một nhọc, như ghen ngào, như « tức tưởi, nên nghệ thuật của cò thêm một ý-vị đậm đà « tha thiết.

« *Sang Văn-Hi-Ban.* — Bước thứ nhì sang Văn-Hi-Ban của « thầy Mười Vui, Chợ-Lớn, tài cò mới rạng dần. Tuy nhiên, « nghệ thuật của cò vẫn còn theo lẽ lối cũ, chưa thoát chỗ tự do « phát triển và chưa đủ điều kiện phát huy thiên tài cò được « hoàn toàn. Những vở tuồng cò đồng với Bộ Thế như Triệu- « Kinh-Nương (đưa Khuông-Dẫn) chẳng hạn, ngày nay, không « có mấy người nhắc đến.

« *Này, hãy xem cò bước.* — Ra chào đời, cò ở trong một « gia đình công chức đông con ở tỉnh Mỹ-Tho, nơi sản xuất nhiều « nghệ sĩ anh tài cho sân khấu. — Những anh em của cò đều « được đi học ít nhiều, hoặc để giữ nề nếp công chức như cha, « hoặc phát huy tài năng theo sở đắc, chỉ có cò, hại thay, cò « vẫn ăm ức với bệnh mù chữ nó theo cò từ nhỏ đến lớn (1) « và gây nhiều ảnh hưởng tai hại cho nghệ thuật sân khấu của « cò. Nhưng trời đã bù lại cho cò một thiên tư một thông minh « mà hầu hết giới sân khấu chưa dễ có người bì kịp. Nên cò « đã thành công, đã nổi tiếng, ầu cũng là... « thiên lý dĩ « nhiên » vậy.

(1) Điều này rất đúng, bằng cớ là câu nguyệt ngoạt bút chỉ «Souvenir mon chéri » sau lưng tấm ảnh tặng... nói nơi trang 122.—S.

... qua sân khấu. -- Năm cô 13 tuổi, phong trào ca hát ở
« Vĩnh-Long (gánh thầy Phò Mười-Hai), ở Sa-Đéc (gánh Thầy
« Thận) vang dội đến Mỹ-Tho. Cô liền theo tiếng gọi thiêng
« liêng của tâm hồn, bước vào sân khấu của Nam-Đồng-Ban, do
« anh em thợ bạc tại tỉnh lập nên.

« Bước đầu ở Nam-Đồng-Ban, ngôi sao của cô chưa sáng
« tỏ lắm, vì cạnh cô, còn có một thiên tài, mà bây giờ nhắc
« đến, ai có dịp thưởng thức qua, đều ngậm ngùi thương tiếc.
« Ấy là Kép Hai Giỏi. Huống chi còn có Ba Du, một anh hề, mà
« lúc ấy đêm nào không có Du là khán giả đòi trả giấy?

« Hai Giỏi ! Hai Giỏi ! Trong tất cả kép hát, có lẽ chỉ có
« Giỏi là đẹp trai, có sở đào hoa và có một giọng ca nào nùng
« nhứt ! (Nghệ sĩ sân khấu bấy giờ, ca hay là một giá-trị đặc
« biệt.) Khốn thay, như Rudolph Valentino, vào hồi 18 tuổi thì
« anh mất. Anh chết đi, để lại bao nhiêu ngậm ngùi cho người
« yêu mến anh mà cũng đành nhường cho một bạn gái một thiên
« tài như anh, có dịp... được nầy nở và rộng bước tiến lên. Ấy
« là Cô Năm Phi.

«..... vào lâu đài danh vọng Phước-Cương.— Cơ hội, đối
« với cuộc thăng trầm của mỗi nghệ sĩ thật vô cùng quan hệ.
« Cơ hội đến với Cô Năm Phi là một cơ hội hãn hữu đưa cô
« lên đài vinh quang. Người đóng vai tuồng quan hệ trong
« nghệ thuật sân khấu của Cô là ông Nguyễn-Ngọc-Cương.

« Bước thứ ba của Cô, nhờ lấy trôn ở Văn-Hí-Ban, đã đưa
« Cô vào một lâu đài — không phải kim-cương — mà là nơi
« Cô có đủ điều kiện phát triển hết năng lực sức tích từ lâu.

« Ông Nguyễn-Ngọc-Cương đã dùng Cô đúng với sở-trường
« của cô, ngoài ra ông còn tận lực tìm hết cách phát huy cái
« tài vô song của Cô.

« Huống chi quanh Cô Năm, còn bao phủ một vòng những
« ngôi sao đang thời tỏ rạng như : Bảy Nhiều, Tám Danh, Ba

« Du, Tám Mèo, Ba Vân, v.v... một lực lượng vô song sẵn sàng
« nung đỡ cò tiến đến nấc thang tuyệt vời của danh vọng. Nào
« đã ngưng bước ở gánh Phước Cường đầu. Cò còn bước.
« Phen này Cò bước chung với Cò Phụng-Hà ở ban Phi-Phụng,
« một tượng trưng của hai phụng giao đầu. Thêm một nhóm
« hữu tài phụ họa : Tư Út, Hai Tiền, Chín Móm, v.v... Nhưng
« hai Phụng không thể giao đầu được mãi, nên Cò bước thêm
« một bước khác, Đại-Phước-Cường, với cuộc tổng hợp nghệ
« sĩ : Năm Châu, Bảy Nhiều, Tư Anh, Ba Vân, Ba Du, v.v...

« Bước đến đây, Cò thấy có thể tạo cho mình một cảnh sống
« mới, nên Cò đơn thân điều khiển ban Nam-Phi với Tư Út,
« Tám Mèo, Duy-Lân, Bảy Nhỏ. Đây là một bước sang ngang,
« đem lại cho Cò nhiều phần vững chắc ở địa-vị kịch trường.

« Gần đây Cò có sản xuất một công trình mới, — đoàn
« ca vũ Nam Phi, — chưa có tiếng dội và ảnh hưởng khả quan
« nào, còn chờ thời gian định đoạt.

« *Từ những ngón vô song.* — Người ta bảo cò Năm Phi là
« hiện thân của sự đan khồ. Lời nói ấy tuy không đúng lắm,
« nhưng cũng tượng trưng được sở trường của cò, vì kịch
« phẩm là phản ảnh của tâm hồn. Tâm hồn cò là tâm hồn
« của kẻ si tình đắm đuối có thể bỏ tất cả để thỏa mãn lòng
« yêu từ sân khấu đến cuộc đời. Cò áp dụng lòng yêu chan
« chứa trong tất cả vai tuồng thích ứng với tài năng Cò. Thêm
« vào đó cái thiên tài trời riêng phú cho Cò, Cò đã tạo được
« nhiều kịch phẩm bất hủ. Về ai oán nào nùng, trong
« *Tơ vương đến thác, Lan và Diệp, Bàng-Quy-Phi*, đường bệ,
« trang hoàng, đài các, như *Tùy-Hoa vương-nữ*, bà huyện trong
« *Vì đâu nên nổi ?*, là lướt quyền rũ, đắm say như trong
« *Sắc giết người, Phụng-Nghi-Dinh*, và thông minh ngớ ngẩn
« như vai Mọi trong *Đóa hoa rừng*, Cò Năm Phi là người
« đóng nhiều vai tuồng, khó cho ai thay thế nhứt.

« Sở trường của Cô luôn luôn biểu dương trong các vai
« tuồng chan chứa niềm yêu, tình cảm là nỗi éo le chua xót
« của cõi lòng. Ta thử nhận thức cái hay trong vai Bàng
« Qui-Phi, một vai tuồng sở đắc (1) của Cô, đã từng làm cho
« khán giả ở Ba-Lê mềm lòng và sùi sụt khóc. (Lời của báo
« Intransigeant phê bình trong dịp Phước-Cương di dự cuộc
« đấu xảo ở Pháp năm 1931).

« Cô Năm Phi trong vai Bàng Qui-Phi, một bà hoàng
« diễm lệ, thướt tha, đa tình, bị xử tử hình vì giữ hiếu bổ trung.

« Trong màn nhà vua vào cung vấn tội, cô đã biểu dương
« vẽ quyển rû, mê say một cách tuyệt vời. Khi khăn cầu
« tha thiết, khi tức tưởi ghen ngạo, khi dọa hủy mình lúc
« nhận biết nhà vua vẫn một lòng yêu qui. Mỗi màn mỗi sắc
« biến đổi tự nhiên làm sống lại trong tình sử trong thâm
« cung oai oán. Đến màn Địch Thái-hậu công đồng xử án, thì
« từ những vẻ âu lo, sợ hãi khi lệnh trên kể tội, nét thất sắc
« khi nghe lệnh xử tam ban triều diễn, toàn thân run lẩy bẩy,
« đôi mắt mờ lệ nhìn vào bốn án vua phê, đến nỗi...
« thất vọng hoàn toàn, là một nghệ thuật vô cùng điêu luyện.

« Cái hay của cô Năm Phi trong vai tuồng ấy là cô đã
« thành thật sống, sống hoàn toàn với tâm hồn và tình cảm
« với người xưa.

« Đến một vài lầm lỡ. — Ca không đúng nhịp, học chẳng
« thuộc tuồng, tập dượt cầu thả là những lầm lỡ của cô
« Năm Phi, nếu ở vào một cô đào khác sẽ thành những tai
« hại gồm ghê, nhưng với cô, đó chỉ là một đường tơ vụng
« đại không làm giảm bớt nét yêu kiều của bức tranh tổ-nữ.

« Cô có những cái hay xuất chúng, làm kinh ngạc mọi
« người, vì cô không còn là cô nữa mà là hiện thân của vai
« tuồng cô đóng trong những giờ trên sân khấu. Nhưng chỉ

(1) Sở đắc ? ? ? : Sở trường phải hơn. —S.

« với những vai tuồng thích ứng với tài năng cô thời, trái
« lại cô sẽ bừa bãi, bối rối đến lố lằng khi gặp phải vai tuồng
« không hứng thú, không rung động được lòng cô, không
« làm cô say mê đến xuất thần trong màu sắc.

« *Một phần thưởng tinh thần.*— Nghệ-thuật của cô
« Năm Phi là một nghệ-thuật thuần tình cảm. Từ nay cho đến
« ngày cô vắng bóng trên kịch trường, một danh dự cao quý
« nhất của cô là cô chiếm giữ được cảm tình nồng hậu, một
« hoài tưởng êm dịu trong lòng của khán giả tứ phương.

(Kiều-Quốc-Sĩ, trong báo Tiếng Dội, ngày 28-10-1948).

Bài trích lục dài, đọc hấp dẫn ; tôi muốn giữ toàn bích, không cắt xén đoạn nào, để đọc giả lấy công tâm nhận xét. Trước khi dứt qua chuyện khác, tôi xin ông Kiều-Quốc-Sĩ miễn chấp đã dám « ngày ngà » sao ông dám chê pho thần tượng không xinh đẹp, và luôn liên cũng xin chừa đọc giả tha thứ cái tật dài dòng của tôi và sẵn đây, xin vong hồn người khuất mặt biết cho. Năm nào, đã lâu lắm rồi, tôi đi xem ciné khuya ở rạp Majestic Catinat, gặp Cô đi với em gái Cô, còn tôi lại đi với người khác, không phải vợ nhà. Cô ngó tôi như với cặp mắt la dame aux camélias, khi nhận lời cha của Armand Duval nên xa nhau mà đứt ruột, còn tôi tôi lấm lét vì có thùng đầu tại đó hầu úp cái lõi tày đình, và chẳng tôi cũng không biết độn thổ...

(Viết thêm sáng 12-11-1966) V. H. S.

Văn-Hi-Ban.— Cùng một lượt với gánh Thầy Năm Tú, có gánh Văn-Hi-Ban của Thầy Mười Vui (Chợ-Lớn) chuyên môn hát tuồng Tàu. Trong gánh có kếp Tư Thạch, buổi ấy tôi chấm là « nghề riêng ăn đứt » những bài oản, như Tứ-đại, Văn-Thiên-Tường, nhưng sau rõ lại, khi đọc loạt bài của anh Bảy Nhiều, thì Thạch còn nhường sư-bá là Ba Lễ, một nghệ sĩ ca tái-tử mà theo tự thuật B.N. đang tồn làm thầy cho nhiều thế hệ ca sĩ.

Cò Hai Xiêm, Nam Thiên, Cò Hai Nữ, gánh Sòng Chung, Cò Bảy Phụng-Hà. — Cũng gánh Văn-Hi-Ban này, có cò Hai Xiêm, gốc ở bên hát bội, nay sang qua cải-lương đầu quân gánh Văn-Hi, thủ vai Bạch Thu-Hà, múa theo hát bội và ca theo cải-lương nên thuở ấy ai ai cũng cho là xuất sắc. Tôi nhớ lúc ấy kếp Năm Thiên đóng cặp với cò Hai Xiêm thủ vai chánh coi được đến. Cớ sao nay anh Năm lại lu mờ trong gánh Sòng Chung? Cò Hai Nữ, lúc đó làm vai lý tất lau mặt cho kếp Dương-Tôn-Bảo trong *tuồng Mộc-Quốc-Anh dâng cây* cũng là duyên dáng lắm. Còn nói gì Cò Bảy Phụng-Hà lúc ấy đóng vai Mộc Quốc-Anh thì ai ai cũng mê, ý là lúc ấy Cò Bảy còn nhà quê ệt! Nhưng khi cò trong buồng bước ra cất tiếng trong-trẻo nói lời :

« Mộc-cát-trại một mình làm chủ, nhóm lâu la trên danh
« tung hoành, Cha Phiền-Vương Mộc Vô là danh, thiếp
« Mộc-thị Quốc-Anh là hiệu. Sức cử danh Hạng-Vương còn
« thiếu, (chớ) Vô đề thương đủ lực bạt san (?) Phi-đao
« phép quý tiên truyền, xạ tiễn nghề hay quý sợ mà ! Than
« ôi ! Bởi chưa gặp ai người quân tử (?) Nên đành cam an
« thú với chi hùng ? Ngày hôm nay vùng vẫy với non sông,
« nguồn tâm sự bạn cùng cây cỏ.

Tiếp ca vọng cổ : « Toại lòng cao-sơn lưu thủy. Minh nguyệt
« phỉ chi với thanh phong. Thung dung nước trí với non
« Bồng, Trời chưa thấu dụng nữ hùng. Trước sân tuyết
« diêm bá tung, khi diễn vô khi thì ta lại thưởng hoa. Cũng
« vì trời sanh ta là phận gái, đâu có biết anh hùng trong
« bốn biển là ai ? Bởi vậy cho nên ta cố ý xưng vương nơi
« sơn trại...

(Bài này còn thiếu và không dám chắc đúng với nguyên văn ; xin nhờ cao minh chỉ giáo) : Cò Bảy nói rồi tiếp ca bài này, thì tôi tưởng lúc ấy ai cũng như tôi, đều nín thở và thầm khen cò đào nào đây nhan sắc và tài nghệ tuyệt trần.

Năm 1624.— Đề thấy cái ngồng cái gàn của kẻ này, xin nhắc một việc cũ nay nhớ mà còn then then. Quả không có cái gì mà tôi không muốn không ham. Thậm chí tiền không có, bề thế cũng không mà đeo bóng nhiều việc lếu. Ngày mồng một tháng ba d. l. 1921, tôi đi xem hát cải lương tại rạp Modern đường d'Espagne Sài-Gòn. Lá lay tôi được ngồi gần cô Ba Trà, lúc ấy đang sáng chói trong tiền, trong nhan sắc và sầm xe hơi có tài-xế phụ, để dành mở cửa. Cô Ba ngồi một dãy ghế thượng hạng với bác-sĩ Trinh, Tòa Ty và Sáu Ngọ. Trờ trêu thay, bên tay mặt và sát ghế cô là ghế của kẻ này. Cô ngồi xem mà mũi nước hoa làm tôi ngáy ngất và khi nửa chừng cô ra về, tôi hết biết trên sân khấu hát ca những gì và khi về nhà, tôi thức trắng đêm để đặt bài này, nay chép ra đây cho thấy cái rạn rở của tuổi xuân hiếu sắc :

Xem cải-lương ngộ mỹ-nữ (cô Ba Trà)

Duyên kỳ ngộ gặp nàng quốc sắc,
Khách đa tình ngộ mắt quên nheo !
Mới đây sao lại như bèo ?
Gió đe vừa sát, gặp chèo kế dang.

Tệ chi bấy ! Ở nàng mặt ngọc,
Khách có phòng trần trọc năm canh
Căn duyên sao có mảnh mảnh,
Chưa vui sum hiệp đã đành chia phui !

Nàng tháo bước, ta ngùi ngùi thắm,
Khách lui chơn, đây dám trộm lời :
« Phiền cô tiện đó ngồi chơi,
« Cho đây xem thoả, sắc trời phải chăng ?

Khen cha chả ! Khuôn trăng đầy đặn,
Càng nhìn lâu càng mấn nét hồng
Còn trời, còn biển, còn sông,
Còn câu tình ái, còn lòng tương tư.

Nghĩ cũng lẽ sao đi không nói ?
Để lại chi mấy dọi sầu phiền.
Vật đi còn chút tình riêng,
Nàng đi nàng để cho nghiêng ngửa lòng.

Lửa đã nhúm khó trông dứt tắt
Kể từ đây bắt bắt giấc tiên
Ngày sầu mấy khắc nào yên
Đêm trông canh lụn càng điên đảo lòng !

Than ôi, đã sa dòng biển ái,
Để gì toan trở lại non nhen ?
Lòng thương lòng lại há sên,
Dầu mòn bia đá khó khờn lòng thương...
1-3-1924

Cái công còn chưa chịu buông tha, tiền thì trong túi vắng hoe, mà dư thừa thơ thổng. Vô sở làm, ở Trường Máy, đường Đỗ-Hữu-Vị, trọn một tuần lễ, bỏ phứt hết tất cả mọi việc, rần ề ạch bởi sửa đặt thêm một bài thơ bát cú mà không dám gởi, chỉ cất trong cặp cho đến ngày nay :

Mỉm miệng cười duyên đoá hải đường.
Xui lòng thi khách biết bao thương
Dịu dàng mà đỏ đào ghen thắm,
Yêu điệu mình mai liễu kém nhường.
Ngọc tốt Lam - điền ai nại giá,
Hoa tươi Thục-Uyên nức mùi hương.
Cất xong Đồng-Tước chờ tiên nữ,
Nhấn với ai kia chớ gọi thường.

Thơ rồi để đó, lo đi cưới vợ. Cò Ba Trà vut vut lên như điều gặp gió, lên xe xuống ngựa mấy chục năm trường. Tôi thì một rương sách một túi áo quần, để sau cùng dùm dề ba cái đồ sành tra bề. Bỗng vài chục năm sau, gặp nhau lại nơi bàn tài-xiu trong Chợ-Lớn, sau trận 1945. Cò đã mất phong độ năm nào, nhưng hỏi tôi, hỏi thấy nhan sắc cò nay kém hơn trước thế nào ? Tôi trả lời : «Tôi chỉ biết « người đẹp » có hình chụp treo trong tủ kiếng nhà photo Khánh-Ký lúc còn đi học Chasseloup» và « đã khiến tôi thành thi-sĩ, xin lỗi, thành thợ thơ năm nọ ». Cò cười rồi thâu dung tôi làm « bí thư » suốt mấy tháng trường, Cò thuật tiền sử cho tôi lấy notes, vừa thấy hay hay, kể cò bán tài-liệu cho một ông bạn nhà văn (ông T.T.Q.) tôi không nói gì, nhưng xin ngưng chép chuyện tiền-sử nhời bã mía, chỉ giữ lại đến hôm nay hình bóng một người năm xưa từng vài bữa bạc trăm bạc ngàn qua cửa sổ, nay không có đến một xu-ten để cạo gió và vẫn nuốt cơm đen kéo dài cái kiếp sống thừa không biết đến chừng nào ? Nhớ một đêm nằm cạnh bàn đèn với Cò Ba, khi chị Phù-Dung đến làm bạn « ăm ăm êm êm », bỗng thấy mà cò trở nên hồng hào, lông nheo ướt ướt, mũi dọc dừa, răng còn tốt, nhứt là tuy ít học nhưng ăn nói duyên dáng vô cùng, tôi nhìn lâu bỗng sợ khan, may mà tại gia đã có một ai rồi, không có ai đó, đem ai này về, ắt cái khổ còn ai hơn nữa ! Năm xưa cò là đóa hoa, tôi là «về rác». Cái năm gặp ở tài-xiu, cò đã thành «về rác», nhưng thà tôi trôi cô-ky, không muốn kết thành bè. Tuy vậy bụng vẫn tiếc, vì bất quá là bá quất, chớ chi hai về rác gặp nhau sớm, ráp lại với nhau, biết đâu chừng biển Đông sẽ ăng bóng ? Không chi cũng biết mùi la dame aux camélias Nam-Việt.

1926.— *Gánh Phước-Cương*.— Năm 1926, gánh Phước-Cương lên hát rạp Sài-Gòn : kếp Bảy Nhiều làm Tổng Chơn-Tòn, Cò Năm Phỉ thủ vai Bàng Quý-Phi, hay đến đôi Chánh-Phủ gởi cả đôi sang Pháp diễn tại Paris dịp đầu xảo năm 1931, ăn

khách suốt mấy tháng trường, tuy khán giả lang-sa không hiểu nổi một câu bịn rịn hay câu vọng-cổ muối, và chỉ hiểu qua màu bộ tịch của đào kép.

Tôi còn giữ được một tấm chương trình gánh Phước-Cương diễn truyện Thuyết Đường, vợ Ngũ-Vân-Thiệu bị tên, Bảy Nhiều bỏ làm Vân-Thiệu, Giả-thị do Cô Năm Phỉ đóng, hỉ nộ ai oán đủ điều (tài-liệu số 209 Hồi-ký tập II).

Giá chỗ ngồi :

Hạng nhứt	1 đồng
Hạng nhì	0,60 (sáu cắc)
Hạng ba	0,30 (ba cắc bạc).

1943.— Bẵng đi một khoảng dài, tôi dời về Sa-Đéc (1928—1932) Sóc-Trăng (1932-1936) và Cần-Thơ (1936-1943), tuy vẫn xem hát như cũ nhưng không gặp chuyện nào gay cấn, cũng những tuồng cũ diễn đi diễn lại. Năm 1943 tôi dời trở lại Sài-Gòn thì lính Nhật-Bồn đầy đường. Đêm thứ tư 13-1-1943, tại rạp Nguyễn-Văn-Hảo, có hát Đại-Hội chư ban, theo chương trình tôi hiện có (số 210 Phụ-lục Hồi-ký tập II) đủ mặt kép đào danh tiếng:

Cô Năm Phỉ và Tám Mèo, Năm Định...	gánh Nam-Phi
Bảy-Nhiều	gánh Nam-Phương
Cô Thanh-Tùng	gánh Thanh-Tùng
Tám Danh	gánh Danh-Đàng
Cô Mười Truyền	gánh Song Phụng
Cô Bảy Nam và toàn ban	gánh Phước Cường

Tuồng chia làm ba lớp :

1) Vô đầu, chào Thống-chế Pétain ;

2) diễn tuồng Ngọc-nữ báo phu-cừu, tuồng Tàu do hai gánh Phước-Cương và Song-Phụng đồng hợp diễn (chương-trình, Phụ-lục số 210) ;

3) tuồng chánh « *Tứ-đồ-tường* » là một tuồng ruột của gánh Phước-Cương thêm được nghệ-sĩ thượng thặng đóng lại vai cũ : phải tốt phước lắm mới dự khán được những dịp này : cô Năm Phỉ đóng vai người vợ hiền ; Tám Danh làm anh chồng ghiền sau sa sút đến đổi làm phu kéo xe ; các vai khác chia nhau giữa các cô Tư Thanh-Tùng, Bảy Nhiều, Tám Mẹo, Năm Định, v.v...

Giá chỗ ngồi đã tăng : 2đg, 1đg50, 1đg20, 0,70, 0,40.

1926.— *Nghĩa-Hiệp-Ban.*— *Nam-Hưng-Ban.*

Cái năm 1926 là năm gì mà tại Sài-Gòn, cờ bạc rần rần, nhà xéc Sáu Ngọ gần như công khai, một mình lão này bao-thầu hai chị em Năm và Bảy, hai cô đào danh tiếng, khi vui sắm xoàn cả bùm, khi ghen đốt áo quần sạch bách và đánh hoa biết nói bằng roi mây đến rướm máu... Vua cờ bạc Sáu Ngọ lập gánh *Nam-Hưng-Ban*, để người đẹp (cô B.N.) làm bầu. Nhưng phần sòng me trong Chợ-Lớn bị chúng theo phá, tiền vò không được dôi-dào như trước, phần lỗ lỗ vì bao nhiêu tiền lấy ra hùn lập ngân-hàng Phan-Thiết bị chúng sang đoạt, rồi cuộc tình khô gánh rã và Sáu Ngọ cũng vào tù, khi ra mất mỗi cờ bạc và chết sạt nghiệp... đúng như lời thầy Tư Nền tiên đoán : bàn tay chỉ sanh-mạng đứt, bên tay vợ thì còn nguyên, thế là hai người cách mặt ly thân, chồng sẽ ngồi tù ; người vợ này có tay cầm cửa, nếu ra tù không ở lại nhau thì chồng sạt nghiệp, quả thật S.N. ra tù, trách vợ ngoại tình, không ăn ở nhau nữa, N. đánh me đánh đầu thua đó mà nghề chủ chứa lấy xâu đã bị kẻ khác giựt từ lâu, nên con ma nghèo kéo đến trở tay không kịp. Gánh *Nam-Hưng-Ban* chuyên diễn tuồng tàu, N. lại ghen, nên cô đào chánh cũng là bầu B.N. chỉ đóng vai xấu xí : Chung-Vò-Diệm dạ-xoa, Đào-Tam-Xuân nửa mặt thiết nửa mặt lọ lem, kếp chánh và đào chánh cầm đứng quá gần, cầm cụp lặc cầm muối mẫn trên sân khấu.

Cũng năm 1926, gánh *Nghĩa-Hiệp-Ban* của ông Nguyễn-Văn-Đầu lập ra, chương-trình tôi còn giữ (Phụ-lục số 211 tập hồi-ký II), có Nguyễn-Công-Mạnh và Nguyễn-Trọng-Quyền làm thầy tuồng. Phần biên soạn thì vững chắc, nhưng y phục và cách trang sức kém mỹ-thuật đến gần lỗ lã : kếp võ đào võ mặc áo nhung cổ bẻ kiểu pyjama chung quanh viền cặp đường biên bằng lông trừu trắng toát, đầu đội khăn xếp, chơn đi giày Tàu. Thường dùng bit-tắt dài nịt lên tận hàng, và mặc quần đùi bắt chước cách ăn vận của phường xiếc. Anh kếp chèo nào cũng có áo choàng và tay cầm đoản đao hay trường côn. Cũng những tuồng của các gánh khác đã diễn : Anh-hùng náo tam-môn-giai, Tang-Đại giả gái, Sở Văn tế lâu, Tra án Quách Hòe, Xử án Bàng Qui-Phi ..., sau rốt hát không lại các gánh lớn và rã gánh.

Còn nhiều gánh hát nữa sống chật vật, chết vô danh, nay đến tên hiệu cũng không còn nhớ...

1927. — Năm 1926, tôi cưới vợ. Người cậu của vợ (nay hai tôi đã ly-di), ông Dương-Văn-Giáo từng trách yêu tôi : « Thà làm kếp cho hay như Nguyễn-Thành-Châu, hơn là làm việc cho Tây ! » Câu nói ấy thốt ra đêm Cô Bảy Phùng-Hà hát tại Nhà Hát Tây, cô thủ vai Mộc-Quế-Anh dáng cây và người đóng cặp vai tướng nhỏ đẹp trai Dương-Tôn-Bảo, không ai khác hơn là anh Năm Châu. Kếp tức thâm, ghen trong bụng, vì lúc ấy cô đào duyên dáng sắp lọt vào tay Bạch-công-tử Phước Georges. Ra diễn trên sân khấu, kếp đánh giặc thiệt và đánh thật mạnh. Cô đào ban đầu chưa biết, còn hý hờn ghẹo : « Ai dám thì mình đỡ ! Ai dễ hờ mà dám ! » (Câu bên hát bội đã có). Nhưng kếp hăm hăm, đập giáo nào ẻ tay giáo nấy, cô đào thấm mật, nước mắt đầm dề : « Công-tử ời ! xin nương tay cho thiệp nhờ ! » Việc năm xưa năm xưa đã trên bốn chục năm, không biết người đương sự còn nhớ chăng ? ?

1928.—1929.

Núp cánh gà xem đit mợ râu. — Tôi đi Sa-Đéc làm thơ-ký phát ngân tại Tòa-bố. Cô Bảy Phụng Há xuống diễn. Cậu Tư Phước Georges, chủ gánh Huỳnh-ký có nhã ý mời hai tôi đến xem hát. Đây là vi cảm tình riêng chớ thuở ấy có đủ cách hồi lộ, một thông lệ vẫn còn tồn tại nhiều nơi là mỗi gánh đèn hát tại tỉnh phải có thư giấy mời đặc biệt ông thông ngôn đứng bàn ông chánh, thay mặt cho sở kiểm duyệt đề phòng trong khi hát có nói lời xúc phạm chánh-phủ chẳng. Mà hề mời thầy thông ngôn thì phải mời đủ cặp, có khi ông bà mắc dầu chén thì con vú bác tài đưa nhau đi xem thế, không cho vào cửa có môn dọn đi. Mời rồi bên Tòa-bố lại phải mời thầy ký làm việc Sở Cầm, đề phòng linh tráng dám chém làm khó không cho hát. Nhưng đêm ấy tôi không đi giấy mời mà mua vé dàng hoàng, lại vô buồng đứng sau cánh gà để phỉ tình đàm đạo và góp ý kiến với Cậu Tư. Nhờ vậy mà tôi mục kích một lớp hài-hước không có trong chương trình. Cô Bảy hôm ấy diễn tuồng vô, diễn được hai ba màn, thấm mệt, nên khi vô buồng, cô tạm ngồi trên chiếc ghế mây mà sơ ý nhè ngồi đại nên không coi trước. Một anh kếp vô hết phiên trước cô vào buồng nằm xả hơi trên chiếc rương lớn, lúc ấy còn xài râu dán bằng keo, nên anh cẩn thận trước khi nằm đã gỡ râu ra cho khỏi vướng. Đến lượt anh xuất hiện, anh ngồi dậy kiểm hoài không thấy bộ râu mình mới đề đầu dây, anh chạy giáp buồng hát, miệng lầm bầm « đ.m. thằng nào lấy râu tao !! » Kiểm mãi không có râu và túng quá vì đã đến phiên mình ra tuồng, anh bèn bước đại ra sân khấu, vừa ca hát vừa lấy tay áo rộng che miệng và cằm. Thoạt tới phiên cô Bảy xuất hiện, bộ râu nhún nhún sau mông cô mà cô không hay, cô vừa xây lưng, anh kếp vụt thấy bộ râu mình làm mất, mừng quỳnh quýu nhảy một nhảy chup vào phía hậu cô Bảy mà ráp lại vào cằm mình, việc xảy ra mau như chớp nhưng cũng đủ cho một mớ khán giả mấy hàng đầu lạnh mắt thấy đủ hết từ đầu chí cuối, không nhịn cười được nên đồng rộ

cười lên gần bề rạp. Khởi nói đào kép trên sân khấu rần diễn như thường cho lấp chuyện, nhưng trong màn thấy có sự « bại hoại ốc trâu cả đám » nên lật đật cho bỏ màn xuống. Pha này đã có người nghe lôm và viết nhại tôi, hoặc giả y cũng đồng thấy như tôi, tôi không cần biết, duy chuyện có sao nói vậy, còn tin cùng không là phần của độc giả. Lúc này là lúc quần áo kiểu Cát-Tường (Le Mur) thịnh hành và cũng lúc này Có Bảy đương trong thời kỳ đào tiên hơ hờ, cô diễn tuồng xã-hội, mỗi lần cất giọng ca Quảng, chót đuôi câu y-ỷ-y nghe gần bề rạp! Ngày nay lớp sau ca tấn phát nhiều. Nghe kỹ lại hơi xưa và so sánh với làn hơi kim thời, thấy nhiều chỗ khác. Về giọng ngâm thơ theo điệu Bắc, nay nhờ Radio đã quen tai, chớ châu xưa duy có Tư Út rí rả câu « con cá vàng và anh Tây đen » là còn nghe giọng giống. Năm nào tại nhà tôi ở Sóc-Trăng Tư Út đến chơi, lấy đĩa « Huyền-Châu-Nữ » quảy nghe lại, rồi Út ca lại bản đó, nhưng đã bớt hơi không bằng khi vào đĩa, Út ngó tôi châu mày và chôn luôn cơn buồn vào ly Bisquit-Soda vàng lờm.

1932-1933. — Những năm này nạn kinh-tế khủng hoảng hoành hành nặng nhứt trên mảnh đất Miền Nam cũng như khắp hoàn cầu. Chẳng lành thì chớ người câu ruột thứ năm của tề nội đâm mê một kép hát đực. Không nghe lời khuyên gián, đương làm ông viên-ngoại ăn lương « hàm chánh thất » bên xóm Thiềng-Đức ngang chợ Vĩnh-Long, Cậu Năm bỏ nhà bỏ vợ con để khăn gói theo anh kép. Cậu Năm tôi tuy đàn ông và rất đẹp trai, nhưng ăn trầu xĩa thuốc, khiến tôi nhớ đến ông Cẩn ở Huế gặp sau này. Cậu Năm gói bánh trái tôi dám chắc đàn bà không khéo bằng và nghề nấu nướng hơn cả các tay dầu bếp thiện nghệ. Ở không, làm ông nhà giàu ăn lương vợ, Cậu đâm chán rồi lấy tiền nhà lập gánh cải-lương, để có dịp theo anh kép nghe ca, mà lúc ấy phải nhìn nhận anh kép này có một giọng khác hẳn giọng Út-Chơi-Châu-Thạch. Anh kép đi thâu đĩa, Cậu cũng đi theo. Anh kép đến đâu, Cậu theo

đến đó. Gánh hát lơ lã, Cậu về vết tiền nhà. Người vợ hiền không cho, Cậu lại nhờ đến tôi. Mãi sau hay tin cậu thất vọng, uống độc được và xác chôn trên Nam-Vang. Anh kếp sau làm bầu, nay đã chết. « ...Văng vẳng tiếng chuông chùa... »

Gánh Hồng-Nhứt. — Một bộ ba chuyên đóng tuồng Tàu lớp Quan Công hiền thành. Mười Bửu làm vai Ông, Sáu Lực vai Quan Bình, Năm Diệp vai Châu Thương : ban đầu công chúng thấy lạ, đồ xô đến xem, nhưng sau hơi ngán trách thầm gánh hát gì trịch thượng dám lấy Thần-Thánh làm trò, nên thưa lần. Mười Bửu có tài lấy đất sét nắn tượng rất khéo, sau chết bệnh trên xứ Đà-Lạt. Sáu Lực nay cũng ra người thiên cổ, và bộ ba này y như là gánh Hồng-Nhứt nếu tôi không lầm. Mười Bửu có giọng ca « đồ hột » vừa dẻo dắt, vừa du dương : anh chịu khó chơi với kếp hát Quảng trong Chợ-Lớn và học tập từ lần hơi đến điệu bộ, hết Tàu. Mặt anh no tròn nên dậm mặt Quan Công trông y như trong tranh thờ. Trong nhiều vai võ, Mười Bửu ca sang sảng thanh âm cao vút lạnh lạnh như tiếng chuông ngân thật là xuất sắc. Anh cũng là một tay đòn có tiếng và thích ca trên cây tỷ-bà những bản xưa Nam Xuân, Nam Ai, Giang-Nam, Trường tương-tư. Chính anh thuộc những bản rất cổ « Tò-Huệ chức cầm hồi văn » v.v... ít người dám ca dám đòn. Mười Bửu là một trong những kếp thợ giáo được điệu Tàu tập luyện có căn bản và có phương pháp luật lệ nhất định của điệu này. Tuồng Tam Quốc, lớp Quan Công đại chiến Bàng Đức, bộ ba Bửu, Lực, Diệp diễn rồi không có gánh nào diễn ăn qua được. Trong gánh Hồng-Nhứt có Cô Sáu Nết nổi danh một lúc, sau cô có chồng nên thôi hát, ra làm bà chủ quán dưới gốc cây diệp to đường Hai Bà Trưng, Tân-Định.

Gánh Huỳnh-Kỳ của Cô Bảy Phụng-Hà và Cậu Tư Phước Georges. — Tôi có nhiều cảm tình riêng đối với Cậu Tư. Nay Cậu đã ra người thiên cổ, tập « hồi-ký » này và chẳng là một

« nôi xào bần thập cầm », nên xin cho phép tôi nhắc lại vài đoạn đề nhớ « Cẩu Tư » cổ hữu :

Bạc-Liêu là xứ ăn chơi, giàu lúa gạo giàu muối giàu tiền. Điều Vọng-cổ cũng từ tỉnh Bạc phát ra . . . Nhưng Bạc-Liêu còn lắm thú vui khác: thú ăn cháo Tiều với hột vịt muối và cua muối giắc khuya, thú xuống biển ăn sò huyết hoặc ăn nhân chín tại vườn, khi ăn đưa hấu tại gốc trồng ngoài bãi biển. . . và có dịp để phóng xe chạy cho mát, sau đó sẽ lên mở phòng tại phố Sốc-Trắng. Tại chợ này, một năm nọ có cuộc đụng độ của hai công-tử: một chàng đen đúa, thứ ba, sanh trưởng trong ruộng muối tỉnh Bạc, nên được người trong xứ gán cho mỹ-hiệu « Hắc công-tử » khi nào trước mặt sẽ nịnh bằng danh từ « Cẩu Ba H. »; một chàng trắng trẻo, thứ tư, sanh trưởng tại xứ sông sâu nước chảy, trái cây ề hề, đất Tiền-Giang (Mỹ-Tho), ăn chơi hào phóng, nên được các tay em tặng hai chữ « Cẩu Tư » ngọt xớt, và để đối diện với chàng Hắc, đây là Bạch công-tử có số đào hoa. Người cổ cựu tỉnh Sốc còn nhớ vài giai thoại lý thú về hai cậu: tôi cứ viết ra đây nhưng không đảm bảo đúng y sự thật, vì việc lâu ngày đã méo mó không ăn khuôn. Mà thiết tưởng không nên quá câu nệ và cũng chẳng cần biết đích xác làm gì, duy nhớ một đêm nọ, Cẩu Ba ngồi xem hát hàng ghề danh dự, Cẩu Tư vì nể khách và để tỏ tình thân thiện cũng xuống ngồi gần đàm đạo. Buổi hát đã về khuya gần vãn. Cẩu Ba lấy vi thuốc ra hút, lay hoay thế nào mà một tờ giấy *con công* (năm đồng bạc thuở ấy) từ trong túi bỗng rơi xuống đất, mà quẹt diêm gì cũng không sẵn trong tay, báo hại chàng Hắc-công-tử bất kể giữa đám hát đang hồi cụp lạc trên sân khấu, chàng ngồi chồm hồm xuống đất sờ soạng dưới nền xi-măng dơ dáy như lão thợ may đánh mất cây kim, bộ tịch lụm cụp y như lão thầy bói mù mò tiền hoئن, trông thật buồn cười. Bạch-công-tử thấy bộ tịch, mắt cỡ giùm nên hỏi :

— Toa làm gì kỳ cục vậy ?

— Moa kiểm tờ giấy con công, d.m., mới rớt xuống đây mà mất tiêu như cò ma giấu !

— Nè ! để moa cho mượn cây đuốc ! Nói rồi Bạch-công-tử vừa đốt một tờ giấy «oanh» (vingt, hai chục bạc) soi sáng cho Hắc-công-tử thu hồi tờ giấy con công, ngụ ý giấy hai chục khi phải việc tôi còn bắt kê sá gì, hà huống anh vừa đánh rơi một tờ con con năm đồng mà anh đã linh quỳnh như « họ đạo mất qu...ần ? »

Cũng tại chợ Sốc-trắng, cách đó không lâu, chàng Bạch-công-tử ngộ nạn một cách gián tiếp. Năm nọ, quên mất năm nào, Cậu đưa gánh hát từ chợ Mỹ-Tho xuống diễn một vòng Hậu-Giang và gánh hát đang phò tài tại chợ Sốc-Trắng vừa được một hôm. Vốn người phong lưu hào hiệp nên đi đến đâu Tư Phước có dắt bộ hạ em út tay chơn theo đông lắm. Trong đám, có một anh chàng lai, có Pháp-tịch (sau năm đảo chánh 1945, từng làm Cảnh-sát-trưởng tại Gò-Công), lúc ấy anh này chưa gặp thời nên theo núp gió làm hộ-vệ cho Cậu Tư, vừa vui vừa học thêm được nhiều việc. Sau mòng anh cò đeo cộm cộm cây chó lửa, Browning 6m/m 35. Sáng sớm bữa đó, Cậu Tư tự lái xe nhà, Fiat Sport, đưa các em út đi ăn sáng. Quán Hải-Nam này làm xiu mại có danh và bán café đường Đại-Ngãi, nay là Hai-Bà-Trung, quán ở bên kia đường trước dãy phố nhà Ba tôi ở. Chiếc xe đầu không được sát lề, nên có một cai Phú-lich, bấy lâu cà-xốc nội chợ đều ghét, nay tên cai lại sân si đòi biên phạt. Cậu Tư, quân tử, nhận lỗi một cách rất lịch sự. Nhưng Cai nhà ta nhứt quyết định làm biên-bản một đôi phạt hai đôi phạt cho được mới bằng lòng. Thầy Cai ta làm quá trớn, anh chàng lai hộ-vệ nóng ruột bình chủ, bèn đứng ra can thiệp. Cho hay : một năm chỉ có một phút rủi... Chuyện là chuyện của Cậu Tư, bỗng chuyển qua cho chàng lai chịu đựng. Anh Cai sùng nầy giờ, bỗng sẵn sọ và thách đố :

— Mày ỷ mầy Tây, mầy có súng. Mày giỏi bắn tao chơi ?

— Tôi không chọc anh. Cô bác coi đó mà coi ! Mà anh thách tôi, tôi bắn anh à !

— Mày giỏi bắn c.t tao đây nè ! !

Một tiếng súng nổ. Chàng lai dần không được, quả bắn ngay chỗ đó. Cai ta nằm cho một đồng. Câu chuyện đi ăn điếm tâm bất thành. Chàng lai đi ngay lại bót tự nạp mình và trình với Cò. Vì bằng lập không khó, nhân-chứng trong quán nước cũng như bằng quan lối xóm đều nhìn nhận có sự khiêu-khích và thách đố của anh Cai cá xóc, v.v... Chàng lai bị tù đã đành, nhưng mần tù ra, tôi vẫn bắt tay và chào hỏi nhau, trọng nhau, và cử chỉ của chàng ở chợ Sốc-Trắng còn nhiều người nhắc nhở. Nếu các bạn có dịp ghé chợ Sốc-Trắng hiện giờ trên con đường Hai-Bà-Trung, nếu gặp phố lâu nào hai căn biển thành một rạp chớp bóng nho nhỏ, nhà ấy là nơi nhau rún của kẻ viết mấy hàng này, — nhà hương hỏa của phụ-thân chúng tôi để lại, và chỗ tên Cai trả nợ làm phách không nên lối, ở về bên kia lề phố nhưng tiệm nước năm nọ nay đã trở nên một cửa hàng tạp hóa, nhìn không ra.

1938.— Tôi còn giữ một chương trình hăng đĩa Béka năm 1938, ngoài bia có in hình Có Bảy Nam đang trong thời kỳ xuân sắc và hình Năm Châu còn nheo nhéo tơ mắng không mập nặng như bây giờ. (Tài-liệu số 212 phần phụ-lục tập Hồi-ký II). Năm 1938 là năm rộ của các đĩa và kếp đang sung sức, thêm nhờ có cách thâu âm thanh vào đĩa nhựa nên một đôi nhà còn giữ được những giọng hát ca cũ : tuồng Túy-Hoa Vương-nữ, sau này đổi lại là « Dân chúng trước pháp-trường »

— Phụ-phàng, có đĩa Năm Phỉ, Bảy Nam, Ba Vân, Năm Châu ca Tây-thí và bản Tàu ; và một đĩa Năm Châu và Bảy Nhiều ca Nam-xuân và Văn-thiên-tường ;

- Sĩ-Vân công-chúa cô Năm Phỉ và Bảy Nhiều ca Vọng-cồ ; một đĩa nữa cô Bảy Nam, cô Năm Phỉ, Bảy Nhiều ca khóc hoàng-thiên và xuân-nữ.
- Tơ vương đến thác, Cô Năm Phỉ và Bảy Nhiều ca Tây-thi và Vọng-cồ. Nghe đĩa này, nhớ lại tất cả điệu bộ quý phái trang nhã và tình tứ của Anh Bảy và Cô Năm, xứng đáng là tiên phuông hữu tài của nghệ-thuật cải-lương.

Cũng trong gánh Đại-Phước-Cương này khi ra Bắc, tại rạp Thăng-Long, hàng Bạc, Mười Bửu trở tài diễn tuồng Quan Công đại chiến Bàng Đức, cô Kim-Cúc, con Bảy Nhiều đóng vai Quan Bình, và cô Bảy Nam hóa trang làm Bàng Đức. Giọng ca của Mười Bửu và cô Bảy Nam giống hệt giọng Tàu, thêm được một người nghệ-sĩ thời đưa hơi thở kèn dăm Tàu, gọi « hồ củn hay nạm củn », nên buổi diễn vô cùng khoái trá.

Cũng năm 1938, gánh hát Phụng-Hào cho thâu đĩa « trồng vàng » 21 đĩa : Uyên-ương bạt gió, Hiếu tình khó xử, Ái tình giai cấp, Gái trọn nghĩa tình, Nỗi đau người mẹ, Đồi oản ra ăn.

Cô Bảy Phụng-Hà, Cô Ba Huồi, Cô Tư Sặng, kếp Tư Thạch, Tám Mèo, Bảy Nhỏ, toàn là gạo cội của giới cải-lương thời ấy.

Ngoài ra, hãng Béka cũng thâu đĩa một nhóm danh ca tài-tử không đứng trên sân khấu cải lương nhưng ăn đứt trong điệu ca « thỉnh phòng » :

- 4 đĩa « Gió bạt lạnh lòng » với cô Hai Đá ca Vọng-cồ ; cô Ngọc-Nữ ca xuân-tình và ca bình-bán-chấn ;
- 1 đĩa tuồng « Thương ai ? » với cô Ngọc-Nữ ca tương-tư, có cô kim phụ họa ;
- 1 đĩa tuồng « Đêm khuya » với cô Ngọc-Nữ ca xàng-xê (kim-violon) ;

Trong khi ấy, gánh Trần-Đất (Trần-Đất-Nghĩa) thâu hết dào kếp gánh Huỳnh-Kỳ rồi đem về cho mình, y như độ trước

Thầy Năm Tú vớt xác gánh Thầy Thận. Gánh Trần-Đất cho thâu đĩa « tròng tim » :

tuồng « Lửa đỏ lòng son », trọn bộ 4 đĩa :

cô Tư Sạng ca Vọng-cổ,

cô Phùng-Há và Năm Châu ca Hành-vân đối đáp ;

cô Phùng-Há và kếp Tư Út ca Xuân tình ;

cô Phùng-Há, cô Tư Sạng, và Năm Châu lý Huế, giao duyên, ca lưu thủy.

tuồng « Khúc oan vô lượng » cô Phùng-Há và cô Tư Sạng ca Vọng-cổ.

tuồng « Mạnh lực ái tình » : 2 đĩa

cô Phùng-Há — Nam-ai, lý-Huế, ca thập tình.

cô Phùng-Há cùng với Tư Út ca Vọng cổ.

tuồng « Tiếng nói trái tim », cô Tư Sạng và Tư Út ca Xuân-tình.

tuồng « Huyền-châu-nữ », Năm Châu và Tư Út ca Vọng cổ.

tuồng « Hồn chinh phụ » (4 đĩa) : Phùng-Há Năm-Châu ;

tuồng « Bằng-hữu binh nhung » 2 đĩa : Phùng-Há, Tư Sạng, Năm Châu ;

tuồng « Tề-Quản cột Khương-Thị » 2 đĩa :

Cô Phùng-Há và Tư Út ca Tây-thi Quảng và cồ-bản Quảng ;

Cô Phùng-Há và cô Tư Sạng ca bản Tiều và Liễu-thuận-nương.

Lúc này cô Bảy và Năm Châu sinh tài ca bài « J'ai deux amours », giọng Tây lời Việt. Lại cũng có người chỉ muốn nghe đờn hòa điệu Sài-Gòn, nên hãng Béka không bỏ qua dịp tốt, đã thâu làm 5 đĩa : (tròng tim)

— Tứ-đại-oán với tranh, cò, kìm, tiêu, chuông ;

— Văn-thiên-trường, Khốc hoàng-thiên : Tranh, cò, kim, tiền, chuông.

— Nam xuân, Xuân-nữ : Tranh, cò, kim, tiền, chuông.

— Tàu-mã, liễu-thuận-nương, kỳ ba, nhận lạc vi.

— Chúc ngày Tết : song hỷ, kim-tiền, lạc địa.

Về loại « trông vàng », đĩa hóa đồn ra 7 đĩa :

tranh-kim-violon Vọng cổ lớp trước và lớp sau
(2 đĩa)

Violon Tây-thi, Xuân-nữ

Kim Hội ngươn tiền

Tranh Lý chuồn chuồn, Tứ-đại.

Cò Bài hạ

Tranh Phú lục.

Cùng một lúc, đĩa Béka thâu Hát-bội gánh Huỳnh-Trí-Phủ thâu đĩa ngâm sa-mạc với nhạc-sĩ J. Tịnh đồn violon và ngâm, cò Chu-thị-Bốn, Chu-thị-Năm, Đàm-mộng-Hoàn khi ngâm Kiều, khi sa-mạc, khi bông mạc, hoặc nói hoặc mướu hoặc ngâm thi Đường. Người Miền Trung được cung cấp đĩa Huế, khi cô Nhơn, khi khác cò Sâm, có tý tranh nguyệt nhị bầu đưa hơi : « Bóng trắng tròn vạnh », « Sầu chong trắng đĩa », « Dạo thuyền dưới trăng », « Sông tương đòi ngã », « Cách trở sông Tương », « Tiếng chuông Linh Mục », « Nhơn bất tri », « Xón xao anh yến », v.v...Hòa đồn điệu Huế, thì có đĩa Cậu Tồn, cậu Út đồn nguyệt hơi Tứ-đại hoặc Nam ai ; cậu Song, và Út đồn nguyệt, nhị bản Nam Bằng v.v...

Cò ba đĩa « bóng châu mời » : cò bóng Mùi rồi bài châu mời Bà (2 đĩa) và « dung bông, tiền lộc » (1 đĩa). (Những đĩa này mà bán chạy, và sang luôn bèn Pháp cho các bà ly hương.)

Kinh Phật có 5 đĩa :

Giáo thọ kỷ tụng : Kim cang khai xá, Phổ-môn Quan Âm,

Sám, Đề, phan kinh Đại Bi, Chú nại mo, 12 câu nguyên Bà, 10 câu nguyên thập sư.

Nói thơ điệu kim thời có ba đĩa :

- Cô Thanh-Trà nói giọng Ai : Nguyệt-Nga cố Hồ,
- « nói giọng xuân : Phục Huê-Dung,
- « nói giọng xuân : Ông tha Tào.

Lớp giễu đặc biệt có ba đĩa :

- Mươn vủ nếm sữa,
- Thằng Trùm mắc mưu, thằng Trưởng hưởng gia tài ;
- Hối đồ, nói lão, đào điên, thầy Pháp sai đồng.

Bốn đĩa hát bội :

- Phụng-Nghi-Đình, cô Ba Cang hát dựng rượu Nam Ai,
- Dương-Dương Trường Bản : Cô Ba Cang, Hai Chơi :
 Tàu-mã, thán.
- Lưu Kim-Đình hạ san : Cô Ba Cang hát khách, Nam,
- Đại chiến Vương-Ngạn-Năng : Cô Ba Cang, Hai Chơi :
 kỳ bài hoa, tàu mã.

Trước đó và xưa hơn cả là đĩa hát của Thầy Năm Tú hát cho đĩa Pathé, nhưng tôi thiếu tài liệu, dám mong sự bổ túc của hải nội cao minh.

Theo bảng liệt kê trên, nay đọc thấy buồn ngủ nhưng ngờ đâu đó là những tài liệu quý hóa của sự tiến triển của ngành ca hát và giọng phát âm Việt-Nam. Với đà khốc liệt của chiến tranh, làm gì còn lại cho những nhà khảo cổ, khảo về ca hát, làm luận án cao học về tiếng nói v.v..., nghĩ tới thêm buồn.

Năm 1940.— Đêm thứ bảy 6 tháng 1 năm 1940, tại nhà hát lớn đường Catinat (Tự Do) hội Đức-Trí-Thể-Dục tổ chức hát giúp hội Bảo-trợ chiến-sĩ, diễn tuồng «Tơ vương đến thác» của ông Ngô-Vĩnh-Khang phóng tác theo tuồng Pháp «la Dame

aux camélias» của kịch-gia trứ danh Alexandre-Dumas fils. Tuồng này đã được diễn tại Nhà Hát Lớn này một lần rồi ngày 11-6-1932 do Ủy-ban Mỹ-thuật Việt-Nam tổ chức (Bùi-Quang-Chiều, Lưu-Văn-Lang, Trần-Văn-Khá). Tuồng «Tơ vương» sau đó được khai thác bành trướng mãi và mỗi lần hát rất được công chúng hoan nghinh, thậm chí có một cô đào nhờ đóng vai này (là vai ăn đứt của cô Năm Phỉ đóng cặp với Bảy Nhiêu trong Đại-Phước-Cương-Ban), nhờ đóng vai ấy mà cô này được giới ăn chơi lấy tên trong vai tuồng đặt tên cho cô luôn từ đó, ấy là Cô Ba Tơ Vương, nổi danh tài sắc một thời, nhưng không khác con bướm hoa hoè, nghe đầu sau đó cô rất khổ sở vì thiếu sự lo xa và cũng vì chút ỷ tài ỷ tặn. Tuồng «Tơ Vương» năm 1940 khi đem ra diễn, đổi làm tuồng «Đoạn tơ lòng» cho nghe mới. Trước đó, vào năm 1931, ông Diệp-Văn-Kỳ đã trở lại tuồng trứ tình này và đã đổi làm tuồng «Bề ái đầy vơi» nhưng chỉ diễn được một lần đêm 7-2-1931 rồi dẹp luôn. Rất tiếc tôi không có bản ấy, duy còn ba bài ca nhỏ tài liệu làm kỷ niệm Diệp-quân. Ba bài ấy là :

1) một lớp Tứ-dại-oán «Đời khéo vô duyên»

Nghĩ cho đời khéo vô duyên
Chữ kim tiền đứng đầu nhưn ngãi,
Khách má hồng bình rơi trâm gãy.
Cũng bởi hơi đồng, nó khiến người lâm lụy
Còn như tôi phận đào tơ liễu yếu,
Cảnh hàn vi, đeo đuổi gia đình,
Nhưng mà, nếu gả duyên cùng chỗ giàu sang
E đến khi giòng tố phũ phàng,
Nó càng thêm càng sanh việc dở dang.
Bây giờ khó nổi thở than,
Lỡ làng duyên, bèo tan mây hiệp,
Tình kia thêm rối tơ lòng.
Nghĩ cùng chẳng thà không,
Đừng buộc dải đồng, sau khỏi ăn năn.

2) điệu xang-xù-lưu. — kỳ nhứt. — « Trong đời mấy mặt chơi ? »

Trong đời mấy mặt chơi,
Đủ âu yếm lẫn lời, cuộc say tràn cười.
Nào giai nhơn, chời mời đào má hạnh,
Phấn điểm, hồng trang, giống tiên điệu Hàn
Người chung tình, kẻ thanh thú,
Mùi hương trời, dễ yêu dấu,
Khi câu ca, tiếng hát,
Khi chén rượu đầy vơi, thế mới phong lưu.

3) điệu xang-xù-lưu » kỳ nhì. — « Con người phải mua vui ».

Con người phải mua vui,
Đề tiêu khiển chút chơi, giải khuây sự đời.
Làng tao nhơn, với cung đàn chén rượu,
Cái cảnh phù sanh, có chi lụy mình ?
Nào công hầu, những khanh tướng,
Gò đất vàng, nhắm xương trắng,
Trăm năm trong thẳm thoát,
N như giấc mộng Huỳnh-Lương, nghĩ chẳng
ra chi !

(ba bài này chép trong « Đồng Pháp thời báo » và sao lục vào Hồi-ký II dưới số 200-201 và 202). Có phần điều luyện và cách đặt đề lựa chữ vẫn khác với các bài ca đồng thời. Diệp-Văn-Kỳ là con ông Diệp-Văn-Cương, mẹ là cô vua Thành-Thái).

Tôi đã xem kỹ những bài phê bình về vở hát này, vừa bài của giáo-sư Lê-Bá-Cang đăng trong tạp chí Đồng-Nai số 9 ngày 15-6-1932, vừa bài viết kỹ câu văn chọn lọc của người anh cả, ông Đoàn-Quan-Tấn, đăng trong báo Nay số 5 và 6 ngày 23-2-1940 và 1-3-1940.

Năm 1942.— Ngày 25 tháng Chạp năm 1942, binh Nhật đã ngự trấn thành Sài-Gòn, hẻm đường nào cũng gặp bộ đồ kaki xốc xếch nhưng gương mặt hăm hăm, cây gươm đeo lưng lẳng đăm thiết và chém thiết. Để đánh lạc tư tưởng người dân bản

xứ. Chánh-phủ bảo hộ bày ra «Hội Trao-đổi Sinh-viên». Như cơ hội ấy các sinh-viên Đại-học Hà-nội trở xuống Sài-Gòn và nhóm Trần-Văn-Khê — Lưu-Hữu-Phước gợi thiệp mời (số 213 Phụ-lục Hồi-ký II), tôi đến dự thỉnh tại Nhà Hát Lớn đường Catinat để nghe : a) một bài diễn-văn về «Thanh-niên hoạt-động» do Huỳnh-Văn-Tiêng, đại biểu hội Trao-đổi Sinh-viên (AGEI), đọc ; b) tiếp theo đó, có hòa tấu một bản nhạc «Trần Bạch-Đăng) do Nguyễn-Ngọc-Minh, tổng-thơ-ký AGEI điều khiển có đủ mặt Trần-Văn-Khê, Lưu-Hữu-Phước phụ giúp. Thật là một buổi khiêu gợi hồn ái-quốc của toàn dân Nam-Việt, sự phấn khởi, lòng háo hức khó tả nên lời. Trong khi hòa tấu, tôi ngồi nghe bao nhiêu đồng bào kinh cần lặng thinh, như có bao nhiêu hồn linh các tử-sĩ các trận Chi-Hòa, Cần-Giuộc hay đầu đầu, bay rào rào trên không với tiếng trống rè rè, tiếng kèn nỉ non nhập vào hơi thở nóng hực của thỉnh giả cảm động đến tột độ.

Năm 1943 — 1946.— Những năm này tôi lui về quê cũ Sóc-Trăng, con thuyền bề hoạn đã chán, è chề nặng khoan, thêm đạo thần hôn thúc giục về sống mấy năm với Ba tôi lúc ấy đã trên bảy mươi tuổi. Về quê rồi lại thấy vui vui, quên được mấy năm bươn chải lặn hụp giữa đất Đô-thành chật vật. Tôi mượn lại của tỉnh trên đường đi Bạc-Liêu ngang trại lính tập một vương nhà ngói ba căn có đủ điện nước nhà bồi mà chỉ tốn năm đồng mỗi tháng. Nhà rộng minh mông, thức ăn rẻ rẻ, nên mỗi lần gánh Phụng Hảo xuống, anh em trong bạn hát đều tựu lại nhà tôi bày ăn bánh hỏi tôm cà nướng. Nhờ đó mà tôi quen với Cô Năm Sa-Đéc. Một kỷ niệm nhỏ là Tư Út thích ăn cá bóng kèn kho tiêu, nhưng chơi cha quá vì Út chỉ ăn khúc đầu, khúc đuôi vẽ lại cho người khác ăn, và nài cho được cá làm còn để gan trong bụng chớ không được móc ra. Cô Sáu Ngõng, tên tuy xấu, nhưng chung tình với Út và thủ tiết với Út đến nay. Sáu Ngõng khen cảnh nhà có vẻ «trang-viên u-tịch». Trưa trưa Út thích ngồi ghế xích đu

nhậu rượu thuốc ngâm nhơn sâm. Có khi ra chuồng gà, lượm trứng mới, nút tươi ngon lành. Sáng chứa nhứt, Út ngâm nhỏ bài « Anh Khóa » đủ một mình tôi nghe, hoặc tâm tình những buổi lang bạt kỳ hồ, hoặc nhắc thời oanh liệt đêm hát trác táng, em út, me Tây, ngày ngày thực bi-da, xoa bài Mạc-chược, hoặc lên trường đua cho ngựa đá ! Út lên hát trên Nam-Vang, đau ban trái rồi chết vì không đủ thuốc men, chôn sơ sai đề sau bà Ngõng lên lấy cốt hổi hủ đem về, Chánh-phủ Cờ-me lại làm khó, xương khô đốt nát phải gói chung với thập vật lụn vụn, nói cho dễ đánh lừa ba anh lính Thổ giữ ranh giới, kỳ thật đã đốt sập hổi lộ họ bằng giấy bạc thứ thiệt. Tội nghiệp cho Tư Út, Phạm-Văn-Đầu, một đời tài ba, con gái đàn bà mê mết, nhưng chết không bằng anh bán hàng chợ đen buổi này. Khi hay tin Út chết, anh Tư Chơi, một kép-ông-bầu, chủ gánh bị hiền-thê bỏ rơi, khóc chơn thành bốn câu thống thiết ừng khẩu :

Tư Út em ơi ! vội chết đâu ?
Đề cho kẻ thăm với người sầu !
Những thằng đáng chết sao không chết ?
Lại chết chi thằng đáng sống lâu !

Kẻ là ám chỉ vợ đầu tang tóc chể, người đây là Tư Chơi đang gật gù khóc bạn trong cơn tửu nhập.

Cô Tư Thanh-Tùng, Cô Kim-Thoa, cô Sáu Ngọc-Sương, cô Tường-Vi, mấy cô đều có ăn cơm bình dân gánh Phụng-Hảo. Cô Thanh-Tùng đẹp như bức tranh, nhưng cô Sáu Ngọc-Sương vừa đẹp vừa biết đờn, thêm duyên dáng như hoa biết nói.

Năm 1947, Tư Hélène say như như, ngồi ăn canh đầu cá tra với chúng tôi để giết ngày giờ trên xóm nhỏ nhà lá Cù-lao Phú-Nhuận, tôi đang buồn vì bỏ nhà ở Sốc-Trăng, nay lẻ thân vô-tích-sự ngồi chung một bàn cây trắng xập xệ với các ngôi sao sáng lừng một thuở này, nhớ lại cảnh gia đình tan rã, Ông

ưng khiến tôi ca nhỏ nhỏ nhại giọng văn đĩa « Mẹ dạy con » của cô Tư Sang : « nhứt gái lớn hai, nhì trai lớn một, bông bông bột bột, một một hai hai, em cũng muốn « ừ ừ » nó dài ! ! » Cô Sáu ngồi xa nghe không rõ, bắt tôi ca lại, khi cô hiểu về sau, cô véo vể tôi thật mạnh, miệng chửi đồng : « mắc dịch anh vậy hả ! » Ấy đó, khi chúng tôi không biết làm gì cho nên thân, đã chờ dứt chiến tranh bằng cách ấy, và than ôi, chúng tôi chờ đến nay đã ngót trên hai mươi năm mà nào thấy dứt !

Năm 1947.— Năm 1945-1946, mãi lo chạy giặc, giặc Nhứt giặc Tây, Giặc Nông-dân cứu quốc, giặc Thổ, v.v... đầu năm 1947, ở Sóc-Trăng chịu không thấu, tôi đạp xe lô kỳ chót trước khi các cầu nhỏ đường đi xuống Hậu-Giang bị đốt phá, và tôi lên Sài-Gòn trở lại xin một chỗ công nhứt nơi viện bảo-tàng trong vườn thảo-cầm. Có Năm Sa-Đéc đưa tôi đến dự hai năm cúng Tổ tại đình Cầu Quan (gánh cự Bầu Thắng, do con là Khánh-Hồng điều khiển). Nơi đây tôi học xem hát bội và làm quen với các kếp có học thức : Tám Tri, Tư Huấn, Sáu Hầu...) Kỳ cúng Tổ năm 1948, tôi dự kiến một vài tục quán chưa từng thấy. Một điều tôi nhận thức trước tiên là vào những năm đó, việc cúng Tổ là đem một niềm tin vững chắc vào lòng nghệ-sĩ đã trải qua sự thử thách của chiến-tranh ly loạn, không như mấy năm sau này chỉ xem đó là một cuộc vui ăn uống hội ngộ hơn là một kỷ niệm tin tưởng kính thành.

Cúng Tổ năm 1948.— Năm 1948, lễ cúng Tổ rất có trật tự. Hát bội cúng trước, rồi mới đến lượt cải lương, cúng qua ngày khác kể đó. Bữa tôi dự kiến là phiên cúng của nhóm hát bội, kếp và đào tề tựu đã đông, chia nhau theo thứ tự niên kỷ, phân cắt rành rồi cứ đến phiên mình ra hành lễ. Mỗi người tự lựa một câu hát ruột bấy lâu ưa thích nhứt để hát lên kính dâng với lòng thành cho thánh Tổ nghe. Thí dụ

kép Tám Tri, trước ở gánh Cần-Thơ nay lên nhập gánh Hai Thăng đình Cầu Quan, y sở trường vai Vương tư-dồ trong lớp Phụng-Nghi-Đình, bữa ấy khăn đen áo dài ra xá Tổ rồi chấp hai tay hát câu « Ngọc chỉ trù trì..... » hát dứt câu lay ba lay rồi lui ra nhường chỗ cho người kế. Tục lệ phải tránh những câu hát tử vận hoặc quá thảm thê vì e rãng hệ. Năm ấy tội nghiệp cho kép Tư Huân, cũng là tay có hạng, đang đau liệt giường, cũng rần gượng cây người xóc nách ra lay Tổ. Huân định thần, cố hát được nửa câu hát khách, tôi lóng tai nghe kỹ rõ là một thứ tiếng cao vút, nhưng đã không phải tiếng người, có lẽ là tiếng thiêng liêng tự đáy lòng nhiệt thành, hoặc từ cõi dưới cõi âm nào đưa đến. Tư Huân hát được nửa vế đầu, rồi hát tiếp không nổi nữa, đuối hơi quá nằm mọp trước bàn thờ, hai hàng lụy nhỏ ròn ròn, khách bàng quan không cầm giọt lụy cũng khóc theo. Sau phải khiêng anh tránh một bèn cho cuộc lễ tiếp tục. Nghe nói không mấy hôm là Tư Huân thở hơi cuối cùng. Cũng dịp ấy tôi nghe nói lại rằng những trường hợp như Huân, nếu có kép nào tập sự còn non nghề mà muốn thọ giáo thì hãy lay ra mắt xin trước với Huân bằng lòng cho tôn làm thầy. Khi Huân bằng lòng thì người kia nghiêm nhiên là học trò phải ra công săn sóc cho thầy, chạy thuốc và nuôi dưỡng tử tế. Khi thầy gần hấp hối, thì phải túc trực sẵn gần bên, đợi khi vuốt mặt thì người chết sẽ truyền nghề lại trong mấy hơi thở cuối cùng. Như vậy người học trò sẽ thừa hưởng cái « hơi ấm » và nghệ thuật của thầy để lại. Tôi tưởng nhờ đức tin, nhờ lòng thành, người mất sẽ thấy như nghề mình chưa mất, và người học trò định ninh thầy truyền nghề hay, truyền hơi ấm tiếng thanh cho mình, tức nhiên sẽ trở nên kép hay kép giỏi và mỗi lần hát sẽ vững bụng tin có hồn thầy theo phù hộ tự tin lấy mình thêm và hát phát hơn trước. Trong lễ cúng Tổ năm ấy tôi học nhiều về nghệ thuật hát bội và tiếc cho mình bất tài không đủ sức để giúp cái nghề ấy khỏi bước suy tàn trước mắt. Kép Chín Tài, Tám Hiền, Sáu Hầu (vừa mất đầu năm 1968), các cô Hai Nhỏ (đã mất mới đây), cô Ba Đất, cô Ba Út, cũng không tránh được luật đào thải.

Năm ấy tôi đã nghe nhiều câu chương tãi như có người làm tàng nói Tồ hát bội do Tồ hát bội Tàu sang nên tên hủi là « Hồng-Tào-Xạ », tôi muốn nói sao không gọi « Hồng-tàu-xá, Hồng-tàu-chúc », nhưng tôi dằn vì ngày cũng và hện khi nào viết tập sau « Hồi-ký về hát bội », sẽ xin trở lại.

Cũng năm 1948, thành lập « Hội nghệ-sĩ ái hữu tương tế ». Nhưng cái số đào kép hát bội cũng như cải-lương, hay kịch-nghệ tài-tử ciné sau này, là nhóm khó tánh : khi mạnh lảnh vẫn có tánh ỷ tài ỷ tãn, xem thường sự tương thân tương ái, đến khi bóng xế chiều tà, Tồ không dãi nữa, khi ấy con chim không nơi dùm dậu, lại trách xã hội quên mình, hoặc hội tương-tế có đó mà bỏ rơi ta. Khi còn nhỏ tuổi nhưa sống đầy mình, thà sắm xe hơi mới và thực bì da, hội nghệ-sĩ tiền nguyệt liềm giúp cho hội hoạt động đã có người khác lo giùm, cái tánh không lo hậu là tánh chung của người Việt, cũng không hơi đâu mà trách bao đồng và triết lý.

Năm 1949.— Ngày 6-10-1949 là đúng ngày rằm tháng tám Âm-lịch năm Kỷ-sửu. Đáo lệ giỗ Tồ. Tôi đến rạp Thành-Xương xem tuồng Thạch-Sanh Lý-Thông do gánh cải-lương gốc người Bắc diễn. Theo chương trình (thấy ghi tên Ba Túy, Hoàng-Giang, Quang-Hữu, Hùng-Cường, Hải-Thọ, Sơn-Minh, Sáu Đước, Văn-Bầy, Lưu Lộc, Lưu Lỏi và kép Ba Cương ở Pháp vừa về. Bên phe đào có các cô Kim-Anh, Ngọc-Chúng, Minh-Ngọc, Kim-Thanh, Lệ-Thủy và hề Ván-Trình. Lại có tấu nhạc Tây và có nhạc kịch do em Bé Nam Thanh, Kim-Tạo, các cô Bích-Hợp, Lệ-Thủy, Quang-Hữu và nhạc-sĩ Lê-Thương. Những tên và danh hiệu, mỹ hiệu ấy, ngày nay đọc và kiểm điểm lại, không khỏi buồn buồn vì nghệ sĩ không khác tinh tú trên không trung, qua một thời gian thử thách có ngôi sao còn sáng chói, có ngôi lại lu mờ, tùy gặp cảnh đêm thanh tịnh hay đêm tối trời chuyển mưa.



Cũng từ năm này 1949, tôi bớt tật sa đà, mê hát không nhằm lối. Có lẽ tôi đã già mà chưa hay? Tôi thấy nhẹ đi những gì lỗ lã buổi nhỏ: không năng thả xịch phê chợ búa thì đỡ tốn tiền mì cháo; thích nằm nhà vắn nhỏ máy thâu thanh vừa vui tai không tốn tiền lại thâu nhiều tiện lợi: tránh bệnh ngồi lâu đau thận đau lưng, tránh quả lựu đạn như mũi thiên-oai chờ người bạc-mạng, thêm tránh khỏi bắt tay chào những nhơn vật mình không muốn gặp. Vả chẳng các cô bạn đồng trang lứa đã thỏn mỗn đi không chờ mình. Chỗ đã trống lắn: kẻ yên giấc ngàn thu, kẻ viễn du biệt xứ, kẻ nào còn lại đã dẫu con cháu chắt lòng thông. Tư Út ngày nay nếu có sống lại, sẽ cười với tôi một bữa ngon lành mà nhìn nhận các cô non trẻ ngày nay ca trội hơn lớp trước vì đi con đường đã được vạch sẵn, duy các kếp ngày nay vẫn chưa sạch cái tật kếp lớp trước là ít biết lo xa, hưởng chi kếp xưa tuy lương ít, mà không có thuế, còn kếp nay tốt mã thật nhưng thuế lợi tức vẫn không dung tha và nói nữa thành ra mình lảm chuyện và giỏi tài gánh bàn độc mươn.

Chúa nhật 23-10-1949.— Ban chấn-hưng hát bội của hội Khuyến-học, sau lấy tên là Hội khuyến-lệ cổ-ca do ông Thân-Văn Nguyễn-Văn-Quý và ông bác-sĩ Võ-Duy-Thạch đứng đầu công sáng lập, bữa ấy tổ chức diễn tuồng Trảm Trịnh-Ân, do hai bạn Lê-Văn-Kim (nay đã mất) và Nguyễn-Văn-Quý đặt đề sắp tuồng lại gọn hơn trước. Những buổi hát bội có tổ chức làm vậy không khác trận mưa rào, đã làm mát mẻ khán giả không ít, tiếc thay mấy trận mưa văn-hóa như vậy vẫn ít quá không thấm nổi cái sa-mạc « xã-hội lạc lỏng » ham mới nới cũ như hiện nay.

22-4-1951. — 17 tháng ba Tân-Mão. — Đình Tân-An, 36 bis đường Nguyễn-Bỉnh-Khiêm đảo lệ cúng kỳ yên có diễn hát bội. Ông Hội-trưởng Huỳnh-Minh-Châu (nay đã mất) có mời vợ chồng tôi đi dự.

31-8-1951. — Trong làng Tả-Quản ở Gia-Định đảo lệ cúng giỗ Lê-công. Ông Trần-Văn-Chi, ngoài gọi ông Phủ Kỳ (nay đã từ trần) năm ấy mời tôi xem hát, diễn tuồng San-Hậu trọn ba đêm 1, 2 và 3 tháng 9 dương lịch.

12-9-1951. — Năm nay Hội Ái-hữu Tương-tế Nghệ-sĩ tổ chức lễ Giỗ Tổ long trọng tại hội-quán có các kịch gia hát đại-hội hầu Thánh-Tổ, sau đó ban tài-tử Đài Phát-thanh và nhóm viên hăng đĩa ASIA hòa ca hợp tấu nhạc cổ-diễn. 8 giờ tối, hát bội hát hai xuất :

- a) tuồng Phụng-Nghi-Đình với các cô Năm Đờ, Sáu Bê, các kép Bảy Lập và Năm Kỳ đồng diễn xuất ;
- b) tuồng San-Hậu thứ ba (cô Ba Út và kép Chín Tài).

10-2-1952. — Đình Phú-Trung, 162 hẻm Võ-Di-Nguy, Phú-Nhuận, tổ chức lễ giỗ đức Hình-Giang Quận-Công Võ-Di-Nguy ;

8-12-1952. — Hội Khuyến-lệ cổ-ca, hội quán 119 đường Bác-sĩ Yersin, ăn lễ lạc thành có giấy Thủ-hiến-phủ chuẩn phê (nghị-định số 2370 đề ngày 6-11-1952).

Trước khi bước qua năm khác, ta hãy ngừng lại đây, thử so sánh sự hoạt động của hai gánh lớn cải-lương trong năm 1952 (theo dõi các báo) :

Gánh HOA SEN (Bảy Cao)
gồm các tài-tử :

Các cô : Bửu-Ngọc, Ngọc-Nuôi,
Ngọc-Miêng, Kim-Luong,
Phi-Yến, Lệ-Út . . .

Nghệ-sĩ : Việt-Hùng, Bửu-Tài,
Ba Túy, Văn-Khoẻ, Hai Su
và Hề : Tư Rộm, Giác, Năm
Hưng.

Các tuồng đã diễn :

Duyên ai, rạp Hòa-Bình
(Xóm Củi) . . . 26-6-1952

Phản gián-diệp
(Nguyễn-Văn-Hảo) ... 5-7-1952

Tiếng nói không gian
(Nguyễn.V.Hảo) . . . 6-7-1952

Chiếc áo mùa đông, Việt-Long
(Bàn cờ)... 9-7-1952

Lá cờ vàng (Đông-vũ-dài)
Đại-thế-giới... 22-7-52

Gánh NĂM CHÂU
VIỆT KỊCH gồm :

Các cô : Sáu Nết, Ngọc-Đán,
Hai Nữ, Tổ-Nữ, Sáu Huề ;

Nghệ-sĩ : Ba Thầu, Hoàng-
Kính, Năm Thiên, Ba Vĩnh,
Tư Tâm, Ba Sanh, Bảy
Nhiều và Năm Châu.

Các tuồng đã diễn :

Tâm-tình thôn nữ, rạp Phú-
Hòa (Tân-Định) . . . 11-6-1952

Tơ vương(rạp Aristo) 11-7-1952

Chống thành-kiến (tuồng của
Tư Chơi (Nguyễn-Văn-Hảo) . . .
12-7-1952

Chiếc áo Thiên-Nga
(Ng.V.Hảo) . . . 17-7-chiều

Thiếu tiền phổ
(Ng.V.Hảo) . . .17-7-tối

Bến dò ma
(Ng.V.Hảo) . . . 18-7-1952

Hoa cuối mùa
(đình Phú-Hòa) . . . 22-7-1952

4-1-1953.— Hội Khuyến-lệ cồ-ca hát tại đình Cầu Quan, tuồng Na-Tra lóc thịt để cò Hai Nhỏ đóng vai Na-Tra xuất sắc. Qua lớp sau diễn tuồng San-Hậu do Cò Ba Út đóng vai Nguyệt-Kiều.

9-1-1954.— Hội Khuyến-lệ cồ-ca hát tại rạp Aristo, tuồng Trương Phi thủ cồ-thành và Thần-Nữ dâng Ngũ-linh-kỳ : cò Sáu Bè vai Tiết-Ứng-Luong, cò Ba Đắc và cò Ba Út chia vai Thần-nữ. Vai Lê-Huê do cò Hai Nhỏ đóng còn vai Đinh-San kếp lão do Sáu Hầu đóng.

15-5-1954.— Hội Khuyến-lệ cồ-ca trình diễn tuồng Trưng-nữ vương do Thân-Văn soạn. Tuồng lịch-sử có giá-trị, kếp đào xứng vai và màu mè đúng điệu. Y phục sửa lại theo quan niệm mới hạp thời đại : chích khăn be, mặc áo rộng màu vàng, v.v... Linh mặc áo tay đồ nút chỉ theo cồ thời, tay phất cờ đào...

Các vai chia ra :

Trưng-Trắc. Cò Năm Sa-Đéc,
Trưng-Nhị. Cò Ba Út,
Thánh-Thiên công-chúa. Cò Hai Nhỏ
Thi-Sách. Kếp Hữu-Thoại
Tô-Định. Kếp Chín Tài,
Nhưng vai nữa gồm Sáu Hầu, Lê-Văn-Tần, Nguyễn-Văn-Mách, Bảy Lập, cò Nguyễn-Thị-Ngọc, v.v... Anh Nguyễn-Văn-Thành (nay đã mất) đánh trống. (Nay muốn sắp tuồng như vậy thật khó vì các kếp đào đã thừa, lớp cũ ra đi, lớp mới chưa đào tạo).

7-1-1956.— Hội Khuyến-lệ cổ-ca diễn tuồng San-Hậu, lớp Ba, nơi rạp Thống-Nhứt :

Ôn-Đình.	Chín Tài,
Nhược.	Sáu Hầu,
Thiên-Lãng.	Tư Tượng,
Tử-Trình.	Chín Luông,
Nguyệt-Kiều.	Cô Hai Nhỏ
Bà thừ.	Cô Huỳnh-Nga
Đồng-mẫu.	Cô Ba Sáng

10-11-1956.— Tại Thủ-Đức, nơi quán « Con Gà Quay » bữa nay ăn lễ khai trương. Anh Nguyễn-Ngọc-Minh, bác-sĩ Thú-y là chủ nhơn cho diễn tuồng hát bội « Phụng-Nghi-Đình ». Tôi đứng trong ban tổ-chức, nhơn dịp có mời ông Phụ-mã Đô-thống-chế cựu triều Đồng-khánh/Khải-Định, cụ Hường Nguyễn-Hữu-Tiền (nay đã mất) đến dự xem.

Các vai lớp được cắt như sau :

Lữ-Bố.	Cô Năm Sa-Đéc,
Điều-Thuyền (lớp bá nguyệt).	Cô Ba Út,
(lớp bồi yến và hý Nghi-Đình).	Cô Năm Đồ,
Tư-Đồ.	Chín Luông,
Đồng-Trác.	Tám Mẹo,
Lý-Nhu.	Hữu-Thoại,
Quân canh.	Thiệu-Cửa.

20-1-1957.— Hội Khuyến lệ cổ-ca tổ chức tại rạp Bầu Thắng, đình Cầu Quan, buổi hát bội diễn lại tuồng « Ngũ biến báo phu cừu » nguyên là tuồng ruột của cô Năm Nhỏ gánh cô Ba Ngoạn (có bài khen tài Cô Năm nơi phần phụ-lục số 42). Nay hát lại tuồng này, phải chia các vai ra như sau (năm vai của cô Năm

Nhỏ khi trước, bây giờ phải bốn cô đào chánh đóng mới xem được) :

Vai cù và diên, hát bài hành khất (khất cái) Cô Năm Sa-Đéc
Vai lão trượng. Cô Ba Út,
Vai huê-hòa-thượng. Cô Cao-Long-Nga.
Vai Sơn-Đông, mãi võ, cô đánh kiếm. . . Cô Năm Đồ. (2 vai)

Nghĩ cho bốn cô đào nay mà tài chỉ bằng một cô đào lớp xưa, đủ thấy công phu điều luyện và tài nghệ xuất chúng của Cô Năm Nhỏ là thế nào. Khởi nói cô năm là đào giỏi các vai mỹ miều Lưu-Kim-Đinh hạ san hay Phàn-Lê-Huê cứu Hồng-thủy-trần thì đã đành rồi, nhưng cô Năm có học và giỏi luôn vai kép võ như « Trương Phi thủ cổ-thành » phải thấy cô diễn mới biết tài phi thường vì cô hét và đổi giọng nghe như *kép Hành* thuở trước chứ không biết đó là giọng đàn bà. *Hành* thủ vai Trương Phi hay cho đến đổi về sau, kép nào đóng vai Trương Phi đêm nào thì quen nói « *Đêm nay tôi làm Hành*, thay vì nói tôi đóng vai Trương Phi » *Hành* đã trở nên « *động từ* » thay vì « *danh từ* », lạ thật. Lớp đó (lời 1915 ?) có đến hai kép tên *Hành*, đều đóng vai Trương Phi, không kép nào ăn qua, và trong gánh gọi *Hành Lớn Hành Nhỏ*.

12-4-1958.— Ban ca-vũ cổ-nhạc Việt-Nam, trước kia là ban ca-vũ trong Nội-phủ Huế), dưới sự bảo trợ của Nha Vô-tuyến truyền-thanh và của Nha Quốc-Gia du-lịch, có tổ chức diễn tại rạp Thống-Nhứt lấy tiền trợ giúp trẻ sơ sanh các vùng Dinh Điền. Diễn cả thấy là mười-hai lớp, gồm nhạc-thiệu, múa kiếm, mười bài Phàm-tiết, Mã-vũ-khúc, Múa quạt, Ngũ đối, Phụng-vũ-khúc, vũ Tam Quốc, Tây-Du, Nam-hùng nam-trĩ, Chiến tẩu, Múa bông cũng gọi là « *lục cúng* » toàn là những bài bản lạ tai

điệu múa lạ mắt, dân Miền Nam củi lức làm ăn xưa nay chưa từng thấy, vì là nghi tiết của triều-đình Huế, bao giờ.

2-9-1959.— Hội Thượng-công qui tế diễn hai ngày giỗ cùng Lê thượng-công, thầy cũ của tôi, ông Nguyễn Văn Cứng, dạy vẽ trường Bồn-quốc Chasseloup, làm hội-trưởng, đứng xây châu cho hát bội diễn và tổ ra sành điệu này lắm.

10-1-1960.— Hội Khuyến-lệ cô-ca diễn tại sân khấu trường Quốc-gia Âm-nhạc lấy tiền tặng Cây Mùa Xuân cho gia-đình nghệ-sĩ, tuồng Tống tửu Đơn-Hùng-Tin.

Qua ngày 17-1-1960, lại diễn thêm một tối, tuồng « Đãi yến Đoàn-Hồng-Ngọc ».

30-10-60.— Ông Trần-Văn-Khè, từ Pháp-quốc gửi thơ yêu cầu tôi cho trích lục vài đoạn trong băng nhựa thâu thanh bài diễn văn của tôi nói về hát bội, điệu Niều-Nồi, nay tàng trữ tại Nhân-chủng học-viện (Musée de l'Homme Paris) để ông thuyết trình cho đài vô tuyến BBC. Tôi nhận lời.

8-10-1961.— Hội khuyến-lệ cô-ca diễn tại trường Quốc-Gia Âm-nhạc lớp Hoàng-Phi-Hồ qui Châu, trong tuồng Phong-Thần (xem phụ-lục). Các vai chánh :

Hoàng-Phi-Hồ : Minh-Tơ
Thái-sur Văn-Trọng : Tám Hiền
Trụ-Vương : Thành - Tôn
Tứ đệ : Thiệu-Cửa, Bảy Lập, Tư Tần,
Tám Văn.

Giã-thị : Cô Ba Út
Đất-Kỷ : Cô Năm Đồ
Hoàng Qui-Phi : Cô Ngọc-Lượng
Đôi báo tin : Cô Ba Sáng
Biện tuồng : kếp Hữu-Thoại.

28-1-1962.— Hội Khuyến-lệ cồ-ca mời di dự nhóm tại hội-quán
119 đường bác-sĩ Yersin để dự lễ trao quà Tết
và khoản đãi các nghệ-sĩ trong Hội.

Tháng Giêng dương lịch 1962 (Tân-Sửu). — Ông Hồ-Văn-Lang,
một kỹ giả kỳ cựu và lão thành có dự phong
trào tây-chạy Chi-na năm 1919, có hiệp sức cùng
kếp Thành-Tôn (ban Bầu Thắng cũ), soạn tuồng
Anh-hùng Nguyễn-Huệ đại chiến Gò-Đổng-Đa. —
Tuồng do nhà in Đức-Hùng Ấn-quán, 109 đường
Bùi-thị-Xuân, Sài-Gòn, xuất bản. — Tôn trọng
quyền tác-giả, tôi không in tuồng này vào phần
phụ-lục. Qui vị muốn có, xin biên thư hỏi ông
Hồ-Văn-Lang hoặc bạn Thành-Tôn, theo địa-chỉ
Đài Phát-thanh, số 3 đường Phan-Đình-Phùng,
Sài-Gòn.

Chúa nhật 5-5-1963 (13 tháng 4 năm Quý-Mão). — Đây là một
bữa kỷ niệm «l'amour hân hạnh», không muốn mà nên. Dầu
đầu thai mấy kiếp cũng chưa ắt gặp lại. Nguyên lần thứ nhất
tôi đề chơn đến đất Paris, đến bữa nay đã được sáu ngày và
nhớ lại hôm nay là đúng một bữa chúa nhật rồi rảnh trên
đất lang-sa lịch sự. Tôi chưa vội đi thăm các nơi quen biết
để cảm ơn giúp tôi có cuộc Tây-du này. Điều tôi nghĩ trước
nhất là nhớ đến ơn thâm của một quý phụ Pháp, bà Christine
Bruel, trước có ở Sài-Gòn, và tuy cùng tôi không đồng quốc-
tịch nhưng đã có can đảm cho tôi mượn một số bạc to, nhờ
đó tôi tạo lập được mái nhà «Vân-Đường» hiện nay che chở

gia-đình tôi trong Gia-Định. Hay tin bà bị bạo bệnh và từ trần từ lâu, nhưng không rõ phần mộ bà nằm nơi nghĩa-địa nào. Vả chẳng Paris có nhiều nghĩa-địa danh tiếng. Tôi dò chừng theo tiếng gọi của thành tâm và lòng dằn lòng hôm nay thế nào cũng phải đến mộ bà đặt một bó hoa khiêm tốn để tưởng niệm và tri ân. Bó hoa đã mua từ sáng sớm và cứ theo sách dẫn-đạo (guide), tôi đi métro tìm trước nhứt đến nghĩa địa «cimetière du Père Lachaise» trên nong cao nơi góc đường La Roquette và đại-lộ Ménilmontant. Mặc dầu sự sốt sắng và mặc dầu thiện tâm thiện chí của ông quản thủ, chúng tôi tra dò tìm mãi trong các sổ bộ cũ mới nhưng không sao thấy được tấm phiếu căn cước nhỏ chỉ rõ nằm mồ bà C. Bruel nằm ở khu nào. Ông Quản-thủ cắt nghĩa cho tôi rõ có lẽ nghĩa-địa hữu danh *La Chaise* tuy rộng đến 17 mẫu Tây (47 Ha) nhưng dùng mai táng từ nhiều đời nối tiếp nên đã chật nít không còn chỗ trống và Chánh-phủ đã chỉ thị từ lâu ngưng cho chôn cất nơi đây. Ông khuyên tôi nên chịu khó đi thăm dò nơi nghĩa-địa *Montmartre*, tản thời hơn và có lẽ còn chỗ mai táng. Thế là tôi vâng lời, tạ từ viên quản-thủ có lòng chỉ bảo, ôm bó hoa tươi, lên xe đõ đường đến được nghĩa-địa *Montmartre* nơi con đường Rachel. Tôi vừa đọc vừa dò các mộ chỉ các khu, gặp gần đủ mộ các tiền nhơn Pháp có danh ghi trong sách sử, nào Cavaignac, Alexandre Dumas Fils, v.v... nay xin miễn kể để tránh rườm rà. Duy tìm mãi mộ-chi người thiếu-phụ Pháp ân nhân của mình năm xưa mà tìm mãi suốt nửa ngày mà chưa gặp. Khi tôi lè bước chân mỗi rặng đến khu số 15, bỗng gặp bất ngờ một ngôi mộ thăm kín nhưng có nét độc đáo, trong thăm tâm khi vừa thấy tôi đã định cho là không phải một ngôi mộ tầm thường. Quả nhiên khi bước lại gần, tôi đọc kỹ mấy hàng chữ khắc trên mộ chi thì đó là mộ của bà :

Alphonsine Plessis, dite Marie Duplessis,
la « Dame aux camélias », d'Alexandre Dumas fils,
(+ 1847)

Bây giờ mộ bà C.B., muốn tìm mà không sao tìm gặp, trước sau chút lòng ái dới tiền ân, hồn bà có linh xin chứng chiếu cho dạ này. Sẵn đây gặp bất ngờ mộ của nàng Trà-Hoa-nữ Pháp bấy lâu mình từng đọc khúc truyện tình ái cao thượng ly kỳ, và từng xem mấy phen diễn qua tiếng Việt, nào *Tor vương đến thác*, nào *Đoạn tơ lòng*, nào *Bể ái đầy vơi*, nay sẵn bỏ hoa chi thành « niệm cựu ân » khệ nệ ôm từ tang tảng sáng, tôi bèn cung kính đặt lên mặt đá lạnh cầm thạch của bà danh kỹ mất từ năm 1847 (Thiệu-Trị đệ thất niên) (Đinh-mùi), làm râm khăn vái hồn Đạm-Tiên Pháp có hay. Không gặp mộ ân-nhân lại gặp mộ huê-khôi Đạm-nữ, hay là tam sanh hữu hạnh ? dầu sao tôi không tiếc buổi sáng quang đăng chi tâm chi thành, chúa nhật 5-5-1963 sống giữa hồn ma tại đô-thành Paris hoa lệ.

Qua có hai tháng ở Paris, tháng năm và tháng sáu 1963 mà nói chuyện bằng người ta ở suốt đời ở bên ! Bữa tôi còn nhớ rành rành như mới đây là bữa viếng mộ tài-nhơn đã tả. Còn một bữa đi dùng cơm với ông thầy cũ trường Chasseloup, ông Bernard Bourotte, hai ông bà về nghỉ hè hẹn với tôi và đưa tôi đến một nhà hàng rất sang, ăn chung một phòng với một nhóm kịch sĩ tên tuổi de la Comédie Française. Nhà hàng ấy nay cũng không còn nhớ hẳn đường nào, duy nhớ hôm ấy, rượu ngà ngà, quèn phứt mình ngồi bên trời Pháp nên nói chuyện có hơi to tiếng. Không ngờ đang ăn bên này đang nói bên này bỗng nghe bên kia bên bàn nghệ-sĩ chót mũi cao có tiếng vỗ tay, giựt mình ngó như thẳng mán ra chợ, sau ông thầy giải nghĩa rằng bọn họ khen mình « thẳng ngoại quốc nào đâu nói tiếng Tây khá đến ! Nói họ nghe được và hiểu được ! » Họ quá hợp chẳng khi tặng mình « nói khéo như bọn Paris chính cống » ? — Không tôi không dám nhận lời này. Tôi chẳng qua như con ngựa mơ, thuở nay có vào rừng đâu mà biết sợ khải ! Một lần nữa tôi ví tôi như ngựa mơ, xin chớ nghe lầm tưởng đâu tôi dám ví mình với hồ !

Một bữa khác cũng đáng kỷ niệm là bữa đi xem hát ở phường nọ tại Paris. Tưởng hễ cái gì ở Paris là bực nhứt. Không dè về rạp hát, coi vậy mà rạp Sài-Gòn cũng có hạng khá đến, một phần nào lại sướng hơn ở Paris. Tôi nói đây là vi phạm bọn ít tiền như tôi, ăn trái chuối và tại kinh-dô Pháp phải trả gần ba chục bạc ta, dầu ăn kèm với phở-mát cũng hơi hột ngân quá. Đi xem hát ở đây khó khăn quá : phải mua vé từ mấy ngày trước, đến khi vào cửa phải « li-xì » cho bọn mở cửa, với một tờ chương trình cũng phải « nhằm xà » cho đưa nhỏ phát rô-ram, khi đến chỗ gói áo choàng áo lạnh, khi gói vào như khi lấy ra đều phải có chút tiền mua lòng, và khi đến chỗ ngồi, cái ghế trơ trơ đó thế mà khi khách bước vào, có tên bé choắt, nó xô cửa nó kéo ghế rồi nó cũng chia tay, không cho không được, phải cho em chút này cho em khen qua là khách ăn chơi biết xài tiền. Cái « li-xì », « buốc boia » (pourboire), làm cho tôi sớm ngân cái nước vỏ ngoài của cái văn-minh Paris, và bắt tôi nhớ lại khi đặt chơn lên đất Phù-tang thì lại khác hẳn : cũng thì cái « li-xì » pourboire ấy, mà người Nhứt lại hiểu khác, từ chỉ lùn xách va-ly lên phòng khách sạn ở Đông-Kinh chỉ đến bác tài lái xe taxi, mỗi khi khách tha phương cho « tiền nước » họ lại trò mắt gần như muốn sừng sộ, muốn « ngày ngà » : chúng tôi cũng là người như ông như bà, nào phải đây tớ nhà ai mà ông hay bà hồng làm phước cách đó, coi rẻ hơn phẩm chúng tôi cách đó ! Thiệt là khó lòng, hèn chỉ có người nói : Đông là Đông, Tây là Tây, thậm phải ! Bữa đi xem hát, hát cũng không hay gì hơn những buổi xem diễn ở Sài-Gòn, rạp hát tiếng rảng rạp tài-tử nhưng trong mắt tôi thấy lòn xòn không khác các rạp Xóm Gà, rạp chợ Phú-Nhuận bên mình. Cho tiền cũng giận, không cho cũng rầy, thiệt là ra xứ ngoài mỗi mỗi đều khổ tâm. Định trong bụng, phen này về nhà thà chết rục ở xó nhà mà sướng hơn và hạp với vai tuồng một hàn sĩ như mình. Cho xuất ngoại, dặn phải biết trọng nhân phẩm, mà không cho đem tiền túi theo kha khá, thì duy còn đi bộ cho

rã giò, đứng đi xem hát và đứng ngoài đường ăn bánh ngô, ngô người khác ăn.

18-7-1964.— Tôi đi dự đại hội thi-ca-vũ-nhạc-kịch của Đài Phát-thanh tổ chức rạp Hưng-Đạo. Vì việc rất gần, nhiều người còn nhớ, tôi xin miễn thuật.

29-5-1965.— Gánh Thanh-Minh Thanh-Nga ăn mừng tại nhà Á-Đông (Chợ-Lớn) lễ gánh được mười-lăm tuổi. Tập sớ vàng kỷ-niệm về tôi giữ, có chữ ký các người có mặt buổi lễ vui ấy.

Từ ngày 5 đến 9 tháng 10 dương-lịch 1965 (12 đến rằm tháng 9 Ất-tý), xã Bình-Hòa (Gia-Định) cúng lễ kỷ-yên và làm lễ giỗ Tổ linh-thần đình Ngã Năm và lựa hát những tuồng đặc sắc như sau :

5-10-65.— Ngũ Hồ bình Tây (Địch Thanh ly Thận) :
Địch Thanh Mười Sự,
Lưu Khánh Tám Văn,
Cấp Man Bảy Lập,
Thoại-Ba công-chúa Cô Năm Đồ,
Tỳ-nữ Cô Ba Sáng.

6-10-65.— Mạnh-Lệ-Quân thoát hài :
Mạnh-Lệ-Quân Cô Năm Đồ,
Hoàng-phủ Trưởng-hoa Cô Ba Út,
Tò-Ánh-Tuyết Cô Bảy Sự,
Lưu-Yến-Ngọc Cô Ngọc-Lượng,
Mạnh-phu-nhơn Cô Ba Sáng,
Đông-Bình-Vương Minh-Tơ.

7-10-1965. — Ngũ-hồ bình nam. — Địch Hồ sa đao. — Đoàn Hồng-ngọc đá cổ-nhạc và Đãi yến Đoàn Hồng-ngọc, hai lớp hát chung một lượt :

Đoàn Hồng-ngọc Cô Ba Út
Huỳnh Lan-anh Cô Năm Đồ
Địch Hồ Minh-Tơ
rồi Hoàng Sốc
Địch Luông Thành-Tôn.

8-10-1965. — Long-Phụng phối duyên và tòn vương Tống-ngọc-Long Tiêu Anh-Phụng (cũng gọi Tiêu Anh-Phụng loạn trào).

Tiêu Anh-Phụng Cô Ba Út
Tống Mỹ-Lan Cô Năm Đồ.

9-10-1965. — Hồi châu hát Phụng-Nghi-Đình

Điệu-Thuyền Cô Ba Út
rồi Cô Năm Đồ
Vương Tư-đồ Mười Sự
rồi Chín Luông
Đồng Trác Thành-Tôn
Lữ Bố Minh-Tơ.

Thiệt không dè đình nhỏ mà có người khéo
lựa tuồng và đào kép chọn lọc kỹ càng
như vậy.

14-12-1965. — Anh bạn Nguyễn-Văn-Mẹo ở Mỹ-Tho, là một nghệ-sĩ cổ cự và có công lớn với cải-lương như anh Năm Châu, hôm nay tổ chức một đêm hát tại hi-viện « viên trường » tại chợ Mỹ, đề giới thiệu ban văn-nghệ Lạc-Hồng của anh ra công đào tạo. Anh có nhã ý mời vợ chồng tôi và cô Năm Đồ xuống tăng cường

diễn tuồng bắt hủ Phụng-Nghi-Đình. Các vai khác do nghệ-sĩ chuyên nghiệp gánh Trúc-Viên sản tại chỗ đồng tiếp diễn, chưa hai vai chánh :

Lữ Bố Cô Năm Sa-Đéc
Điền-Thuyền Cô Năm Đồ.

Năm 1966. — Nặng nợ lắm, ông bạn lão thành Năm Châu cho ra đời gánh « Ảnh Chiêu-Dương », tôi chưa kịp đi xem thì đã dẹp. Văn-hóa bên xứ ta là vậy, ai thương nó lắm thì phải chịu nghèo. Riêng tôi, nhắc đến Anh Năm, bên tai còn văng vẳng lời nhểch của Cậu Ba Dương-Văn-Giáo : « Nèn làm kếp cho xuất sắc hơn làm ký quên cho Tây. » Tôi làm ký quên thật, nhưng đêm nằm nghĩ lại, suốt nửa đời làm « bầy tôi » mà lương tâm không thẹn, ngày nay dưới Suối Vàng, Cậu Ba có xét cho chăng ?

Làm thêm mấy hàng. — Từ rày, tôi không đi xem hát nữa. Tuổi đã không cho phép xa xỉ sức khỏe. Lại nữa, kịch ngoài đời, có đánh giặc thiệt, xem chưa đủ chán hay sao ? Vô rap ngồi lâu thêm đau lưng lại gặp nhiều việc chướng. Nằm nhà, vặn máy phát thanh nho nhỏ cũng đủ nghe các giọng quen, lại có quyền vặn tắt. Bây giờ sống tùy nơi lá gan và bao tử, sương chưa ? Tiên-nga, ngọc-dạng, cũng bằng thừa. Mỹ sắc, mắt xanh đối với tuổi này không khéo là những món giảm thọ. Tiếng trong hát ngọt, nghe rồi hãy bỏ ngoài tai ; kiêng nhé : coi chừng « bịnh từng khâu nhập ! » Nhớ ngheo : tuổi già đừng ham nói bậy, không chết cũng ử-tử khổ thân : « họa từng khâu xuất ». Bao nhiêu ký-ức, viết đến đây, tôi cho đã là nhiều. Bôi lọ giấy trắng là một tội lớn. Tập sổ đã dày, nên xếp lại, nhường cho kẻ khác có chuyện nói hay ho hơn. Bao nhiêu

tội lỗi đã phạm, cũng vì cái tật nhớ dai và ham nhắc việc và người xưa. Lấy bình-tâm mà luận : hát bội đã cỗi và còi. Rồi sẽ đến phiên hát cải-lương. Ai lại khỏi chết ; luật tạo-hóa đã định, nhưn vật đạo đồng. Muốn cho đàn sau tiến, thì đàn trước phải biết tránh để vệt đường đi. Thảm một điều : « Có đầu cò dit cò đuôi, Mấy thằng dè chết hết, ai nuôi cò đầu » ? Ngày nay ta càng thấy rõ vì sao ít người học đờn. Trừ những bực thiên phú ngón tươi, thứ « bò kéo xe, xe kéo bò » như tôi đều bị máy thâu thanh, máy truyền hình đoạt chỗ. Cái thích thú nắn nót tiếng đờn lựa chữ cho tươi, xuy tiêu bỏ ngón nay cũng ít thấy. Hát ca cũng sẽ hết thời. Không có gì tồn tại được lâu. Câu chua cay «Thông ngón kỷ lục bạc chục không màng, lấy chồng thợ bạc đeo vàng đồ tay» nay cũng quá mùa. Ruộng nhà đôi chủ. Trong giới ca xướng cũng vậy. Năm Phỉ, Tư Út đã mất. Những người còn lại, cò Bảy Phùng-Hà, Năm Châu thì già nua. Út Trà-Ôn, Thành-Được, Hữu-Phước, Thanh-Nga hay các cô đào khác hiện còn quá sớm chưa phê bình được.

Báo Tin Sớm số 562 ngày 24-10-1966 cho hay tin thành lập Hội Nghệ-sĩ nhưng nay cũng đã chìm trong bóng tối. Xưa tôi nhin cơm, di bộ, đề tiền xem hát. Nhưng nay tuổi đã già, hăng hái không còn.

Thương ai tiếc ai ? - Tôi muốn dùng thì giờ buổi chiều tàn để nhắc người xưa. Tôi đã cố tránh không viết «*thiên khảo cứu*» để được tự do, mặc tình lẫn lộn trong «*thiên hồi ký*». Bởi là hồi-ký, tha hồ nhớ được mớ gì biền ra mớ ấy, biết bao nhiêu nói bấy nhiêu, nói không biết chừng nào thôi mà cũng không cần biết còn thứ gì để nói nữa. Chớ chỉ tôi vỗ ngực khoe đây là tập khảo cứu «chắc mềm như cua tối trời» thì trách tôi được. Đàng này tôi viết «hồi-ký» để một mình tôi đọc, một mình tôi nghe «*Pour moi seul*», nở nào trách tôi ? Tôi tâm sự, kể lể, mặc tôi. Tôi viết lộn xộn, nhưng đó là tật thuở

nay, bảo chưa là chưa làm sao? Theo ý tôi, làm làm sao cho người đọc thấy vui vui mà phần lớn tôi trước, người ấy đã học mà không dè rồi đó, bao nhiêu đủ tôi hài lòng. Trên đời tôi ghét cái gì một thứ, đến cái ăn cũng vậy, trên mâm phải cho tôi lựa tôi gắp món nào tự ý tôi, như vậy mới có hứng thú, chớ ép tôi ăn rống một món, dầu ngon tôi cũng chán như thường. Sở dĩ tôi kéo dài là để nhớ nhung. Tôi không nhớ những người có chỗ ăn chỗ ngồi, đã có địa-vị. Tánh tôi ưa nói pha lửng nên bình sanh tôi thích trên sân khấu vai hề giễu. Và vai Trình Giảo-Kim vắng tục, tôi thấy thú hơn vai vua vai tướng quá nghiêm, quá buồn. Trong đời tôi không ưa những cái gì có sắp đặt trước, cho rằng có phóng túng bất ngờ mới có tự nhiên và có nên thơ. Ghét nhất là cái người ta làm sẵn rồi sửa mũi mấn, làm tài khôn, chớ giới gì cái chê khen vô lối.

Các vai hề tuy không quen chớ vẫn chịu về duyên dáng.—

Tôi chắm nhất là Ba Vân. Nhưng «khen phò-mã tốt áo» có ích chi? Và luôn luôn người có tài nhiều khi thường quá hợp.

Sáu Được, trước theo gánh « Tân-Đồng-Ban » của Lê-Quang-Sô, giễu có duyên. Thêm duyên cho tuồng « Ai bán ân tình » của cổ soạn-giả Sáu Hải. Rồi lui về pha ca-phe mái đình Phú-Thạnh (Chợ Đũi). Nay còn ở đó chăng?

Tư Rộm, sân khấu Việt-Hùng/Minh Chi, giễu tỉnh. Vai Nhứt-Đồng trong « Người đẹp bán tơ ». Tư Rộm đứng chung với kép Vân-Trình, lại là cặp bài trùng ẩn ý nhất: « Đường lên xứ Thái » và « Dòng sông hứa hẹn ». Chọc chúng cười được thì phải có từng qua truông « nghèo ». Phải biết khóc thầm không cho ai thấy, trước khi tìm ra thang thuốc « trường sanh » không tốn tiền mua: chọc chúng cười.

Hề Trương, Hề Ty, có duyên và chọc cười đúng mực (gánh Tân-Hi, Mộng-Vân, Phát-thanh); tuồng « Đêm kinh khủng », « Thuyền về », « Sự chiến thắng của trái tim »

Lê Tám, trước đi gánh Hoa-Sen và Thanh-Tao. Đây là một anh hề phóng túng tài-tử. Tài-tử cho đến đôi đánh xe thổ-mộ đường Bà-Queo một lúc. Nhưng ngày nay con ngựa ăn cỏ và ăn lúa thiết đã bị con ngựa « Lam » bằng sắt giành đường chạy. Quân-tử khi xưa thất thời, « lên rừng đốt than » như Trần-Khánh-Dur. Lỡ vận mà không bợ đỡ thì « quạt trà Huế ». Ngày nay tiến hóa hơn, có người lui về « pha cà-phe ». Rất đôi Bảy-Nhiều, từng đi Tây trước hơn ai, từng ăn cơm quán khắp Trung-Bắc và Nam-kỳ 21 tỉnh, nay cũng phải tùy khách, khi « hắc quẩy », khi « xiu xiu nại », từ « xit xui » qua tách « thôn-xà ». Như vậy, nghèo mà trong sạch.

Còn hề Phúc-Lai, hề Tư-Vững, tôi không biết ngày nay ra sao ? Cũng như người chọc tôi cười mấy chục năm về trước, nói làm chi sẽ bị kiểm duyệt vì đã đi ra ngoài nớ : *Ba Du*. Ba Du, vai Mạnh-Lương trong tuồng « Mạnh Lương ăn nhận ».

Hề Giác, tuy hề mà quân tử, không muốn nhờ nhờ anh chị đã giàu. Đi cho gánh Hoa-Sen, rồi Việt-Hùng, Minh-Chi, kể đó bán cháo Tiều, cháo trắng dưới dốc cầu chữ Y. Khởi nói sau trận đột kích năm 1968, làm gì ở đó được nữa với hỏa-pháo, hỏa-tiên buổi chiến tranh tàn khốc này.

Một anh hề bền nhứt, kỳ cựu trong nghề, là hề Minh gánh Kim-Chưởng. Đi cho gánh Kim-Thoa, rồi Kim-Chưởng, rồi Thanh-Hương rồi đảo lại Kim-Chưởng như cũ.

Một tài-tử phóng túng, lang bạt kỳ hồ theo cách của mình, trải qua nhiều gánh : Mộng-Vân, Việt-Hùng/Minh-Chi, Xuân-Liêu, Hoa Lan, là hề Hai Vinh.

Còn biết bao nhiêu hề chết nghèo vì bệnh hoạn, chết mòn vô danh sau khi moi ruột gan đem sở trường chọc được tiếng cười giòn tan của khán giả : những Hề Được (gánh thầy thuốc Minh, Sốc-Trắng), hề Lũ, hề Lu, hề Tấn-Lộc chết tại nhà thương Chợ Rẫy. Sáng này tôi xin tưởng niệm các anh bằng mấy giọt nước mắt cảm tình khám phục đọng bên mi.

Một anh còn mạnh giỏi, hay đóng vai Lão, tiếng ca nay nghe hơi rần hơi mệt vì số tuổi trôm trôm tuổi tòi, nhưng còn phong độ « Thầy Ba Chà » trong tuồng « Gió ngựa truy phong », người ấy chọc cười tỉnh khô, nhưng không bao giờ chịu xưng mình là Hề : Ba Văn, một nghệ-sĩ tiền phong bạn của Tư Út, của Tư-Anh, Năm Nở, Năm Châu... (Các tài-liệu từ Sáu Đước đến Hai Vinh, viết đại cương theo ông Mộng-Long, bài trong Tiếng Chuông 30-1-1962 và xin cảm ơn tác-giả. VHS)

Các kếp đẹp trai đang thời sung sức.—

Tôi không xếp hạng vì sợ mich lòng. Tôi xin nói về những người tôi từng thấy diễn, hoặc có cảm tình riêng biệt với tôi. Một số khác, tôi viết dựa theo ông Lê Trần, báo Tiếng Chuông 30-1-1962 :

Út-Trà-Ôn.— Nhắc lại tôi kếp « hường dện » Tư Út Sốc-Trăng. Theo anh Lê Ngọc-Trụ, một bạn thân khó kiếm, thì danh từ « hường dện » do « hường diện » nói trại. Nhưng theo tôi, biết đâu chừng « hường dện » do « hường vện » là cố ý nói xấu để có chuyện cười chơi nhưng hoàn toàn không ác ý. Tư Út mặt dài mũi cao, có số đào hoa. Út Trà-Ôn, trái lại mặt tròn và tảnh ít ưạ giao thiệp. Cất giọng hát chèo ghe trong « *Người bán chiếu* », nằm nhà nghe giọng qua Đài Phát-thanh hăm đi hăm lại mỗi trưa trưa, khiến nhớ Trương-Chi trong mỗi tình đưa đò với cô tiểu thơ dài các trong giả-sử.

Bảy Cao.— vừa kếp chánh vừa giám-dốc gánh Hoa Sen, nhớ như gốc gác xứ Bạc-Liêu thì phải ? Biết viết tuồng, biết « lancer » đào. Thành công chút nào trên sân khấu : tuồng *Lá cờ vàng*, *Chiếc áo mùa đông*, *Tiếng nói không gian*, *Phản gián-diệp*, *Duyên ai* và nữa nữa. Nhưng từ khi chiến tranh năm 1968 làm

cho vùng Phú-Lâm nằm trong giới nghiêm 24 tiếng trên 24, không đi được mà biết khỏi Phú-Lâm đường về Lục Tỉnh, khu đất khu nhà có bảng lớn HOA SEN ra thế nào ? (Mai 1968).

Bảy Xé. — Không biết nên xếp vào hạng Hề chương trước hay đặt vào chương Kép này ? Đọc trong báo thấy tit lớn « *kép đẹp trai* », với thân hình bao gạo chỉ xanh, đẹp chỗ nào ? Tánh ưa móc ngoéo, có lúc cao hứng dám đóng vai khó vai Tào-Tháo bèn hát bội, nhưng thỉnh thoảng làm đệ-tử Lưu Linh, lại với tánh ham chọc cười, nếu tập Hồi-Kỷ có ngày tái bản, tôi sẽ trả Bảy Xé qua nhóm các anh hề chương trước là phải chỗ hơn.

Thành-Được. — Có tiền trong tay thì phung phí : thích bao máy bay taxi và dôi ô-tô mới như ta thay sơ-mi. Ca hay, giọng ấm, đẹp trai. Tình dư và thừa thãi đến không biết trọng mỗi tình nhà. Cạo đầu mấy lượt ? Thích bi-da và chơi bóng trôn. Nhả mồi dớp bóng. Người Kê-Sách (Sóc-Trăng), sông sâu nước chảy.

Minh-Chi. — Đứng cặp bầu với Việt-Hùng, bầu bễ, mộng không thành, trở lại kiếp ve, hát ca lãnh lớt. Thẻ tháng tử phước, vợ nhiều và con bẻ.

Hoàng-Giang. — Đến nhà tôi với Việt-Hùng, tôi với lấy và bứt một hơi hết gói Pall Mall của khách. Ngày nay, nếu anh còn nhớ, tưởng tôi thế nào ? Dầu sao tôi đã chữa, bỏ thuốc. Thích anh vì vóc tầm thước, mà sao tiếng vô máy thâu thanh sang sảng đến có khi ới ? Gánh Nam-Hồng năm 1949 từ Bắc vào Nam, đã có tên anh đầu sỏ. Những người kia nay đã về đâu ? Trên hai mươi năm theo nghiệp cầm ca, chuyên về vai độc lẳng, trai lơ, giọng rang rang khi nhậu đã, (tửu lượng khá), lúc hăng máu ngà cũng biết cợt đùa.

Hữu-Phước. — Tôi có cảm tình nhiều khi nhớ đến Cậu Bảy Cảnh, thân sinh Hữu-Phước. Nhớ Cậu Bảy là nhớ một

khoảng đời niên thiếu, tao luyện bèn bán đèn, như vậy là HƯ chẳng ? Nghe trên đài, Hữu-Phước năn nói từ tiếng ca từ chữ ăn đờn, nếu Cậu Bảy còn ắt bằng lòng lắm. Hữu-Phước ở có hiếu với mẹ, biết thương nghề, hãy rán trau giồi thêm. Móm mà có duyên, bởi người cha cũng móm. Bravo ! Hữu-Phước !

Việt-Hùng. — Biết nhau từ lúc mấy năm đảo chánh ở Sốc-Trăng, chuyện cũ năm xưa, V.H. còn nhớ ? Nhớ lúc ấy, V.H. ca *Bà Ba bán hàng có mấy người con*, vậy xin hỏi V.H., có mấy con bây giờ ? Ca hay, đẹp trai, phát âm đúng, mỗi câu thốt ra đều có nghĩa. Đóng vai thằng Thàn thì khó ai bắt chước (tuồng Đoạn-Tuyệt).

Vài cô đào ăn khách. — Vấn đề này khó nhứt : khó nói đến các cô đào trẻ, cũng như khó nói đến các cô đã bỏ cái tuổi trẻ lại sau lưng ! Có ai ca mãi câu : « Tôi tuổi vừa đôi mươi và đây là mùa xuân » (J'ai vingt ans et c'est le printemps !) Tủ thuốc nịnh đầm đã cạn.

Thanh-Nga. — Khi tập này chưa in thì cô sáng chói trên sân khấu, cô chưa chồng. Hát hay thêm được mẹ cưng. Chưa nếm chén tân khổ...Kế cô xuất giá, chấn động giới kịch-trường một lúc. Cũng may, nay tiếng súng đã đánh át bao nhiêu dư-luận kia. Cô có đủ thì giờ để bước vào cuộc đời với một nhịp điệu khác. Chúc cô thành công. Đeo huy-chương vàng « Thanh-Tâm » trước hơn ai. Làn hơi khác biệt, mấy lần đóng vai « ai », cất tiếng ca nghe như chất chứa bao nhiêu ai-oán-sầu-tình. Lúc trước, trên sân khấu người nào đứng cặp làm cô không vừa lòng thì cô vào buồng khóc với mẹ, nay cô khóc với ai, vì chén tân khổ, kia, ở trước mắt.

Thanh-Thanh-Hoa. — Tên thật là gì ? Tên trên sân khấu thật là khéo lựa. Cứ theo tên chiết tự : một cái bông đẹp

kèm hai bên giọng tốt, mặc sức đẹp như hoa và lạnh lốt như ngọc khua chim hót. Chưa chồng còn kén (kể khi viết sách). Rán o cho tròn chữ hiếu, nữa sao cũng còn tiếng « hiếu-nữ khả phong ». Hát hay, tuổi trẻ, vọt lên hàng đầu nhờ đào Ngọc-Hương tạm ần.

Ngọc Nuôi.— Nuôi bằng gì, xin hỏi V.H. ? Bằng cam-lộ, chất sương trong trẻo hừng mầm ngọc giữa đêm thanh ? Bằng kim-cương ? Bằng ngọc pha-ly lỏng lánh ? V.H. nói với tôi Nuôi cũng như người ta, và khi hai người đến nhà chơi, tôi thấy Nuôi : « ăn cơm hai chén lưng lưng, ăn uống cầm chừng vì giữ cái co (corps) ! » Có người trách cô lắm oai với V.H., nhưng tôi tán thành. Tuấn-mã thương biến chứng, lỏng tay cương thì... sẽ dâm rào.

Kim Hoàng.— Nếu viết không « g » thì là chiếc vòng bằng vàng. Thêm chữ « g » thì phạn lại có đơn. Có « g », hoàng là vàng, màu vàng, vàng như lưu-hoàng men mét, hay vàng như ông hoàng-để sân khấu hút ? Tôi lần thần và nhớ lại đời lần thần của ai : làm em dâu cho hai chị Năm và Bảy, đều cô đào danh tiếng. Thoạt keo rã hồ tan, theo đóng cặp kết duyên vợ chồng giả với một cây vợt tennis có hạng đẹp như Mai, cô Kim-Hoàng trên sân khấu, đóng vai tình tứ còn tình tứ hơn ai hết cả. Đã sanh phạn gái, thêm là gái đẹp, Hóa-công muốn chế bột, bắt ăn toàn đắng nuốt toàn cay. Càng cay đắng lắm hát càng hay, chữ tình lên cân và kinh nghiệm càng thêm !

Út Bạch-Lan.— Kể về hoa lan, tôi thấy trồng. Có lan « tổ-tám », « bạch-ngọc », « vệ-hải », lại có lan từ thời, nở bốn mùa ; có thứ « mặc lan » trung tim lấm tấm đen như rầy mực. Trắng toát từ vành đến ruột thì chưa có. Đã là lan trắng, thêm số út, thảo nào chẳng lụy giữa trần ai ? Phên dầu thoát cảnh chồng lợi dụng sắc tài, phên nhi « được » nhưng bắt « thành »,

đến khi rã rời hồ keo lại tỷ tê bằng giọng hát trên sân khấu cũng như trên đài, khiến có câu ca « *đem con nuôi chồng nằm khám* ». Làm tiền để ra bạc triệu mà ai ăn, hết làm bầu đến thủ vai đào chánh cho gánh K.C., rồi lại lập gánh có bông sen trang điểm. Chứ rằng : « hồng nhan đa truân », giá thử « được » mà « thành » thì cặp ấy có hôn nhân nào bì ? Nhưng sách xưa đã nói : « Minh-quân lương-tề tao phùng dị, tài-tử giai-nhơn tể ngộ nan ». Nay cô đã sửa dây đàn khác, chúc cô hòa nhịp lâu bền.

Năm Phi, Thanh-Loan, Cò Bảy. — Ba người ba tài-nghệ khác nhau. Tôi đã nhắc Cò Năm nhiều rồi, nay không nói nữa. Cô ăn đứt nghề khóc, vai Bàng Qui-Phi là biểu hiệu. Cò Bảy Phùng-Há tôi cũng có nói rồi. Tuy tuổi đã cao nhưng tài nghệ vẫn còn, nhiều người biết tiếng nên tôi không nói. Một người nay đã vắng bóng trên sân-khấu, nhưng tài-nghệ còn được nhắc là cô Ba Thanh-Loan. Thuở cô đóng vai Lan trong gánh Năm Châu, đóng vai nữ y-tá, hoặc các vai tuồng xã-hội khác, mỗi lần xem hát về, tôi mừng tượng thấy bóng một cô nữ sinh áo tím, duy khác một điều là cô giống một học trò ngày thơ trường Gia-Long thật nhưng ăn nói ráo rẻ hơn bội phần, thêm ca hay và cái giọng thổ khan khan càng dễ gây thêm cảm tình. Lúc ở Sốc-Trăng năm 1947 tôi chạy lên tá túc phố lầu 34 Lê-Lợi, gặp lại cô mà khó nói nên lời. Kể hay tin cô gá nghĩa với một nhà văn viết báo, nhưng có tâm sự gì cô bỏ ra Bắc. Cô ra ngoài ấy, cái gì còn mãi ở lại đây là gương một người con hy sinh có gánh nặng gia đình cha mẹ anh em, gương một nghệ-sĩ tiên phong có gan có đầu óc, từng chỉ dạy học trò như cô Thanh-Nga,... Trong tuồng « Vợ và Tình », trong bao nhiêu vai Thu và vai Lan trong « Lan và Điệp », tưởng còn lâu mới có người thay thế.

Khóc các bạn đã không còn. — Tôi đã viếng các vai hề và kép, lại với vài cô đào trẻ, dứt màn « hạ kim », nay xin cho tôi « điệu cổ » khóc bạn đã quên :

Từ Anh. — Một người tôi mến và tiếc nhiều là bạn Từ Anh. Từ Anh có vóc mình cao ráo, biết đá banh lại biết đánh cờ. Anh có một tật nhỏ, trên sân khấu mỗi khi ca ưa lắc lắc hai vai, nhưng ít ai để ý, duy thấy anh là kếp bánh trai nhưt nhì cỡ ba mươi năm về trước, tiếng ca khàn khàn làm cho các cô ngồi xem đều mê mệt nhưt là với bộ tướng rất « bột » rất « công-tử keng », phải một điều là thời ấy đứng chung sân khấu với các ngôi sao sáng chói Tư Út, Năm Châu, Tư Chơi, nên sao Từ Anh phải liệt vào hạng nhì. Hát cho gánh Phụng-Hảo, rồi Kim-Thoa, rồi Năm Châu, anh chàng đẹp trai Từ Anh cho đến tròng tuổi và khi gần mắt vẫn còn đáng điệu « thư sinh ». Dưới lớp học trò ấy có ai ngờ Từ Anh là một « cây rượu », uống không thua ai và câu nói ngộ nghĩnh của anh tôi còn nhớ là « Cho vô nè ! », « Cho vô một hơi, đừng bỏ rơi một giọt ! » Từ Anh tốt nết, say rồi đi ngủ, không nói động đến ai. Hôm tôi gặp Từ Anh trong buổi hát dinh Tân-An (Đất Hộ anh đang sấm tuồng, vắn áo thung khoét chừa tay và vắn chấn Nam-Vang. Anh chào tôi bằng cái bắt tay, không nói nhiều lời, giữa mỗi tình chơn thật không nói vì tưởng còn nhiều gặp gỡ, dè đâu đó lại là một lần chót bắt tay vĩnh-quyết. Cậu Minh trong « *Tô Ánh Nguyệt* », học trò nghèo trong « *Lá ngọc cánh vàng* ». Chàng Phi có người cha ghiền rượu trong « *Khi người điên biết yêu* », Từ Anh ôi ! bao giờ gặp lại nhau, đâu trong giấc chiêm bao cũng quý. Từng làm kếp chánh, có lúc làm vua, trên sân khấu, dọn bụng, mang hia, đội mào, nhưng đó là giả tạm ; vai tuồng tôi nhớ mãi là vai *jeune premier* (kếp tở, kếp đẹp), mặc com-lê, thắt thắt, rất ẻ-lẻ-găng trong các tuồng xã-hội. Cho tới nay tôi chưa biết tên cũng cơm anh là gì.

Huỳnh-Thủ-Trung, lừng danh Tư Chơi. — *Cô K.T.* — Trong bài này, tôi khóc và tiếc cho Tư Chơi, và đề trọng danh dự

một mình tình lơp trước, nay đã là mang-phụ phu-nhơn một bác-sĩ đồng hương, vừa điệu cổ vừa hạ kim, xin cho tôi miễn nhắc tên người cũ của Tư Chơi, mà lỗi tại anh, anh không biết giữ trọn duyên kim cái. Anh tẻ lắm, anh Tư : có gánh hát lớn, « trên ô-tô dưới thì ca-nô » (Hành-văn cũ), anh làm chủ cả vi-la và ghe chài hát, nhưng anh bán hết lấy tiền gởi quán rượu, để rồi lần hồi anh đến quán lai-rai từ lần từ hồi, trừ cho đến hết. Anh có hai người vợ nối tiếp, cả hai đều là huê-khôi và danh ca bậc nhất, nhưng anh không có hào phu-thê, anh thêm tặt lớn làm chủ gánh mà bắt dung tha đưa nào, luôn cả con đòi, vợ đưa đề-co, thảo nào người ta không chán ngán anh ? Có P.H. « niệm cựu tình bất nhẫn », còn chút tình thương, lập gánh mới mời anh đóng vai Lý Thái-Bạch, anh thủ vai Lý Trích-Tiên nốc la-ve đến say mèm, khi đến phiên ra tuồng, anh say thật tình chứ không say giả, đến An-Lộc-Sơn cũng phải lắc đầu ! Bèn gánh K.T. thì anh vừa là bầu vừa là kếp chánh, đi xuống lục tỉnh, hát ma-ti-nê, đã hơn ba giờ chiều mà chưa có mặt kếp chánh sắm tuồng vì mắc mở phòng hú hý với con đòi, nay nói lại còn mất cỡ ! Sao anh không nhớ phong độ cũ, tuy chữ Tây ít, chứ thuở ấy anh biết chữ Anh « một cây » thêm anh thông thạo chữ Hán, vì mè rượu và cái kia mà anh hạ phẩm giá anh. B.C. con gái anh nay đã ở dưới Huỳnh-tuyền, xưa ở có hiểu với anh thế nào ? Tuồng đặt vững chãi, anh mất mấy năm tao loạn, anh không để lại cuốn nào. Anh không nhớ thuở, trước kia nhờ cây đờn đoản, anh lăn tăn giòn như đánh lười, trước cùng Cò Bảy, sau duyên nợ bất thành, anh gặp một minh-tinh vừa chớm nở, anh đào tạo đến thành ngôi sao sáng sân khấu cải lương, trước diu dặt là thầy với trò, sau mười mần đến con bè con lũ. Sau thời hát cò về lập quán bán rượu, anh lại lai vãng, uống đến quán và anh đều « sập-thần-vi ». Cò trở lại hát, anh nhè nhè theo, hết tình còn tiền... trách sao không chán.

Nhắc lại chuyện cũ, trước đó mười năm, có một cô gái trạc mười-hai, mười ba tuổi, xinh như hoa ấu Hậu-Giang, trốn cha mẹ, đến bến tàu Cần-Thơ để tìm cách theo ghe hát. Cô gái nhỏ trốn trong các hành các thùng hàng hóa để dốc lòng lên theo với chị là cô Kim-Huì, một cô đào hát, đã từng sáng chói một thời-gian trong gánh Trần-Đất và gánh Huỳnh-Kỳ. Năm mười-bốn tuổi, cô gái nhà quê đã tập ca và ca được và ra hát với vở tuồng tiên-tri « *Lữ tày trót đầ nhùn chàm* ». Tư Chơi lúc ấy làm thầy tuồng cho gánh Văn-hỷ-ban, thấy sắc, thấy bộ, rắp tâm giúp cô thêm một chữ tài (tài nghệ, tài ba ; nhứt phần tài tình, thiên cồ luy). Một ngôi sao đã lộ dạng trên sân khấu cải lương rồi đó. Giọng oanh hấp dẫn, bộ tịch khéo và tròn trịa, không mập cũng không ốm, vừa đẹp vừa thời dậy mảy, cô gái nhà quê này là đào mơ vẫn chưa có tên. Để theo tên các chủ (Tàu) thì bớt duyên, trừ phi tên bà Phùng-Há ; cũng chưa biết lựa tên cho kêu như trong tiểu-thuyết mới, Bạch-Nga, Bích-Thủy, bèn lấy mà dịch tên Tàu kia ra « tên một chiếc vòng vàng : « Th. này bắt được hư không, Biết đâu Hiệp-Phố mà mong châu về » (Kiền) Chị lột chữ Kim, em cũng lột chữ Kim, xin lỗi tôi đã nói lộ tên cô rồi đó !

Năm năm tao luyện trên sân khấu Hiệp-Thành ở Hà-nội, cô lúc ấy sở trường các vai buồn, và các bà chích khăn mỏ quạ, nhuộm răng đen cũng như các cụ áo the khăn đóng, đều mê mết với một cô gái Miền Nam, hát rất giọng Nam, đang mơn mớn đào tơ, giọng trong trẻo, nét duyên dáng thêm ần mấy chữ ngân « có hột » chan chứa cảm tình. Cải-lương đã đầu độc các cụ quen thú ả đào, nhà trò và cô lả rồi đấy ! Nhưng cô gái Hậu-Giang đâu khứng dừng chơn nơi đó. Anh Tư Chơi chưa bẻ bối như lúc sau, càng thêm gắng công lao luyện cho giọng ru cảm kia trở nên sắc bén như ngọn độc kiếm trong giới « thả cầm thi ». Trong nhiều vở ngày nay không biết ở đâu còn sót mà sưu tầm, « *Tôi xin chừa* », « *Hai mặt còn trơ* », những nhan đề còn sót lại trong hồ sơ đủ cho tôi tiếc hùi hụi và nhớ

trong tri những bước lộng lẫy của cô học trò ngoan đã đóng trong các tuồng đặt đề bởi một ông thầy cô tài mà nhiều tật. Lúc ấy nhạc các phim chớp-bóng-nói vừa du nhập Sài-Gòn, và được Tư Chơi áp dụng vào các tuồng ca-kịch của anh vừa soạn xong và trong « *Tôi xin chữa* »... đến « *Hai mặt còn trơ* » đã được khai thác triệt để tài nghệ chớm nở của cô gái tơ xir hoa súng Miền Tây, đẹp riêng biệt với sắc đẹp « *Hậu-Giang,* » của cô gái Việt có chút máu Tàu trong huyết quản.

Hãng đĩa Beka độ đo cho ra đời một mở đĩa thâu tiếng hát của cô gái này qua các bài ca Việt đệm nhạc Tây, trước xa lắc đĩa cô Ai-Liên gái Bắc.

« *Tiếng nhạn kêu sương* » là một tác phẩm tiên phuông trong giới nhạc cải-cách. Gánh K.T. tuyển thêm giàn nhạc ma-ni (1) Benito để làm xôm thêm cho gánh. Lão thầy tuồng Tư Chơi hiệp tác với nhà lão thánh Năm Châu đã biết khai thác nghệ thuật điều-luyện và giọng oanh độc-dáo của cô gái tạm giấu tên. Tư Chơi cho ra tuồng « *Em muốn tự do* » để trình bày nét độc đáo trên sân khấu của một tài tử biết lột hết ý nghĩa bản tuồng qua vai một thiếu phụ lông lộn như con tuần mã đứt dây, lãng loạn như.... Trong khi ấy, không chịu sút kém. Năm Châu soạn tuồng « *Nợ máu* » đưa ra những hăm hực chán chường của một đời tài-tử đã tà tà bóng xế, và hai bạn đồng nghiệp tài ba, một ở An-Hóa (Bến-Tre) là Tư Chơi một ở Mỹ-Tho cũng xư « *sông sâu nước chảy* » là Năm Châu, cả hai người đã nhờ tài đặc biệt của cô gái quê sớm phát diễn xuất tài tình, cả hai đưa lên sân khấu khía cạnh và tâm trạng của tâm hồn phụ nữ, trải qua nỗi u-buồn khó tả sau buổi hoan lạc bơ vơ của kiếp đàn bà. Tuồng càng khó, cô gái quê diễn càng hay. Cô đóng xuất sắc vai « *Mã-Lê công-chúa* », để hát bài « *Buồn tàn thu* » và đóng xuất thần một vai trong « *Đêm đông* », để hát bài « *Hồn Vọng-phu* ».

(1) Nay đổi lại gọi Phi-luật-tân.

hơi du dương hòa với hơi thở lấy hơi, tiếng ấm áp tỏa ra sâu sắc và khiêu gợi đã «cắm» sâu vào trái tim thơ mộng của một sinh viên trường thuốc, sau này trở nên bạn chung tình trăm năm. Nói chi tình cô muốn trung thành với chồng, nhưng Tư Chơi hư đốn càng ngày càng tệ. Tôi cho cô có lý khi cô lựa và biết nghe theo tiếng nói trái tim. Chỉ tiếc sân khấu đã mất bóng một sao, một ngôi sao xuất chúng trên vòm trời ca kịch.

Tư Út, Phạm-thế-Đầu. - Tôi viết hồn khóc anh Tư Chơi vì tiếc và giận anh Tư, ỷ tài ỷ tặn, ham nhậu làm sao đến mất sự nghiệp, mất luôn cả vợ, để trở nên một «Lưu Linh miễn tử» đi đến đâu anh em đều sợ và lánh xa đến muốn hóa ra xấu bụng. Bài thơ Tư Chơi khóc Tư Út nơi đoạn trước quả là tiếng bi-ai thống thiết của anh vừa khóc bạn cũng vừa khóc cho mình.

Tư Út là người ở Sóc-Trăng lên, có danh ở Sài-Gòn và tôi hãnh diện thơm lây vì tôi cũng là dân tỉnh Sóc.

Ở Mỹ-Tho, năm chục năm về trước, có kép Giỏi, tài ba nhưng mạng bạc, chết yểu bỏ gánh Nam-Đồng-Ban mất một cột trụ và bỏ cô Năm Phi mất chồng mất một kép tâm đầu ý hiệp, đứng hát cặp xứng sắc xứng tài. Bỗng đâu từ Sóc-Trăng lên chàng này, cũng một gương mặt có cặp mắt sáng, đẹp trai như Giỏi không kém một nét nào. Tài ca đã trọi các bạn đồng trang lứa đến nếu dùng danh từ «xuất chúng» cũng không thẹn, thêm trời già riêng tặng một duyên dáng phi thường, thậm chí cái tật «nói chơi liên miêng, không sợ mịch lòng», anh em cũng đều cười và không hơi dẫu trách móc... Từ gánh Thầy Thuốc Minh, Sóc-Trăng, nhờ cậu Bảy Cảnh ông thân Hữu-Phước rèn luyện dạy ca chắc nhịp, lột chữ tài tình, hơi ấm và quyến rũ, bộ tịch hào hoa phong nhã, «đắc mèo», nếu gái thì có số hường nhan, ngất nổi là trai, nên

gọi có số đào hoa, nhưng phụ thân quá cố của tôi dạy đó là « hường dện » ! Từ giã gánh Sốc, qua gánh Tân-Hưng, dựng độ và đứng cặp với kệp Tư Thạch, ăn đứt văn-thiên-tường và tứ đại oán, và cùng với cô Ba Huối (Huối hay Hui ? , vì đó là Kim-Huê, dịch ra tiếng Việt) ? Đã sẵn sáng trí thêm có biệt tài « hễ thấy thì bắt chước được liền », vả lại được đi chung gánh với toàn bọn « gạo cội », thảo nào Tư Út nghề càng điêu luyện thêm. Rồi từ Tân-Hưng nhảy qua gánh Tái-Đồng-Ban, nơi đây dựng độ với tài-tử thượng thặng Năm Châu, Tám Mẹo (hai cậu học trò cũ trường Trung-học Mỹ-Tho bỏ trường để đi theo nghề cầm ca) và gặp cô Bảy Phụng-Há. Nghề nghiệp mấy người này đồng phát triển như nhau. Viết đến đây, chẳng dặng dừng, tôi xin trích lục một đoạn báo này để bổ túc mở tài-liệu riêng của tôi về bạn thân Tư-Út :

« *Vạn-Phước với cuộc làm reo cao trọc đầu.*— Một « người kệp đứng ra làm chủ một ban hát, Tư Út là « người đầu tiên. Gánh ấy là gánh « *Vạn-Phước* » do « một giai-nhơn (1) yêu nghệ-thuật, đã xuất một số « vốn rất lớn cho anh điều-khiển với Tám Mẹo (2), Ba « Cương, Mười Bửu, v.v... Nhưng vì tuổi trẻ, thiếu « kinh nghiệm, nên Vạn-Phước không sống được bao « lâu và đã gây nên một giai thoại vô cùng lý thú : « cuộc làm reo có một không hai mà cũng là kỳ dị « nhứt trong các cuộc làm reo (grève). Để chống lại « chủ-nhơn, «

« dài, bịt khăn đóng, nên vô tâm hay cố ý, lúc đánh
« giặc lộn xộn, rớt mất khăn, phỏ những cái đầu
« trắng bóc.

(Trích Tiếng Dội ngày 25-11-1948,
bài đề ngày 30-12-46, ký tên K.Q.S.)

Tư Út, nhắc lại, khi rã gánh Vạn-Phước thì xung phong
vào gánh Tân-Thịnh, Trần-Đất, Phi-Phụng, Phụng-Hảo, Nam-
Phi, Con Tầm, và kết liễu cuộc đời nghệ-sĩ tài ba mạng bạc
dưới lá cờ « Phụng-Hảo » trong tuồng « Một đêm trăng trong
ngự-uyên », vai Ngô-Trung-Cảnh, một sứ thần tinh tú, nếu
diễn lại, ắt không ai thay thế cho bằng.

Nói về sở trường thì Tư Út được trời phú cho một cái
duyên thiên-nhiên. Tư Út nói ra là có người cười, rồi có lẽ lời
cũng không người giận. Được cái duyên ấy bỏ túi ở đời cũng
đủ gây cảm tình và đắc mềo. Thêm có cái duyên ấy trên sân
khấu thì với lớp lang đã thuộc lâu rồi nay thêm cái duyên trời
cho của Tư Út sẵn có, cho nên có thể gọi anh là một nghệ sĩ
tốt chủng. Hát hay, gây nhiều cảm tình, rồi quên hoặc sơ sót,
nhờ duyên đáng che chở, sự phê bình của công chúng nếu có
cũng không khe khắc.

Nói về sở đoản, Tư Út cũng có chớ chẳng không, khi bị
hố cơn cây bài mã-chược hành xác hoặc vì thiếu cỗ cung cấp nên
bị ngựa đá trên mã-trường, hoặc chỉ vì bị các cô hồ-ly-tinh
rút hết nhựa sống của chàng Tiết-Giao Tư Út, nên có đêm anh
không nghiền cứu đúng mực hoặc đã quên, đã sót, đã cương,
đã chế biến trên sân khấu... Những sơ hở ấy, thay vì bị
công chúng trách chê, lại thay lại làm cho Út được tán
thưởng hoan hô nhiệt liệt: nói theo nghề, ấy là Tổ đãi; nói
theo đời ấy là duyên trời phù-hộ, nói theo tiếng lòng là
« có Bà cứu Nị » !

Trước khi chết, bày diêm, tại rạp Palikao (Chợ-Lớn) anh
diễn xuất thần vai Nhữ-Nam-Vương Trịnh-Ân, và khi dọn lên

Nam-Vang, Út bị lên trái trời rồi tắt hơi trong một miếu nhỏ bé thờ Bà (xem bài Ngọc-Linh viết trong giai-phẩm Thanh-Minh—Thanh-Nga năm 1965).

Anh Trần-Hữu-Trang, lúc còn ở bên Nam-Phi (Trang mất ngoài Bắc năm 1966) có soạn ra tuồng *«Mộng Hoa Vương»* khi sang qua gánh Phụng-Hảo, tuồng đôi làm *«Một đêm trăng trong ngự-uyên»* vẫn Tư Út đóng vai chánh-sứ đại-thần tình từ Ngô-Trung-Cảnh. Điều múa gọn gàng, tay múa ăn nhịp đờn, có «chun đứng» hơn ai cả, trong vai tuồng này Tư Út đã lột hết tinh thần trù-tượng của nghệ-thuật tượng trưng ca-vũ Trung-Hoa (điệu Bắc-Kinh). Đó là nói về điệu bộ hát Tàu. Còn trong tuồng *«Lan và Điệp»*, vai câu Điệp mới là xứng nhứt của bao nhiêu khả năng anh kép đa tình này. Anh đã làm đổ bao nhiêu nước mắt của các cô tiểu thơ khuê-nữ Nhĩ-Hà, Sóng-Hương, Bến-Nghé, Hậu-Giang? Khi hát giọng Quảng thì giọng hùng dũng, như sôi như nổi, như hột ngọc hột xoàn ai xao động trong bửu-tráp. Khi ca bài oán, thì lâm ly dễ yêu, «dễ ghét», «dễ cảm mũi, vào tai» dễ cảm nhứt với điệu-bộ nhẹ nhàng như khiêu vũ, êm dịu như vũ khúc trên bông. Tôi còn nhớ một đêm xem anh đóng vai Nguyên-đế trong tuồng *«Mạnh-Lệ-Quân thoát hải»*, cô Bảy Phùng-Há thủ vai Lệ-Quân giả trai thì đậu làm Lịch Thừa-tướng. Vua và tôi tể ngựa rong chơi trong vườn ngự-uyên, hai người đi đến dưới cùm liễu, Nguyên-đế ngờ ngợ, vì một hai Đồng-Bình-Vương đề quyết Lịch-thừa-tướng là gái quần thoa giả trai, Nguyên-đế muốn thử cho biết mặt hoa da ngọc kia là da thiệt hay da có phấn tò, bèn giơ roi lên cao với quất nhánh liễu còn mưa đọng trên lá, ngựa lịch Thừa-tướng vừa trờ tới, hạt mưa rơi lên má, Cô Bảy tay gò cương ngựa tay vuốt má, cặp mắt nhìn vua như trách sao *«quân hý thần»*? Nguyên-đế như tự hỏi bộ tịch ra sao, thừa-tướng trách mát bằng cử chỉ âm-thầm ra sao, cả bấy nhiêu bộ và tịch ăn rạp theo nhịp trống đồ đờn reo, không một lời thốt ra, phim cảm mà hay tốt bức đến xuất thần, thiệt là hay không chỗ nói. Không uổng tiền khách đi xem mà không uổng công

Tư Út và Cô Bảy dày công học tập với kếp Quảng «Bạch-Cầm-Đường» từ Hồng-Kông sang Sài-Gòn truyền nghề múa cặm cho đồng-nghiep-hữu Duyệt-Nam Phạm-Thế-Đầu và Trương-Phụng-Hảo. Nay Cô Bảy còn đó mà Tư Út đã ra người thiên cổ, biết có cơ hội nào xem diễn lại lớp này ? Nói nữa e khó ngăn giọt lụy. Nghĩ cho : tài ba làm chi, hào hoa phong nhã làm chi, mà số kiếp gì, khi vợ hiền lên hốt cốt trên đất Cao-miến đem về, trước phải hỏa-tán, mấy bòn Nam-Vang mới ưng thuận cho mang cốt ra khỏi ranh giới, và di-hải Tư Út có còn lại chẳng hôm ấy là mấy chiếc răng giấu được trong túi người vợ chung tình ? Buổi sáng 14-5-1961, hải cốt và tro tàn anh Tư Út, đặt nằm yên trên đất nghĩa-trang Hội nghệ-sĩ ái-hữu Sài-Gòn. Trên hình chụp ngày 18-5-1961 khi lễ an táng xong, đứng trước mộ chi nhìn thấy có Năm Châu, Phùng-Văn-Quý, Trần-Tấn-Quốc, Ba Thâu, Duy-Lân, Út (hội viên NSAH), Tiều-Xái (đã từ trần) và gia quyến thân nhưn gồm Chi-Linh (con trai) và vợ và đứa cháu nội.

Một điểm son trước khi dứt chương này là chị Tư đối xử với chồng cũng là hiếm có. Lúc cô Bảy còn hát một đôi khi, thì theo cô Bảy lãnh liền châu ; Cô Bảy nghỉ hát thì Chị Tư đi làm phụ làm đồ gốm hay làm chi cực hơn nữa cũng chẳng từ nan, nhưng vẫn từng nhứt nhi chung với chồng. Lúc tôi còn ở Cần-Thơ, chị dạy khiêu-vũ. Còn Út có duyên cho đến chết để lại không biết bao nhiêu là bạn, bạn gái nhiều hơn.

Còn sơ sót nhiều.— Nếu kể về tài-tử đã quá vắng hay mai một thì làm sao tôi biết cho hết ? Tôi xin kết một tràng hoa trắng để tưởng niệm các người xấu số, và thành tâm ghi ân công lao các bạn đã đóng góp cho Văn-hóa nước nhà.

Để cho đầy đủ chương này, tôi xin trích sau đây bài của ông bạn Thanh-Tâm về ba người tôi không quen biết nhưng vẫn là kếp có hạng (bài trong báo Buổi Sáng ngày 21-9-1959) :

Paul Tấn. — Kịch-sĩ tài hoa, đóng tuồng rất sáng và có duyên.
« Tài nghề trọn vẹn, biết đủ ba lối diễn (Tây, Tàu, kiếm-hiệp).
« Nồng cốt của gánh Tiến-Hóa, được rất nhiều cảm tình
« của cả hai phái. Lúc đi diễn ở Hậu-Giang, đêm nào vắng
« Paul Tấn là khán giả ùn ùn ra guichet trả vé đòi tiền.
« Một ca sĩ đặc biệt suốt đời cho đến chết không ca Vọng-
« cổ được, vì hơi ngật không cho phép anh « mười sáu câu »,
« mặc dù vậy, bất chấp định lệ, suốt đời dọc ngang thao
« túng trên sân khấu với vai chánh « không hề ca một câu
« Vọng-cổ và không biết phân trường canh, ấy vậy mà nhờ
« cái thiên nhiên, nhờ biết tài « hát » anh đã tự tạo cho
« anh một địa-vị cao trong làng cải-lương Nam-Việt ».
« Paul Tấn chết trong khổ sở và cô độc nơi nhà thương
« Thị-Nghè. »

(Theo Thanh-Tâm).

Tấn-Thành. — Có tám thân Hộ-pháp. Nổi tiếng trước hơn Út
« Trà-Ôn về sáu câu Vọng-cổ. Nơi sân khấu Tân-Tân, nổi
« tiếng trong vai sứ-thần Ngô-Trung-Cảnh trong vở « Mộng
« Hoa-Vương » nhưng so sánh vai này với Tư Út thì còn
« kém Tư Út khá nhiều khá xa. Đặc sắc là tiếng ca rất
« lớn và rõ rệt vì đầu không có micro, ở băng sau chót
« cũng nghe đủ giọng ca mười lên cao tột độ của anh.
« Hạng cá kèo vì vậy thích Tấn-Thành lắm. Anh đóng
« nhiều vai, đều không xuất sắc lắm, nhưng muốn tìm chỗ
« hỏng » để chê thì cũng khó tìm ».

(Theo Thanh-Tâm).

Kép Năm Bé. — Kể về nghề-nghiệp, Năm Bé còn phải khi ẻm
« nhượng đứng sau nhiều bạn vào bậc đàn anh đã kể.
« Nhưng nếu văn hay, nội một bài thơ hay cũng đủ được
« có tên nhắc đời, thì Năm Bé ăn đứt vai Tào-Tháo. Năm
« Bé là kịch-sĩ còn lưu danh mãi mãi với một vai Tào-Tháo.
« Chỉ nội vai Tào-Tháo kể ơn mà khi sanh tiền, Năm Bé

« đã làm mưa làm gió, làm khó làm dễ đủ điều cho bầu và
« những người mua giàn hát. Hễ đêm nào rao bằng hát
« *Huê-Dung đạo* » trên sân khấu « *Tiến-Hóa* » mà vắng mặt
« Năm Bé trong vai Tào-Tháo là khán giả đều trả giấy bỏ
« ra về tất cả. »

(thuật theo Thanh-Tâm)

Nếu kể về các tài-tử còn hiện tại thì khó hơn nữa là chưa
đầy nắp quan, chưa thuộc về sử, càng không nên nói bây giờ.
Nhưng ngửa miệng quá cũng phải tìm cách nào để hả hơi.

Cô Sáu Ng.S.— Một người nay về ẩn tại Vũng Tàu, chôn nghề
điều luyện và chôn biệt tài ca hát trong bọt biển. Giọng ca nào
nùng bi thiết, càng giúp cô xuất sắc trong các vai « ai-bi »
trong các gánh lớn lớp trước đây. Vóc người tầm-thước, một
khi cô thủ vai các nữ-hoàng, công chúa Ấn-độ, với sóng mũi
cao, cặp mắt sáng, ít ai dám bì về nhan sắc. Cô biết đàn nhị,
cô ca ăn đứt nhiều người, cô mang một tâm hồn nghệ-sĩ, cô
muốn dọc ngang theo ý thích để phụng sự nghệ thuật, đang
ăn lương cao, cô không màng, cô sang gánh khác để tìm chơn
đứng cho vừa ý, một sự bất ngờ là cô đi nhiều gánh rồi từ
nhóm « Con Tằm » cô về nghỉ cánh trên Phú-Nhuận trong một
căn phố tĩnh mịch và cao ráo. Sau đó cô trở lại với nhóm Năm
Châu trong vài vở tuồng tại rạp Thành-Xương. Tài nghệ đang
cao, bỗng cô lui về Phan-Thiết, nơi nhau rún, rồi dùng một
cái, do lời mời của một bạn cùng nghề, cô gạt phắt các công
ăn việc làm, tức tốc vào Sài-Gòn, để rồi rút lui ra Ô Cáp, vui
với tiếng gió và làn sóng bạc. Người tài-nhơn ấy là Cô Sáu
Ng. S.

Tôi không có quyền nói, dầu là khen, các cô Bích-Thuận,
Bích-Sơn, Kim-Chung, Ngọc-Giàu, v.v. . . và xin hẹn qua
dịp khác.

Duy tôi muốn đóng khuônong sáu bức ảnh và hình kẻ sau đây, để chấm nốt chương Hồi-ký lẻ-thẻ này, hai tấm không đáng kể lúc đó vì cất trong báo chí, nhưng nay cũng trở nên hiếm có và đáng để dành để đánh dấu một thế hệ. Ấy là :

1) hình một cô gái còn vẽ quê, đầu mượt đen rẽ ba bảy, cổ đeo dây chuyền che khuất bằng một bó hoa cầm trước ngực. Đó là hình oanh vàng thuở trước của đất Mỹ-Tho, nửa máu Việt, nửa máu Tàu : cô Trương-Phụng-Hảo, mỹ danh bất hủ nhiều người biết hơn là Cô Bảy Phụng-Há.

2) Tấm hình thứ hai cũng của người tài-nhơn ấy, trong bộ quan võ ba lon, đầu đội kết đại úy, khuôn mặt đã no lại thêm tròn, cũng là Cô Bảy Phụng-Há.

Còn lại bốn tấm khác, cỡ carte postale, nay vẫn còn rõ rệt chưa phai :

3) Một tấm tôi quý nhưt, vì có chữ viết tay nơi sau lưng « souvenir mon chéri » và ký tên...Đó là hình tài-nữ cô Năm Phỉ đất Mỹ-Tho, do nhà trứ danh Hương-Ký, Hà-Nội chụp. Trong ảnh, cô đội tóc giả, bàn tay dài các móng nhọn mũi viết đưa lên che ngực, cặp mắt mơ mộng chứa đựng bao nhiêu nước mắt thấm sâu, hay cả một « biển ái đầy vơi », và đây là cô đóng vai công-chúa Tây-phương trong một bản tuồng nhại Pháp.

4,5,6) Ba tấm sau rồi chụp chung cả hai chị em là cô Bảy Phụng Há và cô Năm Phỉ. Đứng cặp, cô Bảy giả trai, cô Năm làm Sĩ-Vân công-chúa, công chúa đã là tha thướt tình tứ lại ngã đầu nghiêng nghiêng vào vai ông Hoàng-tử P.H. quả là đúng với danh từ « *le prince charmant* » (ông hoàng giòn xinh) lại đúng với cái gì ta hiểu qua bốn chữ « phong-lưu công-tử » trong truyện Tàu.

Năm rồi (1966) tôi có dịp ghé thăm Năm Châu tại nhà, anh Năm lúc ấy vừa qua khỏi một cơn bệnh tuy không nặng nhưng

dây dưa, khi tôi nhắc chuyện xưa buổi nhỏ, nhắc đến hai tài-nhơn này, anh nói nhỏ và tỉnh khò « Cò Nam có hậu hơn ! » và đến nay nhiều người còn nhớ tiếc.

Tôi xin mượn làm lời kết thúc chương này.

Với sáu tấm ảnh ấy, mấy chục năm về trước, muốn mua bao nhiêu, cứ đến nhà nhiếp ảnh mà mua. Nhưng sau loạn đảo chánh, chính ông bác-sĩ Anh-Tuân từng viết bài nhớ hai cò, cò Năm và cò Bảy, không biết có còn giữ được bức ảnh nào chẳng ? Và các nhà báo từng đăng ảnh, làm cliché, viết thiên kịch-trường, xin hỏi có còn giữ tài-liệu hay ho nào chẳng ?

Riêng tôi, tôi còn cả hình Tư Út, và các hình bia các tập tuồng có đủ mặt quen quen : Tư-Anh, Tư Chơi, Bảy Nhỏ, Sáu Huệ, cò Bảy và đảo kếp gánh Trần-Đất... Nhưng làm sao có tiền đủ để làm khuônong chi in lại ? Dành cắt đó làm tài liệu được lúc nào hay lúc nấy, một đôi khi lấy ra bày cho các thân hữu xem chơi buổi trà dư tửu hậu vậy thôi. Trở lại tài-liệu dùng để viết tập nhỏ này, tôi tưởng nên tin vào một duyên may, vì cơ sao suốt mấy chục năm dư, nhứt là trải qua cuộc chạy giặc, mấy năm hết tản cư rồi di cư, giấy má vụn vặt ấy vẫn còn nguyên, không mất mát ?

Còn như về những bài ca chép lại theo tập của hai đứa tôi chép lúc nhỏ, tôi nhìn nhận có phần « hồ lổn » thiếu trật tự, ... Nhưng đây là tôi trích lại theo sự tuần tự chép vào lúc ấy. Trong tập cũ, những bài ca ấy, vắn nhứt cái cũ hơn lại chép sau cái mới có, không đúng theo ngày tháng sáng tác, hoặc giả những câu sao lục có sai lạc khác với nguyên văn, tôi cũng xin chur đọc-giả vui lòng miễn chấp, một lần nữa tôi xin nói rõ tôi giữ nguyên tắc thận trọng trong phần tóm gớp tài liệu, không khác nào tôi đóng vai người đi chợ mua thức ăn về cho người nấu bếp hoặc như người thầu chở gạch chở vôi

dem về nạp, đến như việc bày biện làm cho thành cái bánh ngon, xây dựng cho thành một tòa lầu đài khang trang thắm mỹ, vừa đẹp vừa có nhiều phương tiện, những việc ấy, quá sức của tôi, xin nhờ các tay chuyên môn khác, xảo thủ hơn, có khả năng hơn, và sẵn mớ tài-liệu này sẽ khai thác và trình bày lại theo ý muốn của mỗi người, mỗi sở năng.

Tôi chỉ là một tên thợ vụng, và đây là một thiên Hồi-Ký không hơn không kém của một học-sanh giả.

May thời, tập này được tin dùng và bán chạy, tôi có tiền đủ, sẽ cho in tiếp theo một tập «Hồi-ký II» về các bài ca đã có từ năm 1910 đến sau và nếu còn thì giờ tôi sẽ soạn nổi một tập «Hồi-Ký III» nói về hát bội và những giai thoại hoặc những gì tôi hiểu và tôi biết về nghệ-thuật này. Xin thưa trước, toàn là những tập khô khan, bán không chạy, dùng về nghiên cứu chứ xem chơi thì chán phèo.

Viết xong ngày 10 tháng 11 dương-lịch 1966 (18 tháng 9 âm lịch Bính-Ngọ) Giởm in một lần vào năm 1967 (tháng Hai); một lần cuối năm 1967, đều không xong. Phen nhì, lấy về từ tháng Tư d. l. 1968, và tự cầm cùi đánh máy lấy nhưng súng vẫn nổ nhà vẫn cháy, biết có in thành sách chẳng, xin hỏi ông Trời ? Đánh máy tới trang này vào ngày 21-5-1968 (25 tháng 4 a.l. Mậu-thân)

V.H.S.

Tổng luận. — Thử đánh dấu lịch trình tiến triển của nghệ-thuật cải-lương. —

Hát cải lương là đưa con chơi ác, con tập tàng :

— dĩnh-ngộ có thừa, vì cha là các ông đồ đời xưa, sòt lại, làm nghề viết báo, văn-nhân, mà thuở ấy gọi là chủ bút, viết nhựt trình ;

— ngoan-ngoãn, duyên-dáng, bởi bảo-thai do mẹ là người bình dân gốc Miền Nam, nên cái lương nhạy hiểu, sáng láng và bắt chước mau, ăn cắp giỏi những gì tự mình thấy êm tai và vui mắt, phát sinh từ hát-bội mà không giống hát-bội, máu huyết do âm-nhạc cung-cấp mà đi xa đường hơn âm-phục, cho nên có thể nói hát cải-lương là âm-nhạc bước tới mãi mãi, không bao giờ dừng chơn và biết mỏi mệt.

Tội một cái, là vì chứng « con không khai-sanh », nay lớn khôn muốn lập bộ đời để ăn gia-tài, khiến gặp nhiều bối rối :

— Một người trong nghề, kéo theo một số nhơn chứng sống thời đó, nói rằng : « phong trào ca kịch có tên là cải-lương đã đâm manh nha từ năm 1916 ». Tuy nói làm vậy nhưng « truyền khẩu » (nói miệng) chứ không dựng chứng cứ theo giấy tờ, trình bằng trình cứ đích xác trước tòa án công chúng. Phạm nói không chưa đủ và không có giấy tờ chứng minh thì phải đánh dấu hỏi, còn ngờ hoặc chờ hậu cứu.

— Một số học giả khác, dựa vào luận-án thi tiến-sĩ của một học giả kiêm nhạc-sĩ trứ danh là Trần-Văn-Khê (la Musique vietnamienne traditionnelle, les Presses Universitaires de France, 1962), thì định khai sanh cải-lương vào năm 1918. Tuy nói vậy nhưng không dựng chứng ra đầy đủ. (Nếu cần, tìm xem bài « Nhơn bản về nguồn gốc của cải-lương. Thử xét lại một phương pháp Sử-học của Huân-Phong trong tuần-báo Hòa-Đồng, số 88 ngày 12-11-1966).

Nhưng như đã nói, bởi con không cha, nên mạnh ai muốn khai tên cha mẹ và khai năm sanh tháng để làm sao cũng được. Riêng tôi, một lần nữa tôi xin thanh minh không là học-giả hay khảo-cứu-gia chút nào, tôi xin đóng vai nhơn-chứng giả, biết làm sao nói làm vậy, biết bao nhiêu nói bấy nhiêu, và trước dư-luận bá tánh, tôi khai rằng :

— Vào năm 1916 cho tới năm 1918, nghiệp cầm ca trong Nam vốn vẹn có những tài-liệu tôi biết được và sưu-tầm được sau đây :

— 34 bài đúng dẫn, cổ-phong, giọng nhà Nho, do Phụng-Hoàng-San dạy đờn tranh, nhà in Phát-Toán in lần thứ tư thành tập, ngoài đề Janvier 1910, trong đề Décembre 1909, có lẽ sách cũ nên in bìa lại, và tập bài ca này là cổ nhứt, trước đó tôi không gặp tập nào xưa hơn tập này ;

— 18 bài ca đề « Lục tài-tử » ngày in đề 12-6-1915 lần thứ nhứt, Đặng-tiền-Nhiều, Đinh-Thái-Sơn ;

— 24 bài ca đề « Thập tài-tử » ngày in đề 15-6-1915, lần thứ Nhứt, Đặng-Đắc-Lợi, Đinh-Thái-Sơn ;

— 21 bài ca đề « Tứ tài-tử » ngày in đề 16-6-1915, lần thứ nhứt, Đặng-Nhiều-Hơn, Đinh-Thái-Sơn ;

— 19 bài ca đề « Bát tài-tử », ngày in đề 29-8-1915, bài ca mới (tiếp theo ?) chủ bút Nguyễn-Tùng-Bá, xuất bản Đinh-Thái-Sơn.

Còn một mở nữa, như bản đờn kim Nguyễn-Tùng-Bá, tập bài ca Mạnh-Tự Trương-Duy-Toàn và tập bài ca Thuần-Đức Nguyễn-Hữu-Hậu, tôi đã làm mất kỳ chạy loạn 1946-47, nên không trình ra đây được. Tôi xin khai thêm là không có cuốn nào xưa hơn những cuốn kể trên. Và nội 116 bài liệt kê trên, cho phép tôi nói rằng : cho tới năm 1916/1917/ 1918 Miền Nam chỉ biết ca khơi khơi và chưa có ca ra bộ.

Phải đợi từ gần dứt chiến-tranh bên Pháp-quốc, tiền bạc trong xứ Đông-Dương bị rúc rĩa đã ba phen « quốc-trái », đến kỳ thứ tư, dưới chế-độ toàn-quyền Albert Sarraut, dân được nới rộng cho lập hội hát xướng, nên các chủ bút, ký giả, văn-nhân, thân-hào, tụ tập nhau lại (Huyện Cửa, Bùi-Quang-Chiều, Đốc - phủ Bảy, Hồ - Văn - Trung, Nguyễn - Viên - Kiêu, Nguyễn-Chánh-Sắt, Nguyễn-Tử-Thức, Nguyễn-Thành-Phương, Đặng - Thúc - Liêng, vãn vãn) bèn chia nhau các vai tuồng và lên sân khấu lần đầu, hát quyền tiền quốc-trái, giúp Pháp đánh giặc chống Đức-quốc. Vì chưng thiện chí có thừa, nhưng các người này không phải hết thấy đều thiện nghệ về

hát hội, nên họ bèn *canh cải*, chế biến, một mặt dùng xiêm y hóa-trang theo cũ, lúc ấy để thầy Bá-Đa-Lộc mang bộ lễ-phục áo tím của giám-mục đạo Đa-Tô lên sân khấu đã là « *cải-lương* » lắm, một mặt khác họ nói lối chớ không hát nam hát Khách, cho nên mới có danh từ « *hát bộ* » từ đây (16-11-1918, hát tại Nhà Hát Tây Sài-Gòn, tuồng Gia-Long tầu quốc, Pháp-Việt nhứt gia).

Bắt bèn thấy hay hay, từ ngày 16-11-1918 hát tại Nhà Hát Tây Sài-Gòn rồi tiếp tục không ngừng, bành trướng không thôi, mở đầu cho nghề mới, lấy nghề *đờn và ca ra bộ* ra chỉnh đốn, thêm thắt mãi, vừa *canh tán*, vừa *cải cách*, thậm chí có người không ưa, chê « *cải nấu canh lươn* », nhưng chê bai gì cũng không lại, và con tập-tàng vốn mạnh dạn dễ nuôi nên *cải-lương* thành hình lúc nào cũng không hay biết và mọc ra như nấm đầu mùa :

- Vĩnh-Long (Vũng Liêm) có thầy Phó Mười-Hai, Tống-Hữu-Định ;
- Sa-Đéc có gánh xiếc pha ca ra bộ rồi cải-lương André Lê-Văn-Thận ;
- Sóc-Trăng có gánh Thầy Thuốc Trần-Văn-Minh ;
- Mỹ-Tho có nhiều gánh : Thợ Cu, Cô Ba Viên, Thầy Năm Tú ;
- Chợ-Lớn có gánh Thầy Mười Vui ;
- Sài-Gòn có gánh Tân-Thịnh, tập tuồng đường Boresse nay là Dr Yersin ;
- Long-Xuyên có gánh Tập-Ích-Ban (Vương-Văn-Cổ) ;
vân vân và vân vân...

Nhưng quả quyết những gánh này mọc ra ngày nào và rút lui rồi gánh ngày nào, thì tôi không biết được và xin nhường lời cho nhơn chứng khác.

Nguồn-gốc cải-lương.— Một lời chót, theo tôi hiểu, thì cải-lương là dựa con « cộ vĩa », làm chơi mà hóa thiệt, nhờ hát bội tạo nên hình hài nồng cốt, nhưng ngày nay và cứ cái đà này, hồn tri sắp và sẽ bị ngoại lai ảnh-hưởng và chi phối : pha nhạc mới nhạc lạ nhiều quá, không biết chừng nào mới chịu trụ hình và thuần túy lại. Và những điều tôi khai trên đây tuy với giọng như bốn cọt, dầu không trúng cũng cộ bĩa, không đúng phong phóc cũng trôm trôm không xa sự thật cho lắm :

a) *Chuyên ý từ hát bội*, ban đầu vẫn hát dựa theo khuôn khổ cũ : tuồng viết theo truyện, Trâm-Trịnh-An, Vợ Ngũ-Vân-Thiệu bị tên, Cao-Lãng vilt thiết xa, Ngưu-Cao tảo mộ, Thoại-Khanh Châu-Tuấn (từ trước đến 1918...) kể lại xen tuồng xã-hội lối xưa : Văn-Tiên dui, Bùi-Kiểm thi rớt (1919) và mạnh dạn trong những hồi cụp lạc trong truyện Thủy-Kiều (1922-1923).

b) Tuy lấy ý từ hát bội, nhưng đã *muốn tách ra riêng*, hát bội tượng trưng nhiều quá và la lối lớn tiếng quá, trái lại cải lương ca rí-rả cho thêm muối và bắt đầu chưng tranh cảnh như bên Nhà Hát Tây cho thêm rôm thêm lạ mắt. Từ năm phát nguyên (1916-1917) cho đến năm thành hình (1920-1921), ca thì giữ đúng âm điệu, theo chữ bản đờn xưa, bộ tịch thì cứng cồng cứng dờ y như có lò-xo thúc đẩy : hễ đưa tay mặt thì hạ tay trái, giơ tay tả thì bỏ tay hữu xuống, khán giả vừa thấy người người gần chán, thì gánh hát lật đật trở lại truyện Tàu (1923-1924) khai thác tuồng Phạt (gánh Tân-Thịnh (1924-1925) đã biết dụ khán giả Tàu, Miền bằng tuồng Phạt)... ; rồi từ 1925 đến 1930 rõ lên không biết bao nhiêu gánh mà đếm. Từ đây *phong-trào cải-lương đã thành hành nhưt ở Nam-Kỳ*. Mục đích của nó là bỏ bớt lối tượng trưng của nghệ-thuật hát bội cổ-truyền, và thêm vào đó những tính-ba tế-nhị của mỹ-quan Âu-Pháp, và điều hòa tất cả với nguồn nhạc cổ-diền và nhạc mới vừa êm tai, vừa hấp dẫn hơn...

Đã khéo dùng một bức tranh linh động để phô diễn một khu rừng hay một lều tranh quán cóc...nên nhờ lúc này là lúc học « nhảy đầm » học khiêu vũ và vút áo túi mặc cọt-xè.

Về âm nhạc thì bỏ những lối hát Nam, hát khách, bỏ luôn lối xướng, bạch, hường, tán, chỉ giữ và khai thác thêm cách nói lối cho thật muối rệu du-dương hấp với lối âm nhạc tiếng đồn tài-tử rĩ rã réo rắc... Nhạc phẩm chánh còn lại sáu bài Bắc, gia vị thêm nhiều điệu nhạc mạnh và phấn khởi : bình-bán vắn, kim-tiền, mẫu-tầm-tử, Khổng-Minh tọa lâu, và thêm nhiều nhạc êm-ái trữ tình : Vọng-cồ, Trường-tương-tư, Tứ-dại-oán, Văn-thiên-tường, v.v...

Lối 1938-1940, — nhiều gánh nhiều nghệ-sĩ có ý cải-cách âm-nhạc Việt-Nam. Tư Chơi, gánh Kim-Thoa, ban nhạc Benito, nhóm Kim-Chung, ban Paul Tri gánh Phụng-Hảo, đem những bản nhạc Tây phổ ra tiếng Việt. *Và cái lối âm-nhạc Tây-hóa ấy đã dẫn đường mở lối cho điệu âm-nhạc cải-cách sau này vậy.* (Tuy nhiên, nó cũng gây nên nhiều chuyện đáng buồn cười trên sân khấu, tỷ dụ ông vua mặc ngự-bảo thêu rồng, mang râu nam chòm che mặt miệng mồm, lại khiêu vũ bước điệu tango để tỏ tình « Tề-Vương cọt Khương-thị », hoặc một bà mạng-phụ, mặc váy đầm, ca bản « J'ai deux amours » trong vai vợ Thôi-Tử khi bị Tề-quân trên ghẹo. Kép bôi mặt vắn vện, bị thọ tiền, mũi tên đâm lủng ngực, còn rần ca đủ sáu câu Vọng-cồ thật muối rệu mới chịu nằm xuống sân khấu từ giả cõi đời, v.v...))

Năm 1948, âm-nhạc cải-lương lại tiến thêm một bước nữa : các nghệ-sĩ thấy dùng âm-nhạc Tây-hóa không phù-hợp với giọng hát của người Việt bèn trở lại dùng những nhạc khi cổ-diễn và phổ thêm những bản mới có tên khiêu gợi : Phong-nguyệt, Hoài tình, Lạc-xuân-hoa, Tấn-Phong, Chu-lang điệu-khúc, v.v...

Tóm lại, cải-lương Việt-Nam là một nghệ-thuật thuần túy về nhạc, nhạc thịnh-phong. Một lời nói lối, một câu ngâm, một

câu ca, đều là những tiếng nhạc, ăn với tiếng tranh, tiếng kìm. Bàn đến nghệ-thuật cải-lương, tức là bàn đến những bước tiến triển về âm-nhạc vậy.

Gần đây, nghệ-thuật sân-khấu cải-lương đang biến chuyển mạnh về một nét đặc sắc, một hướng khác, chưa ai dám chắc sẽ đưa về đâu và kết quả đúng như ý muốn hay sẽ bại hoại ra sao. Nghệ-sĩ cải-lương chú trọng chẳng những về nhạc mà còn chú trọng cả về lời. Lời của hát cải-lương phải là lời nói của thật-tế, không phải là những lời dối-họa, những câu bay bướm nhưng rỗng tuếch. Từ đây nhóm nghệ-sĩ hiểu «*sân khấu là phản ảnh của cuộc đời*» và nhà nghệ-sĩ 1966 sắp sau đã biết xác nhận cái chân giá-trị của nghệ-thuật. Nghệ-thuật sân-khấu không còn là trò chơi tiêu-khiến của một nhóm quan liêu sung túc, của một nhóm người ăn không ngồi rồi, như quan niệm trước kia đã hiểu. *Cải-lương có cái sứ mạng cao cả, phò diễn lên sự thật của xã-hội, những trạng thái làm than của dân đen, để truyền bá những phương pháp cải-tố xã-hội, và gieo rắc tinh thần đấu tranh cho dân tộc.* Từ cây độc huyền đơn chiếc mà còn biết đem tích Sáu Trọng trả thù, Thầy thông Chánh bắn biện lý lấy vợ mình, đến sân khấu đoàn thể cải-lương tuyên truyền cho lòng ái quốc chung . . . Cải-lương luôn luôn biến chuyển và dung hòa để trở nên ngành ca-kịch xã-hội, nhưng biết sẽ dừng chơn lại đó hay sẽ còn thay đổi nữa ?

Ngày xưa bên Pháp-quốc, Napoléon đệ-nhứt bắt cóc đức Giáo-hoàng đem về Paris, Napoléon đi lên đi xuống như con hổ dữ, báo hao hậm hực, vừa trách móc vừa đe dọa, vừa van lơn, rốt cuộc đức Giáo-hoàng không nao núng, (hoặc làm tỉnh ?) hạ hai chữ như trời đánh, con hổ tự nhiên làm lạnh lại: «*Tragédiant ? Comédiant ?*» (Bi-kịch ư ? Hài-kịch ư ?). Đó là một sen cải-lương bên Pháp, một tấn kịch đi sát với sử bên trời Âu.

Ngày nay, trong ngục tối tử hình tại một tỉnh nhỏ Miền Nam, anh tử tội dùng hai ngón tay thọc vào miệng, hút gió bài Hạ, rồi Tàu-mã, rồi Xuân-tỉnh, anh tử tù ấy trong cảnh

chết đã tượng trưng cho sức mạnh cho sự «sống trường tồn» của linh hồn Việt (xem bên phần «Phụ-lục» bài «Tiếng nhạc trong tù »).

Xã-hội loài người, bất cứ ở đâu, ban sơ và mộc mạc thế nào, cũng biết diễn trò để tiêu khiển. Dân mọi da đen, sống trong rừng sâu núi thẳm xứ Bắc-Phi cũng có trò « nhảy múa » trong những cuộc vui reo mừng rỡ. Bộ lạc da đỏ đất Mỹ-châu cũng có lối diễn tuồng gây « đám lửa cắm trại » khiến ngày nay khắp nơi bọn « sói con » bắt chước trong những đêm « đốt trại liên hoan ». Loài người, vừa biết hợp thành đoàn-thể, là đã biết làm « trò diễn giải khuây ». Duy trò diễn vùng nào là nghệ-thuật hợp nhứt ăn khớp với nhu cầu của trí óc vùng ấy. Từ ngày Đào-Duy-Từ, tác giả bài phú Ngọa-long-cương, vị quân sư giúp Chúa Sãi xây « lũy Thầy » ngăn binh Chúa Trịnh từ Bắc không cho tràn vào Nam, khi ông cho nhập điệu Hát-bội vào Bình-Định, ông cải-tô nghệ-thuật hát tuồng (nay gọi hát-bội Bình-Định), và tại sao khi điệu hát-bội này truyền xuống Miền Nam, những Cò lả, Trống quân, không theo vào ? (1) Và điệu hát-bội Miền Nam có thể nói có nhiều pha trộn với điệu đờn điệu hát Chàm, — trở nên điệu đờn ca xứ Huế, — rồi pha lẫn một phen nữa với điệu du-dương nhạc Miền, nhạc Tiều (Triều-châu) nên trở nên đờn ca điệu Sài-Gòn, điệu Bạc-Liêu chẳng hạn.

Con lai là con khôn, con tạp-tàng là con ngoan ; bởi mẹ bình dân, cha từ chiếng nên sự biến chuyển linh lẹ bay bướm của đứa trẻ bị « cọ vĩa » là Cải-lương vẫn thay đổi biến hóa không ngừng không thôi.

Thăm một điều và phải nhìn nhận một lần nữa, vì cải-lương không khai sanh chánh thức, nên mặc ai muốn đặt

(1) Phải chăng vì vấn đề phân biệt ? Nam Bắc phân tranh, tiếng nói cũng qua phân mà điệu hát cũng qua phân ? Bắc nói « ồm », Nam nói « đau » v.v...

tuổi của nó bao nhiêu cũng được. Một nỗi khác nữa là buồn vì nó ít học, chỉ đọc và viết được chữ quốc-ngữ ! Các thầy tuồng có đầu óc, có chút vốn Nho-học như Trương-Duy-Toản, Nguyễn-Hữu-Hậu, Nguyễn-Trọng-Quyền, Quốc-Biêu, đã không còn. Các tuồng, lớp 1925-1935, để kịp cung cấp nhu-cầu khán giả đòi mới, mới mãi, nên tuồng kém điều luyện. Một phần do khán giả quá dễ dãi, thậm chí hát không thuộc tuồng, « cương » trên sân khấu cũng không thấy ai nói gì, từ ấy cải-lương trở nên kém về mỹ-quan đến gần như hỗn tạp.

Nói nữa sẽ chán tai và mịch lòng. Và nói cũng không hết. Và cũng không thấy ai chịu viết nên lời đánh bạo vọc vạch mấy hàng, không dè đếm được trên trăm trang, trong ấy biết bao là sai lạc vì có khi chỉ nghe lóm, nhưng dù vậy, cũng xin cho trình bày trót thề, cũng như biết bao tâm sự, ngoài đề, lẽ đáng không nên nói ra, nhưng đã là thiên « hồi-ký 50 năm mê hát », xin rộng lòng tha thứ trót thề, và chỉ xin nhớ đây là chút ít tài liệu cũ, không còn dầu nữa, và tưởng nên chép lại làm một tập dầu không hay, cũng đáng để dành về sau cho hàng thức giả có tài liệu tra cứu.

Gia-Định, ngày 13-11-1966

Tài Bút. — Từ xuân Mậu-thân, đầu năm 1968, tình hình trong nước càng khắt trương. Bèn trời Tây, có cuộc thăm dò Mỹ Harriman Bắc Xuân-Thủy ; trời Nam, dưới Vĩ-tuyến 17, khắp đâu đâu cũng có nhà cháy, người sự nghiệp tiêu tan hoặc, bản thân làm mồi cho súng đạn. Cải-lương đã nằm vì lệnh giới nghiêm. Năm nhưng cũng phải ăn để sống, để nghe lệnh tổng động viên sẽ có. Nếu có, kếp đi lính, khán giả cũng đi lính, rồi còn ai hát và còn ai coi hát ? Đen tối quá, nên không đem vào tập hồi-ký mê hát này.

Hạ hồi phân giải.

Gia-Định 22-5-1968

(26 tháng tư âm lịch Mậu-Thân)

VƯƠNG-HỒNG-SẴN

Đại cương trong mấy hàng.—

Để ghi lại cho dễ nhớ câu chuyện dòng-dài luộm-thuộm kê-lễ từ trước, cũng gọi chấm dứt thiên « hồi-ký 50 năm mê hát » này, theo ý riêng tôi, có thể nói :

a) cho đến năm 1915, tại Miền Nam, và chính tại Sài-Gòn, các tài-tử còn ca các bài cũ kiểu « độc thoại » và không bao giờ khi ca có ra bộ ; có thể vì đó là thời kỳ thai nghén hay tượng hình tượng trướng của ca hát ;

b) bắt đầu từ 1916, có ca đối thoại, nhiều người và gọi đó là « ca ra bộ ». Điển hình nhất là bài « Từ-đại-oán » « Bùi-Kiểm thi rớt » phát khởi từ Vũng-Liêm (Vĩnh-Long) nhà thầy Phó Mười-Hai. Đây là thời kỳ trứng nở biến ra nhộng nhưng chưa biết xé tơ ;

c) đêm 16-11-1918, tại Rạp Hát Tây Sài-Gòn, có diễn tuồng « Pháp-Việt nhứt gia » cũng gọi « Gia-Long tàu quốc ». Thời kỳ này, con tằm đã biết kéo chỉ, nhưng chưa khéo như sợi tơ tằm « cải-lương » sau này ; tuy vậy nên kể là thời kỳ phối thai của cải-lương được ;

d) sau đêm 16-11-1918, André Thận trước, rồi Năm Tú sau, đưa cải-lương lên sân khấu thiết thọ. Năm 1922 chính là năm điển hình, diễn tuồng Trang-Tử thử vợ và tuồng Kim-Vân-Kiều mấy phen tại rạp Mỹ-Tho rồi lên diễn tại rạp Chợ-Lớn và rạp Modern Sài-Gòn. Lúc này hát cải-lương đã ra đời và thành hình thật sự. Con tằm đã lanh lẹn và sợi chỉ đã sẵn, thâu sức lại chắc chắn. Một sợi tơ kéo ra Bắc do sinh viên trường Cao-đẳng. Tính đến 1968, sợi tơ được 50 năm và biến biến hóa hóa thiên hình vạn trạng không biết sẽ đi đến đâu mà đoán trước được ;

e) từ năm 1938 cho đến năm đảo chánh 1945, nhóm Kim-Thoa của Tư Chơi và gánh Kim-Chung tìm cách pha phách nhạc Tây vào câu ca bài bản cũ Việt ;

f) sau năm đảo chánh (1945) đến năm hồi cư (1946-1947) hát cải-lương tái diễn và vẫn dùng tuồng cũ đem ra hát lại ;

g) bắt đầu, vài năm gần đây, cải lương pha thêm có đánh võ Tây, dẫu kiếm, đánh chưởng, vừa ca vừa hát giọng Tàu giọng Âu-Mỹ . . . Cải-lương để thỏa ứng nhu cầu võ-sĩ, ca-sĩ dợt mới, đã trở nên một nòi «xào bân» «thập cẩm» hay «tạp-pin-lũ», hỗn độn và mất vẻ thuần túy. Không khéo cải-lương sẽ trở mình để chuyển qua một nghệ thuật khác . . . Chỉ có tương-lai mới biết.

1-12-1966.

PHẦN PHỤ LỤC

I.— PHỤNG NGHI ĐÌNH (Tứ-dại)

Á gia Hớn-gia xã tắc đời đời,
Khiến nên Đồng-Trác hưng thời,
Cơ bởi trời, khiến người đảo diên.
Lại thêm có Lữ anh-hùng,
Tánh bạo tàn, trong đời nghinh ngang
Đồ hiền tạt nắng
Cũng một phen gian-thần
Đa khi quân
Bắt chước theo
Cái gương Vương Mãng
Sang đoạt cơ-dồ
Vua Hiến-để gian nan
Chí lắm quyết xuống chốn Tường-An
Đắp lũy thành nghinh ngang
Ô-mi đều sửa sang
Cũng một phần gia quyến
Tùy cơ ứng biến
Đặng bước lên ngai vàng
Trác dải yếm lộ bàn
Văn võ trào dâng
Chực hai hàng nghiêm trang
Ô-dân Bắc-địa nghiêm trang
Trác dẫn ra chém hơn trăm mạng
Lữ Bồ mưu thần
Lấy thủ cấp Trương Ôn
Dầu ai trí sáng mưu khôn
Khó giữ phân gian nịnh
Quan Tư-Đồ mưu kín
Trở về suy tính,
Điều-Thuyền con hỏi nghe cha phân trần.
Nay Hớn-thất xây vắn

Vì bởi nịnh thần
Cha định liền hườn cái kế nay hay
N như con thảo lòng ngay
Cứu sanh linh khỏi cơn nước lửa
Ơn đức này thành
Xin tạc để tư niên. —
Trước đưa cho Lữ Phụng-Tiên
Sau quyền cùng Đồng-công
Điều-Thuyền bằng lòng
Nguyên trăm năm báo bổ ân thâm.
Quan Tư-Đồ an tâm
Thỉnh Đồng-công phó hội
Mấy trang mỹ-nữ ca xang
Ca giọng táng tang
Khiến chủ càng ngơ ngáo
Điều-Thuyền hầu bàn
Chuyện văn tổ khúc nôi
Con này thiệt con tôi
Tôi xin đứng cho quan đại-thần. —
Hồi xa-phu xá kip ân cần
Ra đi vừa dặng nửa đường
Lữ Phụng-Tiên chạy theo cản lại
Hỏi quan Tư-Đồ làm sao
Đã gá duơn với ta khi trước
Mà lại quên lời
Đưa cho gã Đồng-công ?
Tư-Đồ tỏ thủy chung
Bổ giận căm lòng này.
Ồi thôi thôi trở lại cự đình
Lóng nghe thử, sự tình làm sao.

Chú.— Bài ca này coi vậy mà vô cùng quan trọng. Lớp xưa thường hay dùng mỗi khi có tiệc yến nhóng chờ quan

khách thì đem ra đờn ca chơi, cũng như trong buổi hát khi hạ màn thay lớp hay khi vẫn hát đưa quan khách về, có thể ví như bản «Madelon» lời 1918, bản «chào Pétain» lời bị Nhật chiếm đóng (1942), gần như bản «Quốc-thiếu» ngày nay. Ý-nghĩa thì ảm, khó nói ra được, nhưng khách bàng quan ngồi nghe đều như nhau hiểu ngầm đại để như «Hơn-gia xã-tác» đây hiểu là cơ-nghiệp nước nhà đang bị Tây soán đoạt, còn Đồng-Trác, Lữ-Bố thì tùy nơi, tùy địa phương, tùy cơ-hội, có khi đó là một tên quyền-thần trở mặt nịnh Tây, hoặc một tên quan lại hành chánh ác dữc hoặc có nhà tráo đông, hoặc tầm thường hơn nữa đó là viên cò cảnh-sát ham gái ưa sát phạt đánh đập, một chủ quán, một cô-mi tham ăn, một thầy kỹ một chủ cai hách dịch, đều có thể được. Trong khi dân chúng bị đè đầu khớp miệng, kêu la không thấu thì đây là bài bình dân nói lên nỗi khổ của một nhóm người bị mất nước, chỉ có người Phương Đông từng bị đó họ áp bức hiểu nhau mà thôi.

V. H. S.

24-5-68

Bài ca trên đây trích trong tập bài ca «Thập tài-tử» của Đặng-Đắc-Lợi in ngày 15-6-1915, trang 25 đến 27, là số 62 trong tập Hồi-ký II.

II.— NGỘ TRẨM TRỊNH-ẤN (tác-giả Nguyễn Tùng Bá, tr. 5-6-7 tập Bát tài-tử xuất bản ngày 29-8-1915.— Bài số 98 tập Hồi-ký II).— *Từ-dại*

Năm, bảy năm biền Sở non Tần,
Tàn toan giầy giã còng thần —
Cuộc phong trần mấy lần gian nan
Trịnh-ẤN mỗi nhọc bốn tri —
Trước sau phò trọn nghị với anh

Theo chẳng rời bên ăn —
Trải bao nhiêu dặm ngàn.
Tình đệ huynh
Đắc trảo nha quốc gia an định,
Tại Nhữ-Nam-thành —
Phong trấn thủ vi Vương.—
Tưởng xưa, nhớ, những khi —
Lúc tai nạn y y
Dầu mắt còn bao quản,
Cơn dữ lành choặng hân,
Phụng đưa, Sài-Vinh,
Trộn mấy trắng, tắt tình.
Trải, núi ải sông dò
Sương sa ngọn gió thổi lò —
Cũng chịu lòng đản đo.
Tạc, gương trung —
Nổi, tử sanh ruồi giông tương cộng,
Đất rộng, trời dài —
Không nao núng lạt phai.—
Riêng than, phạn dở dang —
Nữ phụ phàng chi đó
Chẳng nhớ bề lao khó
Không tưởng niềm công tở
Mặt ngơ, lòng ngơ
Ngửa nghiêng xô cỏi bờ.
Lịnh, phóng ra một hồi
Công danh phú quý phải rồi —
Biết, ai mà, kêu oan.
Hề, ai xui —
Ngõ chúa tôi, ối thời, vĩnh biệt,
Nơi chốn pháp tràng —
Khôn đôi chối thờ than —
Tỉnh say, tỉnh, giấc say —
Ôi thôi rồi ai xui khiến

Rụng rời, rụng rời,
Chơn tay chặt tay chơn
Phủi hết sự công ơn —
Xiết bao nhiêu thăm hỏi
Tiếc, tiếc bấy dẽ thân,
Mấy lúc toan tẩn —
Hủy ai làm nên thế.
Ta hồ, ta hồ,
Ngưỡng diện kiều thiên thương
Số hệ sấm thương —
Ôi, cái số vô thường.
Em ôi, anh dĩ lỡ ra rồi,
Khi không sóng dập gió dồi —
Anh đã cam lấy thân thế mạng
Tấm lòng này nào an
Biết no nao anh em thấy mặt,
Lưỡi mỗi miếng lần.—
Anh mang tiếng giết em.—
Du du, bỉ quá công —
Cờ, sự ni không dè.
Voi, thăm thay, kêu chẳng thấu trời,
Tượng, cũng bởi,
Anh lầm lỗi say.

Chú.— Bài ca này chưa dứt khoát với hát bội và lấy mượn nhiều đại ý cũng như sự hấp dẫn có sẵn của hát bội. Khi nào bị oan ức, bị một điều bất công khó nói, để giải bày, thì lấy bài này ra ca hả chút tâm sự bên lòng : trên vua hôn ám, dưới cảnh ngộ người có công không được hưởng : Hàn Tín, Trịnh-Án, Nguyễn-Văn-Thành v.v...

V. H. S.
24-5-68

III. *Tứ đại.*— NGỘ TRÂM TRỊNH-ÂN (tiếp theo) (số 99 tập Hồi ký II) (Bát-tài-tử, tr. 7-8-9)

Nghe, hoảng kinh gia-tướng trở về,
Báo tin phu-tướng phân lìa
Tam-Xuân đều tư bề ủ ẻ
Tiếc thương, thương tiếc, không chừng —
Giận phùng phùng nghiêm trần chur quân,
Kéo thẳng vào Trường-An —
Tống chúa ra gặp nàng.
Chào em dâu,
Lỗi, bởi anh nũng say quá độ
Như dưa, mồ hồ
Giết ngư dẹ vô cò. —
Vương huynh, hỡi Vương huynh,
Em không lòng xao lãng
Anh nữ nào không nghĩ
Vội quên tình chung thủy
Vị con hầu yêu,
Phóng lịnh ra chém liễu
Em chẳng xiết nỗi phiền
Nhện sa diềm ửng nhần tiền. —
Song ngõ là vô cang.
Hay đầu họa bất kinh
Hệ khiến xui trở trình máy tạo,
Anh nữ bụng nào
Không nhớ ngôi công lao —
Anh xin thế mạng em ỏi —
Vương huynh đã tự hối
Lễ quân thần đầu há lỗi
Em bao đánh bắt tội
Phận em, làm tôi
Dám ép anh thề bồi,

Sự, cũng bởi yêu Kiều
Trộm đem của bầu tiên triều.
Ỗ thế quyền ngạo kiều
Tạ, vương huynh,
Xin phải giao MAI, PHỤNG (Hàn-Tổ-Mai và
Hàn-Phụng)

Cho em, trả thù. —
Mà điện tể tiên phu. —
Phu-lang, hỡi phu-lang
Xót phận chàng, xui đến thế
Thời hề, vận hề,
Hề đau, hề bởi đau.
Trong giây phút, xa nhau —
Bi ưu, vận tải hàm sầu.
Tủi, tủi, bấy vương huynh,
Thiếp vái, vong linh —
Chốn Dạ-đài cho siêu thoát
Mưa phiền, mưa phiền
Tại thiên mạng, tại thiên
Giọt lụy ứa liên liên —
Minh minh, hận hải nan điền
Em, thôi bớt thảm dừng phiền
Anh giao tặc tử trận tiền —
Mặc ý em giết tha liệu biện.
Anh dám nào yêm ần
Tự thích em phân thầy trả giận,
Trọn nghĩa, vợ chồng —
Cho phỉ hện núi sông. —
Cháu thơ hỡi cháu thơ —
Cho tập tước phụng thờ
Yêng, trăm năm tạc dấu công thần
Bia, công trận-
Vẽ vờ các lân. —

Chú.— Bài thứ nhì « Ngộ trăm Trịnh-Ẩn » này dành cho phụ-nữ ca, trách việc tình duyên bị chia rẽ vì nổi bất công nào đó. Hát bội hát lúc này thì cup lạc, gay cấn, hấp dẫn đủ điều. Bên cải-lương sau đó có cò Bảy Nam thủ vai Đào-Tam-Xuân báo phu cừu là hay, nhưng cũng phải mượn lối bên hát bội và màu mè đều diễn như bên hát bội : nào diễm nhện sa trước mắt, nào diễm máy mắt thỉnh không, rồi cũng con đòi chạy báo tin dữ, phát binh bạch giáp kéo cờ trắng đòi mạng chồng, pha xét thăm cung bắt Hàn-Tổ-Mai, pha Cao-Hoài-Đức một bên vì trung quyết gỡ tội cho vua, một bên vì nghĩa quyết giúp Đào-thị trả thù, làm cho bạn mình là Nhữ-Nam-Vương Trịnh-Ẩn hả dạ chút nào nơi chín suối... Tuồng Tàu có thể nói đã ăn sâu vào máu huyết Á-Đông, dẫn người theo Tây-học khi xem tuồng Đào-Tam-Xuân báo phu cừu cũng biết khoái trá như xem tuồng Lộ-Định (Le Cid) bên tình bên hiếu.

V. H. S.

24-5-68

IV.- *Tứ-đại.* VỢ NGŨ THIỆU BỊ TÈN (số 100 Hồi-ký II)
(Bát tài-tử, tr. 9-10-11-12.— Tác-giả : Nguyễn Tùng-Bá.— Xuất bản 29-8-1915)

Binh, thiên binh vạn mã phất cờ
Ra vây Ngũ-Thiệu một giờ
Cám thương vì vợ chàng yếu thơ
Có thai thêm cực nổi mình,
Xong lướt đàng ngàn trùng binh oai,
Lánh vòng chông gai —
Chỉ có hai vợ chồng.
Một cây thương
Vạn long dong ruồi giông mấy vọng,

Chẳng núng nao lòng —
Phen chi cả trượng phu —
Tiền nghiêm, hỡi tiền nghiêm —
Công dãi dầu nơi nguy hiểm
Trấn ải đồng không xao xuyến
Dân an nhân vui thanh yển,
Gian-thần, âm mưu,
Gây hóa ra hận cừu.
Sáu mươi bốn yền trần,
Phản vương mười tám rần rần —
Thiên hạ đều phân vân
Trên chín bề ngổa nguê
Tửu sắc chơi dăm mê vô độ
Tông tổ, cơ đồ
Ra tay quyết đầy xô
Phu nhor gắng theo yềng —
Sao mặt mày coi nhăn nhó
Òi thời rồi lăm sảo
Trước mặt thì binh ngăn cản
Đất trời có hay
Ai cứu ra khỏi rày
Sanh để giữa chiến tràng,
Quân reo tướng ó chạt đang —
Trước sau đều đạn tên.
Thảm thương nàng đơn cô
Vái cao xanh vơi vơi ủng hộ,
May thoát khỏi vòng —
Trong vạn tử nhứt sanh.—
Tên bay, mũi tên bay —
Vợ theo chồng bẻ gót
Nại hà, nại hà,
Đã mẫn nguyệt khai ba
Buông tiếng khóc tu oa

Bình giặc theo vang dầy
THIỆU trước bụng dai con
Rán triển sức hùng anh —
Mở một đường đào sanh
Ai dè, ai dè
Vợ máu vận hôn mê
Bị tên nặng ủ ê
THIỆU trở vô trận đồ
Thương, thảm thương Ngũ Thiệu tai nạn,
Ngỡ vô cứu vợ khỏi nạn —
Nhổ mũi tên hồn phiêu phách lạc,
Rụng rời chơn tay,
Ôm lấy thầy lên yên vọt chạy,
Xa khỏi giặc rồi,
Mới tạm táng hiền thê. —
Bỉ thương hỡi thiên thương
Biết bao nhiêu đoạn trường.
Ôi, em ôi số hệ ở trời,
Nơi chiến địa,
Hãy còn thơm rơm.

Chú.— Đây là một bài ca hạp với tâm hồn người Miền Nam đã buồn sẵn từ khi mới sanh. Tâm hồn ấy thêm sự anh hùng của kẻ ra trận và gặp nhiều thử thách. Hát bội trình diễn tưởng có đủ hi nộ ái ố, vừa giận kẻ nịnh làm cho có chiến tranh, vừa giận vì tin cha già bị hại, nay gặp cảnh vợ dễ bị rịn chia tay không đành, vui trong lòng vì thấy vợ hiền biết hy sinh vì nghĩa, mừng vì nay có con phải liều chết dai con vừa đánh vừa chạy, v.v... có đủ pha gay cấn làm cho tưởng linh động. Nay gom góp lại trong một bài ca nói thẳng với linh hồn bên trong của người củi lức làm ăn, chỉ muốn yên bề kiếm cơm nuôi gia đình mà cũng không được với sưu cao thuế nặng, nợ nần, vợ đau con ốm, chiếc thân bơ vơ như Ngũ

Thiệu bị vây. Phải có gặp cảnh canh khuya dòng vắng bỗng có tiếng đờn ông ca từ trong chòi rách « *Ôi, em ôi, số hệ ở trời...* » thiệt là nảo nuột và khi ấy mới hiểu lực lượng của bài Tứ-đại vừa bình dân vừa cần thiết như cơm của người nghèo : « không cần cơm trắng cá tươi, dầu cho cơm hẩm tiếng cười đủ ngon ! »

V. H. S.
24-5-68

V.— *Tứ đại* : trích tập « *Tứ tài-tử* » (16-6-1915), tr.33-34-35.— Số 92 Hồi-ký II. Tác-giả xưng tên « Thanh-Phong ». —
VÀN-TIÊN

Tây, Tây-Minh xem truyện đã tàng
Thanh-Phong đặt phổ rõ ràng
Quận Đông-thành có chàng Vàn-Tiên
Theo theo thầy cao san
Có tài tiên phang
Văn võ thông mọi dăng
Tạ thầy lui
Viếng an an cha mẹ tới nửa dăng
Phút chúc gặp Hôn-Minh
Bền kết bạn kim lang.-
Nguyệt-Nga, với Kim-Liên
Chị em từ cổ cổ thồ
Bồi vưng lời cha dạy đồ
Dặm bao nài lao lao khổ
Sầu mang dan diu bền lòng bền lòng
Oan hởi oan thân này
Phấn son vui cũng bởi chàng Phong-Lai
Tai-ương đoạn tai ương
Xảy may đâu đâu gặp bạn

Ra oai hùm
Sức bì kịp Tử-Long
Cứu rồi xong. —
Nhân, ân ân nhân,
Chữ ân tình, chưa chưa trả
Dặm quê nhà xin quây quã
Lạy cha già từ từ tạ
Tóc tơ cho thỏa tấm lòng, tấm lòng
Thương chinh thương vì tình,
Đề bèn mình,
Xuống Suối Vàng chưa tan
Thiên công giận thiên công,
Khéo lẳng lơ chi bấy tẻ
Gặp gỡ đôi hồi,
Duyên vội rẽ phụng loan
Dang dở dang,
Ngơ ngần ngần ngơ
Nẻo ra về than than thở
Đeo sầu, đeo sầu,
Ân-nhân hồi ân-nhân
Tắc dạ băng khuâng
Biết hay chẳng hồi chàng ?
Thôi Kim-Liên, đẩy xe loan,
Trải qua miền dấu thỏ
Ôm lòng, ra về,
Trời xanh hồi trời xanh,
Rẽ bạn yển anh
Trách sao duyên mỏng mảnh. —
Vấn vắn chương trót bức phong trần,
Lại thêm hiếu nghĩa trăm phần,
Quyết trăm năm, năm chữ dạ

Nào đề lỗi ngời nhân
Dầu ngày sau sau lưu lạc
Liều ủa hoa tàn,
Giữ trọn một với ai,
Chờ đôi hai.—
Á sinh Vân, Vân-sinh
Biết sao cho trọn tình.
Duyên sao duyên lạt lẽo thỉnh linh
Họa bức tượng, đề dành ngày sau.

Chú.- Sở dĩ tôi chép bài tứ-đại này ra đây, một lẽ vì tập «Tứ-tài-tử» ngoài bì đề tác giả là Đặng-Nhiều-Hơn, một tên nghi là giả-tạo, và chính bài này có xưng tên là Thanh-Phong rõ ràng, khiến tôi phải chép đề hỏi lại những người cổ cựu Sài-Gòn lớn tuổi hơn tôi, phải chăng đây là ông Đỗ Thanh-Phong, tự Giáo Sỏi, biệt hiệu là Bồng-Dinh, một nhà thơ khét tiếng mấy chục năm về trước từng dịch truyện và viết báo ?

Một lẽ khác là tôi thấy bài ca chất phác giọng nói hiền lành y như giọng các cụ già năm sáu mươi năm về trước đất Lục-Tĩnh Nam Kỳ, thêm cái cách láy đi láy lại tiếng ca tiếng đờn, tuy lời không thạo nhưng cũng dám nói là điệu «tứ-đại» «cổ-phong» thời trước. Đờn tuy ít chữ nhưng như lời người quán-tử, không dư lời nào. Không như nay tiếng đờn lố lăng hấp tấp nghe bắt nờ buổi chạy giặc, buổi bị bổ ráp đốt phá lung tung.

V. H. S.

(24-5-68)

V.— *Tứ-đại.-* VĂN-MINH của Hoàng-Huấn-Trai trong tập «Thập tài-tử Đặng-Đắc-Lợi trương 3-4-5.—Hồi-ký II bài số 53) :

Á nay ta nay người huyện Tân-Hòa (Cầu-kho)
Huấn-Trai tự đặt tánh *Hoàng*,
Phổ văn trang một bài khuyến ca

Lời dăm khuyên cùng chúng ta
Học đời Đông-A
Cũng giống như da vàng
Bạc đồng bang
Rán mà kêu nhau thức dậy
Lo lắng việc đời
Đừng có ngủ mê mang.-
Á bang hỡi đồng bang
Xin bớt lòng tranh làm quan
Hãy hiệp hùn buôn bán
Cho rành nghề tính toán
Rồi cũng thấy vô bạc ngàn
Á xem nhắm xem đã nhàm
Của cải muôn vàn
Lại nhiều người khôn ngoan
Khôn ngoan đầu nỡ khoanh tay ngồi vạy
Đề khách với Chà
Nó đoạt lợi của ta.—
Á ta hỡi chúng ta
Xin bỏ những lời kiêu ngạo
Cùng mấy điều gian trá
Một lòng nồng nả, đừng phế
Dầu muôn việc chi cũng thành.
Á mỗi lợi bỏ rằng đành
Là bỏ rằng đành
Bỏ rằng đành hỡi đồng bang
Đồng bang ôi
Hiệp nhứt tâm vầy nên bọn
Thì cũng có ngày
Đại sự phải khả kham.—
Á Nam dân nước An Nam,
Thân trâu bò đã định kham
Thối thời, thối thời

Rán sức hãy rán sức
Làm cho hết sức
Thì mới biết cơ trời
Á Tui tui tui than
Hết tui rồi than
Lại nhiều lần bầm gan
Dần lòng, dần lòng
Gắng chí hỡi gắng chí
Mưa dừng thối tri
Sau có lẽ gặp thì
Á châu sáu châu địa cuộc Nam-kỳ
Chinois chán ở Liên-kỳ
Đưa bán cơm cùng thàng bán cháo
Lập lều đài nghinh ngang
Của chúng ta nó đã thâu đoạt
Sắm xe với tàu
Lại vịch mặt làm sang.—
Á bang hỡi đồng bang
Xin chớ có phản nân
A thứ tự do ta kết một lòng
Ngày sau dựng mở máy Việt bang.

Chú. — Bài ca này may thời tác giả còn để lại danh tánh và ngày soạn : ngày soạn, ta định trước ngày in thành tập 15-6-1915 ; và tác giả xưng tên rõ ràng là Hoàng Huấn-Trai ở huyện Tân-Hòa, nay thuộc vùng Cầu-Kho (Sài-Gòn). Trong bài, tác giả dùng danh-từ, tỷ như «chinois», «bỏ răng dánh», «khả kham» khiến ta có thể định vừa biết Pháp-văn, vừa sành Hán-tự lại dùng tiếng «răng» thay vì «làm sao», là một văn sĩ miệt ngoài (Trung) vào đây ; thêm nữa giọng văn đoạn trang lán thời rất khác giọng Miền Nam trơn tuột nôm na. Nếu không có ngày ghi 15-6-1915, ta có thể lầm văn nay rồi. Nhưng đã có danh từ «An-Nam» chứng minh viết trước năm đảo chánh 1945 vậy.

Văn cách nay trên năm mươi năm mà vầy kể là mới lắm và đã có sự tỉnh ngộ, cảnh tỉnh đồng bào bớt mê thi đậu làm quan và khuyên chú tâm nhiều vào thương trường thương mại. Bốn năm sau, 1919, xảy ra cuộc tẩy-chay chi-noa (đề-chế đồ hàng hóa Tàu) là kết quả một phần của bài ca trên đây vầy. Nhưng người chúng ta không bền chí : vùng vầy là vì bị hiếp sau chúng dụ nói ngọt là đậu về đó, thương mại vẫn trong tay người ngoài, mà chẳng những thương mại không thoi đâu.

V.H.S.

25-5-68

VII.— Một bài «Tứ-dại» có pha nhiều tiếng Tây, đánh dấu một thể-hệ mới (số 66 tập Hồi-ký II) (trích tập «Thập tài-tử» in ngày 15-6-1915, tr. 36-37) :

TÂY-NAM-DU (*tứ đại*)

Thương, ỷ thương không ngớt cơn sầu

Sông ngân dạ muốn bắc cầu

Trách mấy người chẳng lòng em-mê (aimer) aimer : thương mến

Năm canh sầu ủ ê

Cái niềm phu-thê

Sao mà muốn kít-tê (quitter) hỡi nàng.

quitter : chia lia.

Vì tại ai la-luy-nơ (la lune) soi tỏ dạ

la lune : mặt trăng.

Mấy lời nguyện,

Tôi hồ với nước non

Son hỡi môi son

Bồ-cu (beaucoup) rờn rời lụy

beaucoup : nhiều

Phát-sê (fâcher) người không nghĩ

fâcher : giận, hờn.

Đôi đũa mình còn bở-tí (petit)

petit : nhỏ bé

Trách trời vội khiến rẽ phân đôi dàng.

Cũng bởi dây tơ hồng

Buộc không thương

Nên dạ dường dao phân

Công-ti-năng (continent)

continent : đất liền,
đại lục.

Xăn-li-măng (sentiment)
Bách-xi-ông (passion)

sentiment : cảm tình.
passion : khát vọng,
tình dục.

Đau chín đoạn,
Chẳng phải là người
Cun-bấp-bi-li-tê (culpabilité).—
Á tim hồi êch-tim-mơ (estime)

culpabilité : dặc tội.
estime : lòng qui
mến

La-mua (l'amour) này em có biết,
Sa-gờ-ranh (chagrin) càng thảm thiết
Đu-lơ (douleur) càng vẫn vit

amour : ái-tình
chagrin : lòng buồn
douleur : nỗi đau
đớn

Rơ-gờ-rê (regret) cho đơ-i-dơ (deux yeux)

regret : thương tiếc
deux yeux : hai mắt

Chảy ròng những lặc-mơ (larmes)

larmes : giọt lụy

Tưởng bấy tiền non Bồng,

Dạ nảo nông

Khiến trong lòng không khuây

Đầy sâu đầy sâu

Dich-xíp-bê (dissiper)

dissiper : làm tiêu tán

Đê-si-rê (déchirer) tình má phẩn

déchirer : xé toang

Trong cơn sâu tôi tạc dạ ghi xương —

Đêm băng khuâng vội tả vài hàng

Cần phong một bức rõ ràng

Hột châu rơi tình lụy hạ

Bờ-rô-tê-sê (protéger) ngày sau xin chớ phụ

protéger : che chở

Là nghĩa sắt cầm

Tôi tạc dạ xăng tăng (cent ans).—

Cent (100) ans : trăm
năm

Đâu nghĩ đâu đâu

Không ngớt cơn thảm sầu

Á đêm năm canh trống trở trên lầu

Chạnh nhớ bạn

Lụy càng bờ-lơ-rê (pleurer)

pleurer : khóc

Chú.— Tôi không nhiều lời. Đây là một bài ca nửa nạc nửa mỡ phong-trào sinh tiếng Tây, sau năm đệ-nhứt chiến (1918) đến dứt đệ-nhị chiến (1945). Tình của anh bồi lấy chị bếp, thằng đực Pháp con mẹ Tây, thầy thông-ngòn hú-hý với vợ tham-biện lang-sa chủ cũ, khóc lóc bằng thứ tiếng mới đánh dấu một giai-đoạn suy đồi, phong hóa đồ ụp, đánh đi nuôi miệng. Chữ Nho lui về dĩ-vãng, tiếng Tây ba rọi thanh-hành: hỏi lộ cho Tây một con dê, không biết gọi con gì, bèn tỏ rõ: « *něm xối xiền dà-na báp* » (mène chose chien, il y a barbe): nó như con chó mà thêm có râu, ấy bài ca này cũng một thứ.

V.N.S.

25/5/1968

VIII.— Một bài «Tứ đại» khắc pha tiếng Tây (Hồi-ký II số 67) nhan là «*Bài ca đi Tây*» (trích tập «Thập tài-tử» 15-6-1915, trang 38-39):

Xưa, trước xưa sang trọng bạc ngàn
Kể lui người tới nhộn nhàng
Lúc đương thời làm thầy giáo quan
Kể từ ngày làm việc Tân-An,
Người giàu kẻ sang
Đều tới lui nhộn nhàng
Min-nởp-xăng (1) quan tham-biện
Quan Chánh phê liên
Đi dẫu xảo nước lang-sa
Khi đi để vợ nhà cho nhạc-gia
Chồng tách mình đi tới phương xa
Quyết lưu lạc đi tới nước non với người
Tưởng đi một về mười

(1) Năm dương-lịch Một ngàn chín trăm chẵn (1900).

Qua tới xứ người
Bốn phương trời đều lạ thay
Nhìn xem ra tình kẻ lạ
Người lạ xứ, xứ lạ người
Lòng nhớ đến quê hương
Tàu lui tới Ấng-lê (Anglais)
Tới thành Mạc-xây (Marseille)
Cũng gần thành Ba-ri (Paris)
Thiên hạ dò hỏi
Chẳng biết bao nhiêu người
Bỗng dặng năm sáu tháng trường
Làm té ra bạc ngàn
Bị điểm dăm chẳng còn bao nhiêu
Tụi bạn đi Tây
Ai ai cũng vậy
Miễn tới Tây rồi
Dầu sống thác cũng ưng
Mãn cuộc đấu đời chơn
Bước xuống tàu rưng rưng
Hai đàng Ba-ri (Paris)
Từ giã Sài-Gòn trở lại
Thương xót nhau vô cùng
Mãn cuộc chơi ra về
Thời thời, thời thời
Người trở về Mỹ-Tho
Kẻ ở lại hết lo
Tôi trở lại Vũng-Gù
Bỗng về tới quê nhà
Mẹ con cha vợ ra mừng
Vật một heo mà đãi tiệc
Mời tổng mời làng
Thiên hạ dập diu
Đều đông đã nên đông.—
Đến nay tiền hết bạc không

Thầy trở lại Sài-Gòn
Việc làm ăn gia đạo bất bình
Anh em bạn cũ, chẳng ai nhìn tới ai.

Chú.— Bài này sở dĩ chép ra đây là muốn để thấy từ năm 1900 đã có một sinh tiếng Tây rồi. Phong tục thuở ấy: *nói tiếng Tây* là để cho thấy mình ăn học đót mới bởi chuyên chú chữ chữ và thứ tiếng ngoại-quốc ấy quá nên đã quên mất tiếng nước nhà rồi, đã không lấy đó làm nhục lại xem chừng rằng *vinh*, tự ví như lớp trước các thầy đồ hăng nói pha chữ Nho vào tiếng nói của ông bà, sao không thấy ai trách? Có người cổ cựu cao niên nào ở Tân-An vui lòng cho biết ông « *giáo quan* » nào đây? Cứ phần mò theo bài ca « *tự-thuật* » này: Xưng mình là « *giáo quan* » thì không phải « *giáo làng* » rồi. *Giáo quan* đây, theo tôi, là học trò trường bổn-quốc thi đậu hạng trên nên bổ ra làm giáo nhà nước, hạng kế đó bổ làm thông-ngôn ký-lục, hạng sau rốt sẽ bổ làm thầy ký các sở như dây thép, trường tiền. Năm 1900, ông nói tiếng Pháp « *một cây* » cho nên « *quan tham-biện, quan chánh phê liên, đi đầu xảo nước lang-sa* ». Ông qua bên, ăn chơi « *lạm ra té bạc ngàn, bị điểm đầm còn chẳng bao nhiêu* ». Buồn cười là ông dốt địa-dư mà cũng không giấu: « *tới gần thành Marseille, cũng gần thành Paris* » ??, rồi nào có mèo đầm, khi chia tay từ giả: « *bước xuống lau rừng rừng* »; còn nguyên bài ca có thể nói là ông ứng khẩu khi đờn tới đâu ca tới đó cho nên không sắp đặt trước, bởi vậy có nhiều ý tứ lặp đi lặp lại, như trên « *trước xưa sang trọng bạc ngàn* », « *kể lui người tới nhận nhàn* », rồi chưa đếm được ba hàng đã nói lại nữa: « *kể giàu người sang, đều tới lui nhận nhàn* », sau rốt ông tả cảnh nghèo túng, lặp lại: « *đến nay tiền hết bạc không, Thầy trở lại Sài-Gòn, việc làm ăn gia đạo bất bình, anh em bạn cũ, chẳng ai nhìn tới ai* ». Nói thật, tôi viết lời chú này, không một chút có ác ý cười ông, mà thậm phục ông là khác. Ông thạo đờn, biết đặt bài ca và lời ca không giấu, có sao nói vậy, chớ chi

tôi biết đòn và có tài như ông thì tập « hồi-ký » không lần thần làm vậy. Cụ Tiên-Điền xưa gần chết muốn đổi tác-phẩm của mình, thật là có lý.

(Viết ngày 25-5-1968 có lệnh giới-nghiêm 24/24 trong vùng.)
V.H.S.

IX.— Bài « từ đại » KHỜ SÀI CÒN-NÓN, tác giả : Nguyễn Tùng-Bá.— Số 106 hồi-ký II (Tập « Bát tài-tử » xuất bản ngày 29-8-1915, tr. 24, 25, 26) :

Núi Cồn-Nồn hải-đảo giữa vời,
Tội-nhơn ra đó trăm ngàn,
Chịu cơ hàn, nổi nằm nổi ăn.
Thương thay cực khổ khôn ngần —
Sớm đi làm, tối về trời trắng,
Đất trời thấu chằng —
Đã năm ba phen loạn
Nào thờ than
Bởi rủi ro khiến xui vận hạn,
Nghĩ lại thêm càng —
Tuôn giọt lụy chứa chan —
Tử vi, nước, mình mỏng —
Đã xa rời, vợ con
Tối khổ cùng thương nhớ,
Sáng cắt phần, đi làm sở,
Lặn biển, trèo non,
Biết thuở nao vương trọn.
Cách trở xứ Sài-Gòn
Ra đây lưng túi một hòn —
Lui tới đều thon von.
Bặt âm hao —
Vận lao đao, dầu sao phải chịu,
Lăn lóc mới chiều —
Cam một nỗi quanh hiu —
Đêm khuya, thấy chiêm bao —

Tỉnh giấc hòe, thao thức.
Xét tội mình không ức
Nhọc nhằn đã mỗi sức,
Phép công đành ưng,
Bởi tại ta lỗi nghi.
Bỏ xừ sở ởng bà
Đói no chẳng biết sự nhà —
Vợ như là Vọng phu.
Biệt quê hương —
Thảm thiết thương khổ sai viên địa.
Công việc nặng nề —
Không xiết nổi tư thê .—
Tai nghe, mấy vọng canh —
Tiếng vang dây điều đầu,
Ly sầu, ly sầu,
Thốn thức mắng lo âu
Mặt ủ mày chau —
Biết no nao trở về.
Vắng vẻ lúc đêm khuya,
Trông nỗi nợ kia —
Ngọn gió lò, sương bay.
Cao dày, cao dày,
Xét soi hơi có hay
Ra đến nỗi nay —
Biết thuở nao sum vầy.
Nghe xúp-lê hiệu lệnh tàu dò
Ngóng trông thơ cá tin có —
Mau sáng ra đơn ren hỏi dò.
Coi tin nhà có không,
Ngổ hản cơn thất gia tịnh động
Kéo ngại tấm lòng —
Nhưng thăm bắc sầu đông.—
Thương thiên bỉ du du —
Đa tạo thử lao tù,

Voi thăm xa góc biển chơn trời
May tháp cánh,
Bay về thành thoi.—

Chú.— Hòn Cồn-Nòn hay Cồn-Lòn hải-đảo để sau gọi là Cồn-Sơn từ sau năm đảo chánh (1945) là một tử-thành ngục-thất một sấu-thành nhắc đến tên ai cũng ghê tởm. Một điều lạ nhứt, ghi lại cho biết, là đảo đã bị Pháp xâm chiếm từ 28-11-1861 đến đến ngày 5-6-1862 mới ký hiệp-trước với Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp đoạt luôn đất Nam-kỳ sáu tỉnh. Những phạm-nhơn của triều-đình Huế gởi ra (độ non trăm người) được Pháp trả về quan sở tại tỉnh Bình-Long (Hà-Tiên bây giờ) (theo ông Trần-Văn-Quế, Cồn-Lòn Sử-lược, Thanh-Hương Sài-Gòn, 1961).

Từ năm 1862 cho đến 9-3-1945, Pháp gởi ra đây biết bao nhiêu tội nhơn bị án khổ sai và các phạm-nhơn chánh-trị không làm tội gì khác hơn là tội thương nước : Thủ-khoa Huân, Nguyễn-An-Ninh, nhóm Đồng-kinh nghĩa-thục và các người liên can án Phan-Xích-Long mà luôn dịp tội ghi ra đây để nhớ vì ít người biết :

— Phan-Xích-Long, chánh danh là Phan-Phát-Sanh, ngoài kêu là Lạc, bị Pháp đem ra xử buộc tội làm giặc xưng « hoàng-đế » xử tòa đại-hình Sài-Gòn từ 5 đến 12-11-1913 ; sau giam khám Sài-Gòn, có nhóm em út là Tư Mất Chợ-Lớn kéo ra phá khám, phá không xuể, Tây bắt đem ra xử bắn tại Đồng-Tập-Trận Sài-Gòn (chỗ hường trường đua cũ) làm hai tốp : ngày 22-2-1916 đem 38 người ra xử bắn tại Đồng-Tập-Trận ; ngày 16-3-1916, bắn thêm 13 người nữa cũng tại Đồng-Tập-Trận.

Nghe đâu Pháp dạy bắn những người này vì sợ có cuộc khởi loạn có thể xảy ra, chờ kỳ trung sau khi bắn rồi thì các hồ sơ đệ lên đức giám-quốc Pháp đều được « ân xá » tội tử

hình thành ra các người này thác oan, và lúc đó người Pháp dẫn ém đi cho ém chuyện, duy họ có phạt thuyền chuyền các quan địa-phương đã ra lệnh hành quyết cho thấy có chút công binh... Nếu ta biết tình trạng bối rối lúc trận đê-nhứt thể chiến chưa ngã ngũ bên Âu-Châu, thì ta mới thấy cái can đảm của Nguyễn Tùng-Bá vào năm 1915 dám soạn bài « Khổ sai Côn-nôn » này. Lời lẽ như ngáy thơ, toàn thương vợ nhớ nhà, nhưng với tâm lý người Việt, nhà dậu mà nước dậu, khi cất tiếng ca lên tự nhiên tức cảnh sanh tình, lòng ái-quốc phấn khởi và bùng dậy tự đáy lòng, cho nên tôi dám nói ảnh hưởng bài tứ-dại này không sao lường được.

Xưa sự giao thiệp từ Pháp qua đây đều bằng tàu biển, đường đi trên năm sáu chục ngày kể bán đi bán về cho nên mới có chuyện rồi tri bản bữa coi mạng người như mạng thú. Bài ca này nay nghe ca lại còn cảm động:

« Thương thiên bi du du,
« Đa tạo thử lao tù.
« Vời thăm xa góc biển chơn trời,
« May, tháp cảnh,
« Bay về thành thơ ».

V.H.S

25-5-68 giới nghiêm 24/24

X. — CỎ-ĐỘNG TRANH I HƯƠNG (bình-bán ca), (số 120 tập hồi-ký II):

Dốc một lòng chẳng nài thắng bại
Rủ nhau hùn thương cuộc tầy chay
Bắc Nam thiếu chi anh tài
Dễ làm thịnh, dễ lại chẳng hay
Khách Lý-Thiên nhiều tiếng đắng cay
Mắng chúng ta cho là lũ đại
Người tay mặt nữ xem thành bại
Tranh thương cuộc kíp lập hóm nay
Hỡi đồng bang tâm chi khoan hoài

Kéo kiều-cư chệt khách chè bai
Trên nhờ ơn mẫu-quốc thương thay
Dưới tranh thương mới dựng chen vai
Hùn bạc muôn tổn hao chớ nài
Dầu mồn hơi kèm công bao nài
Giúp xã-hội nên cuộc thương-mãi
Ta đồng mua nhau cho chệt biết oai
Đồng bang, đồng bang, đồng bang,
Khởi nhiệt thành xin đừng lợt phai
Dây đoàn-thề rón buộc lâu dài
Sẽ ít năm công thương an bài
Mỗi lợi to chúng ta thâu lại
Phủ đoàn tộc dân Việt-Pháp vui thay.

(Bài này ông Nguyễn-Tri-Khương ở Rạch-Gầm
cho tôi lối năm 1924-25 và nói làm năm 1919,
khi có cuộc tầy-chay chi-noa.)

XI. — KIỀU KHỐC TỪ HẢI (*Hành-Vân*) (số 123 Hồi-ký II)

Lụy dôi trông,
Lụy dôi trông,
Khóc bạn Từ-công,
Bởi nghe lời thiếp,
Giữa đám quân nhung,
Chôn chân hào-kiệt.
Năm năm bách chiến,
Bây giờ đây phủi sạch tay không.
Vị hiếu trung dâng kể phục tòng.
Bá-vương sự nghiệp,
Như bọt ngoài sông.
Thân thể anh hùng,
Phút thành tro bụi,
Cổ nhân ôi ! Từ-công !
Muôn chung ngàn tử,

Tưởng với nhau cùng
Hay nổi phụ lòng
Cuộc trăm năm thành không !
Phận bọ bèo thời chẳng còn mong
Mặt nào trông thấy,
Thà thôi một thác cho xong.

Quốc-Biểu (Nhật-tân-báo, 6-9-1923)

XII. KIỀU ẮN CẤP CHUÔNG .— (Số 126 tập hồi-ký II)

Tạm cái chuông vàng,
Mượn cái chuông vàng,
Khánh bạc này đây.
Lòng tôi đâu dám
Tưởng chuyện gian tham
Nam-mô-a-di-dà-phật !
Vi cơn lúng
Phải đem theo đỡ ngất đường xa
Trời Phật nào đem lòng gia phạt.
Người mang họa,
Ông Trời, Phật ôi !
Gặp hang hùm,
Còn gì thân phận
Phận hồng nhan, hồng nhan !
Khó sao là khó
Chẳng khác thân bèo
Trôi nổi phong trần,
Cái biển trầm luân, trầm luân !
Mù mịt nào thấy đâu mà di,
Can tràng phận gái,
Đành theo bóng nguyệt hướng Tây.

(chép theo tập bài ca học trò
trung-học Mỹ-tho lối 1922)

Tiếng nhạc trong tù

Dẫn.— Năm 1946, một số thân-hào lĩnh Sốc-Trắng, trong đó có tôi, bị nhóm Nông-Dân Cứu-quốc tiếm quyền hành chánh, bắt nhốt trong khám tỉnh-đường, buộc về tội « lãnh đạm với thời cuộc ». Trong thời gian ngắn ngủi bị mất tự-do, tôi vẫn yêu đời, bằng chứng là bài như sau (đã đăng một lần năm 1965 tập kỷ-yếu Thanh-Minh/Thanh-Nga).

Lúc ấy tôi nhớ trời đã bắt đầu lạnh, báo tin sắp dứt mưa, nhớ mài mài đầu cũng vào lối hai-mươi tháng chạp. Anh em bị nhốt ngang xương bần với nhau e bắt tử ở trong này ăn tết cũng chưa biết chừng. Một buổi chiều nọ, chúng tôi ở khám đã được ba bốn ngày, chiều ấy cơm nước xong, một ông bác-sĩ, bạn thân từ lúc nhỏ, nay đồng kẹt vòng lao-ly, cùng tôi thả bách bộ trong sân khám. Xảy nghe từ một trại giam có tiếng lên dây dờn có. Anh bác-sĩ lấy mắt hỏi tôi, tôi cười mà rằng : Thời buổi loạn ly, bọn chúng cho phép mang dờn vào khám thì còn gì trật tự ? Một khi trật tự đã mất, thì đòi ta ắt khó trông có sự công-minh soi đến rồi ! » Nói vậy rồi cũng quên... Không ngờ qua hôm sau tiếng dờn lại hiện : « Nghe nảo-nuột mấy dây buồn bực, Đường than niềm tẩm-tức bấy lâu. » (Tỳ-bà-hành).

Khộng nhin được nữa, anh bác-sĩ và tôi phăn lần theo hương có tiếng dờn. Qua khỏi sân nhà lúa và xay gạo, thì đến khám tối giam tội tử hình. Nơi đây, trong một cửa sổ tối om-om, nghe vọng ra tiếng dờn trong trẻo. Buổi ấy lính tráng dễ dãi. Vả lại chúng tôi, có thể nói, vốn là đàn anh trong xứ, một ông là bác-sĩ cầm đầu sở y-tế sở tại, còn tôi mới mấy ngày trước, nói không phải khoe, từng mỗi ngày ký tên vào sổ cơm tù, vì đã được thanh-niên bầu lên làm phó-

tỉnh-trưởng một thời gian, việc còn ràng ràng quá nên « xếp khám » vẫn tha hồ để chúng tôi tự do đi khắp trong khám không nói một lời. Nhờ vậy chúng tôi bước trở tới cửa sổ khám tối. Chúng tôi định thẩn giây lâu mới nhìn thấy bóng một người bỏ tóc xỏa trần truồng ngồi đưa lưng ra phía chúng tôi, hai chun cùm trong cây sắt to cỡ cườm tay. Tiếng đờn đã bật từ lâu. Tôi lên tiếng chào và không quên đốt một điếu « bastos » mới, nhắm hướng người ngồi mà phóng mạnh vào. Lẹ như chớp, người ấy một tay chụp điếu thuốc đưa lên môi hít một hơi ngon lành gần như nuốt luôn cả khói, còn lại tay kia vói kéo mạnh dèm rách che khúc thân quá lỏa lồ, một cử chỉ khéo và thanh khiến tôi ngạc nhiên và nhớ lại cũng vì hương phai phấn lọt nên người thiếu-phụ bên Tầm-Dương mới « đàn che nửa mặt » phải chăng ? Rồi người ấy lễ phép thưa : « Dạ, ban nầy không phải tôi đờn. Ấy tôi hút gió miệng ! » Nhơn chúng tôi hỏi vì phạm tội chi mà thân bị nhốt khám dữ, người ấy tần-ngần rồi trả lời : « Dạ, trước kia làm nghề ở bạn chèo mướn theo ghe chài lúa, không dè chuyển đó hết lúa, chủ lấy ghe chở lậu đạn dược và súng trạn, khiến Nhứt-binh chặn bắt. Nay trọn chủ thuyền và các thủy-thủ khác nhờ khéo lo liệu đều thoát khỏi vòng lao lý, chỉ còn một thân nầy cô thế, sót lại nắm dây đã mấy tháng, không biết mai sao sẽ ra thế nào ? » Người ấy lại nói tiếp chớ chỉ có được trong tay một cạnh đuôi trâu hay một chót lá, bất cứ lá gì cũng được, miễn cho có và sẽ lấy đó làm « lưởi gá », khi ấy muốn thổi bản nào giọng nào, sẽ giống y không khác nghe đờn cò thứ thiệt. Nhưng anh bác-sĩ và tôi, anh em tay không, đành xin cho nghe tạm một bản đờn miệng suông. Người ấy gác đầu vàng lời, thấy y nuốt nước miếng lau miệng rồi bụm hai tay trước mồm, lòn hai ngón trỏ vào trong, rồi vừa thổi vừa hít . . . Chúng tôi ngoài nầy đứng nghe, quên cả cảnh tù đầy, ngày nay nhớ lại rõ là một diệu-thuật có một không hai. Ban đầu y giả lên dây, ò-e ò-e kiểm bực, kiểm bực xong rồi bắt đầu y rao Nam, rao đã đời rồi, sang

qua bài Hạ nữ non, rồi nào tầu-mã hùng hồn, nào hát khách thúc giục, nào Xuân-nữ thăm thề, thiệt là không sai tiếng đàn nhị dờn có một chút nào. Tôi còn giấy hai chục trong túi, sẽ lên xếp nhỏ gói vào... anh em về khám còn trăm trò tiếu cho người có tài mà không có phàn. Đêm ấy cửa ngục mở toác cho chúng tôi ra khỏi khám, kể sự biến-chuyển của thời cuộc năm Ất-dậu (1946) dồn dập tới tấp tới hoài, khiến bản thân chúng tôi còn chưa chắc được yên, hà huống thân người nghệ sĩ xấu số. Cho đến nay tin tức âm hao của anh chúng tôi cũng không biết và sống hay chết nào hay. Cứ chỉ chúng tôi hèn thật, nhưng cảnh ngộ như lúc đó muốn làm quân-tử không dễ.

Tái-bút.— Chép lại bài này, tôi hay tin bác-sĩ Nguyễn-Văn-Sang, ông bạn tôi nói trong bài này, đã từ trần và xác đã hỏa-táng vào đầu tháng Giêng Mậu-thân (1968). Thừa anh Ba bác-sĩ : anh là một cố-nhân, một ân-nhân của tôi ; nay anh đã mất, chúc hương hồn anh yên vui nơi Lạc-cảnh. Nay tôi sống trơ trọi trong cảnh loạn lạc như vậy, chừng nào mới đến phiên ? (Chép sáng 27-5-1968, có tin đánh nhau đồng Ông Cộ, đồng bào trong xóm tản cư và giới nghiêm 24/24).

V. H. S.

Bốn tám chương trình xưa hơn hết còn giữ được, và sao lục y nguyên-văn đề cho thấy cách đặt đề trình bày thuở ấy :

XIV.—

Hát tại rạp hát
Modern Cinéma
ở đường d'Espagne số 212, Sài-Gòn

Bạn hát cải lương
Của thầy Năm Tú
ở tại Mỹ-Tho

Mỗi tuần lễ đều có hát hai đêm là : đêm thứ bảy và chúa-nhật.

Mỗi bữa thứ bảy đều đối tuồng mới luôn luôn.
Đúng tám giờ ba khắc khởi sự hát.

CHƯƠNG TRÌNH

Đêm thứ bảy 11 và chúa nhật 12 Novembre 1922

HÁT CẢI LƯƠNG TUỒNG

KIM - VÂN - KIỀU

Hát hai hồi.— Hồi thứ nhứt

Tùy-Kiều du Thanh-minh ngộ Kim-Trọng

Thanh-minh tiết, Kim-lang phùng thực-nữ, Hoạn nạn
thì, Vương-thị ngộ ma-dầu.

Truyện Kim-Vân-Kiều tưởng khi chẳng cần phải nói chi
cho đông dài vô ích, vì có ai là người Annam, mà lại chẳng
biết cái kiêu-thơm của ông Nguyễn-hầu ở triều nhà Lê đây nữa
hay sao ? Văn chương đã phi thường lợi lạc, điển tích trù
chư tử bá gia ; khắp non sông trái ngọt hoa thơm, đều góp
hết mà kết dơm vào đấy ; làm cho trên từ vua chúa quan
quyền, dưới đến tao nholn mặc khách, thậm chí đến phường
khê-nữ thôn-dân, cũng ngâm ngợi luận bàn không ngớt.

Ấy vậy sự tích Kiều, tuy ai cũng hiểu thông, mà diễn ra
hát phải cải canh chút ít, bởi thế lời kịch què xin dân các lớp
lang, cho chur quí vị dễ coi hơn nữa.

Kéo màn ra, thì Kiều với Vân đang đàm luận cảnh xuân-
thiên, rồi cùng nhau trước hết làm thi, sau lại trở qua cầm rất
thú. Chị em lúc đương vui điệu nghệ, chàng Vương Quan
bỗng bước vào thưa rằng : « Ngày nay là tảo mộ chơi xuân, sao
hai chị cầm thi mãi vậy ? Em sắm sanh lễ vật đủ rồi, lệnh
cha mẹ cũng đã cho phép. Vậy cúi xin hai chị theo em, trước
tảo mộ sau xem phong cảnh. » Kiều nghe nói mới dẹp đòn lập
tức, cùng Vân Quan sắm sửa lên đàng.

Đến khi Kiều đồng với hai em, trở về lại gặp mồ vô chủ; Kiều động mới hỏi vì sao, mà các mộ thấy đều sạch sẽ, duy mã này cỏ rác còn nguyên? Chàng Vương Quan vội vã thưa rằng: «Ấy là mã Đạm-Tiên thuở trước. Nàng này xưa là kẻ ca-nhi.» Kiều nghe rồi không nỡ dời chơn, lấy lễ vật cúng người mạng bạc, lại làm thơ khóc lóc một mình. Ván với Quan can dứt Túy-Kiều, biểu vẽ kẻo trời đã muốn tối; Kiều dùn thẳng chưa về cho tiện, bỗng Đạm-Tiên hồn hiện ra đông, thỗi bay bổng giấy tiền vàng bạc; lại có in mấy dấu giày đi, trên gò mã rất nèn tỏ rõ. Chừng Túy-Kiều nổi ít vắn thi, lại thút thít khóc thêm chút nữa. Lúc này thiết trời đã chen lặn. Ván với Quan mới thúc ra về. Ba chị em vừa giỡm trở chơn, bỗng nghe tiếng lạc đầu rồn rảng. Chàng Vương Quan dòm kiểm tứ phương, coi ai cỡi ngựa đầu không thấy. Chẳng dè khuất lùm cây gần đó, Kim-Trọng đã xuống ngựa tới chào. Trọng và Quan quen mặt chào mừng, hai Kiều lại chen mình ần núp. Chừng Kim-Trọng đã từ lên ngựa thì chị em Kiều mới trở gót lui. Kiều tuy đi mà mắt ghé lại sau, lăm Kim-Trọng tràn tràn đứng ngó. Chừng Kiều với hai em đi khuất, Trọng thở than buồn bực trở về.

Kiều về nhà nhớ việc chơi xuân, bèn trằn trọc suy lui nghĩ tới, đến canh khuya mới nhắm mắt yên. Nhưng mà ngủ mới vừa ngon giấc, đã chiêm bao thấy ả Đạm-Tiên. Tiên về nói chuyện số Kiều lưu lạc; lại đưa thơ thập thủ liên hườn, biểu Kiều họa thử coi hay dở. Kiều tay hơi một giọt mồ hôi, Đạm-Tiên thấy tài hay cũng hoảng; mới kiêu từ trở lại âm-cung. Kiều lúc ấy mới giật mình thức dậy, nghĩ điềm kỳ mới khóc òa lên. Mẹ Túy-Kiều nghe tiếng khóc om, vừa mới hỏi nguyên do tự sự; rồi khuyên rằng mộng mị đồ xàm.

Còn Kim-Trọng về nhà thồn thức, nhớ Túy-Kiều không biết làm sao, mới kiểm nhà Kiều dòm ngó tứ phương, thì bốn phía đều then gài cửa đóng, không biết tính phương chỉ cho tiện. Đương buồn bực vừa tính, bỗng thấy gần bên góc nhà

Kiều có một gian nhà bỏ hoang-vu, bèn bước lối gõ ngay cửa cái ; một ông già ra rước chàng Kim. Kim hỏi thăm ở đậu với già, thì già vội-vả chịu cho Kim ở ; mới dọn sách đèn ở đó ngóng trông.

Bữa kia nghe có tiếng bên rào. Kim-Trọng mới ra dòm qua bên ; thì chần thấy ai rất tức vô cùng. Đang lăm thăm than thở rui ro, bỗng ngó thấy một cây trám nọ sao lại ghim trên nhánh cây kia, bèn vói tay vói lấy cây trám, đem vô cứ nhìn coi hun hít ; chắc làm sao cũng sẽ gặp Kiều ; vì hễ là con gái thắm khuê, mà mất trám há bỏ qua cho đặng.

Vậy Kim-Trọng giữ trám chờ đợi, qua bữa sau có chúng qua tìm. Trọng bèn kêu nói đã được trám, song chẳng biết của ai mà trả. Kiều nghe nói chịu mình có mất, lại xin chàng cho lại làm ơn. Trọng bèn ra chường mặt với nàng hai đảng mới hẹn hò duyên nợ, Trọng vào lấy xuyên vàng xin đổi. Kiều bèn thâu chiếc xuyên làm tin ; còn Kim lại giữ trám làm chắc. Đổi của rồi Trọng lại mời Kiều, qua nhà thỏa tình chuyện vãn. Kiều cáo từ hẹn đề ngày sau, có dịp tốt sẽ qua thăm viếng. Bữa nọ Trọng đang ngồi trông nhớ, bỗng đâu Kiều hé cửa bước qua. Trọng rất mừng đồng trở vô nhà, làm thi phú một hồi rồi từ già.

Hồi thứ nhì.— Kiều-nữ mại thân cứu phụ.

Vì tang chủ chàng Kim tình phải đoạn, Bởi cứu cha nàng Túy nghĩa không tròn.

Lớp này Kim-Trọng mới đưa nàng Kiều về, bèn trở lại chui vô buồng nằm mê mang. Một chập Kiều trở qua nữa. Nguyên bữa ấy, cha mẹ Kiều đều đi lễ ngày sanh không có ở nhà, Kiều mới thừa lúc không ai ở nhà đó, mà qua nhà Kim-Trọng. Hai đảng mừng rỡ nhau, lại làm thi hòa đờn đến tối Kiều kiêu từ Trọng mà về nhà. May đâu về vừa tới nhà lại được tin cha mẹ nhắn về nói rằng còn ở lại dự tiệc một đêm nữa,

qua sáng bữa sau sẽ về. Kiều mừng lắm vội vàng trở qua với Trọng, vì vậy lúc Trọng vừa mở mắt ra thấy Kiều thì những ngỡ mình chiêm bao mà thôi; chờ đề đầu Kiều đã về rồi lại còn trở qua nữa. Đến chừng biết quả là Kiều thiệt, chờ nào phải chiêm bao thì Trọng mừng quỳnh quín mới vội vàng đốt thêm đèn bỏ thêm hương cho thơm. Cuộc mừng nhau xong rồi, Kiều mới nói rằng : « Trọng lúc tuổi thơ có thầy tướng-sĩ, đã đoán Kiều sau sẽ bị trọn đời bạc mạng ; nên e cho hai đảng sau khó tròn duyên với nhau lắm. Trọng nói rằng nếu mình dám đánh liều sanh tử với nhau, thì sợ gì là duyên kia chẳng vẹn. Nay như có sợ vậy thì hai đảng hèn cắt tóc mà thề cho chắc chắn. Kiều nghe nói phải, chịu liền. Hai đảng mới đặt bàn hương án mà thề. Thề rồi Trọng, Kiều mới đờn ca chơi với nhau. Đến lúc canh khuya Trọng muốn vầy cuộc ái ân, mà Kiều lấy nhiều lời khôn lanh ngăn cản. Trọng nghe chánh lý chẳng dám kéo nài, phải xuôi theo mà chịu.

Hai đảng đang vui say ngôn luận với nhau, bỗng có người gõ cửa. Trọng mới biểu Kiều bước vào trong ngồi, dặn anh ta có mở cửa coi ai. Rủi hay ấy là đưa gia đồng nhà Kim-Trọng nó đến kêu Kim-Trọng biểu phải về lập tức vì chủ của Trọng đã chết rồi mà chưa chôn, còn quản tại Liêu-Dương đang chờ Trọng về hộ táng. Hai đảng lúc này từ biệt nhau rất nên thảm não. Ai coi cũng phải động lòng.

Từ biệt Trọng rồi, Kiều mới vừa về tới nhà, thì cha mẹ đi đám ăn ngày sanh cũng về. Một nhà đương chuyện vãn mừng nhau, kể ùn ùn ở đầu sai nha vào nhà, đảo soát lục soạn, xóc xồ rương tráp lên hết mà nói rằng : « Có một đứa trộm tơ bắt dặng tang cờ rõ ràng, nó khai rằng nhà này oa trữ đồ gian cho nó.» Nền bắt ông viên-ngoại cùng Vương-Quan dắt đi.

Ấy là thời suy của họ Vương, nên mới gặp cái đám này. Cả nhà đều ta-nha thiết xỉ, nhưng đều là đàn bà, thì có biết làm sao đâu ; chỉ cứ kêu trời rên siết mà

thời. May dầu trong đám nha lại đây lại có một người nham đức tên gọi Chung-công ; ông này thấy người ngay mắc nạn thì động lòng bèn ra chịu đứng lãnh viên-ngoại. Nhưng nó đã định rằng phải có ba trăm lượng bạc đem thế chửng, thì Vương-ông mới ra khỏi.

Đang cơn túng ngặt, nhà đã tan tành thì tiền dầu còn nữa ; bởi vậy Túy-Kiều ra chịu bán mình dặng lấy số tiền ấy mà chuộc cha cho khỏi. Lớp này rất dối ai-bi ; có một bà già lối xóm đem mối cho một người khách lạ, là tên Mã Giám-sanh, tới mua Kiêu. Tên này khi tới thấy Kiêu rồi thì mừng lắm bèn biểu làm thi khảo đờn, ca cho anh ta nghe thử. Nghe rồi chịu mua đứt giá bốn trăm lượng bạc. Nó chõng bạc liền rồi về đợi ngày tốt mới đem lễ vật qua rước.

Bán Kiêu rồi có bạc thì Chung-công đem chõng ; Vương-ông và Vương-Quan mới thả về nhà. Cả nhà tuy mừng cho viên-ngoại khỏi nạn, mà lại buồn cho Túy-Kiều phiêu lạc.

Đem nợ Kiêu buồn rầu nhớ tới Kim-Trọng thì khóc ngặt ; Túy-Vân nghe khóc dậy hỏi. Kiêu thuật hết mọi nỗi tình duyên, lại lay Túy-Vân mà xin Túy-Vân thế mặt sau khi Kim-Trọng có qua, thì trả giúp tình nghĩa cho tròn. Nói như trời vậy, nghe thê thảm phi thường. Nói riết một hồi tức quá té xỉu xuống, bất tỉnh như sượng. Chừng ông bà mới hay các việc tơ tình của chàng Kim và Kiêu-nữ, thì Vương-ông hứa sẽ tính toán vẹn toàn cho không sao đâu mà sợ.

Thư tường này thật ai-bi đáo để, lớp lang sắp đặt rất dõng kỳ cang ; lại lời ăn tiếng nói nhiều chỗ có duyên phi thường, mà tả dặng làm cái thần tình nhiều lớp của ông Nguyễn-Du đã đặt, thật là thâm thúy vô cùng. Thêm xen vào lắm bản ca tao nhã, như Tứ-dại, Phụng-hoàng, Vọng-phu, Hành-vân, v.v... Quả là một thư tường rất đáng mua vui cho chư quý vị vài giờ.

Thiệt là :

Lời lẽ lọc lừa tao nhã, Ca ngâm sắp đặt dịu dàng.

Tuần tới ngày thứ bảy 18 và chúa nhật 19 novembre 1922, sẽ hát tuồng Kim-Vân-Kiều tiếp theo : hồi thứ ba và thứ tư :

Hồi thứ ba : Kiều nhập thanh lâu ;

Hồi thứ tư : Hoạn-thor ghen bắt Túy-Kiều.

Mỗi chỗ ngồi đều có số thứ tự phân minh nên những vị nào muốn mua giấy trước cho khỏi lộn xộn, thì mỗi bữa hát đều có bán giấy trước tại rạp hát.

Sớm mai thì từ 10 giờ tới 11 giờ rưỡi,

Chiều từ 2 giờ tới 4 giờ.

Giá chỗ ngồi :

Thượng hạng	1\$20
Hạng nhất	1,00
Hạng nhì	0,80
Hạng ba	0,40
Hạng ba con nit	0,20

Sao y bản chánh gồm 2 trương khổ 21x38
Tôi cố ý chép đủ để biết cách hành văn
thuở ấy và giọng Miền Nam trót thề.
Duy tôi có sửa đúng chánh tả những chữ
viết sai.

V.H.S.

XV.— Trích sao bản chương trình thứ nhì của gánh thầy
Năm Tú còn giữ được :

Hát tại rạp hát MODERN CINÉMA ở đường d'Espagne
số 212 — Sài-Gòn

Bạn hát cải-lương của Thầy Năm Tú ở tại Mỹ-tho
Mỗi tuần-lễ đều có hát hai đêm là đêm thứ bảy và
Chúa-nhật

Mỗi bữa thứ bảy đều đổi tuồng mới luôn luôn
Đúng tám giờ ba khắc khởi sự hát

CHƯƠNG TRÌNH đêm thứ bảy 25 và Chúa-nhật 26
novembre 1922

HÁT CẢI-LƯƠNG

Tuồng KIM-VÂN-KIỀU.— Hát hai hồi.— Hồi thứ Năm.

Tùy Kiều kết duyên Bạc-Hạnh

Chàng Thúc bất tài, đề Hoạn-thị hành người chi khổ,
Giác-Duyên sơ ý, gởi Kiều-nhi cho lũ bất lương.

.

Hồi thứ sáu

Tùy-Kiều oán trả ơn đền

Mắc mưu họ Bạc, khách anh-hùng bỗng gặp cừu liên,
Mượn sức chàng Từ, câu ân-oán phút bèn rửa sạch.

.

Tuần tới ngày thứ bảy 2 và Chúa-nhật 3 décembre 1922,
sẽ hát tuồng LÂM SANH XUÂN-NUƠNG, là một thứ
tuồng ai ai cũng đều biết, thật là ai-bí đáo đề. Đặt y theo
thơ Lâm-Sanh Xuân-Nương có nhiều lớp ca và ngâm đối
đáp rất nên tao nhã lạ thường, xin đến ngày sẽ sơ dẫn
lớp lang cho chư quý vị đăng hăng

(xin miễn sao lục lược-dẫn sự tích truyện Kiều).

XVI.— Sao y nguyên văn bản chương-trình thứ 3 của
gánh Thầy Năm Tú còn giữ được :

TRANG-CHÀU MỘNG HỒ-ĐIỆP (số 205 tập Hồi-ký II)

Hát tại rạp Modern Cinéma

Bạn hát cải-lương của Thầy Năm Tú ở tại Mỹ-tho
Đúng tám giờ ba khắc khởi sự hát

CHƯƠNG TRÌNH

Hát hai đêm mà thôi (đêm thứ bảy 31 mars và chúa-nhật
1er avril 1923)

Hát cải-lương

Tuồng « TRANG-CHÂU MỘNG HỒ-ĐIỆP »

(Trang-Châu chiêm-bao thấy bướm)

của ô. TRƯƠNG-DUY-TOÀN trước-lúc

Tuồng *Trang-Châu mộng hồ-diệp* đây tức là « *Trang-Tử cò bông ca* », tức gọi là « *Trang-Tử thử vợ* » đó, thật là thử tuồng rất cao thượng trong phong-hóa của phương Á-Đông này xưa nay; cho nên các bạn hát Tàu hay hát lắm. Song chẳng hề hát đủ đuôi đầu bao giờ; họ chỉ hát một đoạn sau mà thôi.

Nay bốn bạn chẳng nài khó nhọc diễn luôn từ đầu chỉ cuối, mà rần hát trọn bộ có một đêm, không dám chia ra sợ mệt lòng chừ quý vị chờ đợi, thiệt là một thử tuồng đáng coi hết sức; đã đặt đề công phu lắm, mà sự lịch tuồng cũng thâm thúy phi thường. Vậy xin sơ dẫn dưới đây cho chừ quý vị lắm thức.

Thầy Trang-Châu tức kêu là Trang-Tử, vẫn là người nước Tống, ở về đời Mạt-Châu, học trò của ông Lão-Tử, bữa kia thầy ngồi coi sách mà ngủ quên bỗng chiêm bao ngó thấy một con bướm-bướm rất to, bay qua liệng lại trên đầu; đến chừng thầy thức dậy, thì không hiểu diềm chi, bèn buồn bực trong lòng, mới lấy đàn, đàn ca giải muộn.

Lúc ấy ông Lão-Tử đi vân-du về ngang nhà Trang-Tử, nghe tiếng Trang-Tử ca lãnh lót, thẩu đến trên mây, mà trong ấy sao có cái hơi uất-tức, nên Lão-Tử bèn ghé nhà thầy, vào hỏi thầy vậy chớ có chuyện chi ức tức đó? Thầy bèn thuật lại chuyện chiêm bao thấy bướm mà không hiểu diềm

chi nên, lấy làm tức. Lão-Tử mới dạy rằng : « Nhơn vì con xưa là bướm-bướm hóa thân. Bởi lúc hỗn độn sơ khai, con là một bướm-bướm lớn mạnh mẽ phi thường nên mới bay tuốt đến cung Diêu-Trì vào nút nhụy bông đào của bà Vương-mẫu, bèn bị chim Thanh-Loan giữ vườn nó mổ chết ; nên nay tuy hóa thân làm người chớ tinh-thần còn mơ màng nhớ con bướm-bướm luôn luôn.»

Trang-Tử nghe mấy lời của thầy mình là Lão-Tử giải-phân kiếp trước của mình như vậy thì trong lòng hồi tâm hết muốn việc chi trong đời này nữa.

Nhơn Lão-Tử là tiên nên khi Trang-Tử hồi tâm thì Lão-Tử đã hiểu thấu, bèn lấy trong túi mà đưa cho Trang-Tử một cuốn « Đạo-Đức chơn kinh » biểu phải gia-công luyện đạo, thì sau sẽ biến-hóa như thần tiên đặng. Trang-Tử lãnh sách. Lão-Tử lui chơn

Bỗng đâu vua nước Sở là ông Sở-Oai-Vương sai sứ đem vàng bạc đến rước Trang-Tử về làm quan, vì có nghe danh Trang-Tử lâu rồi. Trang-Tử cáo từ không chịu ; lại sợ chúng tới rước nữa nên dắt vợ là Điền-thị vô ở trong núi Nam-Hoa sơn mà ẩn tích. Vô đó yên tĩnh, Trang-Tử mới luyện đặng nhiều phép, cũng nhờ có cuốn kinh của ông Lão-Tử.

Ngày kia buồn Trang-Tử đi xuống núi chơi bèn gặp một chị đờn bà ngồi đương cầm quạt mà quạt mả. Trang-Tử hỏi làm gì vậy ? Người đờn bà nọ đáp rằng : « Tôi quạt cho mau khô mả chồng tôi đặng tôi có đi lấy chồng khác ; vì hồi chết chồng tôi có trối, biểu phải đợi cho cái mả nó khô rồi sẽ đi lấy chồng ». Trang-Tử thấy tình đời như vậy thì bắt dừng đứng, mới biểu chị nọ đưa quạt cho ông quạt giùm cho. Chị nọ vì quạt đã mỏi tay nên mừng lắm đưa quạt tức thì. Trang-Tử mới dùng tiên-thuật mà làm cho mả khô. Con mẹ kia thấy quạt có ít cái mả đã khô, thì mừng lắm ; mới tạ ơn Trang-Tử rồi bươn bả chạy về đặng có lấy chồng, Trang-Tử thấy vậy bèn xin cây quạt đặng làm

dấu tích, rồi trở về ngâm một bài thơ nói rằng « Con người ta lúc sống thì ai không nói chuyện ái ân, mà chừng đã chết rồi thì có ai khỏi quạt mồ chồng ? » Bà Điền-thị là vợ nghe vậy không hiểu thơ gì mới hỏi gạn Trang-Tử, thì thấy nói lại từ đầu chí cuối chuyện con mẹ quạt mồ chồng cho Điền-thị nghe. Điền-thị giận lắm mắng nhiếc om sòm rồi xé quạt nát tan.

Bỗng đau Trang-Tử phát bệnh đau nặng. Trang-Tử lại trở mà nhắc truyện cây quạt. Điền-thị tức tối nói : « Như chồng không tin thì mình tự-vận tức thì dày cho mà coi. » Trang-Tử can nói : « Thời miễn là nàng trọn đạo thì đủ rồi, cần chi phải liều chết ». Nói rồi Trang-Tử chết ; vợ để tang khóc lóc theo phép.

Cách bảy ngày có một người học trò rất lịch-sự trai đi với một tên tớ giả tới hỏi thầy Trang-Tử mà học đạo. Tên hề-dồng của Trang-Tử chỉ cái hòm mà nói thầy chết rồi.

Người học trò ấy nói : « Tôi là một vị vương-tôn nước Sở, tìm đến đây quyết làm đệ-tử thầy, chẳng may thầy mất ; vậy tôi nguyện để tang một trăm ngày, cho thỏa tình ngưỡng vọng ». Nói rồi lại lạy bàn thờ và xin mời Điền-thị ra đặt xin phép để tang và xin phép ở đó đủ một trăm ngày trước là thọ tang, sau xin có sách vở chi của thầy Trang-Tử để lại, thì cho coi đặt học. Điền-thị thấy vương-tôn này lịch-sự trai quá thì chơi ở. Rồi lần lần liếc ngó nhau ; sau mới cậy lão tớ giả làm mai, hai đảng cụp lạt.

Đến bữa làm lễ hiệp hôn, uống rượu vừa rồi, sửa soạn vào phòng nghỉ thì Sở vương-tôn nhào la đau bụng. Điền-thị hỏi chi, nói cũng không đặt, vì đau quá. Điền-thị từng phải kêu anh tớ giả đi theo vương-tôn mà hỏi ; thì anh này nói thuở trước có đau một lần, nhờ tâu vua Sở bắt tù xử tử lấy óc cho uống hết liền chớ nay đây óc đau mà uống, thôi chắc chết rồi. Điền-thị nghe nói phải chết thì quỳnh-quyếu, mới hỏi ước như óc người chết có đặt hay không ? Tớ giả nói chưa

quá bốn-mươi-chín ngày thì còn dùng được. Điền-thị nói : «Chồng trước tôi là Trang-Tử chết mới có hai-mươi ngày, mà còn quần đó ; thôi để tôi bữa hôm, rồi đập sọ mà lấy óc cho.» Nói rồi xách búa chạy đi bữa hôm.

Ai dè bữa hôm vừa bề, thì thấy Trang-Tử trong hôm ngồi dậy. Điền-thị hoảng hồn mà lẽ mếp lắm. Trang-Tử hỏi đều chi cũng nói xuôi hết. Nhưng đến chừng Trang-Tử hóa hình Sở vương-tôn và tờ giả lại cho coi, thì mới hiểu bao nhiêu công cuộc là phép của Trang-Tử làm ra. Chớ Trang-Tử đâu có chết mà tờ giả với Sở vương-tôn đâu có. Vậy Điền-thị bèn thắt cổ mà chết. Trang-Tử mới lấy cái hôm bề đó mà bỏ thây vợ vô ; rồi cõn ca một bài về nhơn tình thế-sự hay lắm. Bài ấy lưu truyền rất nhiều đời, để làm gương trong phong hóa. Vậy bài ca này xưa là một bài chữ, ca theo lối cổ-âm. Nay bọn ban diễn nôm lại y nguyên không sai một chữ mà lại ăn theo bản đờn đời nay, thật là chi khổ, công phu lựa chọn từ chữ mới thành. Xin chư quý vị hãy nán lại nghe chơi. Bởi bài ấy ở sau, nên sợ nhiều vị thấy gần văn mà lộn xộn bỏ về, làm cho những người ở lại không ngheặng. Thật là rất tiếc.

Đây là giải tắt cho đủ hiểu mà thôi, xin đến coi trong tuồng mới tĩa vẽ mấy mún dặng. Thiệt là một tuồng đã đại hữu ích mà thêm hay lạ phi thường,

Vi tuồng hát này rất dài, nên xin quý vị đến cho đúng giờ, nếu trễ thì rất uổng lắm.

KÍNH TỔ

Cùng chư quý vị dặng hẳn rằng : Bọn ban đã hát trọn sáu tháng ở Sài-Gòn này y theo lời hứa ngày mới lên, dặng giúp vui cho chư quý vị đây. Vậy nay chỉ có một lần này nữa mà thôi hát đây.

Chúng tôi vẫn đã hết lòng lo lắng mà cố ý giúp vui cho chư quý vị tại Sài-Gòn này đã đúng sáu tháng rồi; thật là tận

tâm, tận lực chẳng nệ công-lao, chẳng hề dám hát nhái lại một thứ tuồng nào hết. Nay còn một lần chót nữa, vì nhiều vị nài hát tuồng «*Trang-Tử cồ bông ca*», nên tuy bốn ban còn lắm tuồng khác nữa, mà bị tuồng rất dài, nếu hát thì phải hai ba tuần mới dứt; vậy nay bốn ban định hát tuồng «*Trang-Tử cồ bông ca*», tục gọi là Trang-Tử thứ vợ dõ, đặng vui lòng chư quý vị, rồi sẽ kiếu từ.

Vậy chúng tôi trước tỏ lòng cảm tạ chư quý vị đồng bang bấy lâu đã chiếu cố đến chúng tôi, sau xin trình cùng chư quý vị đặng rõ: kể từ ngày 2 Avril 1923, thì chúng tôi thôi hát đây nữa.

Chúng tôi cũng kính chúc cho chư quý vị đặng phước lộc song toàn.

Giá chỗ ngồi :

Thượng hạng	1\$20
Hạng nhất	1, 00
Hạng nhì	0, 60
Hạng ba	0, 40
Hạng ba con nit	0, 20

Cảm tưởng của tôi khi xem tuồng « Trang-Tử cồ bông » của gánh Thầy Năm Tú.—

Tôi xin có vài hàng về buổi xem hát hiếm có này. Năm 1923, tôi học năm thứ tư tại trường Chasseloup-Laubat, nay là trường Pháp Lê-Quý-Đôn. Và đây là năm chung kết phải học rúc cho kịp thi ra trường gồm hai chứng-chỉ: bằng ra làm thầy giáo mới bỏ ăn lương 80\$, gọi bằng Brevet élémentaire và bằng thành-chung cũng gọi Diplôme de fin d'études complémentaires, thì cũng khó như thi bằng trên, khi thi đậu còn thi thêm kỳ thi thơ-ký chánh-phủ nhưng lương tập sự chỉ có 55\$ mỗi tháng. (Nhưng ai ai cũng ham làm thầy thông thầy ký vì có tiền ngoài tiền li-xi hối-lộ, hơn làm thầy giáo lương chai ngắt. Cũng có người ưng làm thông ngôn ký lục và trọn đời không nhận

của hồi, nhưng ít có lắm). Tôi đã mẹ hát từ nhỏ, nên tôi làm nòng làm nã kiểm thể xin ra cho được đêm thứ bảy 31-3-23, và ngủ đêm ở ngoài để có dịp xem tuồng Trang-Tử thử vợ, vì có tụi học Mỹ-Tho khen tuồng hay lắm, nên và đáng xem lắm. Đêm đó, thầy Bảy Thông đóng vai Trang-Tử, chít khăn đen, mặc áo dài xuyên thắm, ngoài mặc thêm một áo rộng xanh lam có dây lưng cột thắt ngang bụng xem gọn và oai nghi lắm. Cô Cúc, ở ngoài đời là vợ thầy Bảy, nay đóng cặp với chồng thủ vai Điền-thị, chít mặt rô hoa mè nhưng đáng người thanh bai đã có duyên lại thêm ca hay lắm, đêm ấy một tay chị cầm búa (búa gỗ) một tay cầm cây đèn sáp lớn, vừa đập vào sãng vừa ca bài gì đó, hòm vừa văng nấp, thì thấy Trang-Tử y phục chỉnh tề, vừa ngồi dậy vừa ca một bài cũng gì gì đó nay không nhớ... Thầy ca thêm bài « cổ bồn » tay nhịp trống cơm... Tôi vô trường học lại những gì nghe thấy, có thằng Đ. mắc dịch ngạo tôi « cái trống cơm nó kêu quần... giựt, giựt... quần, quần... quần... giựt. » Tôi đỏ mặt và có cảm tưởng đàn ông « tàn nhẫn », chớ chi tôi đóng vai Trang-Tử thì tôi tha ngay Điền-thị, vì lỗi tại mình gài bẫy, nên người ta mới mắc...

Bài « cổ bồn » tôi sao lục được một bản chữ và bốn bản dịch, nhưng không có bản nào là của Mạnh-Tự Trương-Duy Toàn.

Mặc dầu vậy tôi cũng sao lục ra đây để làm tài-liệu.

Và đây là bản « cổ-bồn » nguyên văn chữ Hán :

Kham tha phù thể sạ
Hữu như hoa khai tạ
Thê tử ngã tất mai
Ngã tử thê tái giá
Ngã nhược tiên tử thì
Nhứt trường đại tiểu dã.
Điền vị tha nhơn canh
Mã vị tha nhơn khóa
Thê vị tha nhơn luyến

Tử vị tha hơn ma
Dĩ thử đồng thương tình
Tương khan lụy bất hạ
Thế hơn tiểu ngã bất bi thương
Ngã tiểu thế hơn không đoạn trường
Thế sự nhược hườn khốc đặc chuyền
Ngã diệc thiên thu lụy vạn hàng.

Bản dịch kỳ nhứt :

Nên than ỏi thế sạ
Dường hoa thơm lại rã
Vợ chết ắt ta chôn
Ta chết vợ cải giá
Vi bằng ta chết trước
Một cuộc cười ha hả
Ruộng phải người khác cày
Ngựa mắc tay cỡi lạ
Vợ để lại người xài
Con bị người rửa thỏa
Nghĩ lại chạnh tấm lòng
Nhìn nhau không lả chả
Đời cười ta chẳng có bi thương
Ta cũng cười đời luống đoạn-trường
Cuộc đời khóc mà vãng hồi được
Ta cũng ngàn thu khóc muôn hàng.

Khuyết danh

(Trích Diễm-lục cổ-tích Huỳnh-Hữu-Phát,
1912, cuốn nhứt, tr. 30)

Bản dịch kỳ nhì :

Đáng thương cho cuộc đời
Nư hoa nở lại rơi
Vợ chết ta chôn cất

Ta chết vợ theo người
Vi bằng ta chết trước
Còn lắm chuyện buồn cười
Ruộng bị người khác cấy
Ngựa bị người khác nuôi
Vợ bị người khác lấy
Con bị người khác sai
Lấy đó động thương xót
Trông nhau lụy khó rời
Đời họ cười ta không xót nhau
Ta cười đời họ uổng công đau
Việc đời vi khóc mà xong được
Thì ta đây cũng chưa chán sầu.
Vô-danh-thị

Bản dịch kỳ tam :

Đáng thương cho cái trò đời
Khác nào hoa nợ nở rồi tàn luôn.
Vợ về ta phải lo chôn
Ta về vợ lại nước non với người
Vi ta chết trước đi rồi
Còn nhiều câu chuyện nực cười đến ngay
Ruộng ta người khác cấy cày
Ngựa ta người cỡi chuyển tay một mình
Vợ ta người dỗ người dành
Con ta người mắng người khinh đến đều
Nếu ta thắm thía trăm chiều
Trông nhau thôi cũng khôn dào mạch tương
Người cười ta chẳng xót thương
Ta cười người khác đoạn-trường hoài hơi
Vi chẳng khóc chuyện việc đời
Thì ta đây cũng sứt sùi gấp trăm.
Vô-danh-thị

Bản dịch ký từ :

Việc đời nghĩ luống thở than
Vi như hoa nở hoa tàn đấy thời
Vợ ta chết, ta chôn vùi
Ta mà chết ấy, vợ thời lấy trai.
Nếu ta chết trước hơn ai
Lại còn đề lăm trò cười thiệt hay
Ruộng ta người khác cấy cấy
Ngựa ta người khác cỡi ngay là thương
Vợ ta người khác yêu-đương
Con ta người khác chẳng thương đâu mà
Nỗi niềm nghĩ luống xót xa
Nhìn nhau lệ chẳng chan hòa chút nao
Đời người ta chẳng thương đau
Ta cười đời chỉ buồn rầu luống công
Việc đời nếu khóc mà xong
Thì ta cũng đã muộn dòng lệ sa.

Vô-danh-thị

Nghĩ cho một bài « *khóc thê* » Hán-tự mà có đến bốn bản dịch, xéch xác tôi cho đều hay cả ; hai bản sau lại viết trên giấy bao bì sách, trong ấy xét ra chưa có bản nào là bản của Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản. Duy biết toàn là tài-liệu hiếm có, thậm chí tôi không dám phá bì đóng mới, vì sợ mất dấu-tích người bạn cũ trường tỉnh Sóc-Trăng, ông Dương-Văn-Minh quê ở Lịch-Hội-Thượng (Ba-Xuyên), đã tặng tôi bộ Diễm-lục cổ-tích hiếm có này. Vả chẳng tôi vốn là con một sách, tuy không biết làm thơ nhưng gặp thơ nào cũng đề danh. Nay bình tâm ngồi chép lại, nhớ Ai kia, phải chẳng có chút tâm-sự gì nên mới gia công chép hai bài nọ trên bì sách và phải như Ai đây, cũng muốn tránh lăm chữ mà đã bao phen gặp gái « lấy vồ đập sảng ». Đời là thế.

Cái câu chúc nhau « *bách niên giai lão* », « *nối tóc đến già* », tôi cho là thừa. Thương nhau lấy nhau không đợi lập

hòn thú mới gọi là thương. Và tha một đứa chết sớm, — mới nghe như tàn nhẫn, — cho đứa kia có dịp tiếc thương hoài, chờ sống nhận trăm tuổi mà ề ạch mãi kiếp già đời « nặng như hủ-lô » thì có ích gì cho nhau ? Mấy hàng lắm cảm, xin tha thứ cho.

V.H.S.

(28-5-1968, văn đánh nhau Đồng Ông cộ, nhà cháy, dân tản cư... chưa về).

XVII.— Trích chương trình gánh Thầy Tú Mỹ-Tho đêm 16-12-1925.

(tờ chương trình thứ 4 của gánh Thầy Tú)

Hát tại rạp hát bóng EDEN-CINEMA ở đường Tổng-dốc Phương
Chợ-Lớn

Bạn hát cải-lương của thầy Năm Tú ở tại Mỹ-Tho

Hát một tuần lễ mà thôi.— Mỗi đêm đều đổi tuồng khác
luôn luôn.

CHƯƠNG TRÌNH

Đêm thứ tư 16 décembre 1925, Đứng tám giờ ba khắc khởi
sự hát

Hát cải-lương, Tuồng KIM-VÂN-KIỀU, hát hai xuất

Xuất đầu : Hồi thứ nhứt

Túy-Kiều du Thanh-minh ngộ Kim-Trọng

Thanh-minh tiết Kim-lang phùng thục-nữ

Hoạn-nạn thi Vương-thị ngộ ma-dầu

.

Xuất sau : Hồi thứ nhì

Kiều-nữ mai thân cứu phụ

Vi tang chủ, chàng Kim tình phải đoạn
Bởi cứu cha, nàng Tùý nghĩa không tròn.

.
.

Ngày thứ năm 17 Décembre 1925, sẽ hát tuồng

KIM-VĂN-KIỀU (tiếp theo)

Hát hai xuất

Xuất đầu : Hồi thứ Ba Kiều nhập thanh-lâu

Xuất sau : Hồi thứ Tư Hoạn-thơ ghen bắt Tùý-kiều
Tờ chương trình này gần y tờ số 1 (xem XVI,
tr. 184) (Sự lịch nàng Kiều xin miễn đăng)

XVIII.— Trích lục tờ chương-trình thứ 5 đêm hát 3 và 4
tháng 11 dl 1923 hát tuồng *Lục-Văn-Tiến* tại Rạp Hát Tây
đường Tự-Do do hai ông Cao-Quỳnh-Cư và Cao-Hoài-Sang
tổ-chức

(hát quyền tiền cho hội Khuyến-Học Nam-Kỳ và hội Ngõi
Sao Gia-Định)

(và cho hội Patronage laïque Cochinchinois)

Sở-vương.....Lê-Quang-Lời	Bùi-Kiệm.....Lê-Quang-Nhuận
Thái-sur.....Nguyễn-Văn-Chà	Tiểu-đồng.....Dương-Văn-Long
Thượng-thơ..... Nguyễn-Thái-Sang	Trịnh-Hàm...Nguyễn-Văn-Toại
	Ngự-lâm-quản.....Nguyễn-Văn-Lợi
Lục-Ông.....Nguyễn-Văn-Thủ	Lão-bà.....Cò Bảy Huê
Kiều-Công.....Võ-Bửu-Nguyên	Nguyệt-Nga.....Cò Sáu Tô-
Văn-Tiến.....Phạm-Trung-Ngọ	Ngọc-Diêu
Tử-Trực.... Nguyễn-Đạt-Khanh	Huỳnh-Trang.....Cò Tư Quyền
Hơn-Minh.... Nguyễn-Tấn-Phát	Phi-Loan.....Cò Hai Ngọc

Giàn đờn : quý ông Hậu, Lãng, Thành, Phú.

Màn thứ nhất.— Lúc này là lúc Văn-Tiên vừa thoát xong tai nạn, nên trở về quận Đông-thành mà thăm tổ-quân. Mấy năm xa cố-ly, nay về thấy nhà cửa của cha mẹ dựng rõ ràng hỏi thăm lại, thì mới hay nhờ có Nguyệt-Nga trọng hậu đem tiền bạc châu cấp mà bồi đáp ơn xưa. Vì cảm nghĩa ấy, nên Văn-Tiên lật dật từ tạ cha là Lạc-ông dâng qua Tây-xuyên nơi nhà của Kiều Nguyệt-Nga mà tạ ơn. Đến nơi thì Kiều-công mừng rỡ chẳng cùng, đoạn nhắc lại chuyện Nguyệt-Nga cống Hồ thì Kiều-công càng thêm rầu buồn chẳng ngớt. Người mới cầm Văn-Tiên ở lại nơi đó mà chuyện cần đèn sách, dặng cho người thấy Văn-Tiên, họa may có giảm bớt chút lòng phiền đi chăng ?

Qua năm sau vừa nghe mở hội khoa thi, thì Văn-Tiên từ tạ Kiều-công quyết lòng xuống kinh sư ứng thi.

Lời ly biệt, tiếng dặn dò trong lúc Văn-Tiên thượng lộ.

Màn thứ nhì.— Văn-Tiên thi đỗ Trạng-nguyên, vừa gặp lúc Phiên-quốc cử binh xâm lấn cõi bờ, nên Sở-vương sai lãnh ấn Nguyên-nhung mà dẹp trừ đảng giặc. Văn-Tiên liền xin vua tha tội trước cho Hớn-Minh, dặng theo mình lập công chuộc tội. Chỉ triệu Hớn-Minh về triều, phong làm Phó-tướng, chừng phát binh mã rồi, thì hai anh em đồng khởi binh dẹp loạn.

Màn thứ ba.— Lúc này Nguyệt-Nga lánh nạn ở nơi nhà Lão-bà, giữa chốn rừng xanh. Đêm kia nàng trong lòng bất xốn xan bức rức, ngủ khôngặng, nên chong đèn ngồi mà than thân trách phận. Nhắm lúc Văn-Tiên rước giặc lạc đường nên kêu cửa mà xin nghỉ nhờ. Lão-bà ra mở cửa, rước vào nhà, chừng thấy bức tượng, hỏi thăm ra mới hay là Nguyệt-Nga. Vợ chồng mừng nhau không xiết kể. Hớn-Minh vừa dẫn binh đi kiếm Văn-Tiên, tới đó anh em lại hiệp nhau. Vì việc nước, nên Văn-Tiên phải từ giả Nguyệt-Nga, hứa chừng về

trào sẽ xin tội cho nàng, và sai quan tới rước.

Bị rình trong lúc phân ly.

Màn thứ tư.— Vân-Tiên về trào, đứng bức tượng cho Sở-vương và kể sự tích thú hèm của Thái-sư mà xin tội cho Nguyệt-Nga. Sở-vương hỏi lại minh-bạch thì nổi giận lột tước quờn của Thái-sư đuổi về dân dã; xuống chiếu tha tội Nguyệt-Nga và sai quan rước về phong làm quận-chúa. Còn Vân-Tiên thì dâng phép về bái tổ vinh qui cho rõ ràng quê-hương.

Màn thứ năm.— Trịnh-Hâm là đứa xô Vân-Tiên xuống sông buổi trước, nên Sở-vương giao về cho Vân-Tiên phân xử. Vì nghĩ nó là đứa tiểu-nhơn, có giết cũng nhọc công nên Vân-Tiên rộng lòng tha cho nó trở về cố-lý. Lúc đó thì anh em đồng một trào với Vân-Tiên đến tâu tới chúc mừng và đưa Vân-Tiên về vinh qui bái Tổ.

Màn thứ sáu.— Vân-Tiên về tới Đại-Đề, liền động lòng nhớ Tiểu-dồng là tên nghĩa-bộc khi trước bị cọp ăn nơi đó, nên dừng binh hạ trại dặng dọn bày cuộc tế tiểu-dồng. Chẳng dè tiểu-dồng thoát nạn, ở đó đã trôi ba năm mà giữ mồ hoang vì tưởng là mồ của Vân-Tiên khi trước bị đau giữa đường mà thác, nên lần hồi ngày tháng, đi xin mà cúng quải cho cậu. Trong lúc tế tiểu-dồng thì thầy tớ gặp nhau nổi mừng không xiết kể. Đề-huê nhau về bái tổ vinh qui, tới nửa đường gặp mẹ con Huỳnh-Trang, vì nghe rề là Vân-Tiên thì dậu nên tìm tới xin thứ lỗi mà đoái vì tình trước. Vân-Tiên nghĩ «nước đổ rồi khó hốt lại», nên nhắc các điều bạc bẽo trước cho hai mẹ con nghe. Huỳnh-Trang nghĩ hổ thẹn trăm bề dẫn con trở lộn về chưa tới nhà thì bị cọp tha hết cả hai.

Màn thứ bảy.— Chúa tòi, cha con, chồng vợ, đều dâng hiệp một trào. Luận đến công trận thì các quan đều dâng ban thưởng.

CHUNG

XIX.— Trích chương trình tuồng « *Tối độc phụ nơn tâm* » do sinh-viên trường Trung-học Huỳnh-Công-Phát diễn trong ba đêm 20-1-13, 24-1-23 và 27-1-23 (số 208 trong tập Hồi-ký II);

Diễn-viên :

Phan-Hữu-Chí	Đặng-Tấn-Sửu
Lý-Ngọc-Thơ	Lê-Văn-Thiện
Lý-công	P. Nguyễn-Hiệp-Nghị
Lý-nương	Hồ-Văn-Chữ
Đoàn-Thế-Trung	Lê-Văn-Mừng
Cậu Hai-Vận	E. Nhường
Thằng Quýt (hề-dồng của Phan-Hữu-Chí) . . .	Lê-Hữu-Diễn
Tửu-Bảo	P. Nguyễn-Hiệp-Nghị
Tiểu-công	Nguyễn-Văn-Khuê
Thằng Bưởi (hề-dồng của Cậu Hai Vận)	Nguyễn-Văn-Khuê

Màn thứ nhất.— Phan - Hữu - Chí mới thi đỗ, song nhà chẳng dư dả, nên khó bề được bổ đi làm quan. Có Lý-nương là người giàu lớn, đến nói chuyện muốn gả con là Lý-Ngọc-Thơ và hứa bao gồm các chuyện. Hữu-Chí thật tình, nên tin lời ưng chịu, mới thưa lại với cha mẹ mà lo định việc hôn nơn.

Màn thứ hai.— Gả con rồi vợ chồng Lý-nương không nói đến chuyện lo cho rể làm quan. Hữu-Chí viết thư nhắc nhiều phen cũng không thấy trả lời, túng thế phải đi làm việc đẽ mà chờ vận. Thấy cực khổ mà không bao nhiêu tiền, Hữu-Chí buồn lòng mới tính đi xuống kinh-thành, học thêm đặng lấy chức cao, phòng đề bề làm quan.

Màn thứ ba.— Tuy phiền cha mẹ vợ, chờ Hữu-Chí cũng đề huề với vợ trở về mà tỏ công chuyện cho nhạc-đường

nghe và đòi lời bái biệt. Thấy chuyện khó can được, vợ chồng Lý-nương bất-dắc-dĩ phải linh xuôi theo, mới đưa cho Hữ-Chi chút phi-lộ gọi là, họa may ngày sau rề có nên danh thì ơn ấy không mất.

Màn thứ tư.— Đường học xa, rủi việc nhà sanh biến, cha mãi phần thế nhà bối rồi Hữ-Chi phải bỏ học trở về, xuống lay lục năn nỉ với cha mẹ vợ xin ra ơn giúp giúp. Thấy người chắt lòng, không khứng giúp đỡ, Hữ-Chi mới trở ra kinh-thành quyết răn học, đăng thi cho đậu khoa cao hầu dễ bề lo việc nhà.

Màn thứ năm.— Bèn vợ thấy rề bị suy vi, nên không ngó trông đến, chẳng giúp tiền bạc ăn học, cũng không thơ từ thăm viếng Hữ-Chi. Rủi thay thời vận còn diên đảo nên khiến Hữ-Chi thi rớt. Đến chừng về hồ mình chẳng đến thăm cha mẹ. Ngọc-Thơ giả chước mời qua lại dùng điều sỉ nhục. Hữ-Chi giận bỏ đi, Ngọc-Thơ kéo lại, buộc làm tờ đề đăng lấy chồng khác.

Màn thứ sáu.— Hữ-Chi sắp đặt việc nhà yên rồi, nhớ lại chuyện của mình nên không ngớt buồn rầu, mới bỏ đi linh đình cho khuấy lảng. Vào quán gặp Đoàn-Thế-Trung là bằng hữu ngày xưa, mới tỏ hết sự nhà. Thế-Trung khuyên lơn hơn thiệt và giúp tiền bạc cho Hữ-Chi đi học nữa.

Màn thứ bảy.— Ngọc-Thơ có chồng khác tên là Cậu Hai Vạn. Cậu Hai nguyên là tay phủ hộ, song tánh luống chơi bời; chẳng những theo cờ bạc điểm dăng hoài, lại còn thường uống rượu say sưa về hán hủi vợ. Đêm kia thua hết tiền bạc bèn về lấy vòng vàng của Ngọc-Thơ đăng đi cầm bán. Ngọc-Thơ rầy rà lớn tiếng, Cậu Hai Vạn nổi giận mới đánh đập tung bừng và đuổi đi; mình không, Ngọc-Thơ chẳng dám về với cha mẹ bèn đánh liều xuống kinh-thành mà tìm chồng cũ.

Màn thứ tám.— Gặp thẳng Quyết giữa đang hỏi thăm thi hay chồng cũ mới thi đậu dương về bái tổ vinh qui. Ngọc-Thơ than thở với Hữu-Chi thuật hết chuyện mình lao khổ, Hữu-Chi thấy vậy cũng động lòng, song nghĩ « nước đồ rồi khó hốt lại » ; mới cho Ngọc-Thơ chút ít bạc tiền biểu lấy làm phí-lộ trở về cha mẹ nàng. Ngọc-Thơ thấy tình cảnh như vậy thì ăn năn song đã muộn, nghĩ tức tối then thừa nên liều mình.

XX.— Trích chương trình của gánh *Nghĩa-Hiệp Ban* năm 1926 (số 211 hồi-ký II)

Théâtre moderne NGHĨA-HIỆP-BAN, SÀI-GÒN

Directeur : NGUYỄN - VĂN - ĐẦU

Hát tại rạp.

Đêm 192

Khởi sự hát đúng tám giờ rưỡi

Chưng các vai kép đào trong tuồng

Hát tuồng « LỤC - MẪU - ĐƠN » (thứ nhứt)

Rédacteur : Nguyễn-Công-Mạnh

(Dựa theo bản dịch của Nguyễn-Trọng-Quyền)

Tôi không trích lục cốt truyện ra đây vì choán giấy.

V.H.S.

XXI.— Sao y bản chương trình gánh *Phước-Cương* năm 1926 (số 209 Hồi-ký II)

GÁNH HÁT KIM-THỜI PHƯỚC-CƯƠNG (SÀI-GÒN)

Đêm thứ ngày 1926

Đúng tám giờ rưỡi sẽ hát tại

CHƯƠNG - TRÌNH
THUYẾT - ĐƯỜNG

Dương-Nam-thành, Ngũ-Vân-Thiệu bị vây
Chốn chiến-trường, Giả-thị thọ độc-tiền

Màn thứ nhứt.— Khi Tùy Dương-Quảng giết cha đoạt ngôi mà tức vị, muốn cho khỏi dân-tinh dị-nghị nên kiếm người viết biểu-văn mà khuyến dụ dân. Lúc ấy tại trào có Ngũ-Kiến-Chương là quan trung-thần chánh trực thấy việc bất bình bèn viết chiếu mà nhục Tùy hôn-quân, vì giữ chữ tời ngay mà lão phải bỏ mạng, khi giết lão rồi Dương-Quảng chưa vừa lòng, nghe lời sàm tấu sai Hàng-Cầm-Hồ cùng Võ-Văn Thành-Đồ ra Nam-Dương-thành mà trừ Vân-Thiệu cho tuyệt dòng họ Ngũ.

Màn thứ nhì.— Ngũ-Vân-Thiệu vừa nghe tin chẳng lành, muốn xuất hành đem binh báo hận, kể quân báo binh trào đã đến, tuy sự hờn oán rất nhiều, song binh tướng thì ít, nên khó bề cự đương, vợ chồng phải cố thành bế thủ, cầm binh như Hàng-Cầm-Hồ, còn xuất trận như Thành-Đồ, làm sao Vân-Thiệu chịu cho nổi, chẳng bao lâu thành lũy đều bị phá tan nát.

Màn thứ ba.— Thương thay cho Giả-thị tuy quần vận yếm mang, song gặp cơn ngặt nên phải cầm thương lên ngựa, rủi cho nàng vì binh trào như kiến cỏ lại tên bắn như mưa bất làm cho nàng tài năng gì cũng khó chạy cho khỏi nên phải thọ độc tiền lạc mã nơi chiến tràng. Vân-Thiệu thì lo chống cự cùng binh giặc nên vợ lạc không hay. Chừng biết dặng mới hết lòng tìm kiếm, đau đớn cho chàng biết mấy, mong gặp vợ mà rán hết sức ra cho khỏi trùng vây, không dè gặp nàng thọ tiền thương khó bề đi đứng, buộc chàng phải chịu đau đớn lòng mà nhờ tên cho vợ. Thường có câu « họa vô đơn chí », nên nạn kia vừa khỏi, tai nạn lại liền, khiến cho nàng nữ nhụy khai huê sanh dặng một trai mà trao cho chàng rồi vì thắm thương mà phải bỏ mạng, ai thấy Vân-Thiệu lúc này mà chẳng

đau lòng. phần vợ mới bỏ mình nơi trần, lại con không mẹ khó liệu toan, kể trời tối nhờ hồn nàng đưa khỏi trùng vây.

Màn thứ tư.— Lúc này Châu-Xáng vào rừng đốn củi, thấy ân-nhân của mình là Vân-Thiệu bị giặc rước, muốn ra tay cứu cấp song không khi giờ, gặp chàng phải vào miếu tá thanh-long.

Màn thứ năm.— Thượng-Sư-Đồ thừa Vân-Thiệu bị lúc nguy hiểm, nên đem binh đuổi theo rất mạnh mẽ, không dè thành linh gặp Châu-Xáng bộ tướng đi kỳ lại cầm Thanh-Long, nên tưởng Châu-Xáng là Châu-Xương giáng thế mà cứu Ngũ-gia, nên lão truyền thâu binh.

Màn thứ sáu.—Vân-Thiệu thấy có người cứu cấp, song chẳng rõ là ai nên mới vào miếu mà tạ ơn, rồi đó nói nguồn cơn mới rõ là người lành, nên xin gởi con mà tạ nạn.

Tới đây vẫn.

Lớp tuồng này : kếp như Bầy Nhiều bỏ làm Vân-Thiệu thiệt phải vai tuồng, khi buồn coi thiệt buồn, lúc thảm coi thiệt thảm. Tuy vậy lúc ấy sự đờm của Vân-Thiệu, chàng chẳng mất. Còn vai tuồng Giả-thị thì Năm Phỉ lấy sự hỉ-nộ ai-oán đều đủ mà tỏ cái cảnh tình của nàng trong lúc đó thì ai thấy cũng phải đau lòng ứa mắt.

Kính mời chư quý vị khán quan đến xem, bôn ban rất đội ơn.

Giá chỗ ngồi :

Hạng nhất	1\$00
Hạng nhì	0, 60
Hạng ba	0, 30

Chú.— Tờ chương trình này in trên một mặt giấy khổ 21×38 tại nhà in Trung-Ương ấn-quán Sài-Gòn. Như đã biết, ông Nguyễn-Ngọc-Cương, song song với gánh cải - lương, mà đây ông gọi « gánh hát kim-thời », do cô Năm Phỉ làm đào chánh, thì ông có một gánh hát bội khác của thân-mẫu để

lại là gánh Cô Ba Ngoạn và do vợ lớn là Cô Năm Nhỏ làm đào nhứt, thủ các vai chánh. Ông Nguyễn-Ngọc-Cương là người đầu tiên biết áp dụng các điệu bộ tuồng tích của ngành « hát bóng nói », ông cũng biết phổ-biến qua cải-lương những gì ông thấu thập được trong tiểu-thuyết và tuồng hát Tây ông từng đọc hoặc đi xem diễn. Chính ông vừa rút các tuồng cup lạc gay cấn của hát bội cải-biến qua cải lương, diễn hình nhứt là tuồng « *Xử án Bàng Qui-Phi* », tiếc tôi không giữ được chương - trình. Ông Nguyễn - Ngọc - Cương cũng khéo phỏng theo tuồng Pháp mà diễn các tuồng xã-hội trước tiên như « *Từ đồ lương* », « *Tơ vương đến thác* », v.v... Ông cũng là người sáng trí biết và giỏi tài kinh doanh, nên thuở đó duy gánh ông biết đánh mạnh vào túi tiền khán giả bằng cách bày ra hạng « *thượng-hạng* » 1\$20, hơn hạng nhứt hai cắc bạc và gồm ba hàng ghế gần sân khấu nhứt. Vốn là tay cạu, biết ăn chơi, trong tay cầm hai đóa hoa biết nói « đệ nhứt danh-ca » mà chưa vừa lòng...

Kỳ-nữ tài-tuấn, cô Kim-Cương là ái-nữ của ông.

Ông Nguyễn-Ngọc-Cương mất lối cuối năm 1945, tôi tưởng không còn tiếc hối điều gì trên thế-gian này.

Cô Năm Phi, cũng đã mất từ lâu, vòm trời sân-khấu thiếu một ngôi sao sáng và hữu duyên đệ nhứt, và cũng đa tình đệ nhứt.

Một điểm son chót chừa lại cho anh bạn già Bảy Nhiều. Có ai triết lý hơn. Cần gì ghế ông kia nợ, nay anh lui về dưỡng nhàn, khi pha tách cà-phe phin, khi tán gẫu bàn góp chuyện cồ kim với các bạn trang lứa dưới mái đình Phú-Hòa đường Trần-Quang-Khải. Không nợ tuy không nhiều tiền, duy đầu anh bạc trắng, như lúc này ly loạn không ngọt, ai ai đều lo mất của mất mạng, duy anh... thiệt sướng như tiên.
V.H.S.

(Ngày 30-5-1968, tại Gia-dịnh còn nghe tiếng sùng).

XXII. — Một vật kỷ-niệm đáng đề dành : Thiệp mời đi nghe nhạc đêm 25-12-1942 của hội Trao-đổi Sinh-viên Đồng-Dương.

Hội Trao-đổi Sinh-viên Đồng-Dương xin trân-trọng mời ngài đến dự buổi nói truyện và hòa nhạc do các anh em sinh-viên trường Đại-Học Hanoi và các anh em học-sinh Bắc-kỳ tổ chức tại Nhà hát Tây ngày 25 tháng 12 (1942) hồi 5 giờ chiều.

Chương-trình cuộc nói truyện :

- 1) *Thanh-niên hoạt-động* : Huỳnh Văn Tiểng, một đại biểu của AGEI
- 2) *Trận Bạch-Đằng* : Nguyễn Ngọc Minh.

AGEI là tên gọi tắt Pháp-văn của hội Trao-đổi Sinh-viên Đồng-Dương.

XXIII. — ĐẠI HỘI CHỦ BAN

Tối thứ tư 13 Janvier 1943 tại rạp NGUYỄN-HẢO

M. NGUYỄN-NGỌC-CƯƠNG nhờ các chủ nhơn và nghệ-sĩ trứ danh giúp đề tổ-chức một đêm hát đặc biệt mà đã lâu liệt quí chưa có dịp dự kiến.

Tên các chủ-nhơn và nghệ-sĩ đóng tuồng trong đêm ấy:

Cô Năm Phi (chủ nhơn)
và Tám Mẹo, Năm Định gánh Nam-Phi
M. Bảy Nhiều gánh Nam-Phương
Cô Thanh-Tùng gánh Thanh-Tùng
M. Tám Danh gánh Danh Đàng
Cô Mười Truyền gánh Song-Phụng
Cô Bảy Nam và toàn ban gánh Phước-Cương.

21 giờ khai diễn

- 1.— Chung lớp chào thống-chế Pétain
- 2.— Gánh Phước-Cương và Song-Phụng diễn tuồng Tàu :
«Ngọc-nữ báo phu-cừu.»

Cô Bảy Nam, Mười Truyền, Miss Phước-Cương và M/M
Ba Thành, Chín Lọ, Năm Xuân, Tư Rò, Ba Lân đóng xuất
sắc thủ bốn.

- 3.— Tứ-đồ-tường

Là một tích tuồng rất có giá trị để răn đời lại được các
nghệ-sĩ đại tài kể sau đây đóng tuồng thì quý quan sẽ
được hài lòng :

Cô Năm Phi, Tư Tùng hiệp cùng Bảy Nhiều, Tám Danh,
Tám Mẹo, Năm Định, vãn vãn... hiến liệt qui một đêm hát
hay vô cùng.

Kính thỉnh

Có bán giấy tại rạp trọn ngày 13-1-43

Giá chỗ ngồi : 2p00, 1p50, 1p20, 0p70, 0p40

Chú.— Vì năm Nhứt chiếm đóng nên giấy khan, chương trình
in hai mặt cỡ 11×14

XXIV.— Một vật kỷ-niệm khác qui không thua từ XXII
trương 210 :

	Poste de Soctrang
N ^o 1897	Soctrang le Août 1944
Reçu de M. Vương-Hồng-Sễn	
demeurant à Soctrang-ville	
la somme de Trois piastres trente cents	
pour contravention :	Tapage nocturne
	Amende 11 fr
	Procès-verbal
Le Commissaire	
de Police	Citation
(signature et cachet)	
	Jugement
	Total 11 fr

Dịch :

Số 1897 Bót Sóc-trăng Nhận của ông Vương-Hồng-Sễn
ngụ tại châu-thành Sóc-trăng số tiền là Ba đồng ba cắc
nộp phạt : làm náo động lúc ban đêm.

Tiền phạt 11 quan
Vi bằng

Cảnh-sát trưởng
(ký tên và đóng dấu)

Giấy đòi ra pháp-đình

Án tòa

Tổng cộng . . . 11 quan

Nguyên đêm 9-8-1944, binh Nhứt ở đầy chợ Sóc-Trăng. Chúng tôi một nhóm anh em tương đắc hôm ấy tề tựu nhau lại đờn ca chơi cho đến khuya, cổ nhiên có rượu mạnh, có thịt, có gái, có cười, có lớn tiếng. Sáng ngày mỗi đứa chúng tôi bị đòi lại sổ san-đằm và bị phạt như trên, về tội làm mất trị an trong đêm. Ban đầu tôi cự nự cứng đầu không chịu nộp phạt, viện lẽ tụ-tập thì có mà làm mất trị an thì không. Ông Cò muốn cho êm thuận, xuống nước và nói thiết yếu : « Ông Sễn không tiền tôi lấy tiền tôi ra đóng phạt giùm cũng được, miễn ông cho phép tôi làm tờ biên-lai thâu nhận. » Tôi không muốn thọ ơn lão Cò, thành thử tôi xuất tiền nộp phạt và cắt biên lai làm kỷ niệm. Sau đó tôi rõ lại có người đi thưa chúng tôi là vì đêm ấy vì bọn tôi cười giỡn to tiếng quá, khiến cho họ ở bên kia vách không đánh «phé» được, nên sáng ngày đi thưa Cò, chúng tôi bị phạt cho biết oai.

M U C - L U C

Bài tựa của Anh THUẦN-PHONG đề ngày 9-12-1966	5
Bài tựa tiếp theo của tôi đề ngày 6-5-1968	7
CHƯƠNG THỨ NHỨT.—	
Độ chừng năm sanh và nguồn gốc cải-lương	11
Mình nói mình nghe.— Lần thần chút chơi	13
Ở đời có bốn cái ngu	15
Tôi biết gì về gốc tích cải-lương	17
Bài thơ khen phong cảnh Mỹ-tho của Học Lạc	19
Tư Triều, Bảy Triều	20
Bài Hành-Vân «Từ Hải» «Mặt yêng hùng»	22
Nay thử hỏi người đứng đầu công buổi tiên khởi là ai	22
Tổng-Hữu-Định	22
Kinh lịch Huồn hay Quồn	23
Phạm-Đăng-Đảng	23
Bài Từ-đại khen Tổng-Hữu-Định sùng tu Văn-thánh-miếu . .	24
Hồ-Văn-Trung	26
Đặng-Thúc-Liêng	27
Thơ «Quá Sài-Gòn hỷ viện cảm tác» (Đặng-Thúc-Liêng) . .	27
Nguyễn-Thành-Phương	28
Thơ «Tùng-khuyến-quyền kịch xã» (Nguyễn-Thành-Phương)...	28
Thơ vịnh hát bội (Nguyễn-Thành-Phương)	28

Thầy Hoài	29
Sổ Nam-Phong số 19 tháng giêng 1919, đăng ảnh Phạm Quỳnh, ảnh Nguyễn-Văn-Cur và gánh hát nhà báo Nam-kỳ . . .	29
Hát bội hay hát bộ ?	29
Lịch-sử cải-lương (bài của Trần-Văn-Khải)	31
Bài Từ-đại-oán «Bùi-Kiểm thi rớt»	33
Ông Hai Khi, Bạc-Liêu	37
Trở lại Trần-Văn-Triều	38
Trần-Ngọc-Viện	38
Nguyễn-Tri-Khương	38
Năm Chung, Tư Bồn, Sáu Sễn, Năm Nhỏ, Ba Quyên . . .	39
Phan-Hiền-Đạo, Tồn-Thọ-Tường	39
Bài thơ khen Phan-Hiền-Đạo và Tồn-Thọ-Tường	40
Lộc, Lễ, San, Nghia	41
André Lê-Văn-Thận	42
Mạnh-Tự Trương-Duy-Toản	42
Đỗ-Văn-Y, Cường-Đề	43
Thầy Năm Tú (Châu-Văn-Tú)	44
Hào, Tông, Thông, Cang, Cúc, Thoàn, Mão, Tấn	45
Lần dầu gặp tiên-nữ	45
Bài Binh-bán-văn « Bùi-Kiểm thi rớt »	46
Ba giai đoạn đánh dấu buổi phối thai cải-lương	47
Câu liên tặng gánh hát thầy Thận	48
Ba Nhàn, Hai Nhỏ, Ba Thợ, Bảy Cừ, Tư Út	49
Thầy tuồng gánh hát thầy thuốc Minh (Trần-tấn-Chức Quyên, Quốc)	50
Cô Kiều, Bảy Cảnh	50
Toàn-nữ-ban Trần-Ngọc-Viện	51
Gánh ông Hai Cu	51
Bài của Sỹ-Tiến về Hai-Giỏi, Năm Phỉ	51

Trần-Ích	54
Gánh Tân-Thịnh	54
Tư Long, Năm Phôi, Hai Thiên	54
Cô Hai Đàng	55
Văn-Hi-ban, Võ-hi-ban	55
Gánh Phước-Cương	55
Bảy Nhiều, Năm Phỉ, Ba Lự	55
Tập bản đồn tranh Phụng-Hoàng-San	57
Bảng kê khai các bài ca trong tập Phụng-Hoàng-San	58
Bài Tứ-dại « Lục-Vân-Tiên » của Thanh-Phong	60
Tập bài ca « Lục tài-tử » 12-6-1915 (kê khai các bài ca)	61
Tập bài ca «Thập tài-tử» 15-6-1915 (kê khai các bài ca)	63
Tập bài ca «Tứ tài-tử » 16-6-1915	65
Tập bài ca của Nguyễn-Tùng-Bá đặt 29-8-1915	67
Trở lại bản phiếm	69
Nguyễn Tùng-Bá	69
Nguyễn Liên-Phong	69
Nguyễn-Văn-Vinh	70
Tập bài ca Mạnh-Tự Trương-Duy-Toàn	70
Tập bài ca Nguyễn Trung-Hậu	70
CHƯƠNG THỨ HAI.—	
Biết bao nhiêu, nói bấy nhiêu (Hồi-ký)	75
Ngày 11-11-1922	77
Ngày 31-3-23 và 1-4-23	77
Tư Lung, Chín Tưng, Năm Hy, Tư Mầu, Tư Nhơn, Huyện Đước, Sáu Nhiều, Sáu Ngộ	78
Bảy Nhiều thuật chuyện đi nghe nhà tài-tử Ba Lễ ca	78
Anh Bảy Nhiều, ông bầu Cương	87
Tuồng Lục - Vân - Tiên diễn trong hai đêm 3 - 11 - 23 và 4-11-23	90
Lối ca ra bộ đưa lên sân-khấu	92

Một năm quan trọng đánh dấu tiền-đồ cải-lương	
1921-1922	93
Tỷ tê tâm-sự	95
Bài bát cú « Tự thán » của cô Trần-Quế-Anh	95
— — — « Nhứt điểm tàn dăng »	96
— — — « Một bóng đèn khuya »	96
Bài bát cú « Hẹn gió thề trăng »	97
— — — « Nhứt dạ tri tình »	97
— — — « Đen bạc xưa nay »	97
Bài tứ lục « Nguyệt khuyết »	98
— — — « Nguyệt ầng »	98
Qua được trường trước còn trường sau (gặp cô Năm Phỉ)... 99	
Cô Năm Phỉ qua mắt bác-sĩ Anh-Tuấn (Ngòn-Luận 18-9-1962)	101
Cô Năm Phỉ, bài của K. Q. S. viết (Tiếng Dội 28-10-1948)	103
Văn-hi-ban	107
Cô Hai Xiêm, Năm Thiên, Hai Nữ, Sông Chung, Cô Bảy Ph. H.	108
Mộc-Quế-Anh dâng cây	108
Năm 1924	109
Gặp cô Ba Trà	110
Bài thơ khen cô Ba Trà	110
Làm thơ-ký cho B. T.	111
1926—. Gánh Phước-Cương	111
Năm 1943	112
Đêm 13-1-1943	112
Năm 1926.— Nghĩa-Hiệp-ban.— Nam-Hưng-ban	113
Năm 1927.— Năm Châu, Cô Bảy, Phước Georges	114
1928-1929.— Núp cánh gà xem đit mọc râu	115
1932-1933.— Câu Năm Thiêng-Đức	116
Gánh Hồng-Nhứt	117

Gánh Huỳnh-Kỳ. — Cô Bảy P.H. Cậu Tư Phước G.	117
Câu chuyện đốt tờ giấy oanh kiếm tờ giấy con công (Bạch-Hắc công-tử)	119
Câu chuyện bán Cai Nền ở Sóc-Trăng	120
Năm 1938, Gánh Phước-Cương ra Bắc	121
Các đĩa hát thâu năm 1938	121
Năm 1940. — Tuồng Tơ-vương đến thác	121
Trích một lớp Tứ-dại-oán « Đời khéo vô duyên »	125
Trong đời mấy mặt chơi (xang-xir-liu)	126
Con người phải mua vui (xang-xir-liu)	126
Bữa hòa tấu của hội trao-đổi sinh viên (năm 1942).	127
Tôi lui về quê nhà chợ Sóc-trăng (năm 1943-1946)	127
Tư Chơi khóc Tư Út (tứ tuyệt)	128
Tư Thanh-Tùng, Cô Kim-Thoa, Cô Sáu Ngọc-Sương Cô Trường Vi	128
Cô Tư Hélène	128
Năm 1947	129
Cùng tổ năm 1948	129
Phép truyền nghề khi hấp hối	130
Hội Nghệ-sĩ ái-hữu tương-tế	131
Năm 1949	131
Lễ giỗ tổ 6-10-1949	131
Trăm Trịnh-Ẩn (23-10-49)	132
Kỷ yên đình Tân-An (22-4-52)	133
Giỗ Lê Thượng-công, hát tuồng San-Hậu	133
Phụng-Nghi-dinh và San-Hậu (12-9-51)	133
Giỗ thần Võ-Di-Nguy ở đình Phú-Trung (10-2-1952)	133
Hội Khuyến lệ cổ ca ăn lạc thành (8-12-1952)	133
Gánh hoa Sen và gánh Năm Châu Việt-kịch.	134
Tuồng Na-Tra lóc thịt (4-1-1953)	135
— Trương-Phi thủ cổ-thành (9-1-1954)	135

— Trưng-Nữ-Vương (Thân-Văn soạn) 15-5-1954)	135
— San-Hậu lớp ba (7-1-1956)	136
Quán Gà Quay hát Phụng-Nghi-Đình (10-11-56)	136
Tuồng Ngũ biến báo phu cừu (Hội Khuyến lệ cổ ca tổ chức) 20-1-57	136
Cô Năm Sa-Đéc thủ vai người cùi đi hành khất	137
Cô Ba Út vai lão-trượng	137
Cô Cao-Long-Nga vai Huê-hòa-thượng	137
Cô Năm Đồ vai Sơn-dông mãi võ	137
Kép Hành thiện nghệ vai Trương-Phi	137
Ban ca vũ Huế diễn tại rạp Thống-Nhứt (12-4-58).	137
Ông Nguyễn-Văn-Cứng xây châu tại rạp hát lăng Tả-Quân (2-9-59).	138
Tuồng Tống-tửu Đơn-Hùng-Tín (hội Khuyến lệ cổ ca) (10-1-1960).	138
— Đãi yến Đoàn-Hồng-Ngọc (17-1-1960)	138
Ông Trần-Văn-Khê hỏi tài liệu về niều-nồi (30-10-1960).	138
Tuồng Hoàng Phi-Hồ qui Châu (8-10-61)	138
Nhóm đại-hội nơi hội khuyến lệ cổ ca (28-1-62)	139
Tuồng Nguyễn-Huê đại chiến Gò Đống Đa (Tân-Sửu) (1-1962)	139
Tôi viếng mộ huê-khởi Pháp «la Dame aux camélias» (5-5-1963).	139
Gặp nhóm kịch-sĩ Pháp de la Comédie Française (6-1963)	140
Một bữa đi xem hát ở Paris (6-1963)	142
Đại-hội thi-ca-vũ-nhạc-kịch rạp Hưng-Đạo (18-7-1964)	143
Gánh Thanh-Minh Thanh-Nga ăn mừng được 15 tuổi (29-5-65)	143
Xã Bình-Hòa (Gia-Định) cúng giỗ đình-thần :	143
Hát tuồng Địch-Thanh ly thợn (5-10-1965)	
— — Mạnh-Lệ-Quân thoát hài (6-10-1965)	
Tuồng Đoàn-Hồng-Ngọc đá cổ-nhạc (7-10-65)	144
— Tiêu-Anh-Phụng loạn trào (8-10-65)	144

Hội châu hát Phụng-Nghi-dinh (9-10-65)	144
Xuống Mỹ-Tho xem hát Phụng-Nghi-dinh (14-12-65) . . .	144
Năm 1966, Năm Châu cho ra đời gánh Ánh-Chiều-Dương .	145
Lầm cầm thêm mấy hàng	145
Hội nghệ-sĩ được thành lập	146
Thương ai tiếc ai ?	146
Các vai hề không quen nhưng nhìn nhận có duyên :	
Ba Vân, Sáu Được, Tư Rộm, Vân-Trình, Hề Ty,	
Lê Tám, Phúc-Lai, Tư Vững, Hề Giác, Hề Minh,	
Hai Vinh, Hề Được, Hề Lũ, Hề Lu, Tấn-Lộc	147
Các kếp đẹp trai đang thời xuân-sắc	149
Út Trà-Ôn	149
Bảy Cao, Bảy Xẻ, Thành-Được, Minh Chí, Hoàng-Giang . .	150
Hữu-Phước, Việt-Hùng, Thanh-Nga, Thanh-Thanh-Hoa . .	151
Ngọc Nuôi, Kim-Hoàng, Út Bạch Lan	152
Năm Phỉ, Thanh Loan, Cô Bảy P. H.	153
Khóc các bạn đã không còn : Từ Anh	153
Huỳnh-Thủ-Trung tự Tư Chơi	155
Cô Kim-Hui, cô K.T.	156
Tuồng «Tôi xin chữa», «Hai mặt còn trơ», «Tiếng nhận	
kêu sương » «Em muốn tự do», «Nợ dâu» Mã-Lê công-	
chúa, Buồn tàn thu, Đêm đông, hồn Vọng-Phu	157
Tư Út Phạm-Thế Đầu	158
Tư Út qua gánh Tân-Hưng gặp Tư Thạch, qua Tái-	
đồng-ban gặp Năm Châu, Tám Mẹo	159
Tư Út làm chủ gánh Vạn Phước, kếp làm reo cạo	
trọc đầu	160
Tuồng Một đêm trăng trong ngự uyển	161
Tuồng «Mộng Hoa-vương» của Trần-Hữu-Trang sau	
đổi làm Một đêm trăng trong ngự-uyển	161
Vai Nguyên-dế và điệu múa trên cột Mạnh-Lệ-Quân	
dưới cội liễu	161

14-5-1961 mai táng hài cốt Tư Út trong Nghĩa-địa	
Hội Nghệ-sỹ	162
Còn sơ sót nhiều	162
Paul Tấn	163
Tấn-Thành, Năm Bé	163
Cô Sáu Ngọc-Sương	164
Nhắc hình ảnh cũ : Cô Năm Phỉ, Cô Bảy Phùng-Há . . .	165
Hồi-ký II (các bài ca cũ từ 1909 đến sau này)	167
Hồi-ký III (tôi biết gì về hát bội)	167
Tổng luận .— Thử đánh dấu lịch trình tiến triển của cải lương	167
Đại cương trong mấy hàng	176
Phần phụ-lục	179
I.— Bài Từ-đại «Phụng-Nghi-dinh» (trích tập Thập tài-tử)	181
II.— — — «Ngộ trăm Trịnh-Ẩn» (tập Bát tài-tử Ng. Tùng-Bá)	183
III.— — — «Ngộ trăm Trịnh-Ẩn» (tiếp theo như trên)	186
VI.— — — «Vợ Ngũ-Thiệu bị tên» (Bát tài-tử Ng. Tùng Bá)	188
V.— — — «Vân-Tiên» (tập Từ-tài-tử) 16-6-1915, Thanh-Phong	191
VI.— — — «Văn minh» của Hoàng-Huấn-Trai (thập tài-tử 5-6-15)	193
VII.— — — «Tây-Nam du» (bài ca pha nhiều tiếng Tây)	196
VIII — Bài ca đi Tây (Thập tài-tử) 15-6-1915	198
IX.— Bài ca «khổ sai Côn-Nôn» (Bát tài-tử)	201
X — Bài bình bán văn «Cổ động tranh thương» của Nguyễn-Tri-Khương	204
XI.— Hành-Vân «Kiều khóc Tử-Hải» của Quốc-Biểu (1923)	205
XII.— Hành-Vân «Kiều ăn cắp chuông » (theo tập bài ca Mỹ-tho)	206
XIII.— Tiếng nhạc trong tù	207

XIV.— Chương trình gánh Thầy Năm Tú hát 2 ngày 11 và 12-11-1922	209
XV.— Trích sao chương trình gánh Thầy Năm Tú diễn 25 và 26-11-22	216
XVI.— Sao y nguyên văn chương trình gánh Thầy Năm tú : «Trang-Châu mộng hồ-diệp»	217
Cảm tưởng của tôi khi xem diễn tuồng	
Trang-Châu mộng hồ điệp	221
Bản Cổ-bồn-ca bằng Hán-tự và bốn bản dịch nôm	223
XVII.— Trích tờ chương trình còn giữ được của gánh Thầy Năm Tú diễn đêm 16-12-1925 «Kiều du thanh-minh», «Kiều mại thân»	226
XVIII.— Trích chương trình đêm hát tuồng Lục-Vân-Tiên tại Nhà Hát Tây Sài-Gòn đêm 3 và 4-11-1923	227
XIX.— Trích chương trình ba đêm hát tuồng «Tối độc phụ nhơn tâm» do sanh-viên trường trung-học Huỳnh-Công-Phát diễn : 20-1-1923, 24-1-1923, 27-1-1923	230
XX.— Trích chương trình của gánh Nghĩa-Hiệp-ban năm 1926.	232
XXI.— Sao y chương trình gánh Phước-Cương năm 1926	233
XXII.— Một vật kỷ-niệm đáng đề dành : tấm thiệp mời của hội Trao-đổi Sinh-viên Đông-Dương 25-12-1942	236
XXIII.— Đại-hội chư ban diễn đêm 13-1-1943	
rap Nguyễn-Hảo	237
XXIV.— Một tài liệu khác quý không thua tài-liệu số XXII	238

ĐÍNH-CHÍNH

<i>Thay vì</i>	<i>Xin đọc là</i>	<i>Số trang</i>	<i>Dòng</i>
gắn	gắm	Tựa Th.Ph.	21
thề	thuở	19	22
: # đờn giỏi rồi.. tuổi đã #	: có là Trần - Ngọc - Viện (tr.109) bà nầy thiện nghệ đàn tranh ; 10 tuổi đã đờn giỏi rồi, và cha mình là	20	8 và 9
hay	nay	24	32
trước nhà	trước nước nhà	25	1
cảm xúc cũ	cảm xúc việc cũ	27	15
lại lặp	lặp lại	28	1
trầu lộn	trầu lộn	28	17
thuộc	chuộc	33	1
Sẽn và	Sẽn làm mụ và	37	15
làm tang	làm tàng	38	2
xử dụng	sử dụng	38	26
tốt	tốt	40	10
và ông.	và ông Mạnh-Tự Trương- Duy-Toản	42	22
địa-diễn-chủ	đại điển-chủ	43	1

1020	1920	44	dòng chót
bờn	hờn	46	21
Năm Nho	Năm Nhỏ	47	25
hầy	Thầy	48	10
thờ	thời	49	3
đó.	đó.)	49	11
lầu	lầu	53	28
nghĩ	ngĩ	54	4
thân nào	thân cây nào	56	9
Hớn-Liêu	Liêu-Hớn	58	9
trừ bài	trừ vài bài	60	3
(tr. 16)	(tr.26)	60	3
phép	chép	60	16
Tong	Tổng	61	7
Rao	Rao	67	12
núi	niu	67	18
Trì	Trà	78	21
sòng	sống	80	27
sòng	sòng	81	15
ăn nhập	ăn rập	83	2
nghe	nghe	83	26
khan	khen	91	18
cũng đội	cũng đội	97	10
trương 122	trương 165	103	chót (phụ chú)
1624	1924	109	1
ràn rở	cần rở	109	14
sau cùng	sau còn	111	3
ưa bề,	ưa bề.	111	4
màu bộ tịch	màu mè bộ tịch	112	3

1927.— Năm 1926.	1927.— Năm 1927,	114	17
cây diệp	cây diệp	117	28
Thầy	Thầy	119	28
bắn c.t tao	bắn con c. tao	120	4
cá xốc	cá xốc	120	10
đĩa	đĩa	123	8
Cò ba đĩa	Có ba đĩa	123	26
giòng tổ	dòng tổ	125	27
Nó càng thêm	Nó thêm	125	28
bóng kèn	bống kéo	127	28
Huấn	Huân	129	17
Đồ	Đồ	133	14
Hình	Bình	133	18
năm	Năm	137	9
Tổng	Tổng-Ngọc-Long	144	9
Ngọc-Long Tiều- Anh-Phụng	Tiêu-Anh-Phụng	144	10
(Đất Hộ	(Đất Hộ),	154	17
khi ẻm	khiêm	163	27
18 tháng	28 tháng	167	16
đỉnh ngộ	đĩnh ngộ	167	27
lý lấy	lý đã lấy	173	20
Đồ	Đồ	181	7
phen	phe	—	8
Tường-an	Trường-an	—	14
ùa	ừa	187	20
tổ	tã	198	8
nêm	mềm	—	9
mène	mème	—	9
manh đẹm	manh đẹm	208	11
hươi	huoi	211	25

chẩn	chẳng	212	6
hên	nên	213	11
đông	động	214	3
đôi	đổi	214	25
choi	cho	219	23
Minh	Minh	225	25
XVI	XIV	227	11
184	210	—	12
Diễn	Điền	230	11
210	236	338	2



VƯƠNG-HỒNG-SẼN

Sinh năm 1902, thật tên là Vương-Hồng-Thạnh hay Thịnh. Ngày 4-11-1904 khi làm giấy khai sinh người giữ sổ lục-bộ ghi làm thành Sễn. Học ở trường Chasseloup sau làm công chức và hưu sớm để chuyên về văn-nghe, thích khảo cứu về hát bội và cải-lương; đã từng cộng tác với Đài Phát Thanh ký bút hiệu là Anh Vương. Văn Đường, Đại-Cử-Trai, và làm việc tại Viện Bảo Tàng Saigon từ 1947 đến 1964.

Sách đã xuất bản :

- Thú chơi sách (1960)
- Saigon năm xưa (1960)

Vương-Hồng-Sễn còn ưa khảo cứu về các trò chơi cổ truyền như đá dế, chơi gô, chơi cờ, chơi chim trống kiềng cùng về nghệ thuật chơi cổ ngoạn; nghiên cứu về chuyện tiểu đóm xưa và nay; rất sành về đồ-cổ.

Giấy phép số 1219 - BTT/NT/NKH/QN
Ngày 28-6-1968 của Bộ Thông-Tin

Giá : 300



HÌNH ẢNH

CÁC THỂ-HỆ NGHỆ-SĨ

CẢI-LU'ÔNG

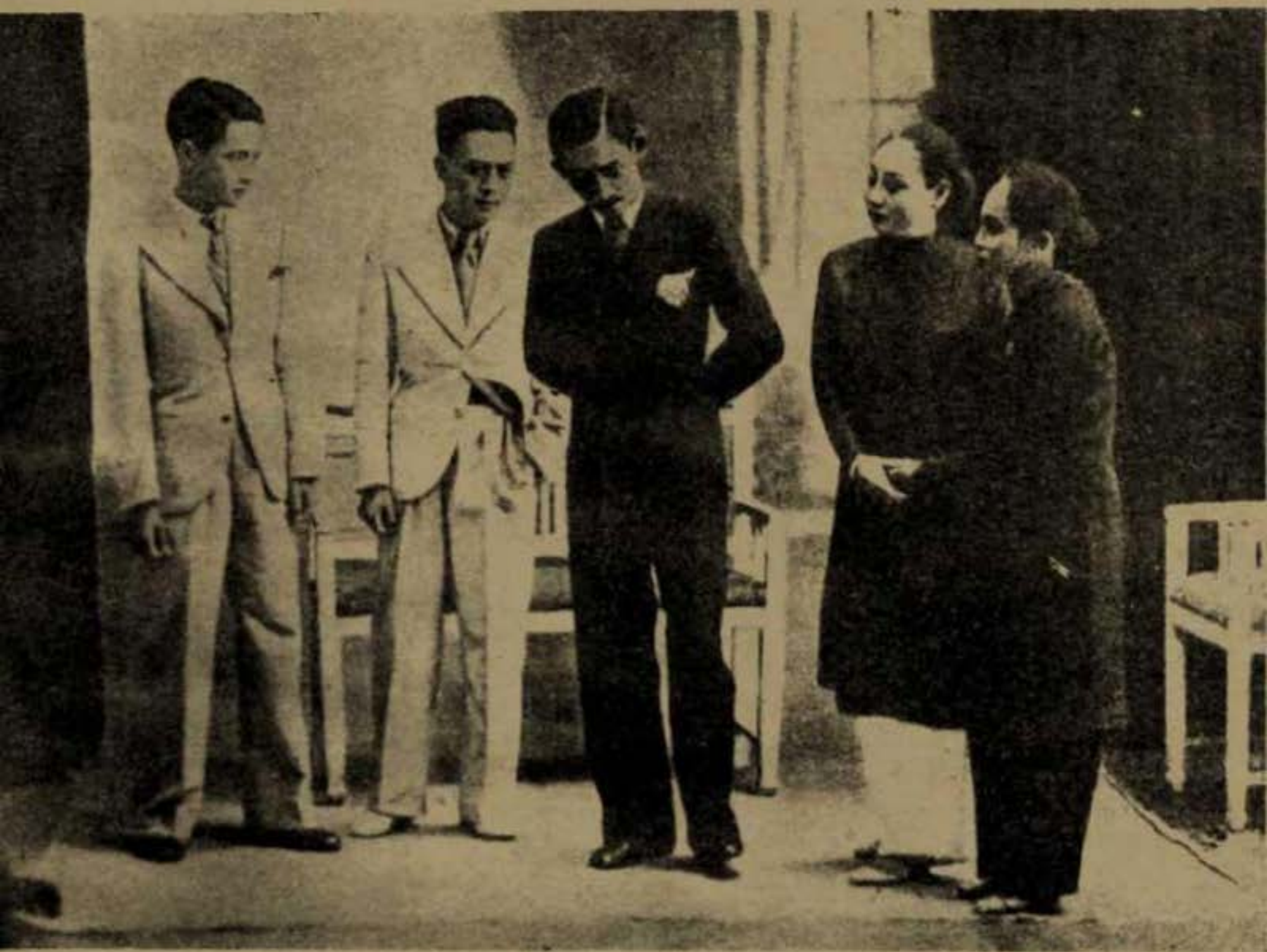


Cô Lê-thị-Phi tự Cô Năm Phi (†), vai Sĩ-Vân công-
chúa (lời năm 1931)

(†) = đã từ trần



Si-Vân công-chúa (Năm Phi †) và ông hoàng tình-tứ
Cô Bảy Phùng-Há (lỗi năm 1931)



Ảnh các tài-tử gánh Trần-Đất (Cần-Thơ) trên bìa tập tuồng « *Vén màn bí mật* », sau đổi thành « *Khúc oan vô lượng* » do Huỳnh-Thủ-Trung (†) tự Tư Chơi soạn (lời năm 1931)

Từ Anh (†) Năm Châu, Tư Út (†) Cô Phùng-Hà, Cô Ba Liên, vợ kép Từ Anh (†)



Ảnh bìa tập tuồng « Khúc oan vô lượng » của gánh TRẦN-ĐẤT (lời năm 1931), tác-giả vở tuồng là Huỳnh-Thủ-Trung tự Tư Chơi

Hàng 1 : Năm Châu, Cô Ba Liên (†) Năm Châu, Tư Út (†)

— 2 : Tư Chơi (†) Cô Phùng-Há, Cô Phùng-Há, Cô Phùng-Há,
Cô Ba Liên (†)

— 3 : Cô Ba Liên (vợ kép Từ Anh) (†) Tư Út (†) Cô Phùng-Há,
Cô Phùng-Há, Cô Ba Liên (†)

— 4 : Năm Châu, Cô Phùng-Há, Từ Anh (†) Năm Châu,
Tư Út (†) Cô Phùng-Há

— 5 : Tư Út (†) Tư Chơi (†)

HAI THỂ HỆ : HÁT BỘI VÀ CẢI LƯƠNG



1) Thẻ hệ Hát bội :
nghệ - sĩ quá cố
Huỳnh-thị-Tân tự
Cô Năm Nhỏ (mặt
năm 1938) (ảnh
năm 1931).

2) Thẻ hệ Cải - lương : nghệ - sĩ
Ngọc-Xứng, mới mặt gần đây.



HAI SAO SÁNG GÁNH PHỤNG-HẢO

(ẢNH CHỤP LỖI NĂM 1947) :



Cô Sáu Ngọc-Sương



Cô Tư Thanh-Tùng



Kép Từ Anh (†) đang được
Văn-Ngân giúp sắm tống

BỐN NỮ NGHỆ-SĨ HÁT BỘI:



Cô Cao-Long-Ngà (1950)



Cô Ba Ủt (1960)



Nguyễn-Kim-Chung tự Cô Năm
Sa-Đéc (ảnh năm 1931)



(ảnh năm 1961, từ trần năm 1968)

BỐN NAM NGHỆ-SĨ TIỀN-BỒI :



Nguyễn-Thành-Châu
tự Năm Châu (1938)



Huỳnh-Năng-Nhiều
tự Bảy Nhiều (1938)



Ba Vân (1940)



Duy-Lân (1955)

BỐN NỮ NGHỆ-SĨ TIỀN-BỒI :



Cô Phùng-Hà vai
Mộng-Hoa-Vương



Cô Kim-Thoa
và kép Ba Vân



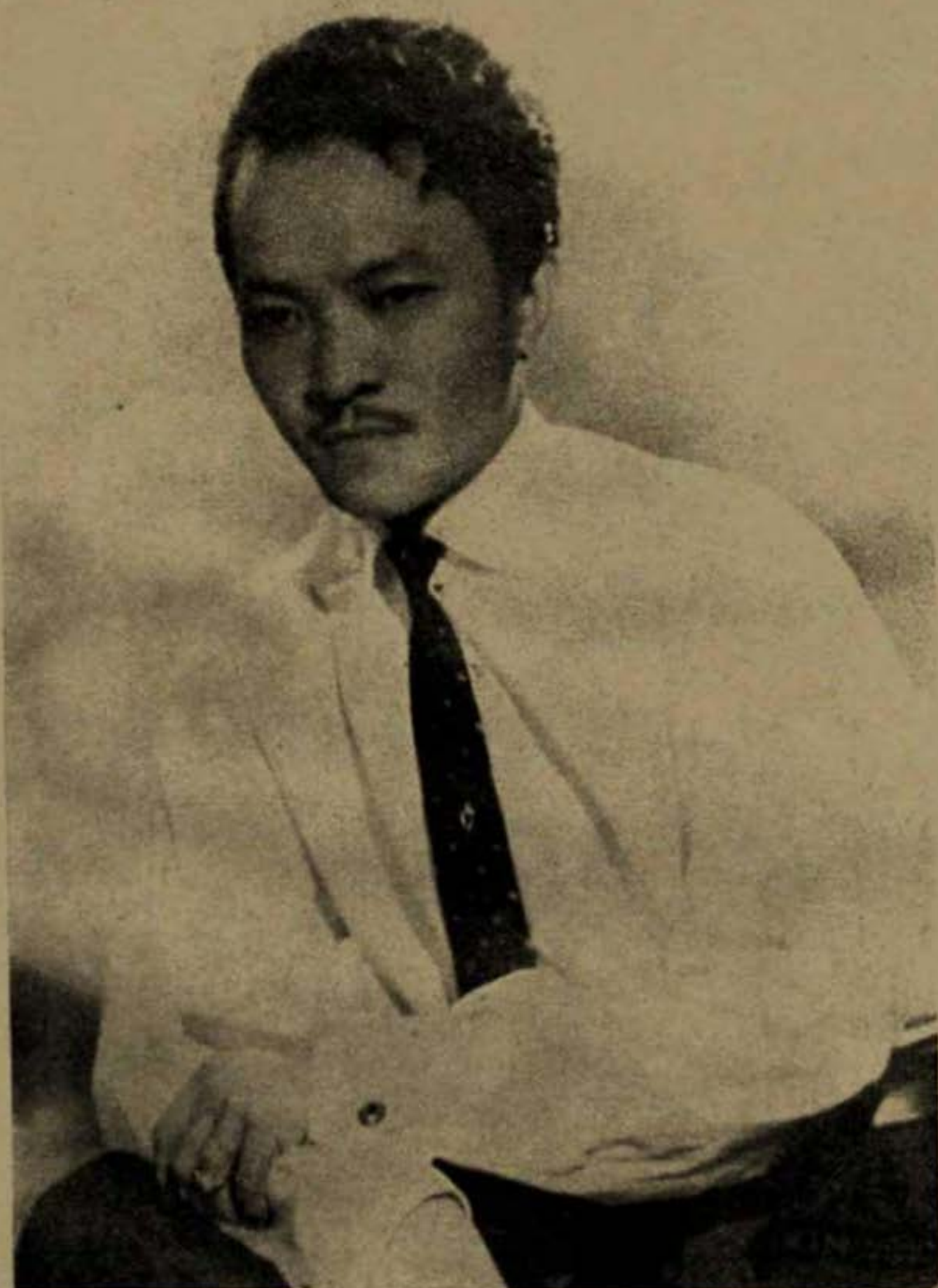
Cô Bảy Nam



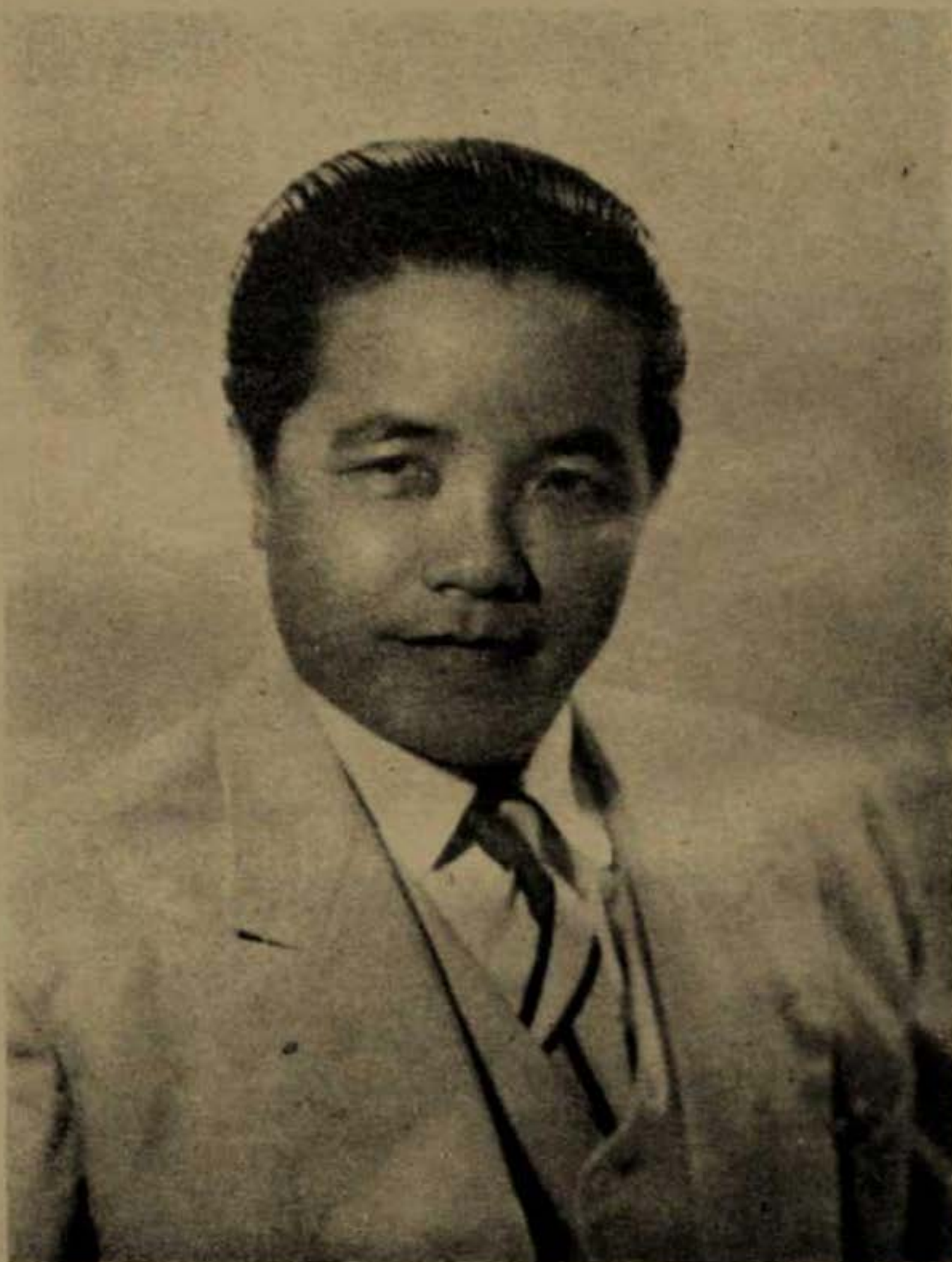
Cô Bảy Ngọc (Bảy Vinh-Long,
1960)



THÀNH ĐƯỢC
Huy chương vàng giải Thanh Tâm



HỮU PHƯỚC
Huy chương vàng giải Thanh-Tâm



ÚT TRÀ ÔN



HÙNG CƯỜNG



Cô NGỌC BÍCH



THANH NGA (1958)

Huy chương vàng giải Thanh Tâm lần đầu tiên năm 1958



KIM CƯƠNG (1967)
Ái nữ của cô Bảy Nam



Cô Kim Chung



Cô Bích-Hợp



Cô Thanh-Thanh-Hoa, Kép Thành-Được